

CỎ THƠM



TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 26 - SỐ 91 - THÁNG 3, 2021

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỔ THƠM

NĂM THỨ 26 - SỐ 91 - THÁNG 3, 2021

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

hanhbang@hotmail.com

CÓ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BẢ

<http://cothommagazine.com>

TÒA SOẠN

105 WINDY KNOLL DR

ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA

TEL. (804)-387-8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

TRƯỜNG ĐÌNH. NGÔ TĂNG GIAO.

VŨ HỒI. PHAN KHÂM. HUY LÂM.

NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG.

PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN VĂN THÀNH23.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU.

HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THỤY.

PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ VĂN TÂM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



TẠP CHÍ CỎ THƠM SỐ 91 – THÁNG 3, 2021

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

- 8- CON TRÂU QUA CA DAO TỤC NGŨ VIỆT
ANH PHÁP - PHẠM TRỌNG LỆ
- 83- THƠ NHẠC NGÀY XUÂN - NGÔ THỊ
QUỖY LINH
- 134- NỮ SĨ SƯƠNG NGUYỆT ANH - CUNG
THỊ LAN
- 146- ĐẠI THI HÀO HOMER VÀ SỬ THI
“ILIAD”- PHẠM VĂN TUẤN
- 179- TRÂU TRONG KHOA HỌC - NGUYỄN
QUỖY ĐẠI Germany

VĂN

- 4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
- 27- NHỚ CHỢ TẾT VÙNG HOA THỊNH ĐÓN -
NGỌC HẠNH
- 33- CON NGỰA CÁI - DIỄM CHÂU (CĐS)
- 43- LÁ TÀ TƠI ... LÁ RƠI - NGUYỄN LÂN
- 48- NHỮNG THÁNG NĂM LY LOẠN – TIỂU
THU Canada
- 52- HOÀI NIỆM MỘT MÙA XUÂN- Ỡ NGUYỄN
- 58- CÔ VỢ CÔNG GIÁO – PHẠM THÀNH
CHÂU
- 64- NHỮNG NGÀY Ở OKLAHOMA- NGUYỄN
PHÚ LONG
- 69- XUÂN MUỘN - TRẦN C. TRÍ
- 81- NGÀY BUỒN RỜI CŨNG QUA - HỒNG
THỦY
- 89- GẠO CHỢ, NƯỚC SÔNG – VŨU VĂN
TÂM Germany

- 95- THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH - NGUYỄN
THỊ NGỌC DUNG
- 105- NHỮNG MÙA XUÂN KỶ NIỆM- TT. THÁI
AN
- 113- NGÀY XUÂN NÂNG CHÉN - LS NGÔ
TẮNG GIAO
- 120- MỒ HÔI TƯƠI SA MẠC - TRÀM CÀ MAU
- 131- RẠNG ĐÔNG, BIỂN ĐÊM VÀ CHA CON -
QUỐC BẢO FAIFO
- 141- GIỮ TRÒN LỜI HỨA - NGUYỄN VĂN
SÂM
- 156- LỜI TẠ TÌNH ĐẦU NĂM - LÊ MỘNG
HOÀNG
- 159- JOYEUX VALENTIN! – PD TRƯƠNG
DUY CƯỜNG
- 166- HỒN BƯỞM MƠ DUYÊN – MÙI QUỖY
BỒNG
- 190- NHỚ VỀ TRẦN BÍCH SAN (1940-2021):
PHAN ANH DŨNG, TRƯƠNG ANH THỤY,
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

THƠ

- 5- MỪNG TUỔI 26 CỎ THƠM - PHAN KHÂM
- 6- HƯƠNG XUÂN LÃNG ĐĂNG / ĐỢI NẮNG
XUÂN – TUỆ NGA, NGUYỄN T. NGỌC DUNG
- 7- CUNG CHÚC TÂN XUÂN – HẠ THÁI TQP
- 7- TẾT XƯA, TẾT NAY – PHẠM THỊ NHUNG
- 25- THƠ XƯỞNG HỌA VỀ XUÂN – TRẦN
QUỐC BẢO, NGUYỄN PHÚ LONG, TÂM
MINH, TRỊNH CƠ, OANH NGUYỄN
- 32- TÌNH CAO ĐẸP / DẤU MƠ – HOA VĂN

41- XUÂN BẮC MỸ / ĐÊM XUÂN XỨ KHÁCH-
NGUYỄN VÔ CÙNG

42- CỘI ĐÀO XƯA / CHÚC XUÂN – LÝ HIỂU
THY

47- HOA XUÂN LẠC LOÀI - ĐẶNG NGUYỄN

57- THƠ XƯỞNG HỌA VỀ RƯỢU – PHAN
NGỌC, PHAN KHÂM, HẠ THÁI TQP, NGUYỄN
PHÚ LONG, NGUYỄN VÔ CÙNG, LÝ HIỂU

63- TUYẾT RƠI ... LẠNH CẢ MÂY TÀN - TUỆ
NGA

67- VỀ ĐỘNG ĐÀO HOA – PHẠM THỊ NHUNG
France

68- CHÚC THỌ CÔNG TRẦN LÃO MÃ SƠN-
TRẦN QUỐC BẢO Richmond VA

82- XUÂN NHỚ - ĐT MINH GIANG

93- SƯƠNG TRÊN BÃI THUẬN AN - QUANG
HÀ

94- LE PRINTEMPS – YUN DONG-JU Nam
Hàn / MÙA XUÂN – Chuyển ngữ: NGUYỄN
MÂY THU France

103- TỰ TẠI ĐÓN XUÂN - DƯƠNG HUỆ ANH/
SATISFIED TO WELCOME SPRING - Chuyển
ngữ: THANH THANH

112- PHIÊN CHỢ CUỐI NĂM / MÙA XUÂN
HOA ĐÀO - PHẠM QUANG TRUNG

119- SỢI BUỒN THẮNG GIỀNG - QUANG HÀ

130- THE ARROW AND THE SONG - HENRY
WADSWORTH LONGFELLOW / MŨI TÊN VÀ
CA KHÚC - Chuyển ngữ: TÂM MINH NGÔ
TÀNG GIAO

140- NẮNG VẮN LẠNH/ CHUYỂN MÙA-
GITHÉA HOÀNG HY

145- NẮNG / MỘNG LÀNH- Ý ANH

163- CHIỀU CÔNG VIÊN- THÁI HƯNG/PGH

164- AI VỀ GIÒNG RIỀNG - TRƯỜNG ĐÌNH
United Kingdom

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC: CHÀO XUÂN 2020 & BÌA SAU:
HOA THẠCH DƯỢC - LONGWOOD GARDEN
XUÂN 2013 - Tranh: TRƯƠNG VŨ

3- ĐÀN TRÂU TRONG LÀNG – Tranh: THANH
TRÍ Sacramento, California

5- MỪNG TUỔI 26 CỎ THƠM - Thư pháp:
QUANG HÀ - Thơ: PHAN KHÂM

26 – KHAI BÚT ĐẦU NĂM - Thư họa: VŨ HỐI
- Thơ: PHAN KHÂM

56- CHẶN TRÂU – Tranh: CÁT ĐƠN SA

80- RU HỒN –Thơ & Tranh: THANH TRÍ

178- U HOÀI - Tranh: MÙI QUÝ BỒNG

TƯỞNG NIỆM

190- NHỚ VỀ BIÊN KHẢO GIA TRẦN BÍCH
SAN (1940-2021): PHAN ANH DŨNG,
TRƯƠNG ANH THỤY, NGUYỄN THỊ NGỌC
DUNG



VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cổ Thơm,

Cổ Thơm rất vui mừng mở đầu năm Tân Sửu 2021 với tạp chí số 91, hân hoan bước vào **năm thứ 26**, hăng hái tiếp tục phục vụ văn học nghệ thuật. Với sự ủng hộ nhiệt tình của quý vị, chúng tôi sẽ cố gắng ấn hành tạp chí mỗi 3 tháng cho năm nay.

Năm 2020 đại dịch coronavirus kéo dài, bùng lên dữ dội sau khi có những Lễ lớn! Tính đến hôm nay, hơn nửa triệu người ở Hoa Kỳ và 2 triệu rưỡi người trên thế giới đã vĩnh viễn ra đi vì dịch này! Nhiều tác giả Cổ Thơm đã gởi bài viết trải bày tâm sự lo âu, buồn chán trong năm qua. Hiện giờ thuốc chủng ngừa vaccine từ 3 công ty lớn đã được chấp thuận cho phổ biến nên hy vọng đại dịch sẽ giảm nhanh, trả lại cuộc sống bình thường cho chúng ta, vào cuối năm 2021 chẳng?

Chúng tôi nhận thấy **các bài viết gọi cho số báo Xuân này vui tươi hơn, phản ánh niềm tin và niềm hy vọng cho tương lai.**

Nhà biên khảo Văn Học Sử Việt Nam TRẦN BÍCH SAN (1940-2021), cựu chủ bút và cố vấn danh dự của Cổ Thơm đã qua đời ở Louisiana đầu năm 2021. Đây là một mất mát lớn cho Cổ Thơm Foundation và văn học hải ngoại. Mời quý vị xem trang 190-203 trong số này và trang tưởng niệm về Ông với nhiều chi tiết hơn ở website Cổ Thơm:

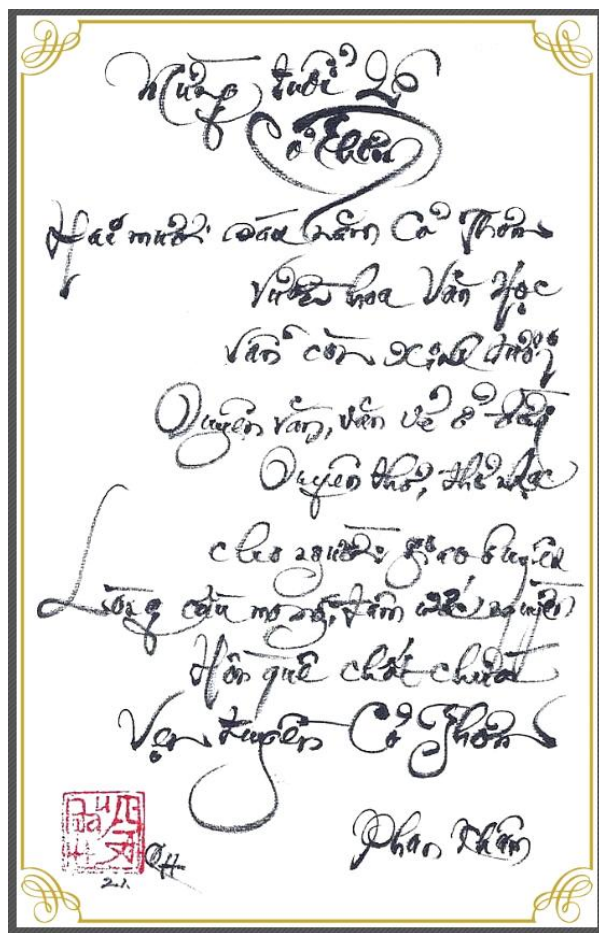
http://www.cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1446&Itemid=36

Nhạc sĩ LAM PHƯƠNG (California, USA 1934-2020), danh ca MAI HƯƠNG (California, USA 1941-2020), danh ca LÊ THU (California, USA 1943-2020)... cũng đã vĩnh viễn rời xa chúng ta. Cổ Thơm xin thành kính chia buồn cùng tang quyến. Mời xem các trang tưởng niệm ở website Cổ Thơm: <http://www.cothommagazine.com>



Thân chúc quý vị cùng gia quyến một năm Tân Sửu an khang và mùa Xuân 2021 vui tươi như ý.

PHAN ANH DŨNG (Rockville, Maryland USA -
1 tháng 3, 2021)



Thơ: **Phan Khâm** - Thư pháp: **Quang Hà**

Mừng Tuổi 26 Cỏ Thơm

Hai mươi sáu năm Cỏ Thơm
 Vườn hoa Văn Học vẫn còn xinh tươi
 Duyên văn, văn vẽ ở đời
 Duyên thơ, thơ nhạc cho người giao duyên
 Lòng cầu mong, tâm ước nguyện
 Hồn quê chất chứa vẹn tuyền Cỏ Thơm.

HƯƠNG XUÂN LÃNG ĐĂNG

Bạch Mai cười mỉm Nụ Tình Khôi
Thoảng Gió Trầm Hương... Ngát mây trời...
Mây Trắng lang thang... Chiều Lạc Phố
Thu Vàng ngơ ngẩn! Tiếng Trùng Khơi
Tìm Xuân lãng đẵng... Hương Hoài Niệm!
Hỏi Nắng ơ hờ! Vạt Nắng Trôi...
Vời vợi Hàn giang... Sầu Khứ Quốc!*

TUỆ NGÀ

Oregon, Miền Tây Bắc - Xuân Tân Sửu, 2021
* 46 Năm Ly Xứ



Họa

ĐỢI NẮNG XUÂN

Nơi em bạch tuyết nở hoa khô
Giăng nhẹ như bông bay khắp trời
Gió lạnh thương người xa vạn dặm
Song buồn nhớ bạn khuất ngàn khơi
Cánh thư man mác quê hương gửi
Dòng nhạc băng khuâng dĩ vãng trôi
Sương khói mùa đông chiều âm đạm
Vườn thơ chờ đợi nắng Xuân ơi!

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

02/02/2021



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Bài thơ mừng tuổi buổi khai niên
 Lời chúc cao hơn cả bạc tiền
 Chẳng phải Chu Thần vung bút thánh
 Hay là Kiều Nữ vẩy tay tiên
 Dẫn đo thi vận lời êm ả
 Nắn nét văn phong nét lạc liền
 Ý ngọc câu ngà chung luận giải
 Nâng niu trau chuốt những lời tiên.

Lời tiên chúc phúc những điều hiền
 Thanh thoát văn thơ giải muộn phiền
 Phát lộc sum suê cây ngọt trái
 Hoạch tài thoát mái tử nhiều tiền
 Giao du tao nhã người lương thiện
 Xa lánh phàm phu lũ loạn điên
 Gia đạo an vui càng thịnh vượng
 Con ngoan cháu thảo rễ dâu hiền.

Hạ Thái TQP

TẾT XƯA TẾT NAY

(Thương yêu tặng Anh Chị Em
 cùng các con cháu)

Chiều Ba Mươi Tết cúng Giao Thừa
 Ngát khói trầm hương nhớ Tết xưa...
 Cái thuở quê nhà thanh bình ấy
 Cuộc đời con trẻ đẹp như mơ!

Nhớ lắm... Ngoài sân bếp lửa hồng
 Máy chú lo canh nồi bánh chưng
 Bàn thờ tổ, đỉnh đồng bóng loáng
 Vàng hương, ngũ quả mẹ lo trưng.

Sáng mùng một, phòng khách hoa viên
 Cúc đào đua nở báo điềm hên.
 Mẹ pha trà, tèm trầu đãi khách...
 Bố làm thơ, đặc chí ngâm rên:
 "Ríu rít đầu nhà, chim chúc Tết
 Tung bừng trước cổng,
 cảnh mừng Xuân"

Bầy chị em xúng xính áo quần
 Sâm Quỳnh Nhung Quế Thục Thảo Quỳnh
 Chúc Tết... Bố mở hàng từng đĩa
 Phong bao đỏ - Ôi sướng quá chừng!

*

Những ngày vui ấy xa ... quá xa
 Đến nay thế hệ cháu con ta
 Nếp xưa vẫn giữ dù lưu xứ
 Tết Việt Nam... phong tục nước nhà.

Paris, Tết Bính Thân (2016)

Phạm Thị Nhung

Con Trâu Qua Ca Dao Tục Ngữ Việt Anh Pháp

Le buffle à travers les proverbes vietnamiens, anglais et français

** Sưu khảo của **GS. Phạm Trọng Lệ** **

Bài này khởi viết giữa tháng 10, 2020, khi còn ở trong năm con chuột, Canh Tý. Năm tới là năm con trâu. Mong một tết năm Tân Sửu nhằm vào ngày 12 tháng 2 dương lịch năm 2021. Bài này không bàn về năm con trâu hay đoán những điềm may rủi, vì đã có nhiều học giả đã viết về điểm này trong báo Xuân, và hơn nữa, vì không phải ngành chuyên môn của người viết.

Chủ đích của bài là ghi lại một số ca dao, tục ngữ Việt, Anh, Pháp ít nhiều liên hệ đến con trâu trong văn hóa “dĩ nông vi bản” mà Việt Nam là một trong những nước một thời được gọi là vựa lúa ở Đông Nam Á và hiện nay đứng hàng thứ năm trong các nước sản xuất nhiều lúa gạo ở Á châu.

(China, India, Indonesia, Bangladesh, Vietnam, Thailand, Burma, Philippines, Japan – Steph Wright, “Largest Rice-producing Countries,” World Atlas, July 23, 2020.)

Phần ghi chú tiếng Pháp và tiếng Anh để cho rõ nghĩa thêm và cho sinh viên đa ngữ muốn giải thích một tục ngữ Việt cho bạn sinh viên ngoại quốc. Để trong ngoặc vuông brackets là lời bàn vui của người viết về một tục ngữ để bài viết bớt khô khan, tuyệt nhiên không phải để tranh biện.

I. Trâu ta khác trâu Mỹ

Trâu ta gọi là Water Buffalo (**trâu nước**) khác với Bison (American

buffalo) đúng ra là **bò rừng** Bắc và Nam Mỹ.

Con Bison thường gọi nhầm tên là American buffalo hay American bison.

Con bison gắn liền với Văn hóa thổ dân da đỏ Native Americans xưa đã sống tại Bắc Mỹ và Canada trước khi người chuyên săn thú, hoặc những nhà thám hiểm, tới tìm đất lập nghiệp. Họ săn bắn bisons để lấy da ở miền Tây như Wyoming, Arizona, North và South Dakota trong thời lập quốc của Hoa Kỳ. Chủ đề Khai Phá Miền Tây “How the West Was Won” và **Vùng Biên Cương Khi Lập quốc** American frontiers đã được những phim Wild Wild West, Miền Tây Hoang Dã, tả trong phim ảnh và văn chương về các thổ dân người da đỏ và việc lập đất mới của người da trắng và các dân da màu khác. Đây là một đề tài hấp dẫn cho thanh thiếu niên Hoa Kỳ và ngoại quốc, nhưng cũng là những trang lịch sử di dân của người Mỹ thời lập quốc, và những trang sử buồn của người thổ dân da đỏ.

Xem thêm: American Frontier U.S. History (Britannica.com from the Editors of Encyclopaedia Britannica)

Trâu rừng Phi Châu (Cape buffalo), sống từng đàn, có tính đoàn kết, thường thì hiền hòa nhưng khi bị tấn công cũng biết chống trả kẻ địch. Còn biết bảo vệ trâu con (nghé). Có thể bị sư tử vồ nếu lạc đàn hay lẻ loi hay bị

thương, hay bị nhiều sư tử lừa cho chạy khỏi đàn rồi con thì nhảy lên ngoạm cổ, hay xông, con thì cắn chân khiến trâu ngã nghiêng xuống. Khi hung dữ, trâu biết bảo vệ bạn hay nghe trong đàn bằng cặp sừng nhọn và với sức mạnh có thể hất tung hay đâm thủng sườn sư tử hay hổ.

Trâu đã thuần có tình, biết nhớ đường về nhà, và chịu khó làm việc. Người nuôi trâu biết rõ trâu cũng có tình thân, như khi con nghe để ra, người chủ phải ôm nó vì nó cứ đòi theo trâu mẹ để đi chung với bầy. Từ ngoài đồng về nhà, trâu biết nhà chủ ở trong xóm, tự biết đường về nên có câu tục ngữ: **Lạc nhà nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu.**

-Trâu được thuần hóa (domesticated), để làm việc nhà nông, tuy chậm nhưng khỏe và chịu cực nhọc, giúp nhà nông cày bừa, kéo xe, chở đồ đạc hay nông sản khác.



-Trâu còn được coi như vật để tế thần. Đời nhà Lý, vào năm 1117, để bảo vệ và khuyến khích nghề nông, vua Lý Nhân Tông cấm giết trâu bò bừa bãi: ai mổ trâu bị phạt 80 trượng và người phạm tội phải làm người hầu trong quân đội.

-Trâu nước thuộc loại Trâu bò (Bovidae), loài Nhai lại (Ruminantia), nhóm Sừng rỗng (Cavicornes), thuộc bộ Guốc chẵn (Artiodactyla), Thú có vú (Mammalia), không có răng hàm trên, phần lớn sống ở Nam Á, Đông Nam Á, và miền bắc Úc. Trâu thuần dương, tức trâu nhà, được nuôi ở vùng nhiệt đới Châu Á. Một số nhỏ có mặt ở Nam Mỹ và Bắc Phi. Có người cho rằng trâu chỉ có một loài *Bubalus bubalis* với ba phân loài. Trâu châu Phi thuộc loài *Syncerus*, và trâu châu Á gọi là *Bubalus*.

Riêng loại *Bubalus bubalis* lại chia làm ba loài là: trâu sông “river buffalo” (*bubalus bubalis*) ở Nam Á; trâu đầm “swamp buffalo” (*Bubalus carabanesis*) ở Đông Nam Á, và trâu rừng Á châu (*B. Bubalis arnee*).

Châu Á là đất gốc của loài trâu với 95% tổng số trâu trên thế giới. Tính đến 1992 Á châu có 141 triệu con trâu, gần một nửa sống ở Ấn-Độ. Trâu nuôi ít tốn kém vì phần lớn chỉ ăn cỏ và có sức khỏe để cày ruộng, lấy thịt và sữa (sữa trâu rất nhiều chất béo). Việt Nam tuy nhiên ít ăn thịt trâu vì phải dùng trâu để cày bừa.



Như đã đề cập, châu Mỹ không có trâu như ta hiểu là water buffalo, nhưng có con “bison” hay American bison, hay còn gọi là “American buffalo” là giống bò rừng xưa sống từng đàn ở Bắc Mỹ,

nay không còn nhiều. Bò rừng sừng ngắn, bươu gồ, chạy nhanh thuộc họ bovidae, chi (genus) bison, loài (species) bison. Người đầu tiên gọi tên buffalo là Samuel de Champlain (1567-1635), một nhà thuộc địa, hàng hải, họa đồ, ghi chép sử, và ngoại giao người Pháp, người khám phá ra Québec và New France (Nouvelle-France). Champlain dùng chữ “buffalo” để chỉ những con bò rừng bison mà ông mượn từ chữ Pháp “buffle”. Đây là một sự đặt nhầm tên (misnomer) ban đầu, nên từ 1625 tên bison được đưa vào từ điển của các loài động vật có vú để con và nuôi con bú. Từ đó tên American buffalo để bị lộn với trâu Phi Châu và trâu Á châu. Bò bison Châu Mỹ sống lâu vào khoảng 20 năm và khi sinh ra không có sừng hay “bươu,” đặc trưng của chúng. Trưởng thành khi được 2-3 tuổi, con đực lớn nhất có tính thống lĩnh cao trong mùa sinh sản.

Lông con bison đổi màu theo mùa: đen vào mùa đông hay nâu nhạt vào mùa hè. Móng guốc (lừa, bò, trâu, dê, ngựa, cừu, hươu, nai, linh dương, lạc đà, hà mã) tức là loài dùng móng để duy trì sức nặng cơ thể.

Từ đó có sự dễ nhầm lẫn giữa bò rừng Mỹ bison và trâu nước Á châu (water buffaloes). (Nguồn: vi.wikipedia.org under “TRÂU”)

Tóm lại, có ba cách phân biệt, 1. Con bison có bươu gồ; trâu không có; 2. Bison lông nhiều, trâu ít lông; 3. Bison sừng rất ngắn; trâu sừng dài và cong hay tà.

II. Trâu nào tên ấy

Con trâu cái thì gọi là trâu *nái* (she-buffalo, buffalo cow); con trâu còn bé từ vài tháng đến một hai tuổi thì gọi là *nghe* (buffalo-calf). Tiếng Pháp, con nghe gọi là bufflon hay buffletin; còn con trâu cái gọi là bufflonne hay bufflesse. Trâu *mộng* là trâu đã bị thiến (gelded buffalo). Nhóm chữ “trâu ngựa” không phải là “trâu và ngựa” mà nghĩa bóng chỉ “kiếp tôi đời” phải làm việc nặng nhọc ngày trước: slaves. Trâu *ngố*: giống trâu lớn; trâu *gié*: giống trâu nhỏ. Trâu trắng hay trâu cò: trâu lông trắng. (**Trâu trắng đi đâu mất mùa đây** - tục ngữ (Việt Nam Tự Điển). Còn chữ “Ông Trâu” là chỉ chức “Hiệu quan binh đời xưa,” (Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Paulus Của (Saigon: Imprimerie Rey, Curio, 1895, Tome II, p. 475.)

“Con trâu tể buộc bụi te tụi ăn no tròn như cái trống treo.”

(Con trâu trắng buộc bụi tre trụ ăn no tròn như cái trống treo)

Đây là câu dùng làm bài tập luyện phát âm hai âm địa phương để đọc nhầm [tr/t] như một tongue twister cho học sinh.

Trâu *cổ*: trâu đực to con, vai rộng cổ lớn thật mạnh. (*Bộ như trâu cổ mà ninh cái áo của người ta cho rách!* (Việt Nam Tự Điển Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ); Trâu *cui*: trâu sừng tà và mọc trở xuống, sức thật mạnh. (Thành ngữ *Mạnh như trâu cui*, VNTĐ). Cũng phân biệt với loại “trâu nước”: loại “trâu” to

con, chân ngắn da dày, đầu to, sống dưới nước thường hơn trên bờ, thực ra là con *hà mã* hippopotamus sống ở châu Phi).

Từ chữ “Ngưu” là trâu đến “Sừng trâu” và “Giải nguyên”

Hán-Việt Từ Điển của Đào Duy Anh giải thích rằng: chữ Hán khi nói đến chữ *ngưu* ta thường nghĩ đến nghĩa “trâu” nhưng nên phân biệt: *ngưu* nghĩa là bò và cũng nghĩa là *trâu*, và để phân biệt:

Bò (cow) là *hoàng ngưu*, còn trâu là *thủy ngưu* (water buffalo).

Học giả Đào Duy Anh đưa ra truyện nhân vật Lý Mật cuối đời Tùy, đầu đời Đường bên Tàu (582-619) - thuở bé chăm học nhà nghèo vừa chăn trâu vừa đọc sách, thường buộc cuốn sách, cuộn lại đựng trong ống, treo ở sừng trâu (để khi cần với lấy cho tiện), nên cậu học sinh chăm học này gọi là “**Ngưu dắc quải thư**” (treo sách trên sừng trâu). (p. 53)

Chữ Hán có chữ *dắc* chỉ cái sừng thú. Gốc từ tích đó mà người thí sinh đỗ đầu kỳ thi Hương (kỳ thi liên tỉnh) có điểm cao, qua lọt tứ trường, gọi là cử nhân, người chỉ qua ba trường là tú tài. Người thủ khoa trong số cống sĩ gọi là “ngưu dắc tiên sinh” hay **giải nguyên**. (First on the list of the **second** degree examination, valedictorian). Cụ Đào phân tích: trong chữ **giải** thì một bên là chữ **dắc** một bên là chữ **ngưu**.

Trong lịch sử, học vị giải nguyên có người đỗ rất sớm nhưng cũng có người đỗ muộn. Những nhân vật đỗ giải nguyên khi tuổi còn rất trẻ có Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu Tử cố vấn cho vua Quang Trung Nguyễn Huệ), đỗ giải nguyên năm 21 tuổi, Lê Quý Đôn (soạn Bách khoa từ điển, Văn Đài Loại Ngữ, Đại Việt Thông Sử) 18 tuổi, Nguyễn Khuyến 30 tuổi, Nguyễn Công Trứ 42 tuổi, Thủ Khoa Huân 22 tuổi, Phan Bội Châu 24 tuổi... (Nguồn: vi.wikipedia.org under “Giải Nguyên”)

III. Con Trâu Gắn Liền Với Đời Sống Nông gia Việt

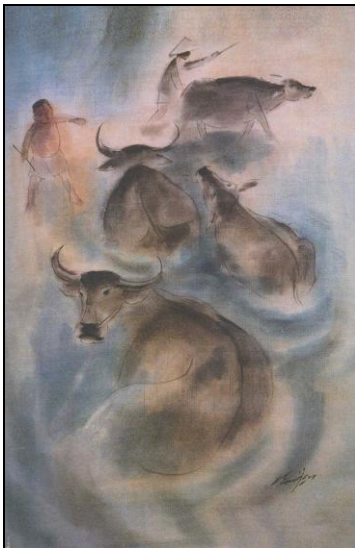
Bài ca dao dưới đây cho thấy bác nông dân nói với trâu như một con vật thân tình vì cùng chia sẻ nặng nhọc.

*Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cày cấy vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa đầy bông,
Thì còn ngon cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Buffalo, listen to me:

Let's go to the field and do some plowing together
Tilling and rice planting are basically a farmer's job
I'm here and you're there, neither you nor I mind hard work
Once the paddy buds and blooms
There will be grass in the field for you to graze your fill.

(Translated by PTL)



Tranh “trâu đầm” của họa sĩ Văn Đen

- **Quốc Văn Giáo Khoa Thư** đã “thi vị hóa” công việc của một em chăn trâu. Ở nhà quê ngày xưa, em bé nhà nghèo được giao cho trách nhiệm vừa săn sóc, cho trâu ăn cỏ và tắm cho trâu trước khi dắt về chuồng.

Ai bảo chăn trâu là khổ? Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu đội nón mê như lọng che. Tay cầm cành tre như roi ngựa. Ngất nghiêng ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ... (Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Dự Bị)



Ván khắc tranh Đông Hồ mục đồng ngồi trên mình trâu

Sáng tác nhạc Phạm Duy **Em Bé Quê**.
“Ai bảo chăn trâu là khổ
Chăn trâu sướng lắm chứ...”

Source: (nhacvangbolero.com)
(Xin vào Google gõ hàng chữ “Em Bé Quê nhạc Phạm Duy youtube”)

- Phải tậu trâu đã rồi mới lấy vợ làm nhà!

*Tậu trâu cưới vợ làm nhà
Ba công việc ấy lọ là khó thay!*
(ca dao)

Purchase a buffalo, marry a girl, and build a house
These are three tasks, quite difficult for a man to fulfill.
(Translated by PTL)

Phải có trâu thì mới có con vật cần thiết cho nhà nông trong việc cày bừa hay chuyên chở vật nặng. Rồi phải làm nhà thì mới có tổ ấm cho vợ chồng mới ở và sinh con đẻ cái, nếu không muốn ở nhờ nhà cha mẹ chồng. “Cưới vợ”

xếp sau “tậu trâu” không có ý làm giảm tầm quan trọng của việc lấy vợ.

*Có trâu, sẵn tầm tơ, lúa má,
Không trâu, không hoa quả, đậu mè
Lúa gặt cất lên đà có trâu xe,
Lúa chắt trữ, lại để dành trâu đập.
Từ tháng giêng cho đến tháng chạp,
Kể xuân, hè, nhãn đến thu, đông,
Việc cấy bừa, nông vụ vừa xong,
Lại xe gỗ, dầm công liên khói,
Bắt luận xe rào xe cũi,
Nhấn đến loài phân bổi, tranh tre.
Hễ bao nhiêu nhất thiết của chi,
Thì đã phú mặc trâu chuyên chở.
(Lục Súc Tranh Công, câu 37-48)*

I, Buffalo, give them their grains, their silks--
without me, Buffalo, no fruits, no nuts!
It's I who'll haul the stalks of rice they've cut;
it's I who'll thrash the sheaves they're piling up.
From the first moon until the last,
from spring to winter, all year around,
as soon as farming work is done,
I cart all things, enjoying not one break.
Branches for hedges, wood for fuel,
twigs, thatch, bamboo, manure—
Take anything that must be moved:
It falls on me to carry all.
(Huỳnh Sanh Thông, p. 361)

- **Cảnh thanh bình** (a sense of peaceful life)

Trên đồng cạn dưới đồng sâu
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa
(In the upper field, and in the lower field

The husband and the buffalo are plowing,
then harrowing for soil planting
making the rice bed ready for the wife
to transplant seedlings in.
- Translated by PTL)

-**Tranh sơn mài tứ thời:** tả cảnh thanh bình ở đồng quê
Ngư - Tiều - Canh - Mục
Fishing - wood cutting & collecting -
Rice planting – herdsboys on buffalo flying a kite.



Cảnh đàn trâu chiều hôm từ ngoài đồng bước về thôn:

- Đàn Trâu

*Ngày đã xế, bóng chiều đi chậm chậm..
Ít nắng tà dừng lại các cành cây
Mặt trời hôm gần khuất dưới chân mây
Như một chiếc chiếu vàng đương bốc lửa*

*Trong ánh sáng hoàng hôn màu ủa đỏ
Đàn trâu về thũng thỉnh bước trên đê
Những cặp sừng cúi thấp nặng nề lê
Những chân bước lừ đừ như quá mỏi
Những chiếc đuôi hiền lành se sẽ đuổi
Nhưng con ruồi mê ngủ bám bên hông
Hình sao Hôm trắng toát hiện trên không*

*Như giọt nước trong rơi trên luống cỏ
Hơi sương tím chân trời tha thướt phủ
Nhưng hình đen lằn lượt kéo vào thôn
Tiếng chuông chùa gọi với ánh hoàng hôn*

Liềm trắng bạc đêm hè nâng lấp ló

....

(Đoàn Văn Cừ, 1943 - Nguồn:
Thivien.net)

- Tục chơi trâu



(1) Đồ Sơn Hải Phòng (còn gọi là Đẩu ngư, mồng 9 tháng 8 âm lịch hàng năm)

Dù ai buôn đâu bán đâu,
Mồng chín tháng tám chọi trâu thì về.
Dù ai buôn bán trăm nghề,
Mồng chín tháng tám nhớ về chọi trâu.
(vi.m.wikipedia.org under “Lễ Hội Chọi Trâu Đồ Sơn)

(2) Hải Lựu, Sông Lô, Vĩnh Phúc
(tháng giêng mười bảy)

Diễn ra tại xã Hải Lựu huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc, từ 16 đến 17 tháng giêng âm lịch. Đây được coi là Hội chọi trâu cổ xưa nhất tại Việt Nam, theo truyền thuyết đã có từ đời nhà Triệu do tế tướng Lữ Gia đặt ra...

Dù ai đi đâu, ở đâu,
Tháng giêng mười bảy chọi trâu thì về
Dù ai buôn bán trăm nghề
Tháng giêng mười bảy nhớ về chọi trâu
(Nguồn: vi.m.wikipedia.org under “Lễ Hội chọi trâu Hải Lựu”)

IV. Trâu trong văn chương: Lục súc tranh công

(Trâu-chó-ngựa-dê-gà-lợn (Heo) -
Ngưu khuyến mã dương kê thi. Tác phẩm được ghi xuất hiện ở thế kỷ 18, tác giả vô danh.

Quarrel of the six beasts (anonymous)
Trâu kể công khó nhọc đầu tiên:

-Nỗi cực nhọc của trâu: The Buffalo's hard labor

*Lóng canh gà vừa mới gáy tan,
Chủ đã gọi thẳng chăn vội vã.
Dạy rằng: Đuổi trâu ra thảo-dã,*

Cho nó ăn ba miếng đỡ lòng.
 Chưa bao lâu thoát đã rạng đông,
 Vừa đến buổi cày bừa bua việc,
 Trước cổ đã mang hai cái niệt, (dây to
 buộc ở cổ trâu)
 Sau đuôi thêm kéo một cái cày.
 Miếng đã dằm, mũi lại dòng dây,
 Trên lưng ruồi bâu dưới chân đĩa cấn.
 (Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển, pp. 41-42)

The Cock no sooner crows night's end
 than summoning the herdboy up,
 the Master tells him, 'Drive the Buffalo
 to pasture now and let him graze a bit.'
 But all too soon the east glows red—
 it's time to toil, to labor hard.
 In front two ropes coil round my neck;
 behind I have to pull a plow.
 A bridle ties my mouth, a rope my nose.
 Flies swarm my body, leeches prick my
 legs.
 (Huỳnh Sanh Thông, *The Quarrel of the
 six beasts*, lines 15-24, from
An Anthology of Vietnamese Poems:
 From the Eleventh through the
 Twentieth Centuries. (New Heaven and
 London: Yale University Press, 1996),
 p. 360.

Trâu trách ông chủ quên truyền vua Tề
 rằng một hôm nhìn người ta dẫn trâu đi
 giết lấy máu bôi chuông cho chuông
 được vang, vua thấy trâu có vẻ buồn
 bã nên động lòng thương ra lệnh thả
 trâu ra và dùng dê thế vào (xem note
 7). Khi về già trâu còn được chủ Điền
 tử khuyên con giữ lại nuôi cho hưởng
 tuổi già chứ không bán.

Không nhớ thuở bôi chuông đường hạ.
 Ôn Tề vương vô tội bảo tha,
 Tưởng chừng khi sức mỗi tuổi già,
 Cảm Điền tử dạy con chớ bán.
 Lời cổ nhân còn dặn
 Sao ông chủ vội quên?

Remember? A blood-smearing rite for
 bells
 The king of Ch'i reprieved an innocent.
 When old and feeble, I shall bless
 T'ien-tzu
 who bade his children not to sell their
 beasts.
 (lines 91-84)
 They'll say, 'The Buffalo was Buddha
 once. (note 6)
 Let's set the brute aflame and speed
 his soul
 To Paradise!"

*Rằng: Trâu này cốt Phật xưa kia
 Phát đình liệu cho hồn thăng thiên giới*
 (lines 72-72)

Translator Huỳnh Sanh Thông's notes:
Con Trâu nhà Phật

Note 6: According to Buddhist lore,
 there was in India a species of holy
 oxen (or buffalo) whose blood was
 drunk for longevity: They were called
 Buddha-oxen (HST, note 6, p. 374.)

Note 7: **Bôi chuông đường hạ:** (lấy
 máu trâu bôi vào chuông mới đúc để
 tiếng chuông được vang). According to
 a story in the *Mencius*, a Confucian
 classic, King Ch'i Hsuan once saw an
 ox (or buffalo) being led off to be
 slaughtered for the ritual anointment

with blood of a newly cast bell. Taking pity on the beast, he ordered that it be spared and replaced for the sacrifice with a sheep (or goat). (HST, note 7, p. 374.)

- **Thập mục ngưi đồ**: mười bức tranh chăn trâu nổi tiếng trong Thiền tông tương ứng với quá trình đưa tới giác ngộ:

Tìm trâu - thấy dấu - thấy trâu - bắt trâu - chăn trâu - cưới trâu về nhà - quên trâu còn người - người, trâu đều quên - trở về nguồn cội - thống tay vào chợ.

Xem thêm: vi.wikipedia.org dưới tên “Thập mục ngưi đồ”

Mặt mũi trâu bị người dùng làm tiếng **chê bai khinh bỉ**:

- **Đầu Trâu Mặt Ngựa**

(Trong truyện Kiều, khi gia đình Vương viên ngoại vừa đi đám giỗ về thì bỗng nhiên Vương Ông và Vương Quan bị một bọn quan quân theo lệnh phủ đường tới bắt trói; sau biết bị một tên bán tơ vu cáo đã chứa đồ bị ăn trộm.)

Cụ Nguyễn Du đã dùng bốn chữ dịch từ chữ Hán để tả cảnh bọn quan quân đột nhập vào nhà khám xét:

Người nách thước kẻ tay đao
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi (Kiều, verses 577-578)

With cudgels under arms and sword in hands,
Those fiends and monsters rushed around, berserk.

(Translated by Huỳnh Sanh Thông, The Tale of Kiều, (Yale Univ. Pres, 1983), p. 30.

(Thúy Kiều ngồi một mình hận đã không giữ trọn lời hứa hôn với Kim Trọng và nhờ Thúy Vân thay mình cảm ơn chàng đã thương yêu mình và hứa đền bù.)

Tái-sinh chưa dứt hương thề

Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc-mai
(Kiều, câu 707- 708)

But haunted by troth-incense we once burned,

I'll be reborn a beast and make amends.

(HST, The Tale of Kiều, 1983, p. 38.)

Nguồn gốc nhóm chữ “đầu trâu mặt ngựa”: Cụ Nguyễn Du -- một dịch giả tuyệt vời -- đã dịch thẳng từ chữ Hán “Ngưu Đầu Mã Diện,” literally “Bull-head and Horse-face”. Người Nhật dùng thành ngữ Ngưu Đầu Mã Đầu (Bull-head and Horse-head Gozu Mezu)

Nghĩa bóng: a thug who treats others violently and roughly, ruffian, hoodlum, hooligan.

(en.wiktionary.org dưới tên “đầu trâu mặt ngựa”)

- **Ngưu đầu mã diện** còn chỉ thứ quỷ đầu trâu mặt ngựa dưới âm phủ. (Hell, Hades)

- **Ngưu lang Chức nữ**: (The buffalo boy and the weaver maid)

Chàng chăn trâu Ngưu lang và nàng dệt cửi Chức Nữ, cháu Ngọc Hoàng nên duyên chồng vợ dù giai cấp khác

n nhau. Nhưng cả hai vì quá đắm đuối yêu nhau, bỏ bê cả phận sự bị Ngọc hoàng phạt phải xa nhau.

[Cặp vợ chồng nào khi lấy nhau mà không ‘đắm đuối’ yêu nhau? Nếu có khác là ở mức độ và thời gian. Trời có bất công không? Hình phạt có quá nặng và quá lâu so với tội đã phạm không?]

Mỗi năm chỉ được gặp nhau một lần là đêm mùng 7 tháng 7 âm lịch, gọi là đêm thất tịch; nhờ bầy quạ cắn đuôi nhau làm cầu bắc ngang qua dải Ngân Hà cho vợ chồng sum họp. Gặp nhau, vợ chồng khóc than kẻ lẻ, nước mắt chan hòa khiến đêm ấy thường có mưa dầm (gọi là mưa ngâu); quạ bị hai người bước qua rụng lông đầu trong tháng 7, do việc đội cầu mà ra vậy. (VNTĐ, quyển Hạ, p. 258)

*Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
Con trời lấy chú chần trâu cũng phiền.*
(Nguồn: vi.wikipedia under “mưa ngâu”.
Thơ Trần Tế Xương, “**Vịnh con Trâu**”)

Chinese folk tale: A love story between Zhinu, the weaver girl symbolizing the star Vega and Nulang symbolizing the star Altar. After married they were so infatuated with each other that they neglected their daily duty. Banished to the opposite side of heavenly river (the Milky Way), once a year, on the 7th day of the 7th month of the lunar calendar, they were allowed to see each other. The magpies built a bridge for the couple to walk over to reach each other. They cried a lot so these days were called *mưa ngâu*.

*Nhớ ai như vợ chồng Ngâu,
Một năm mới gặp mặt nhau một lần.*
(ca dao)

CT-SỐ 91

V. The Buffalo in proverbs - Trâu trong tục ngữ

Le Buffle

(<https://citation-celebre.leparisien.fr/citation/buffle>)

- Tiens-toi à sept pas de l'éléphant, à dix du buffle, à vingt d'une femme et à trente d'un homme ivre.

(Proverbe Indien)

Coi chừng nên đi cách xa con voi bảy bước, xa trâu mười bước, xa một bà hai mươi bước, và xa một ông say rượu 30 bước.

[Trong câu khuyên trên, không hiểu mấy ông Ấn Độ có cách đo mức rủi ro hay sợ chuyện gì sẽ xảy ra khi khuyên các chàng trai đi cách xa 20 bước một người đẹp Ấn Độ?

Còn mấy chàng trai Ý hay Pháp ở thế kỷ trước có nghe lời khuyên Ấn Độ này đâu? Không! Các chàng- tuy không giống như vua Trần Hậu Chủ, xua dát vàng trên đường cho nàng Phan Phi bước lên- nhưng huyết sáo, trầm trồ khen đẹp... khi Sophia Loren hay Gina Lollobrigida hay Grace Kelly ‘bộ bộ sinh liên hoa’ mỗi gót sen bước đi... trên hè phố Rome hay Paris hay trên thảm đỏ đại hội Cannes...]

- Trâu buộc ghét trâu ăn

Ghen tị, cùng một giai cấp hay một hoàn cảnh, người được ưu đãi hay hưởng lợi to bị người khác ganh ghét.

Le buffle attaché n'aime pas le buffle qui broute.

(Proverbe Vietnamien - jalousie, envie)

The chained buffalo does not like the grazing buffalo.

-Trâu chết để da, người ta chết để tiếng

Le buffle laisse sa peau en mourant, l'homme mort laisse sa réputation.
(Proverbe Vietnamien)

(Con trâu sau khi chết để lại bộ da (cho người làm mặt trống), con người sau khi chết còn để tiếng lại cho đời sau (ngụ ý khuyên sống sao cho khỏi mang tiếng.)

The buffalo leaves his skin while dying; the dead man leaves his reputation.

DƯỚI CHỦ ĐỀ “BUFFLE” CÂU PROVERBE TỤC NGŨ VIỆT NAM NÀY ĐƯỢC BÌNH CHỌN LÀ “LE PLUS BEAU” (“đẹp nhất”) bởi website Citation Célèbre. Mạng này sưu tầm được 80,000 danh ngôn và 10,000 tục ngữ trên thế giới.

So sánh câu này với câu trong tiếng Anh:

Trong vở kịch Julius Caesar, sau khi Brutus cùng đồng bọn phản loạn đâm chết Caesar, và hùng hồn nói với người dân La-Mã lý do phải giết Caesar vì ngài có tham vọng, và vì Brutus yêu Rome hơn, thì đến lượt Antony bước ra nói:

The evil that men do lives after them
The good is oft interrèd with their bones.

(Lời Antony, Julius Caesar, hồi III, cảnh ii, dòng 77-78.)

Tiếng xấu, dẫu chết rồi, người đời nhớ mãi,

Danh thơm, vừa nằm xuống, thiên hạ quên ngay.

(PTL phỏng dịch)

Le mal que font les hommes vit après eux

Le bien est souvent enterré avec leurs os.

(Jules César par William Shakespeare, traduit par M. Guizot (ebook project Gutenberg #15841, released May 17, 2005.)

Theo nguồn về tục ngữ bằng tiếng Pháp ghi bên trên, Việt Nam vốn xưa là nơi có một nền văn hóa lấy nghề nông làm gốc nên đã chất lọc tinh túy từ đời sống nhà nông để có một câu tục ngữ chỉ gồm có năm chữ thôi (**Trâu buộc ghét trâu ăn**) mà tả được lòng ghen tị của người đời và được mạng về tục ngữ thế giới chọn là “nổi tiếng nhất, và gọn nhất thế giới”:

- Quelle est la citation **la plus célèbre** sur “buffle”?

=>*Le buffle attaché n'aime pas le buffle qui broute.*

-Quelle est la citation **la plus courte** sur “buffle”?

=>*Le buffle attaché n'aime pas le buffle qui broute.*

(<https://citation-celebre.leparisien.fr/citation/buffle>)

-Trâu chậm uống nước đục:

Les buffles qui arrivent en retard boivent de l'eau troublée.

(<https://citation-celebre.leparisien.fr/citation/buffle>)

The buffalo that arrives late will have to drink muddy water and eat dry grass.
(listofproverbs.com)

- Cho chị mượn...?

Câu ca dao dưới đây nói về tính “khư khư” bảo vệ chồng như ‘của riêng’ của ‘ai đó’ có máu Hoạn Thư:

*Của chua ai thấy cũng thêm
Em cho chị mượn chồng em vài ngày?
Chồng em đâu phải trâu cày,
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm!*
(ca dao)

[Tình chị em thân thiết, cùng phái, có nhiều sở thích giống nhau, cùng chia sẻ ngọt bùi, nhưng cũng có ...giới hạn. Hai chữ “nhà tôi” hay “nhà em” không chỉ có nghĩa ‘ngôi nhà của tôi’ mà còn ngụ ý triu mến, sở hữu possessiveness, và...độc quyền exclusiveness vì ‘cái nhà đó’ là ‘sĩ diện’ của tui, là chồng tui...]

*Củi mục bà để trong rương,
Hễ ai hỏi đến, trầm hương của bà!*
(ca dao)

- Ngưu tầm ngưu mã tầm mã

(Trâu tìm trâu ngựa tìm ngựa; nghĩa bóng: những người cùng sở thích hay chí hướng thường kết bạn với nhau.)

Birds of a feather flock together.
Qui se ressemble s'assemble. (Petit Larousse, *Proverbes*.)

- Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng.

[Câu trên đây - xin lỗi - đã ví một nàng con gái với con trâu nái, vì ngày xưa, nhà nông nuôi trâu để cày ruộng nhưng con trâu nái mỗi hai năm, có thể sinh con, nên sau một thời gian, mang lại lợi tức cho người nuôi, nên các cụ ngày xưa, vì quý cô con gái đầu lòng, đã “xếp hạng” cô cao hơn con trâu nái, dù xếp hạng cao hơn, nhưng hành động xếp hạng ‘so sánh’ như thế, ngày nay cũng có thể chạm tự ái các vị nữ lưu.

Thời nay, politically correct, các bậc nam nhi chớ nên ‘dại dột’ mà bắt chước ví von như các cụ ngày xưa, kéo ...rước vạ vào thân!]

=>Nhưng mục đích câu tục ngữ này chỉ muốn nói sinh con gái đầu lòng là nhà có phúc, vì có thể nhờ vả nhiều, vì con gái đầu lòng thường được mẹ, cô hay dì dành nhiều thì giờ dạy dỗ cho thành người đảm đang, tháo vát, quán xuyến nhà cửa giúp cha mẹ, rồi khi lập gia đình, biết săn sóc chồng con, bố mẹ chồng và ruộng vườn, nhà cửa, giỗ chạp... a multi-tasking wonder woman!

- Trâu sống không ai mà-cả, trâu ngã nhiều gã cầm dao: Lúc bình thường chẳng ai đoái hoài; khi có mối lợi thiên hạ xúm nhau tranh giành. (ĐNQÀTV, II, p. 475;VNTĐ, quyển Hạ, p. 352.)

- Trâu tìm cột (cọc) chớ cột không tìm trâu: Muốn nên việc cho mình chính mình phải đến cầu người chớ không phải đợi người đến cầu mình; muốn nên việc vợ chồng, người đàn ông phải lên tiếng trước; phải đến tỏ tình trước; còn người đàn bà, cần giữ danh giá, phải tỏ ra lãnh đạm (sic) – (VNTĐ, quyển Hạ, p. 352.)

[Chao ôi! Giáo sư Lê Ngọc Trụ, đồng tác giả bộ Việt Nam Từ Điển, vị thầy đáng kính và là người dạy chứng chỉ Ngữ Học Việt Nam của

người viết bài, chắc lo đám sinh viên con cháu của ngài ‘chậm hiểu’ nên sau khi giải nghĩa đen của thành ngữ “Trâu tìm cột” này rồi, ngài còn khuyên nam sinh viên phải “lên tiếng trước, phải tỏ tình trước,” còn các vị tiểu thư nữ sinh viên thì ngài khuyên phải “cần giữ danh giá, phải tỏ ra lãnh đạm.” Nhưng cứ ‘lãnh đạm’ mãi rồi thành ‘Trâu chậm uống nước đục’.]

- **Cắt tiết gà đâu cần đến dao mổ trâu**” (Tài lớn mà dùng vào việc nhỏ): Câu tục ngữ thông thường trong tiếng Việt, thực ra từ tiếng Trung Hoa trong Luận ngữ: **Cát kê yên dụng ngưư đao**. Mỹ cũng có câu hơi giống: Don't burn the house to scare the mouse away. Đừng đốt cả ngôi nhà để xua đuổi một con chuột. (Do not use drastic measure when a small action will do) (Spears).

- **Sáng tai họ điếc tai cây**
(Quick to respond to the “stop” command; but pretend not to have heard when the “go” command is given.)
Ngay từ khi trâu còn nhỏ, người ta phải dành ra hơn một năm tập cho trâu đi cày hay bừa cho thuần thục, biết nghe những lệnh căn-bản của người điều khiển, từ cách dạy cho trâu đi thành đường thật thẳng cho luống cày khỏi bị vòng vèo tới tập cho trâu nghe lệnh như “**họ**” (hay “hò” ở miền Nam) là “ngừng” (whoa!), và “**vắt**” hay “**hí-ì**” là “đi!”

Cụ Tam nguyên Yên Đỗ, nhà thơ Nguyễn Khuyến, qua bài “Anh Giã Điếc,” diễn một ông bạn già, thấy gì có lợi cho mình thì nhanh nhẹn hưởng ứng ngay, nhưng còn điều gì bận đến

mình thì vờ giả điếc như không nghe thấy; giống con trâu nghe tiếng “họ” là ngừng kéo cày liền.

Anh Giã Điếc

Trong thiên hạ có anh giả điếc,
Khéo ngo ngo ngác ngác, ngộ là ngây!
Chẳng ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cày,
Lối điếc ấy sau này em muốn học.
Tọa trung đàm tiếu, nhan như mộc,
Dạ lý phan viên, nhĩ tự hầu.*
Khi vườn sau, khi ao trước, khi điều thuốc,
Khi chè chuyên năm bảy chén, khi Kiều lấy một đôi câu,
Sáng một chốc, lâu lâu rồi lại điếc.
Điếc như thế ai không muốn điếc?
Điếc như anh dễ bắt chước ru mà!
Hỏi anh, anh cứ ậm à!
(Nguyễn Khuyến)

* Chữ Hán: Khi mọi người ngồi nói chuyện và cười cợt thì ngồi im ngây ra như gỗ. Nhưng đêm khuya thì leo trèo lanh lẹn tai thính như con khỉ.

Nguồn: Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề, Việt Nam Ca Trù Biên Khảo, nxb Văn Khoa, 1962. Theo (thivien.net)

-**Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết**

Câu tục ngữ tiếng Việt phần nào giống câu tục ngữ Lào (Laos) và Phi-châu dưới đây:

-Quand les éléphants se battent, ce sont les fourmis qui meurent.

-When the elephants fight, it is the grass that suffers.
(African proverb)

(Trích) “When the major players embroiled in the trade dispute, the African countries could be hit particularly harder by the punitive tariffs.” Khi các cường quốc lớn bị lôi cuốn vào cuộc tranh luận về thương mại, thì những nước ở Phi Châu đặc biệt chịu thiệt thòi nhiều hơn vì thuế phạt.

American proverbs / idioms (source: Spears)/Slang

Phần này liên hệ đến **bull** chứ không tới buffalo nhưng cũng có thể có lợi cho sinh viên:

1.Awkward as a bull in a china shop = very clumsy creature in a delicate situation.

Ex: Reaching for an orange, he made several pyramids of fruit tumble down. Anh chàng thật vụng về với tay lấy một quả cam mà làm đổ cả chồng trái cây xếp cao chót vót.

(Richard A. Spears, The McGraw-Hill Dictionary of American Idioms, 2005).

2.Cock-and-bull story = made-up story that is a lie. Truyện xạo.

3.Hit the bull's eye = hit the very center of a circular target; achieve the goal perfectly - nhắm bắn trúng hồng tâm.

4.Full of bull = full of hot air = full of nonsense. Oh, you can't believe a word that guy says - he's full of hot air. (Farlex Dictionary of Idioms). He's full of beans. (Spears)

Không tin được một lời anh ta nói, anh ta xạo hết chỗ nói!

5.Take the bull by the horns =

confront the problem head-on and deal with it openly.

Cương quyết đương đầu với một vấn đề khó khăn.

6.Throw the bull = to chat, to boast - nói chuyện phiếm, tán gẫu. You're just throwing the bull. Can it.

Lại nói tào lao rồi. Thôi! Đừng nói nữa!

VI. Buffalo trong văn hóa bình dân Hoa Kỳ (American popular culture)

1. Buffalo Bill tên thật là William Frederick “Buffalo Bill” **Cody** (1846-1917): Quân nhân Hoa Kỳ, hướng đạo viên quân đội, nhà săn bò rừng Mỹ bison, từng tham gia các trận đánh nhau với thổ dân Da Đỏ, người bảo vệ đoàn chuyên chở thư tốc hành Pony Express và cũng là một kịch sĩ diễn trò cho dân miền Tây xem, trong các vở tuồng Buffalo Bill's Wild West Show, và trong một thời gian ngắn có cả tù trưởng Sitting Bull tham gia cưỡi ngựa trình diễn với thù lao năm 1885 lúc đó chưa đến \$50.

2. Buffalo, NY: tên thành phố thuộc tiểu bang New York

3.Buffalo Bills: tên đội banh bóng bầu dục nổi tiếng ở Orchard Park, N.Y.

4. Sitting Bull: tên vị tù trưởng Da Đỏ bộ lạc Lakota Tatanka Iyotaka nổi

tiếng, (1831-1890), chỉ huy chừng 640 quân da đỏ đã thắng đoàn kỵ binh của Trung tá Mỹ George Armstrong Custer, và giết vị chỉ huy can trường được binh sĩ phục nhưng kiêu và khinh xuất cùng 267 kỵ binh Mỹ, trong trận đánh Battle of the Little Bighorn trong hai ngày June 25-26, 1876. (Britannica.com và history.com)



Sitting Bull & George Armstrong Custer

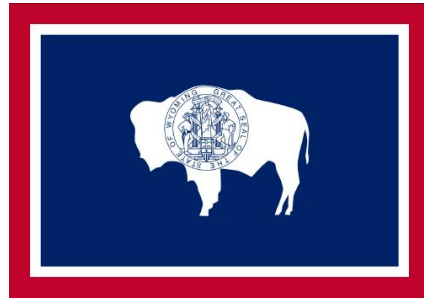
Lời than của tù trưởng Da Đỏ Sitting Bull, lãnh tụ bộ lạc Sioux: “Only seven years ago we made a treaty by which we were assumed that the buffalo country should be left to us forever. Now they threaten to take away from us also.” (Chỉ cách đây có bảy năm thôi chúng tôi đã ký một hòa ước theo đó miền đất của những giống bò rừng sẽ vĩnh viễn dành riêng cho chúng tôi sinh sống. Bây giờ người ta đe dọa sẽ cướp miền đất ấy của chúng tôi.)



trưởng Da Đỏ, mặt kia hình con bison.

5. A buffalo nickel: đồng năm xu (cents) in ra năm 1913, một mặt có hình một tù

6. Cờ tiểu bang Wyoming có hình con bò rừng có bướu bison.



7. To buffalo: ít dùng, nghĩa là dọa dẫm, hăm dọa. Từ điển Chambers Dictionary of Etymology suy ra rằng có lẽ ‘buffalo’ từ chữ “cow” (vì chữ buffalo cũng chỉ con bison, và “to cow”= to intimidate, frighten.)

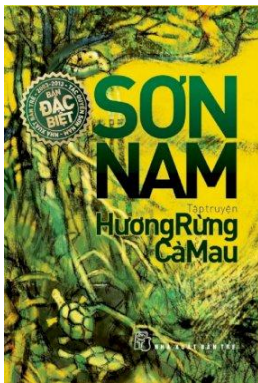
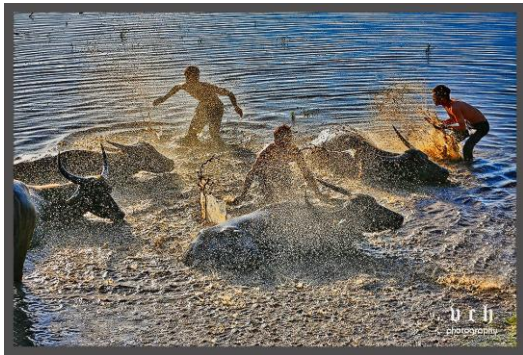
Ex: Don’t be buffaloeed in negotiations. Khi thương lượng chuyện gì, đừng để đối phương lấn ép.

8. Buffalo wings: món cánh gà chiên giòn có nước sauce, bọc bột, thêm gia vị cay paprika và ớt cayenne pepper.

VII. Xin kết thúc câu chuyện vui đầu năm về con Trâu bằng một bức ảnh đẹp kèm theo lời chú thích của nhà nhiếp ảnh nghệ thuật Vũ Công Hiền chụp - **Tắm Trâu**, tác giả gửi và cho phép đăng.

“Vào mùa nước nổi, khoảng tháng 9 đến tháng 11, bọn trẻ vùng Đồng Tháp Mười, Mộc Hóa thường dẫn trâu lên vùng cao ăn cỏ, chiều lại dẫn về, trước khi về chuồng chúng thường tắm cho trâu... một loài vật rất thích tắm, dù tắm nước hay tắm bùn. Trẻ và trâu rất thân

nhau như mấy cô gái thành phố cùng con chó nhỏ. Chúng bảo trâu “Nằm xuống”, thế là trâu ngoan ngoãn nằm xuống... thế là tôi bấm.” (lời chú thích về ảnh của Vũ Công Hiến)



Cũng nên xem phim **Mùa Len Trâu** lấy cốt truyện trong cuốn tiểu thuyết phong tục của Sơn Nam nhan đề Hương Rừng Cà Mau, trong đó tả vào mùa nước lụt, cỏ úng, người dân một số vùng ở

miền Nam dẫn trâu đi tìm vùng đất cao có cỏ cho trâu ăn thường là về phía Tây.

- Chữ “len” trong tên phim Mùa len trâu nghĩa là gì?

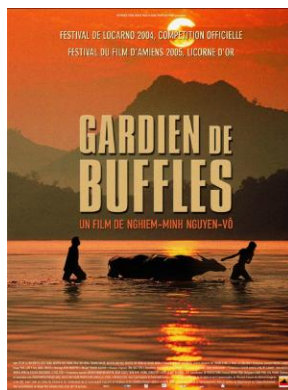
Len/leng [tiếng Nam bộ, vùng giáp ranh với Kampuchea, nơi có nuôi nhiều trâu bò] Động từ này gốc Khmer. Có nghĩa là *thả rong trâu bò cho qua ăn cỏ ở một vùng khác*.

Eng: to immigrate, to transmigrate [cattle seasonally].

Fr: en transmigration saisonnière [bétail] en pâture libre.

Nguồn: Nguyễn Hy Vọng, M.D., Từ Điển Nguồn Gốc Tiếng Việt (Vietnamese Cognatic Dictionary, Dictionnaire Cognatique Vietnamien, Quyển 2, p. 839 (nxb Đất Việt, 1st ed. 2014)

Mùa Len Trâu - Gardien de Buffles (2014)



Đạo diễn: Nguyễn-Võ Nghiêm-Minh

Tài tử: Lê Thế Lữ, Nguyễn Thị Kiều Trinh, Nguyễn Hữu Thanh, Kra Zan Sram, Trương Văn Bé, Nguyễn Anh Hoa, Nguyễn Thị Thâm ...

Music: Tôn Thất Thiết

Link dẫn đến phim Mùa Len Trâu trên youtube:

<https://www.youtube.com/watch?v=edPOj4AFkHc>

Hay vào Google gõ hàng chữ “Phim Mùa Len Trâu HD”

- John Deere tractor và tương lai của con trâu.

Trong những tháng sau hiệp định Genève 1954, khi thủ tướng Ngô Đình Diệm cùng chính phủ Mỹ và chính phủ Pháp và cơ quan viện trợ Mỹ USOM đã đưa nhiều trăm ngàn người di cư từ Bắc vào Nam, một tuần báo Mỹ --theo trí nhớ của người viết-- có lẽ là Time, đã đăng một bức hình một chiếc máy cày John Deere nằm trên cánh đồng trong một đêm sáng trăng tại Cái Sắn (?), một thí điểm của Tổng ủy Di Cư Tỵ Nạn cho người di cư mới lập nghiệp.

Hình ảnh chiếc máy cày của Hoa Kỳ qua Viện Trợ Mỹ như một con vật khổng lồ đối với người nông dân di cư suốt đời chỉ quen kinh nghiệm cày bừa bằng trâu, theo tác giả bài báo, là một biến đổi lớn và một niềm hy vọng vào một tương lai mới.

Nhìn từ một khía cạnh khác, hình ảnh chiếc máy cày cũng báo cho biết sẽ có một ngày con trâu bị, hay được, máy cày thay thế, như con người đang được thay thế bởi tự động hóa automated robot và computer. Hiệu năng nhiều hơn, mất ít thì giờ hơn, người nông dân đỡ vất vả hơn, nhưng

số người chuyên sống bằng nghề nông sẽ bớt đi...



Và những hình ảnh của một nền văn hóa xưa lấy nông nghiệp làm gốc, dựa và sức trâu, trong tương lai dần dần thay đổi và chỉ tìm thấy trong những trang sử và qua ngôn ngữ truyền khẩu trong ca dao, thành ngữ, tục ngữ ông cha để lại cho con cháu trong thời đại biến đổi vì kỹ thuật mới “smart technologies.”

PHẠM TRỌNG LỆ

(Viết xong tại Virginia, November 28, 2020, sửa lại 12/15/2020)



Bài Xướng: HỒI XUÂN

Qua Đông, trời đất lại hồi xuân,
Sinh hóa Thiên cơ, đã định phần.
Chuột lắt nạy đi, đừng lắt léo,
Trâu già mai tới, rõ già gân!
Âm dương hòa hiệp, duyên muôn vật,
Nhật nguyệt độ trì, kiếp thế nhân.
Cuộc sống an bình, mừng tuổi mới!
Đầu năm khai bút, thảo đôi vần.

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia

Các bài Họa: XUÂN ĐẾN

Gần xa quang cảnh mới vào Xuân
Sông núi cỏ cây cũng dự phần
Nụ đẹp bên hoa, hoa đẹp mắt!
Cành xanh chen lá, lá xanh gân.
Quê hương tha thiết tình đồng loại;
Đất nước bồi hồi nghĩa cố nhân.
Vạn vật tự dựng thêm sức sống
Mừng vui thi sĩ dệt dăm vần.

Nguyễn Phú Long



RƯỢU XUÂN

Thấm thoát một năm lại tới Xuân
Khè khà chén rượu hứng muôn phần
Cười khi tiễn Chuột, ta còn sức
Khoe lúc đón Trâu, lão vẫn gân
Thỏa chí đàn ca cùng mỹ nữ
Nức lòng xướng họa với thi nhân
Mặc cho con tạo quay cuồng mãi
Xuân đến Xuân đi cứ chuyển vần!

Tâm Minh

MÚA BÚT ĐẦU XUÂN

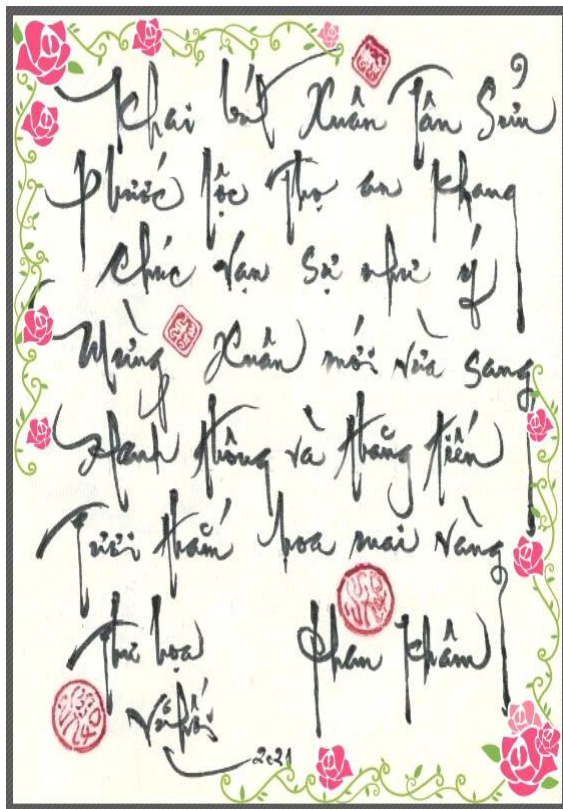
Xuân nầy xa xứ... mấy lần Xuân!
Cứ nghĩ thân ta đã có phần
Với cuộc đời nay nhiều rắc rối
Cùng người vận kiếp quá long gân
Ruộng vườn hơn hờ... ơn Trời Đất
Hoa lá vui mừng... phúc thiện nhân
Năm Sửu anh Trâu... sinh khí mới
Tân niên múa bút viết ba vần.

Trịnh Cơ Paris

ĐÔNG QUA, XUÂN TỚI, TẾT CẬN KỀ

Lần lượt Đông qua, lại tới Xuân,
Mùa nào, mùa nấy đã chia phần.
Chuột già, Canh Tý, cần đào thải
Tân Sửu, Trâu non, đến luyện gân.
Trời tỏa sáng, nuôi cây, cỏ, vật
Đất giang tay, mở đón quần nhân.
Đời không vui, có thêm, thêm tuổi,
Tuy vậy, vẫn ham viết mấy vần.

Oanh Nguyễn



Thơ: **Phan Khâm** - Thư pháp: **Vũ Hối**

Khai bút Xuân Tân Sửu
 Phước Lộc Thọ an khang
 Chúc vạn sự như ý
 Mừng Xuân mới vừa sang
 Hạnh thông và thắng tiến
 Tươi thắm hoa mai vàng.



NHỚ CHỢ TẾT VÙNG HOA THỊNH ĐÓN

**** Tác giả: Ngọc Hạnh ****

Năm nay dịch cúm Covid 19 hoành hành khắp nơi nên vùng Hoa thịnh Đón ở Hoa Kỳ không tổ chức chợ Tết như mọi năm. Các cuộc hội họp đông người trong gia đình cũng bị hạn chế tuy có số lớn đã được chích ngừa. Cúm Covid 19 vô cùng nguy hiểm, hay lây, nên tốt hơn tuân theo lời khuyên chính quyền địa phương ,chỉ đến chỗ đông người khi thật cần thiết.

Nhớ những năm trước kia anh chị em đi chợ Tết. Có năm trời trở lạnh, tuyết rơi vào những ngày cuối năm vùng Đông Bắc Hoa Kỳ. Ngày thứ bảy hết tuyết nhưng đường xá ướt át, lối đi đóng băng trơn trượt, chợ Tết Cộng Đồng tổ chức ở trường học J.E.B Stuart, Falls Church, Virginia bị hủy bỏ. Được biết ban tổ chức sẽ hoàn tiền thuê gian hàng cho những người bán Tết nhưng bao nhiêu bánh mứt chuẩn bị từ nhiều ngày trước thật khó kiếm người để tiêu thụ cho hết! Ngày hôm sau, Chủ nhật đẹp trời, nắng vàng tươi phủ lên vạn vật cỏ cây dù bên ngoài vẫn rét buốt. Chợ Tết của Hội Người Việt Cao Niên mở cửa như chương trình ấn định, 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Đồng hương vùng Hoa Thịnh Đón, Virginia và Maryland đi chợ Tết đông đảo, tìm hương vị ngày Xuân trên xứ người. Những tà áo dài cổ truyền thướt tha xuất hiện trong khu chợ, dừng chân nơi này nơi nọ, mua quà Tết. Các thiếu nữ, cô cậu bé con vô tư tung tăng theo phụ huynh ngắm nhìn

quang cảnh chợ Tết. Bánh, mứt, kẹo, bánh chưng, bánh tét, dưa món, các thức ăn ngày Tết bày bán nhiều lắm. Ngoài các món ăn mặn còn có các thức ăn chay như chả giò chay, tôm kho tàu chay, trông cũng ngon lành hấp dẫn. Gian hàng của tu viện và nhà chùa bán bún riêu chay nóng hổi, bún thịt nướng chay đầy đủ gia vị. Bánh chưng, bánh tét, dưa món chay...trông thật hấp dẫn.



Các nhà văn, nhà thơ địa phương cũng bày sách báo trong gian hàng trang nhã của mình. Ngoài ra còn có gian hàng của liên đoàn Hướng Đạo, Hội cựu Nữ Sinh Gia Long, Trưng Vương. Các vị nữ lưu tươi cười, sáng rỡ trong áo dài thuần túy Việt nam. Gian hàng hoa tươi nhiều màu sắc: những cây bonsai thấp bé nhưng đầy hoa đẹp, cây quất lá xanh tươi chen với quả chín vàng trĩu cành, cúc đại đóa mang theo mùa Xuân, hoa đào búp nụ và hoa mận khai khoe sắc thắm, hoa lan xinh đẹp tím, hồng, trắng, xanh đủ các màu. Có lẽ gian hàng bán hoa quyến rũ nhiều người nhất. Ngày Tết ai

cũng thích có chậu cúc, cành đào trong nhà.



Kể đến là hàng bánh chưng, bánh tét, nhãn đỏ, lá xanh chồng chất cao nghệu. Gian hàng bán thức ăn nóng, nước giải khát được nhiều người chiều có tận tình. Nơi trình diễn văn nghệ, chỗ múa lân rất đông người thưởng thức, nhất là trẻ con. Các cháu sún sính trong áo dài mới, say sưa theo dõi tiếng trống, ngắm nhìn ông Địa bụng phệ nhún nhảy, phe phẩy quạt, và chú lân màu sắc uốn lượn nhịp nhàng theo tiếng trống. Đó đây vang vang tiếng hát mừng Xuân...

Nếu tôi không lầm năm nào Hội Cao Niên cũng tổ chức chợ Tết. Đi chợ Tết thường thức không khí ngày Xuân, hương trầm, pháo Tết, thấy cành mai, cành đào và có dịp gặp gỡ, chuyện trò, trao đổi tin tức, thăm hỏi, và chúc lẫn nhau những điều tốt lành trong Năm Mới sắp đến. Ngoài ra chợ Tết giúp thế hệ trẻ sinh ra ở Hoa Kỳ biết được phần nào phong tục, tập quán người Việt trong ngày đầu năm. Tết Nguyên Đán là lễ thiêng liêng trọng đại nhất trong các ngày lễ của người Việt Nam. Vào

dịp này con cháu ở xa cũng cố gắng về nhà thăm gia đình và chúc Tết ông bà, bố mẹ, bà con quyến thuộc... Thường vào những ngày cuối năm các phương tiện di chuyển như xe đò, máy bay tăng giá cao nhưng vé vẫn bán hết. Thiên hạ tranh nhau mua để về nhà, dù vé có mắc hơn chút ít cũng không nề hà!

Bạn tôi khoác áo ấm đi chợ Tết để mua hoa quả, bánh mứt về bày bàn thờ, cúng tổ tiên dù trời lạnh gió thổi vì vụ rét buốt. Ngoài ra chị còn mua để biếu hay thết đãi họ hàng, thân hữu trong những ngày Tết theo tục lệ người Việt Nam dù chị sống ở Hoa Kỳ gần nửa thế kỷ



CHỢ TẾT NHÀ VIỆT NAM

Trước đó 1 tuần có chợ Tết do Nhà Việt Nam tổ chức tại Sherwood Community Center, Fairfax, Virginia với nhiều tiết mục hấp dẫn. Nhà văn Lê thị Nhị tuy gầy gò bé nhỏ nhưng siêng năng, làm việc không ngừng nghỉ. Chị

là một thành viên trong ban tổ chức. Chị trao tôi bản chương trình chợ Tết và nhắc nhở tôi mời bạn bè đi cho đông.

Vào chợ Tết trình vé xong chúng tôi thăm gian hàng bán kẹo, bánh mứt ... Những hộp mứt xinh xắn trông thật ngon lành: mứt dừa, mứt bí, mứt mãng cầu, bánh tét, bánh chưng... Các cô bán hàng bận tíu tít, tươi cười mời chào, trả lời khách. Chúng tôi đến nơi triển lãm sách của Tủ sách Tiếng Quê Hương và Kỷ Nguyên Mới thấy nhà thơ Hoàng Song Liêm đang chỉ trở, chuyện trò với khách yêu văn thơ. Bàn thờ Tổ Quốc nằm cuối phòng với chân đèn và lư đồng sáng choang. Chậu cúc đại đoá hoa vàng rực rỡ và bình hoa mai to giữa 2 đĩa bánh chưng, mâm trái cây ngũ quả làm tăng vẻ trang nghiêm nơi thờ phượng. Các trẻ em, bà mẹ, các thiếu nữ tranh nhau chụp ảnh trước bàn thờ. Chị Lê thị Nhị cho biết chị bày bàn thờ để trẻ em biết bàn thờ tổ tiên ngày Tết Việt Nam trưng bày như thế nào.



Đến nơi triển lãm tranh thấy tranh Việt Toon treo kín tường lối đi vào

phòng trình diễn văn nghệ và bày trên bàn dài Chúng tôi vào phòng khi màn trình diễn thứ nhất sắp kết thúc. Chị em tôi đến trước giờ khai mạc nhưng khách đông, bãi đậu xe ít nên chúng tôi chạy lòng vòng mãi mới tìm được chỗ đậu.



Đến muộn hết chỗ ngồi. Tôi nhìn các cháu gái xinh xắn má hồng môi đỏ, khoảng 5 tuổi đến 9 tuổi mặc áo tứ thân đeo cái trống bé bé, nhún nhảy nhịp nhàng theo tiếng nhạc trông thật dễ thương. Tùy theo đề tài có khi các nghệ sĩ tí hon mặc quốc phục áo dài khăn đóng, lúc mang y phục như người sơn cước, gùi đeo sau lưng...



Màn đơn ca, hợp ca, trình diễn vĩ cầm, đàn guitar... đều được khán giả vỗ tay tán thưởng. Tóm lại phần văn nghệ của

người lớn hay trẻ con đều hấp dẫn, công phu, tiếc là sân khấu nhỏ và phòng hẹp không đủ chỗ cho tất cả khán giả, lớp đứng lớp ngồi. Giữa các tiết mục văn nghệ có phần bán đấu giá để gây quỹ cho Nhà Việt Nam... Chúng tôi vào phòng bên cạnh nơi các trẻ em đang vui vẻ ngồi chơi bầu cua cá cọi, lô tô, cờ cá ngựa như ngày Tết quê nhà ngày trước...

Sau cùng là phần ẩm thực. Mỗi người được ban ẩm thực trao cho đĩa thức ăn gồm bánh chưng, mì xào, miến xào và nước uống thì tùy ý thích. Có nước lạnh, nước ngọt, nước trái cây. Tráng miệng có bánh ngọt, trái cây, các loại chè, thạch...

Xin được khen ngợi phần trình diễn văn nghệ, nhất là sự dạn dĩ, thuộc bài của các nghệ sĩ tí hon trong các màn vũ ngoạn mục. Tôi cầu mong Nhà Việt Nam tài chánh dồi dào hơn để có thể tiếp tục các công tác từ thiện, các sinh hoạt hữu ích cho đồng hương vùng Hoa thịnh Đồn, nhà văn Lê thị Nhị sức khỏe tốt để có thể cùng các bạn xây dựng trụ sở NHÀ VIỆT NAM ngày càng rộng rãi, tốt đẹp hơn...

BUỔI TIỆC CUỐI NĂM CỦA HỘI Y TẾ MIỀN ĐÔNG BẮC HOA KỲ

Vào 7 giờ chiều ngày cuối năm, hội Y Tế miền Đông Bắc Hoa Kỳ tổ chức tiệc Tất niên tại nhà hàng Harvest Moon, Falls Church, Virginia. Bên ngoài trời mùa đông rét giá nhưng bên trong nhà hàng ấm cúng, rộn rã tiếng nói

cười của hơn 300 trăm quan khách tham dự. Từ nhiều năm, Hội Y Tế miền Đông Bắc Hoa Kỳ thường được nhắc đến nhất là vào dịp chợ Tết qua các công tác thiện nguyện, khám bệnh miễn phí cho đồng bào nghèo không có bảo hiểm sức khỏe. Các Nha, Y, Dược sĩ đến chợ Tết để khám răng, khám mắt, khám tai, đo áp huyết, thử đường, thử máu, hướng dẫn y tế... Các vị kể trên không ai có thù lao trong ngày ấy.



Nay năm cũ sắp hết, Hội Y Tế miền Đông Bắc Hoa kỳ tổ chức ngày họp mặt vui tươi với gia đình Y Tế và thân hữu. Trong hội trường có pháo nổ, có tre xanh, hoa cúc vàng... và múa lân. Theo tục lệ thường có múa lân vào dịp Tết. Hai con lân, một lớn, một nhỏ và ông địa bụng phệ miệng cười toe đi theo đoàn lân vào hội trường múa lân mừng Xuân. Quan khách y phục chỉnh tề trang trọng trong buổi tiệc cuối năm.

Bác sĩ Hội trường trân trọng cảm ơn các vị đại diện các đoàn thể, hội đoàn và các ông bà anh chị em tham dự buổi tiệc hôm nay. Ông cũng cảm ơn Ông

trên và hội Y Tế cho ông có cơ hội phục vụ đồng bào. Ông cho biết dù đang mùa đông lạnh lẽo nhưng ở đây ai cũng có nụ cười vui vẻ. Bác sĩ cho là ông bà, anh chị em có mùa Xuân ở trong lòng. Ông cho biết Hội Y Tế vùng Đông Bắc Hoa kỳ cộng tác hài hòa với các hội đoàn trong vùng như Cộng Đồng Người Việt Vùng Hoa Thịnh Đốn, hội Cựu Quân Nhân... Ngoài ra hội đã tổ chức gây quỹ trong ngày Y Tế cộng đồng mùa Hè, tổ chức buổi họp mặt Nha Y Dược hàng tháng để anh chị em Nha Y Dược có cơ hội học hỏi thêm.



Bác sĩ Hội trưởng chúc mừng Năm Mới tất cả quan khách, chúc các ông bà, anh chị em có sức khỏe tốt, không vướng mắc các bệnh hiểm nghèo không chữa được, làm cuộc đời tằn, gia đình mất vui. Ông cũng chúc mọi người có trí nhớ tốt để nhận ra người thân, nhớ những chuyện vui, không nhớ chuyện buồn. Ông mong mọi người có sự bình yên trong tâm hồn, bình yên khi gặp nghịch cảnh... Ông

chúc mọi người có niềm vui trong cuộc sống, có lý tưởng, có mục đích để cảm thấy hạnh phúc với gia đình hay bạn đời... Bác sĩ Hội trưởng cũng tặng một bà cụ cao niên bình hoa đẹp. Tuy cao tuổi nhưng tiếng nói Cụ sang sảng. Hỏi Cụ bí quyết nào giúp Cụ sống lâu và khỏe mạnh. Cụ cho biết lúc nào cũng theo sự hướng dẫn bác sĩ gia đình “uống ly nước lọc mỗi sáng, đi bộ, ăn trái cây...” Phần giúp vui sinh động do ban hợp ca Hội Y Tế, nhà ảo thuật với ban nhạc The Red Sun và ca sĩ xinh đẹp đến từ Cali trình bày một lúc nhiều bài hát Việt và ngoại quốc vui tươi trong buổi dạ tiệc cuối năm. Tôi ra về khi phần dạ vũ bắt đầu.

Cầu mong mọi người Việt Nam đều vui vẻ, ấm no, có mùa Xuân trong lòng và trong cuộc đời...



Ngọc Hạnh

TÌNH CAO ĐẸP

Gửi về em chữ yêu thương trong gió
Đời mong manh và tình cũng mong manh
Còn được chi lưu lại trái tim mình
Chuyện tình yêu muôn đời thương với nhớ

Anh đã hẹn khi đời còn hơi thở
Thơ vẫn còn để viết tặng cho Em
Cùng dâng đời gửi bạn tự con tim
Bởi chỉ có tình thương là cao đẹp

Tìm được một Chân Tình là hạn hẹp
Bước chân qua mong mỗi chút muộn màng
Anh âm thầm nghe từng tiếng cao sang
Bên một nửa góc đời ai hò hẹn

Lòng vẫn giữ niềm tin tình trọn vẹn
Từng mùa hoa rồi lại những mùa hoa
Một đời người vội vã bước đi qua
Ngày hạnh phúc chưa đầy tình đã cạn

Vẫn quần quanh nhìn chợ đời mua bán
Thấp thoáng vui và cũng thấp thoáng buồn
Ngẩng nhìn trời anh thấy lắm cô đơn
Từng sợi nắng nhạt nhòa trong tâm tưởng

Chiều mùa Đông nhẹ nhàng từ tạ xuống
Để ngày mai trở lại sáng huy hoàng
Anh mỉm cười nhìn thấy bóng em sang
Người yêu quý vẫn là Em muôn thuở.

Hoa Vãn - Jan. 9/2021

DẤU MƠ

Vào đời ươm mộng dệt mơ
Yêu thương còn chỉ Nàng Thơ chung tình
Soi gương mình lại với mình
Đã già sợi tóc nhân sinh nụ cười

Vui buồn năm tháng buồn vui
Công danh ai tặng lỗi ai chia
Dấu về dấu ở bờ mê
Mai sau còn một nghìn thu lá vàng

Trăm đường một lối thênh thang
Cầm như gió bụi lỡ làng bóng mây
Bước đi bước lẻ loi này
Chút tình riêng để tháng ngày băng khuâng

Dọc ngang mấy thuở phong trần
Trái tim thơ chút tình thân nhịp cầu
Xin đừng quên gọi tên nhau
Không buồn dẫu bể chẳng sâu gió sương

Trước sau một lối một đường
Cho hoa lên nụ cho thương mấy mình
Hồn thơ khép mở tờ kinh
Nắng hồng mấy bến lung linh mấy bờ

Chưa rời cuộc ruỗi rong thơ
Chiều mơ chưa nhạt trắng khuya chưa nhòa
Trời cao đất thấp bao la
Trăm năm còn lại dấu hoa bên đời.

Hoa Vãn - Jan. 20/2021



CON NGỰA CÁI

**** Tác giả: Cát Đơn Sa (Diễm Châu) ****

Gia đình đông đúc của ông bà Dư mới ngày nào tràn đầy tiếng la hét, cười nói huyền thuyên của lũ con sáu đứa, giờ vắng như chùa Bà Đanh. Căn nhà rộng rãi có bốn phòng, bố mẹ một cái rộng nhất, còn lại ba phòng chia đều cho sáu đứa con bốn trai hai gái.

Gần ba mươi năm trôi qua, mới ngày nào bà còn chạy lên chạy xuống cầu thang không biết mệt, vào từng phòng lo cho lũ con ăn học mỗi buổi sáng tối, giờ thì im vắng một cách lạ thường! Các con của ông bà, nhìn chung thì chúng nó đều ngoan, học hành giỏi giang, thành tài... nhưng khi ra trường, chúng lại chọn việc ở xa mà làm, ông bà đã có khuyên nhủ, đôi khi tỏ ra giận hờn... thế mà chúng cũng không thay đổi ý định. Mỗi đứa đi mỗi hướng. Bạn bè thấy thế khuyên nhủ:

- Thôi, chúng đã thành nhân chứ không phải còn con nít, sự lựa chọn này đối với phương tây là đúng, vì chúng có đời sống cho riêng mình.

Ông Dư ưu tư:

- Mình tưởng về hưu có các con cháu chung quanh, lỡ có việc gì xảy đến thì có người chăm sóc cho cái thân già, ai đời tụi nó chưa gì đã cút mất hết!

- “Con cái lo cho cha mẹ sao bằng ông bà lo cho nhau”!

Ông bà Tâm đã nói thế, và nhấn nhủ:

- Cứ cái gì mình ưng chịu là xong hết. Còn không chấp nhận sự kiện thì lúc nào tâm tư cũng không yên ổn, mệt cả người! Có nhiều cách để an hưởng tuổi già.... Mà ông bà đã già gì đâu mà lo!

- Cách nào, ông nói tôi nghe thử coi...

- Thụ hưởng...

- Hưởng cái gì nữa hả ông?

- Ở đời nhiều thứ để hưởng, chỉ tội cho người không biết thôi!

Bà Tâm chen vô:

- Tui biết ông muốn nói gì rồi, trước tiên là đi Cruise.

- Nghe thiên hạ nói lên tàu đó chỉ toàn ăn không, đi về mất công bụng bự, “diet”!

- Ai bảo ăn xong lại nằm thì mới sợ lên cân, ở trên đó có hồ bơi, có “spa”, có hồ nước nóng, có phòng tập thể dục, chỗ nhảy đầm, đi bộ, coi phim, chơi game và shopping... một ngày đi vòng vòng vài tiếng cũng tiêu hết những thứ béo... đi du thuyền mà rủ thêm vài cặp bạn bè thì vui hết biết, tha hồ đầu láo...

- Ngoài đi Cruise còn gì nữa?

- Đi học vẽ, học đan len, học nhảy đầm, hát, bơi lội, học nhạc v.v... ở mấy trung tâm Cao Niên của Mỹ, chỗ địa phương mình cư ngụ, muốn học cái gì có cái đó, tiền học phí chỉ đóng mười mấy đồng cho một khoá ba tháng.

- Ông bà có học cái gì không?

- Tui không mà bả thì có, nhưng tui tòi quen mấy anh em bà con ông rủ nhau bày đặt chơi Bonsai, mỗi người mua một cây, rồi thách nhau coi cây của ai mượt hơn, đẹp hơn...

Bà Dư hớn hờ:

- Ờ há, chơi trò đó vui, tui cũng thích trồng cây, mà cây ăn trái tui mới chịu.

Bà Tâm rủ rê:

- Bà nấu ăn ngon thì đi học mấy lớp dạy làm bánh trái, lớp học thức ăn của các nước trên thế giới... đủ hết, bà đi học rồi nấu đãi tui tòi...

- Cha, bà tính gọn quá há. Hay hôm nào bà với tui đi học nhảy đầm, tui thấy môn đó cũng làm cho thân thể đỡ béo phì... lâu nay tui rất muốn nhảy đầm, nhưng chỉ biết nhảy cò cò...

- Vậy sao chồng bà nói với tui bà rất ghét môn nhảy đầm!

- Úi trời, thể diện đó thôi! Chính ông mới không biết nhảy, lại sợ tui mà biết nhảy đầm là sẽ đi vũ trường, nơi đó có mấy ông khác mòi, ông ghen!

Nghe vợ nói, hai bờ môi của ông Dư trề ra dài cả khúc!

- Làm như có giá lắm, bà già Yamaha!

- Yamaha là sao?

- Già mà ham đó, ông chơi tui hoài!

- Thôi, giờ tóm lại, hai người nên đi học một môn nào đó, để giết thì giờ và còn vui vẻ cuộc đời.

- Bà nói chí lý, tui không thể chết già trong sự chán chường như một người osin!

- Còn tui cũng không thích sống hoài như một kiếp phu xe...

- Hai ông bà này hay quá há... vậy thì tui đề nghị cái hợp nhất cho cả hai là học hai môn... phu xe học nhảy đầm, còn osin thì học vẽ...

Bà Dư kêu lên:

- Ủa, tui có biết vẽ đâu mà học!

Lợi dụng lúc ông Dư vào tủ lạnh lấy thêm chai bia, bà Tâm kể tai bạn:

- Học đi, khi nào tức ông thì vẽ mặt ông xấu hoắc là bà đã lắm! Không cần cãi vả lôi thôi!

Tự nhiên bà Dư thông minh bất ngờ, thì trào vào tai bà bạn vì sợ ông Tâm nghe, tay thì kéo bà Tâm đi ra sau vườn:

- Ờ há... ra đây nói không thôi mấy ông nghe... vậy mà tui không nghĩ ra, tui không biết vẽ thì vẽ xấu là đương nhiên, mà vẽ xấu thì đẹp trai cũng thành xấu! Tui sẽ làm cho ông chồng tui bỏ cái tật chê vợ! Còn bà, bà có trả thù chồng bằng cách đó chưa?

- Tui đã vô khóa học vẽ trước bà rồi... có vẽ tặng ông một bức tranh chân dung tui vẽ làm quà sinh nhật, bà nhớ hông? Bữa sinh nhật ông đó, quà của tui ông giấu không cho ai coi!

- Hèn chi thấy ông mở quà của bà mà cái mặt sượng trân...

- Tui vẽ ông xấu đau xấu đớn! "Một người đàn ông có nhan sắc của chị Doãn không đẹp gái"... hahaha... Thích nhất là mẹ Linh, con mẹ đó chịu đèn ông Tâm bà nhớ không, mẹ ấy đòi

coi, ông này càng không cho, làm bà tưởng tui tặng kỷ niệm gì lãng mạn của hai vợ chồng... lúc đó tui khoái hết biết!

- Nếu vậy thì bà học thêm một khóa nữa đi, chờ tui vẽ được 1 tấm chân dung của ông xong thì nghỉ, chứ tui đi học một mình buồn lắm.

- Ok, vì bà tui thì thêm thời gian, trong đó có ông thầy dạy vẽ cũng nói chuyện vui lắm, đi đỡ buồn.

- Mấy ông này nhìn tranh của mình chắc tức lắm, mà không dám dục, vì quà vợ tặng vất sao được!

Rồi bà Dư lo lắng:

- Có khi nào mấy ông chơi mình, vẽ tặng lại một tấm xấu hoắc như vậy không bà?

- Hy vọng là không, vì từ giờ mình sẽ có kế hoạch làm cho mấy ông chạy theo dòm ngó, rình rập mình..., giờ đâu mà vẽ vời!

- Hay quá, hồi xưa mấy cha đã đi mình, lấy hết tuổi thanh xuân của mình... nay con cái lớn hết rồi, mình phải lấy lại phong độ của một thời oanh liệt...

- Lấy phong độ của thời liệt thì có chứ còn đâu thời oanh nữa mà lấy!

- Ủ hế... nhưng có còn hơn không.

Nói dóc một hồi, ông bà Tâm về, không quên rủ rê ông bà Dư đi một chuyến Cruise bốn ngày lên dênh trên sóng nước với giá quá rẻ, chưa đến hai trăm đô, bao ăn ở và giải trí thả dạn, trừ tiền đánh bài thì phải móc hầu bao mà trả, lúc tính cà thẻ trả tiền trước khi rời tàu.

Nghĩ đến chuyến đi chơi đầy hứng thú, nhưng cũng còn gần ba tháng nữa, tự nhiên bà Dư muốn học cái lớp nhảy đầm cấp tốc. Cho dù biết lớp đã khai trương một tuần, nhưng không sao, bà cứ học cũng sẽ biết. Bà muốn khi lên Cruise sẽ ra sàn nhảy cùng với bạn bè, nhìn mấy bà kia lắc hông thoải mái, bà tức khi mình và ông chồng cứ ngồi đực ra như hai khúc gỗ mà nhìn thiên hạ vui chơi! Nhưng bà phải nói chuyện với bà Tâm vụ này!

- Tui đề nghị mình đừng học lớp nhảy mà đổi qua học nhảy đầm, tại sao bà biết không? Vì nếu mình chỉ muốn vẽ hình mấy ông xấu đui thì đâu cần phải học cho tốn thì giờ! Vẽ đẹp người ta mới học, còn vẽ xấu thì dễ ồm, học làm gì, bà thấy tui nói chí lý không!

Bà Tâm vỗ tay lên trán:

- Ờ há... bà có lý quá... vậy mà tui phí thì giờ vô ích!

Vì vậy, tuần đầu tiên hai bà đi học nhảy, ông Dư lái xe thả bà vợ xuống trường rồi phóng xe tới ngôi chợ gần nhà, nơi có chiếc xe bus của sông bài lớn đang chờ đợi. Ông đậu xe gần đó rồi ung dung leo lên, vì bà Dư học từ 12 giờ trưa tới 6 giờ chiều, thời gian đó thì ông làm gì? Nên ông quyết lần này sẽ đi sông bài coi cho biết, vì nghe mấy ông bạn già nói quá, mà chưa thử lần nào. Đi để biết còn dễ bề tán dóc với mấy ông bạn lắm mồm!

Ông Dư lên xe đã thấy có khoảng hơn mười "con nhạn là đà" ngồi trên đó. Chỉ

có một đàn ông còn đa số là mấy mụ Mẽ, Mỹ nạ dòng, người nào người nấy to như cái bồ cạp! Ông làm bầm bằng tiếng Việt:

- Chẳng có ma nào coi được cả!
- Có chứ bác, bà ngồi hàng ghế đầu tiên, là cựu vũ công của sòng bài Las Vegas.

Một lời nói tiếng Việt vang vào tai, ông giật mình nhìn ra sau thì thấy một “ma nữ Việt Nam” nhưng chưa biết có đa tình hay không vừa ngồi nhồm dậy, cô ta nhìn cũng khoảng hơn bốn mươi tuổi, coi mặt mày cũng sáng sủa.

- Việt Nam à, thế mà tôi không biết!
- Làm sao bác biết được khi em chưa nói...

“Lại xưng em cơ đấy”! Ông Dư khoái chí trong bụng vì nghĩ mình nhìn có trẻ thì cô ta mới xưng em, nếu không thì đã xưng cháu rồi!

- Ông anh đi chơi lần đầu à?

Mới bác giờ đổi qua ông anh! Vậy cũng vui, có người cùng tiếng nói vui tính như cô em đây, trò chuyện trên đường đi dài hai mươi phút cũng quá tốt.

- Vâng, có gì thì cô... cô gì nhỉ?

- Em tên Cam.

- Tên hay quá... cô Cam hướng dẫn cho tôi nhé.

- Mới đi lần đầu phải không? ai cũng nói vậy, nhưng em thú thật cho ông anh nghe, những thứ gì xấu xa tệ hại trên đời chẳng cần ai phải chỉ vẽ hết, tự khắc người ta cũng biết, làm giỏi nữa là

đàng khác... chỉ có học hành mới là phải cần người dạy thôi!

- Đúng quá đi chứ, vậy cô có thường hay đi chơi trên này không?

- Em đi thường xuyên, có khi một tuần ba bốn lần.

- Không đi làm à?

- Em đang có bệnh ông anh à!

- Nhìn cô tôi thấy vui tươi quá mà lại bệnh? Bệnh gì?

- Em bệnh đủ thứ, coi vậy chứ yếu xiu...

- Yếu mà tự đi chơi sòng bài là còn mạnh lắm đấy. Ăn tiền bệnh phải không?

- Thì đó, bệnh phải ăn tiền bệnh chứ...

- Bao lâu rồi, còn chồng con cô thì sao? Ông Dư hỏi tới, không biết tự bao giờ ông học được thói tò mò đi vào đời tư người khác tình bơ như thế! Bà Dư mà biết chắc ngạc nhiên lắm. Cô Cam thủ thỉ tâm sự:

- Em có hai đứa con gái một đứa mười tuổi, đứa nhỏ hơn lên tám, chúng đang được bà nội nuôi, còn chồng em thì bỏ em lâu rồi...

- Sao bỏ? Chắc cô mê đánh bài thua quá, chả sợ phải bỏ chứ gì?

- Hồi đó mới tập đánh em đâu có thua nhiều, một tuần thua vài trăm thôi, nhưng tức một cái là thắng chồng em nó quá keo kiệt ông anh ạ...

- Chúng ta cùng tâm trạng, vợ tôi cũng bảo tôi như thế đấy... Theo cô keo kiệt là thế nào?

- Thì coi tiền bằng cái bánh xe bò, nó bảo thà em ăn uống, chi tiêu trong gia

đình mà tốn như thế thì nó cũng cam, đằng này lại đem tiền nướng vào sòng bài thì nó không chấp nhận!

- Ăn uống mà phung phí cũng không tốt... nhưng chắc nó nói đúng đấy!

- Đúng cái gì, thứ đồ đàn ông bủn xỉn, rồi chả bắt em ở nhà trông con, không được nhốt chúng một mình trong nhà để lên đi chơi bài nữa...

- Cô nhốt con cái như vậy nguy hiểm thật, nếu nó kêu khóc lên thì sao?

- Khóc sao được, lần nào trước khi đi, em cũng cho chúng nó uống xi rô ho có thuốc ngủ, thế là hai chị em ngủ như chết cho đến lúc em về cũng chưa thức!

- Trời đất, mỗi lần cô đi là bao lâu, mà con cô lúc đó mấy tuổi?

- Đứa lớn năm tuổi, đứa em 3 tuổi! Em chỉ đi có bốn năm tiếng đồng hồ thôi... nhưng em cũng để sẵn nhiều bánh trên giường, chúng thức thì có cái ăn...

- Cô gan quá, rủi ở nhà có chuyện gì thì sao!

- Làm gì có chuyện gì, này nhé, trước khi đi em bắt mỗi đứa uống một chai sữa đầy nhóc có pha thuốc ngủ, đợi cho đến lúc hai chị em ngủ rồi thì em mới lên đường...

- Vậy sao... khi chồng biết rồi ly dị à?

- Thì đi đêm mai cũng có ngày gặp ma. Số là một hôm thằng chồng bệnh về nửa chừng, thấy con ngủ như chết mà không biết mẹ đi đâu, hấn ta đợi canh em về là nổi cơn tam bành lên, chửi em

nát nước, sau đó bắt em hứa sẽ tu chỉnh làm ăn đằng hoàng...

- Vậy là tốt, nhưng sao vẫn bỏ nhau?

- Thì em hứa lèo cho qua chuyện thôi, sức mấy mà nghe lời chả, con ma cờ bạc nó hoành hành trong người em rất khó chịu... sau đó chuyện cũ tái diễn cho đến khi nội ngoại hai bên hay được thì quá đà, họ làm đủ mọi cách cũng không thể cứu vãn được... hai đứa con em ông bà nội nuôi vì ông bà trẻ hơn ba má em, lại nhà cửa rộng rãi...

Câu chuyện nổ như bắp rang của hai người khách một già một trẻ, nhưng cùng chung tiếng Việt trên xe coi mỗi càng lúc càng hào hứng. Mấy bà Mỹ thì ngủ gà ngủ gật trong lúc xe chạy không cần để ý tới ai, bác tài chăm chú lái xe yên lặng.

Khi đến nơi, họ đã có vẻ như thân nhau lắm rồi. Ông Dư hứng khởi nghe chuyện đời cô Cam, ông thích chí khi nghĩ lần này về ngôi cà phê, kể cho mấy ông kia nghe chuyện mới mẻ, chắc phải hấp dẫn lắm, thế nào cũng có tên đòi theo để nhìn mặt cô Cam! Ông thích nhất là lời hứa hẹn:

- Em sẽ chỉ cho ông anh cái máy kéo mình hay được nhất...

- Vậy sao cô không chơi mà chỉ cho tôi?

- Em chơi hoài à, nhưng khi ăn rồi em không chịu ngừng, thành thử bị nó lấy lại!

- Phải chi anh kéo trúng mấy chục ngàn thì đã quá.

Bây giờ thì ông Dư đã xưng anh với cô Cam, và cô cũng bỏ bớt chữ ông khi nói chuyện.

- Nếu trúng anh đừng quên em nhé.

Ông Dư hào phóng:

- Ừ, em chỉ cho anh mà trúng, thì anh cho em một nửa.

- Thiệt không đó cha! Cho hoài nha... Ý quên... nhưng anh cũng nên biết là luật sòng bài nếu trúng trên 1200 phải khai thuế đó.

- Nếu mình thua lại nó thì sao?

- Không cần biết, anh thắng thì phải nhớ trừ tiền đóng thuế rồi chơi tiếp, còn không thì vừa thua, vừa nợ tiền thuế chính phủ!

- Cô em rành quá há.... Tụi nó đúng là lũ ma đầu...

- Nhiều người chửi như anh nhưng vẫn cứ đến chơi...

Ngồi xuống một cái máy, cô Cam bảo ông bỏ năm chục đồng vào bắt đầu chơi, cô đứng kế bên, rất gần, có khi áp sát ngực vào lưng, làm cho ông bỗng dưng cảm thấy mê... Ông bấm nút và thắng liên tục... Trời ơi, hên quá, vừa thắng tiền vừa có gái!...

Ông đã thắng được hơn ba trăm đô, cô Cam say sưa nhìn con số “credit” ông có trên máy mà thèm... Khi bắt đầu thua lại năm lần, ông ngừng, rồi cương quyết đứng lên, nhấn nút rút cái biên lai ra, không chơi nữa. Cam thấy thế vội cặp vào tay ông, nhắc nhở:

- Anh đi đổi tiền rồi chia cho em một nửa.

Cầm chưa đến trăm rưỡi bạc trong tay mà Cam mừng rỡ ra mặt, cô nhón chân hôn một cái thật kêu vào má ông Dư, rồi cầm tiền chạy đi ngay, sau khi nói “bye” thật lớn...

Thế đó mà ông Dư sa đà vào chuyện leo xe bus đi đánh bài lúc nào không hay! Nhưng được cái vì có sẵn máu “kẹo kéo” trong người, nên cứ mỗi lần vợ đi “học vẽ”, thì ông bỏ bốp năm chục đô để đi kéo máy. Khi gặp cô Cam, thì ông cũng nói qua nói lại giỡn cợt, nhưng chưa dám động thủ tay chân bao giờ, vì cả đời ông chưa hề phản bội vợ, chỉ giỡn hớt ngoài miệng cho vui, hai nửa là ông sợ thân mật quá cô Cam sẽ vò tiền! Sau này ông tự động biết cách chơi, không cần cô hướng dẫn nữa, nhưng hai người vẫn coi nhau như là bạn thân.

Hôm nay ông leo lên xe Bus vào lúc nó chuẩn bị chạy. Ông quá biết giờ giấc nên ít khi đến sớm. Điều này chính cô Cam bày cho ông. Nhưng ông không biết là khi vào sòng bài, cô Cam thường đứng chục ở những bàn đánh bạc lớn, hễ có ông nào thắng mà tính tình dễ dãi, thì cô chơi kiểu đánh du kích nhanh gọn lẹ là xin tiền về quê, vì chơi thua hết tiền. Thường thì họ cho cô hai chục, năm chục, cũng có lúc cô xin được ông kia năm trăm vì ông thắng lớn, đang hào hứng.

Kiểu này cô không dám xài nhiều, vì sợ máy quay phim phát hiện là cô sẽ bị cấm cửa, nhưng cô vẫn trang điểm cho

đẹp để vào sòng bài gỡ gạc với tất cả mọi người.

Theo thói quen, ông Dư lên xe là cô Cam xà tới một bên, hai người lại “phun châu nhả ngọc” vào tai nhau...

Ở một hàng ghế sau, bà Dư và bà Tâm đang cúi mình xuống núp và nghe lén coi “đôi tình nhân” thủ thỉ với nhau những gì... Bà Dư tức điên người vì bà chưa kịp “biểu diễn” những tính toán của bà với chồng, thì ông ta đã đổ đốn mê gái, nếu không có người bạn về mách lại gặp ông Dư đi với “gái gọi” trong sòng bài, danh từ bà kia ám chỉ cô Cam, thì bà Dư đâu có biết chồng mình tác tệ như vậy!

- Chào anh yêu, hôm nay khỏe chứ.

- Anh vẫn vậy, còn cưng thì sao?

Chao ơi, bà Dư nghe mà lộn ruột! “Cưng”... danh từ nghe êm ái làm sao, khác hẳn với ở nhà có lúc ông nổi sùng gọi bà là “mẹ nội”! Bà Dư nhồm lên tính chồm tới đôi “gian phu dâm phụ” mấy lần, để trừng trị thì đều bị bà Tâm kéo lại. Bà Tâm rù tì vào tai:

- Chưa có bằng chứng chắc chắn thì làm sao bà “bắt tận tay day trện trặn” được, đợi đi theo họ vào khách sạn hãy ra mặt, ráng chút nữa đi...

Bởi vậy bà phải dằn lòng mà ngồi khom lưng xuống ở ghế sau, để nghe “chúng nó” ba xàm ba láp với nhau ngay hàng ghế phía trước. Bà Dư nghi chồng có tình ý với ai đó mới đây, vì ngày xưa bà thường “hò hét” ông đi đánh răng, rửa mặt, tắm tấp, thay quần áo... hàng

ngày... bây giờ thì không đợi bà phải nhắc, ông lúc nào cũng cười tùm và mặt mày sạch sẽ, áo quần bảnh bao...

Bà không hề biết rằng ông Dư không phải cười vì mơ tưởng nhớ gái, mà vì vui, mỗi lần đi kéo máy ông lại ăn một tý bạc, ăn ba chục cũng thôi, mà ăn lên đến một trăm là tức khắc không chơi nữa! Sau khi bị cô Cam nạo một nửa, số tiền còn lại bỏ vào việc “cứu đói trẻ em” trong một con heo to mà bà không dùng, bảo to quá tiền đâu mà bỏ vào đó cho xuể. Việc giúp đỡ này nghe không ổn tí nào, nhưng cũng được thôi! Bởi vậy sau cả tháng dò xét, bà sinh nghi, rủ bà Tâm rình theo coi ông đi đâu, sau khi chờ bà đi học. Cuối cùng hai bà cũng tìm ra kế hoạch leo lên chiếc xe bus này, ngồi đợi để bắt quả tang.

Ông Dư đang kéo chiếc máy quen thuộc, ngồi kế bên là hai bà Mễ tóc tai quần tít lại chơi cái mũ rộng vành đang chăm chú kéo máy, lúc đó cô Cam xuất hiện. Cô này hay lắm, cứ đợi lúc ông đang thẳng lên hơn một trăm là lù lù hiện ra vò tiền. Cô sẵn sàng “cho tình” nếu ông Dư chịu để được nhiều tiền hơn, nhưng ông Dư chưa chịu.

- Anh, lấy “receipt” ra đi lãnh tiền rồi chia cho em một nửa...

Hai bà Mễ ngồi gần ông ngừng chơi lắng tai nghe, ông đáp:

- Chuyện xưa rồi, anh chia cho em cả tháng nay rồi, giờ cứ đòi chia gì nữa...

- Thôi cưng, nhờ em anh mới biết cái máy này... hay là anh ra xe với em một chút...

- Xe nào, mà ra xe làm gì?

- Thì xe bạn, anh muốn làm gì em cũng được, miễn cứ chia tiền đều cho em là ok...

Ông Dư lắc đầu:

- Thôi... cảm ơn em chỉ cho anh cách chơi kéo máy lúc đầu, nói thiệt mấy lâu nay nói dóc với em cho vui... chứ anh vợ con đùm đề rồi, đâu có dám làm gì... coi chừng vợ anh mà biết là bả xẻo thịt em ra đó, bả chẳng lừa lăm, em đừng có theo làm phiền anh nữa...

- Cưng ời là cưng, em thương anh thật mà....

Bà Mễ ngồi bên chịu hết nổi, đứng dậy xắn tới nói tiếng Việt:

- Con ngựa cái... mày có liêm sĩ không hả mậy, đi dụ dỗ “ông già” chồng tao mà không biết xấu hổ hả, mày nhìn kỹ đi, ổng nhăn nhúm như quả táo tàu khô... hết xí quách đáng cha mày đó mà dụ mãi... cút đi không tao nổi nóng là mày chết toi bây giờ!

Cô Mai giật mình trở mắt ra:

- Ôi... đó là ông già chồng của bác hả!!!

Bà Mễ kia nhảy vô:

- Đi đi, còn đứng đó hỏi nữa tao cho một gáo “nước thú” là da mặt mày lột ra bây giờ...

Nghe hăm dọa cô Mai hết hồn bỏ chạy một nước! Hai bà Mễ gỡ đầu tóc xuống trong khi ông Dư la lên:

- Bà làm gì mà đi rình tôi còn nhục mạ chồng dữ vậy, còn gì là thể diện của tôi nữa!

- Thể diện con khỉ mốc, tui nói có gì sai đâu...ông già rồi, da nhăn đúng không?

- Bà bảo tôi hết xí quách là thế nào?

- Còn không chịu, tuần trước ông không vác nổi bao gạo năm mươi pound đó?

- Bà nói xí quách đó hả... ừ thì sức đâu mà vác...

- Tui cảnh cáo cho ông biết, con nhỏ đó chuyên đi dụ tiền mấy ông già, tui điều tra hết rồi, nó đi một vòng dụ tiền nhỏ nhẹ là đủ ăn trong mười ngày, nhưng vì ham đánh bài, nên xin được bao nhiêu là nướng lại hết... ông nghe rõ chưa. Thôi đi về...

Ông Dư cũng đã muốn về, nên bấm tờ “receipt” ra để đi lấy tiền. Nhìn ông cầm trong tay mớ tiền, bà Dư tò mò:

- Ông bỏ ra bao nhiêu?

- Cho bà biết tui đánh toàn là ăn không có thua...

- Không tin!

Về nhà, ông lôi con heo ra dẫn chứng, bà Dư nghe ông tự tán dương việc làm của mình, lần đầu không phản đối, kể ra thì ông cũng không tệ bạc gì, ổng chỉ xạo xạo cái miệng cho vui thôi, nhưng cũng là người có tâm hồn. Bà nhỏ giọng chiêu dụ ngọt ngào:

- Ngày mai tui đâu là ông ở đó, tụi mình già rồi, không nên tách ra nữa, nghe ông...

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)



XUÂN BẮC MỸ

Quê người phiêu bạt tết gì a?
Năm tháng chồng thêm, tuổi lại già
Ngập lối hơi sương dầu ngọn cỏ
Đầy trời bông tuyết rợn làn da
Chung trà đón tết chung sầu trộn
Ngậm rượu mừng xuân ngậm oán pha
Khéo vẽ nghinh tân cùng tổng cựu
Mai còn cây tận cánh đồng xa!
nguyễn vô cùng



ĐÊM XUÂN ĐẤT KHÁCH

Thêm một xuân qua một tuổi đời
Đêm dài lưu lạc mạch sầu khơi
Bao lần dâu bể, bao phiền lụy
Mấy cuộc hưng vong, mấy đổi dời
Xót cội mai khô, bình rạn vỡ
Thương cảnh xuân héo, dạ đầy vơi
Khói hương tàn lạnh từ xuân ấy
Mà quện tim ai mãi cuối trời
nguyễn vô cùng

CỘI ĐÀO XƯA *

*Người về thăm lại cội đào xưa
Cành lá xanh tươi buổi chuyển mùa
Ong vẫn nơi xa tìm tổ mật
Bướm còn chốn lạ lánh rừng mưa
Cổ nhân lối hẹn qua đò sớm
Áo lụa lạc loài dạo phố trưa
Vẳng khúc nam-ai lòng ái ngại
Kính đô hoài vọng... Giọng buồn đưa.*

Lý Hiểu Thy

(*) Họa thơ " Hối Gốc Mai Vườn Cũ" Nguyễn Vô Cùng



CHÚC XUÂN *

*Mắt em u uất nỗi buồn
Mắt rừng lờ núi lữ nguồn menh mang
Cô đơn lan mọc góc rừng
Nắng mang nỗi nhớ lên từng cánh hoa
Mùa xuân trong cõi Ta bà
Chúc em an lạc vượt qua ưu phiền
Quế lan đẫm ngát hương thiền
Hồi chuông vang vọng, ngày lên nắng hồng.*

Lý Hiểu Thy

Tân Sửu - 02/2021

LÁ TÀ TÔI...LÁ RƠI...

(tặng Tường Huy)

** Tác giả: **Nguyễn Lâm** **

Tôi cần một người để tâm sự. Tôi nghĩ đến anh, người bạn có tư tưởng phóng khoáng mà sâu sắc. Anh bằng lòng chứ, anh Lâm?

Không biết tôi ra đời dưới một vì sao tốt hay xấu? Chắc là được cả hai chiếu mệnh. Thuở nhỏ luôn cảm thấy bất an, sợ hãi, cô đơn dù có cha mẹ nhưng lớn lên trong tay bà ngoại, một phụ nữ Việt cao sang, mẫu mực, nghiêm khắc và tồn cổ... chắc giống bà ngoại anh vì các cụ ngày xưa yêu “đồ cổ”, ấy là tôi nghĩ thế, một nhóc con nghĩ thế... và giờ đây, cả tám mươi năm sau vẫn cho là vậy! Tôi e rằng mình quá nhạy cảm, dễ bị xúc động từ khi còn nhỏ. Mỗi ngày qua, dù lúc ấy chỉ là một ranh nhất vẫn phải có những hành động như thế nào, nói năng ra sao để ngoại không chê trách. Đến trường, phải là một trò gương mẫu cả học lẫn hạnh mặc dầu thực tâm không thấy thú thích. Đó là một sự cố gắng vô cùng với một đứa trẻ ốm yếu về thể xác nhưng cố giữ vững lòng tự trọng. Tự trọng có chút sĩ diện bên trong.

Sau khi đậu Tú Tài, tôi muốn học Y Khoa vì tự nghĩ bàn tay mình có chín ngón hoa chắc mình sẽ trở thành một surgeon giỏi! Mẹ phản đối vì tôi hen suyễn thường xuyên khi mùa đông tới,

không đủ sức khỏe để vui đầu trong ngành thuốc. Đúng năm đó Đại Học Sư Phạm mở kỳ thi tuyển sinh viên 4 năm cho Giáo Sư Đệ Nhị Cấp với chỉ số cao, lĩnh tiền hơn lương Bác Sĩ mới ra trường (khoảng năm 1961,1962). Tôi ghi tên học cả Đại Học Khoa Học vì trường này kế bên Sư Phạm không mất thời gian nhiều khi chuyển lớp và sẽ tốt nghiệp cả hai nơi cùng một năm.

Những năm dậy tại trường nữ trung học Mê Linh là những ngày tuyệt diệu đã tận dụng khả năng và tinh hoa tuổi trẻ của tôi. Đền đáp lại là tình thương yêu quý trọng của những thiên thần trong sáng, những chim non vừa tung cánh trên nền trời, những cô gái thanh xuân chập chững bước vào trường đời. Và tôi đã thành công. Vâng, tôi đã chọn đúng nghề. Ngay từ khi còn là sinh viên Sư Phạm, vị thầy chỉ dẫn về khoa này đã khen: “Học trò có phước mới được học với em. Em sẽ được học sinh say mê đấy”. Lời thầy làm tôi ấm lòng lúc ấy, và ngay cả bây giờ mỗi khi nhớ lại. Đến khi được bổ về nhiệm sở Mê Linh mới thấm lời thầy phê bình hồi còn là sinh viên Sư Phạm. Hai năm đầu phụ trách môn Sinh Vật lớp 11 còn chút thời giờ dư giả để thi hành chức vụ trưởng

phòng sinh hoạt, những năm sau học sinh đậu Tú Tài I lên lớp 12, nữ sinh nào đã học với tôi đều xin nhà trường chỉ định tôi dạy Tú Tài II. Một niềm hãnh diện cho bản thân nhưng mất nhiều thời giờ soạn bài, giảng bài, không còn thời gian cho một sinh hoạt mà tôi đam mê: kịch nghệ!

Điều may mắn trời cho đó là khả năng diễn đạt trên sân khấu - tôi không chịu kém amateurs, không thua anh đâu, anh Lâm! Học để trở thành một nhà giáo thì có nhưng để trở thành một kịch sĩ tôi chưa bao giờ có cơ hội. Ấy thế, tôi dám chỉ bảo cách diễn xuất cho các nữ sinh Mê Linh, vài vị giáo sư yêu thích kịch nghệ và chính mình trình diễn vào những dịp lễ hay tổ chức Đại Hội của nữ trung học Mê Linh trên sân khấu rạp Kim Chung, Quốc Thanh. Công tác kịch nghệ hàng năm gây quỹ lấy học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, phụ giúp xây hồ tắm trong khuôn viên nhà trường. Mê Linh, trường duy nhất ở Nam Việt Nam có hồ bơi cho nữ sinh. Tôi trở thành một đạo diễn và một diễn viên bất đắc dĩ! Ấy vậy, vẫn thành công. Năm kỷ niệm trường Mê Linh 50 tuổi, tôi dựng vở Thành Cát Tư Hãn. Đặc biệt lần này diễn viên là Giáo Sư thay vì học sinh. Ngay bà Giám Học đã thủ vai chính Đại Hãn. Đối địch với Đại Hãn, một thư sinh cao ngạo, ương ương, gàn gàn, ngất ngưỡng chính tôi đảm nhiệm. Lăn ra quân 3 đêm liên tiếp tại rạp Quốc Thanh ở Sài Gòn. Đài phát

thanh, báo chí ca tụng “un coup d’essai qui vaut un coup de maître”. Tôi mãn nguyện, toàn trường từ Hiệu Trưởng đến thầy trò đều vui mừng hả hê!

Bây giờ tuổi đã ngoài 80 - cùng tuổi với anh- vẫn được phụ nữ, các cựu nữ sinh thương yêu đeo đuổi. Từ xưa mẹ tôi đã nói “số đào hoa”. Ngay cả giờ đây, không ngày nào là không có điện thoại của quý bà gọi tới trò chuyện, hỏi han dù tự tôi nhận thấy thân xác mình đã bắt đầu tàn tạ. Mong anh đừng cho là tôi khoe khoang vì thật sự là thế! Vui thì có, khoái thì có, yên ổn và thanh thản thì không!

Thế nhưng, hồi trẻ đã nhiều lần tôi đau khổ vì tình. Không phải đối tượng lơ là, đối tượng nào cũng yêu thương nồng nhiệt nhưng... chung bước được một thời gian rồi “nàng” cũng ra đi. Nàng tự bước chân đi hay nàng bị buộc phải ra đi thì vẫn để lại nỗi chua chát đắng cay, trống vắng cô đơn! Và tôi, không bao giờ chịu cô đơn... Anh cười mỉm phải không, anh Lâm? Anh may mắn, cả đời chỉ có một người. Anh chưa hiểu rõ tâm tư và thông cảm tới đáy cùng cái sướng và khổ của một người cứ phải thay đổi người tình mà thật tâm không muốn vậy! Đấy, anh em mình cùng tuổi, tương tự về trình độ, ngang ngửa về đời sống mà có giống nhau đâu?

Anh bảo nàng Vertigo hành hạ anh suốt 3 năm nay. Đến rồi đi nhưng

không bao giờ tan biến. Anh nôn mửa, đầu quay tít, chóng mặt, ánh sáng làm mắt anh chói lòa, floaters ùa ra, tiếng nói lớn, tiếng động ầm ầm làm nhức đầu phải úp mặt xuống đất, bò lê bò càng... sau đó mệt rũ cả mấy ngày không làm gì, không mở mắt ra được, không gượng dậy ra khỏi giường được. Anh rộc rạc cả người, hốc hác, hom hem! Thế thì khổ thật. Tôi nghiệp! Nhưng anh chưa bị lên án tử hình, chưa thấy chén độc được, vòng dây treo cổ trước mặt. Anh vẫn còn sống, vẫn chưa thấy bóng tử thần. Nói thế thì anh hiểu tôi tiếc đời đến thế nào, đau đớn khác khoải đến thế nào.

Anh bảo anh dễ cáu, dễ bần gắt. Ai nói câu gì chướng tai, vô lý, anh không chịu nổi, khổ vì anh vẫn phải sống! Bệnh thần kinh của anh khá nặng, chẳng bác sĩ thần kinh nào chữa được, anh khó thở vì nước mũi thường xuyên chảy đặc quánh ngăn không khí tới phổi, chẳng chuyên viên tai mũi họng nào trị hết, những xúc động của anh nhiều, tay anh giật liên hồi khi người nào làm anh bực bội! Nhưng anh vẫn còn sống. Anh cầu nguyện đi. Trouble maker, nguyên nhân bệnh tật, và ngay cả lời nguyện của kẻ không ưa anh, hay say mê mà không giữ nổi anh cũng không làm gì được, không giết được anh đâu. Những lời cầu nguyện sẽ làm tâm hồn anh nhẹ dần, bôi xóa cơn giận ập đến. Thế đấy, anh Lân ơi! Anh bảo đọc sách chỉ trên 15 phút là hoa mắt,

nhất là những mẫu chữ nhỏ, ngồi viết trước computer chưa đầy nửa tiếng đồng hồ đã thấy choáng váng, phải nhắm mắt, đứng dậy đi chỗ khác, viết không nổi, đầu óc bắt đầu quánh bùn-
**nàng thơ, chàng văn trốn chạy-
nguồn cảm hứng vô thường-cứu
cánh cuộc đời không còn nữa!** Thì thôi. Đừng gõ máy nữa. Vận nhạc lên. Nhún nhảy đi cho máu huyết lưu thông, cảm kèn melodica thổi lên cho tâm hồn rộn rã thăng hoa. Đó là cách nắm bắt cuộc sống tôi biết anh làm được! Thế là may mắn rồi! Còn lai rai sống đấy! Nghiệp đấy! Nợ đấy! Anh Lân ơi! Thôi thì

*“Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau”*
(Kiều)

&

Còn tôi? Nhiều cục bướu tí tẹo xuất hiện thêm trong lá lách (pancreas). Đã tới ba lần thay thuốc chữa trị. Nói là thử thuốc mới thì đúng hơn. Không thể giết được những tế bào ung thư man rợ! Cứ một thời gian, khi ngắn khi dài, vài ba tháng cho đến cả năm sáu tháng bác sĩ lại cho một loại thuốc có hiệu nghiệm trên chuột, trên thỏ làm teo những khối u. Khổ nỗi, những bướu của tôi ác tính, chẳng teo mà cứ phình lên trong miếng lá lách nhỏ xíu của cơ thể! Da mặt tôi đã xạm màu rêu đậm và thân thể tôi bắt đầu quần quai trong cơn đau. Loại thuốc khá độc được

dùng chỉ giảm cơn đau trong vài tiếng đồng hồ! Cháo, súp không nuốt được... như nghẹn họng! Thức ăn vào tới cổ họng bao tử làm tôi đau đớn vô cùng. Tuyến Thyroid tiết kích thích tố Thyroxine T4 quá ít làm tôi mệt là người cộng thêm không có thức ăn cho sức sống. Anh Lâm ơi! Tôi đang hấp hối! Đành bám víu vào đức tin, cầu nguyện... cầu nguyện!

Nghiệp chướng từ kiếp nào mà mình đang trả? Cả đời tôi chưa thù, chưa hận ai. Chỉ biết buồn, biết nhớ, biết thương. Cả đời tôi chưa hại ai, chưa chơi xấu ai. Nhưng có lẽ tôi hay nói mạnh, nói thẳng khiến người buồn lòng. “Tâm Phật” không che chở nổi khi mình lỡ “khẩu xà”! Đến nay đang trả nghiệp mới thấy đau khổ thì đã muộn “ăn năn thì sự đã rồi” (Kiều). Tôi tranh đấu với nạng cancer đã gần hai năm trời và sẽ tranh đấu tới cùng... trong tuyệt vọng.

Người bạn đường của anh sốt sắng với chồng nhưng anh chưa phải nhờ vả nhiều, chưa cần sự hiện diện của vợ luôn bên cạnh. Còn tôi, vợ tôi là linh hồn của tôi, là bàn tay nâng đỡ tôi trong cuộc đời. Thiếu nàng giờ phút nào tôi như rũ liệt, không có nàng tôi chắc chết mất. Nhưng nàng vẫn phải đi làm, người khác coi tôi thế cho nàng trong ba bốn tiếng đồng hồ chắc nhìn thấy sự cố gắng vô cùng tận nơi tôi, cố gắng gồng mình, cố gắng giương đôi mắt

sáng long lanh để tỏ sự sống. Tôi không muốn ai thương hại trừ vợ. Anh hiểu? Anh thường phê bình tôi: con người khó tính, kỹ lưỡng và can trường. Những ngày cuối tôi vẫn muốn biểu lộ như thế. Thật ra, đầu óc tôi đã trì độn cả hơn tuần nay, suy nghĩ chậm chạp, thều thào không ra hơi. Cửa ngõ của sự sống đang dần dần khép. Bọn tế bào cancer cuồng điên đang dẫn dắt tôi xa lìa những người thân thương. Đau đớn quá, anh Lâm ơi! Cả tinh thần lẫn thể xác. Trên lần ranh Tử Sinh tôi vẫn cố bám víu vào hy vọng trong nguyện cầu! Chúa ơi! Con chưa muốn chết!

Nằm đây, ngó mộng lung ngoài cửa sổ của một chiều cuối thu. Hoàng hôn đang chuyển dần sắc thắm đỏ sang vàng úa... ngả màu tím hoa sim rồi thắm dần màu mực tím với những áng mây trắng vờn vện ráng trời chậm rãi trôi... Đẹp quá! Đẹp thật!... và tôi ao ước sống!

Tôi thắm nhủ, thì mình cứ đếm những lá rụng. Còn bao nhiêu lá trên cành? Bao nhiêu lá là bấy nhiêu tình vợ tặng cho tôi... đến khi nào chiếc lá cuối cùng rụng rơi tôi mới đành đoạn... Những chiếc lá vàng đang chao đảo trong không trung, đang lất lẻo u sầu không muốn rời cành, đang nhìn số phận cả một đồng lá nâu nằm im lìm... rồi sẽ mục nát với thời gian. Anh Lâm ơi! Tôi không muốn vậy. Mà sao chiếc lá cuối cùng dù gió quạt tả tơi vẫn

không chịu lìa cành... bao giờ lá rơi...
lá rụng là tôi vĩnh viễn ra đi... nhưng tôi
phải tỉnh thức, phải sống cho đến khi
vợ về. Em ơi!

Đời người cũng như những chiếc lá
đang rụng rẫy kia. Ngày bé thơ là mầm
non mới nhú tươi mát của mùa xuân
đang tới... Khi trưởng thành giống như
đám lá đâm xanh tràn đầy sức sống
mang mạch nước từ dưới đất lên, biến
chuyển thành chất bổ dưỡng nuôi cả
tàn cây rậm rạp, xum xuê trong rừng
cây nắng hạ. Tuổi già trông buồn bã
như lá vàng úa cuối thu. Bệnh hoạn
thật thiếu não, rã rượi màu nâu chết
như đám lá mục... để đông về toàn
thân trơ trụi, cành khô khan, khẳng khiu

chờ vợ trong bão tuyết.

Tuy vậy, Thượng Đế vẫn ban đặc ân
cho con người. Người và cây đều có
thời, khi trẻ trung khỏe mạnh, lúc già cả
yếu đau nhưng cây có Tình Thương
Yêu không anh Lân? Anh dậy khoa học
nhưng chưa trả lời nổi câu hỏi đó, tôi
nghĩ vậy. Riêng người, mình sống
không chỉ có sức khỏe mà còn tình
thương yêu từ hồng ân của Chúa. Nghĩ
thế, tôi yên lòng vì giờ phút phân ly tôi
vẫn được bao phủ bởi tình yêu thương
trân quý của người - đặc biệt vợ tôi.

Con xin cảm ơn Chúa!

Rồi cũng có ngày mình gặp lại nhau.
Chân tình.

NGUYỄN LÂN (1/2019)



HOA XUÂN LẠC LOÀI

*Một mình đi ngơ ngác
Giữa bầu trời đầy hoa
Mang nỗi sầu xa xứ
Nghe mùa xuân đi qua*

*Đi về đâu em hỡi?
Khi tình người chia xa
Hoa xứ người có thắm?
Sao mắt em lệ nhòa!*

*Nhớ mai vàng quê Mẹ
Thương gốc ổi tình Cha
Mùa hoa thơm trái ngọt
Xuân quê hương đậm đà.*



*Giữa tuổi đời xuân đẹp
Sao tình chẳng thiết tha
Mơ về phương trời cũ
Đau vụn nước tình nhà*

*Lạc loài xuân đất khách
Lòng sương lạnh tuyết sa
Đi giữa trời hoa nở
Xuân nào Xuân của ta!*

ĐẶNG NGUYỄN

(Trích thi tập “Đã Khô Dòng Lệ”)

NHỮNG THÁNG NĂM LY LOẠN

** Tác giả: **Tiểu-Thu** Canada **

Ngày mai là đám giỗ Má. Mới sáng sớm chị Bích đã gọi phone nhắc. Vì Cô Vy 19 vẫn bám trụ không chịu tha nên chính phủ ra lệnh cho người dân không được tụ họp. Nhà ai nấy ở và ban đêm không được lạng quạng, thơ thẩn ngoài đường nếu không có lý do chính đáng. Hai chị em nhắc lại những năm trước, đám giỗ Ba Má vui quá chừng. Nếu Chị Bích cúng Ba, thì Thơ sẽ cúng cho Má, tuy rằng giỗ hai ông bà cách nhau có 3 tuần. Đám em họ đưa ý kiến thôi thì cúng chung hai ông bà cho gọn, nhưng Thơ thấy đây cũng là dịp để anh chị em họp nhau ăn uống chuyện trò. Nhứt là đám trẻ thuộc thế hệ thứ hai, nếu không thường gặp nhau, tình thân rồi sẽ phai nhạt dần. Mà cũng đúng, vì tuy ở cùng thành phố, nhưng có khi cả ...vài năm họ hàng chẳng gặp mặt nhau! Giỗ quây là cơ hội để mời mọc họ hàng xa gần. Năm nào nhà chị Bích, nhà Thơ cũng rộn ràng tiếng cười nói thật vui. Năm nay buồn quá, chị em có muốn thăm cũng chỉ đứng ngoài cửa nhìn vào, nói năm ba câu rồi từ giã.

Hai chị em nhắc chuyện cũ, những ngày còn sống ở Việt Nam. Nhắc những kỷ niệm từng giai đoạn của cuộc đời. Chuyện vui, chuyện buồn từ khi cả hai còn là những cô bé sống bình yên

dưới mái nhà của ba má tại một quận ly miền Tây. Một nơi sông nước hữu tình, cây trái bốn mùa tươi tốt, ruộng đồng cò bay thẳng cánh... Rồi giặc giã kéo tới và cả hai phải theo ba má lên vùng Cao nguyên sinh sống. Chị Bích nói một hồi chắc...mỗi miệng nên sau tiếng “thôi ghen” là chị cúp cái rụp! Thơ vẫn còn cảm ổng nghe, lòng bồi hồi nhớ lại những tháng năm sống trên vùng Cao nguyên, tuy nhỏ bé nhưng thơ mộng và đẹp tuyệt vời.

Chị Bích lập gia đình, sinh con đẻ cái... Rồi đến phiên Thơ cũng lập gia đình. Thanh, ông xã Thơ là một quân nhân. Thuở đó, phần lớn các cô đều lập gia đình với lính, vì các ông trước sau gì cũng bị gọi động viên. Thơ đã sống qua những phút giây lo lắng, sợ hãi như tất cả những người vợ lính đã từng trải qua. Thanh làm việc trong Bệnh Viện Dã Chiến. Cho đến giờ phút này Thơ vẫn không hiểu bộ óc siêu việt nào đã thiết kế ra khu quân sự của vùng? Bệnh viện Dã Chiến nằm lọt thỏm như cái nhuren của đôn bánh tét. Bao chung quanh bệnh viện là Bộ Chỉ Huy Biệt Khu 24, Pháo Binh, Thiết Giáp và Thám Báo. Vì thế, mỗi lần Việt cộng đặt trọng pháo trên núi bắn vào cứ điểm quân sự nào, cũng có vài quả “đi

lạc” vào bệnh viện! Thương binh đang điều trị ở đây lại lãnh đạn thêm một lần nữa! Nhiều người không chết oanh liệt trên chiến trường mà chết trên giường vì...lạc đạn. Một cái chết kém... oai hùng, rất tội!

Tính ra thì ông xã Thơ xem cháu ông bà mấy lần trong đường tơ kẻ tóc như một phép lạ. Đến đây, Thơ nhớ lại một chuyện hơi... dị đoan một chút xíu, nhưng từ từ thì thấy đúng lắm. Số là lúc mới đám cưới xong, chưa bận bịu con cái nên hai vợ chồng hay tà tà cùng đám bạn thuở còn son của Thơ tụ tập tại tiệm thuốc tây của cô bạn thân cùng trường. Cả đám đầu lảo đảo chuyện trên trời dưới đất cho quên ngày tháng và quên cả chiến sự đang càng ngày càng khốc liệt. Một hôm, có bà thầy bói dạo đi ngang qua. Cô bạn gọi bà ấy vào. Ai cũng xem cho vui. Đến phiên ông xã Thơ, sau khi xem chỉ tay và ngấm nghĩa mặt chàng một lúc rồi bà phán: “Ông nhờ phúc đức của bà Ngoại ông nên sẽ vượt qua được nhiều tai nạn và năm 36 tuổi ông sẽ xuất ngoại. Lần này ra đi lâu lắm mới trở về”. Năm đó Thanh 32 tuổi. Mọi người đều nghĩ chàng ta đang ở trong quân đội, lại chẳng thuộc dạng COCC (Con ông cháu cha) thì làm sao có cơ hội xuất ngoại? Ai cũng cho là bà ấy bói vớ vẩn rồi quên đi.

Đám cưới Thơ đầu tháng 12, còn gần 2 tháng nữa là Tết. Thơ đang ở

nhà chị Bích. Lúc đó là buổi chiều Chúa Nhật. Hai chị em đang thái cà rốt, su hào làm dưa chua thì một tiếng nổ long trời lở đất vang lên, ly tách trên kệ rớt xuống gạch bể toang. Tiếng lính tráng đang đi chơi ngoài đường chạy rầm rập và có tiếng la “Việt cộng tấn công”... Nhưng sau đó thì im ắng, chẳng có tiếng súng nào nữa. Mọi người còn đang ngơ ngác thì có tiếng chị Bích vang ra từ...dưới gầm chiếc đi văng hai chị em đang ngồi. Thì ra khi nghe tiếng nổ và tiếng la VC tấn công, chị Bích đã chun cái rẹt xuống gầm đi văng, bây giờ không thể chui ra được! Mọi người phải nhấc chiếc đi văng lên cao cho chị Bích lồm cồm bò dậy, tóc tai đầy mạng nhện. Cả nhà được một trận cười vỡ bụng.

Hôm ấy ông xã Thơ trực nhà thương. Độ gần 6 giờ Thanh từ nhà thương về ghé ngang nhà chị Bích đón vợ. Thấy Thanh đi vào mặt mày còn đầy nét sợ hãi, ai cũng ngạc nhiên. Đến chừng nghe Thanh kể về vụ nổ, mọi người đều bàng hoàng kinh sợ. Thì ra, gần bên bệnh viện Dã Chiến có một kho chứa vài tấn đạn tịch thu được của VC. Nếu Thơ nhớ không lầm, hôm đó các ông lính thấy cỏ cao quá nên châm lửa đốt. Ngờ đâu đám cháy lan tới kho đạn và cả kho đạn nổ tung. Lúc đó Thanh đang mổ cho một thương binh. Sức ép của vụ nổ thổi bay cả nóc trại và thương binh nằm trong trại bị hất tung rớt xuống đất. Điện của bệnh viện

tất ngủm. Chàng phải ngừng lại, đợi máy điện của bệnh viện hoạt động mới mở tiếp! May mà Thanh bình yên vô sự. Nhưng bao nhiêu là đạn M79 chưa nổ bay rớt đầy bệnh viện, phải chờ Công Binh đến nhặt sạch hết mới cho phép người ra vào.

Một lần khác, chiếc xe jeep hàng ngày chở Thanh lên bệnh viện, sáng đó không hiểu vì sao xẹp bánh. Chú tài xế phải đem xe đi thay bánh khác nên chàng đi làm trễ. Vừa đến cổng bệnh viện thì một trái 122 ly từ trên núi nả xuống rớt ngay trên bàn giấy của Thanh, nơi mà mỗi buổi sáng chàng đều ngồi ký hồ sơ bệnh lý trước khi khám bệnh. Người y tá trưởng chết tại chỗ và rất nhiều bệnh nhân bị trúng miềng! Buổi trưa khi nghe tường thuật lại, Thợ đã run như cây sậy! Trời ơi, nếu buổi sáng xe không xẹp bánh, Thanh đi làm như thường lệ thì chuyện gì sẽ xảy ra? Đây không phải là do ông bà phù hộ hay sao?

Chưa hết đâu quý vị ơi. Có lần ông xã Thợ phải trực đêm ở bệnh viện, đang ngủ thì ầm một tiếng, phòng quang tuyến nằm sát phòng bác sĩ trực sập xuống bởi 1 quả mortier 81 ly. Nếu là 122 ly thì chàng đã phải chân leo lên bàn thờ ngồi chung với ông bà cố tổ rồi! Đêm đó bệnh viện hứng trọn 3 quả mortier 81 ly! Nói làm sao hết nỗi lo sợ của những người vợ lính. Dù là lính

trơn, Sĩ quan, Tướng Tá gì thì sự hiểm nguy và thần chết cũng rình rập đêm ngày như nhau. Thợ nhớ có lần Thanh kể bệnh viện nhận xác của Đại tá Nguyễn Bá Liên, Tư Lệnh Biệt Khu 24 bị rớt trực thăng cùng với một Đại Tá Cố vấn trưởng người Mỹ. Xác Ông cháy đen, rút lại nhỏ xíu, các bác sĩ phải kéo tới kéo lui mãi mới bỏ được vào áo quan. Sau đó Ông được truy thăng Chuẩn Tướng. Mỗi lần có trận đánh lớn, thương binh tải về hàng trăm. Các bác sĩ làm việc ngày đêm không ngừng nghỉ, mệt đứt hơi!

Rồi đến lúc ly nước đổ mãi cũng tràn! Một ngày đẹp trời, Thanh nhận lệnh đi khám bệnh tận tiền đồn Polei-Kleng đèo heo hút gió. Đây là nơi trú đóng của những người lính dân tộc thiểu số (thuở đó còn gọi là người Thượng). Trước kia họ thuộc thành phần dân sự chiến đấu do người Mỹ tài trợ và chỉ huy. Sau này Việt nam hóa nên được sáp nhập và lực lượng Địa Phương quân. Bạn đi bằng trực thăng, nhưng bạn về chàng quá giang chiếc máy bay L20 của 1 phi công Mỹ. Lúc đáp xuống phi trường tỉnh ly, chiếc máy bay lặn bánh mãi không chịu ngừng. Đến cuối phi đạo, chàng phi công Mỹ quýnh quá bèn bẻ lái xoay ngược chiếc máy bay 360 độ, không ngờ nó lọt một nửa bên xuống đường nương cạnh phi đạo mới chịu nằm yên. Hai chàng, sau khi hoàn hồn, nhìn nhau (mặt mũi,

quần áo lấm lem dầu nhớt) rồi cùng hỏi: you có sao không? Té ra máy bay bị đứt thắng! Hú vía. Chú tài xế đậu xe gần nhà đợi của hành khách, nhìn thấy chiếc máy bay chạy phăng phăng rồi lọt xuống nương, thì ruột gan phèo phỗi của chú cũng lộn tùng phèo theo. Chú tưởng phen này ông thầy cầm chắc ...đứt bóng! Khi thấy 2 ông lóp ngóp từ cockpit chui ra, chú vội vàng lái xe ra tận nơi đón. Khi nhìn thấy mặt mũi, quần áo lấm lem của ông xã, Thơ cũng hồn bất phụ thể gần xui!

Thơ nghĩ, nếu xảy ra thêm vài màn thót tim như vậy nữa, chắc chắn nàng sẽ chịu không thấu. May quá, lá đơn xin chuyển chuyển của Thanh được chấp nhận và đầu năm 1972, gia đình nhỏ của Thơ giã từ chị Bích, giã từ miền Cao nguyên hiền hòa để xuôi Nam. Tỉnh Sa Đéc rộng lớn, cây trái sum suê, tôm cá đầy sông và người dân thật hiền lành, chất phác. Vợ chồng Thơ sống thoải mái nơi này được hơn 3 năm thì cả Miền Nam bị Cộng quân bức tử tháng 4-75. Nhờ bên gia đình Thanh là người Bắc di cư 54, nên gia đình Thơ được anh chị chồng dẫn xuống tàu Đại Hàn trực chỉ Philippine. Rồi từ đây được đi máy bay sang đảo Guam. Điểm cuối cùng gia đình Thơ dừng chân là xứ Canada Đất Lạnh Tỉnh Nông. Năm đó Thanh 36 tuổi. Thì

ra, bà thầy bói nói không sai tí nào! Sống trong xứ sở thanh bình, tự do, no ấm, đôi khi nhắc lại những tháng ngày loạn ly nơi quê mẹ mà còn rung mình sợ hãi!

... Lắm rắm chỉ còn 2 tháng nữa là gia đình Thơ rời Việt Nam đúng 46 năm. Bây giờ cả hai đã là Ông Bà Nội. Đầu tóc thì 2 phần muối 1 phần tiêu. Ra đường gặp người trẻ trẻ đều được chào hỏi một cách kính cẩn "Chào bác ạ". Ồ, thì ra Thanh và Thơ đã trở thành Ông Thanh, Bà Thơ mất mờ tai nghểng ngẩng từ đời kiếp nào. Tuy nhiên, thỉnh thoảng ngồi một mình hồi tưởng lại thời son trẻ, bà Thơ cứ tưởng mình vẫn còn là Cô Thơ má hồng, tóc xanh thuở ấy và mồm mỉm cười một mình...

Ôi, kỷ niệm nào dù vui, dù buồn cũng đẹp long lanh trong tâm tưởng!



Tiểu Thu (Mùa Đông 2021)

HOÀI NIỆM MỘT MÙA XUÂN

** Tác giả: **Ỗ Nguyên** **



Chỉ còn hơn một tháng nữa là tới Tết ta rồi quý bạn ơi! Quý vị đã sẵn sàng để đón Xuân Tân Sửu chưa? Riêng tôi, thực tình không dám nghĩ tới, nếu chưa được chủng ngừa. Cơn đại dịch Vũ Hán tàn khốc nó đã kéo dài từ năm “Con Chuột” sang tới năm “Con Trâu” vẫn chưa dứt điểm, vậy còn lòng dạ nào để vui Xuân đón Tết! Ngày Noel và Tết dương lịch mới đây cũng tẻ nhạt làm sao! Con cháu mua quà cho bố mẹ, ông bà, chúc tụng nhau, trao quà Giáng Sinh tại trước cửa nhà, ngay bãi đậu xe ... vẫn phải đeo khẩu trang và áp dụng chặt chẽ “social distancing”. Bạn bè thì thăm hỏi chúc tụng nhau cho có lệ qua email, qua iPhone hoặc qua điện thoại thế thôi... chán ơi là chán!

Vậy mà cái nợ văn chương nó mãi bám víu lấy tôi như bóng với hình? Tôi đang ngồi trước cái máy vi tính để cố ghi chép đôi dòng gửi cho Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm, tìm đề tài cho mùa Xuân Tân Sửu nhưng tư tưởng của mình hình như đang đi hoang, tâm trí lơ mơ không tìm ra cảm hứng. Gục đầu trên chiếc computer, tôi cố hồi tưởng lại mùa Xuân yêu thương của năm Canh Tý vừa qua. Kỷ niệm bỗng chợt về...

“... Những ngày trước Tết Canh Tý (2020) hai đứa tôi đã lo sửa soạn nhiều thứ mà việc gói bánh chưng là chuyện tôi quan tâm nhất. Tiếp đến là nghĩ đến các phiên chợ Tết của Cộng Đồng tại vùng Thủ Đô, nghĩ đến các buổi tiệc tất niên của các hội đoàn trong vùng hay của các bạn bè thân quen mời mọc. Ở vào cái tuổi “nắng bên kia đồi” nên lúc nào cảm thấy khỏe trong người là chúng tôi xông xáo đó đây, không ngần ngại để vui chơi cùng mọi người. Chúng tôi tìm cái vui cho mình trong cái vui của thiên hạ.

Chúng tôi đi dự hội chợ Tết của cộng đồng Giáo Xứ La Vang tổ chức tại Trung Tâm Expo gần phi trường Dulles thuộc tiểu bang Virginia. Chúng tôi có mặt tại hội trường ngày Chủ Nhật hôm sau (5/01/20). Mặc dù là ngày thứ nhì mà cộng đồng vẫn đến tham dự đông



đảo, có lẽ vì có nhiều ca sĩ tên tuổi được mời về giúp vui, thêm nữa một chiếc xe hơi mới toanh được dùng vào việc xỏ sổ gây quỹ cũng là một điểm cuốn hút cộng đồng. Chúng tôi mua vé ủng hộ nhưng không thể ở lại tới 9-10 giờ tối hôm đó để đợi rút thăm, nghĩ rằng số mình chưa tới chắc không gặp hên đâu. Có thể nói hội chợ Tết do giáo xứ La Vang tổ chức năm nào cũng thành công đáng kể. Hội trường rộng rãi, một khu dành cho phần văn nghệ rất xôm tụ với một sân khấu trang trọng, những hàng ghế ngồi cho khán giả được sắp xếp gọn gàng tươi tắn trước sân khấu. Một ban nhạc khá chuyên nghiệp tạo cho khung cảnh Tết thiết rộn ràng vui nhộn. Khu ăn uống được bày biện rất chu đáo ngăn nắp, sạch sẽ, thực khách có bàn ăn và ghế ngồi thoải mái. Điềm qua các gian hàng chúng tôi thấy món bánh chưng, bánh tét, giò chả, dưa ghém, tôm khô củ kiệu chiếm đa số và được cộng đồng chiếu cố nhiều nhất. Vậy chứ món phở, bún riêu, bánh canh giò heo, bún bò Huế, bún thịt nướng, bún chả giò v.v... cũng thu hút thực khách

không kém. Kể ra còn nhiều gian hàng khác với đủ mặt hàng gồm thực phẩm, nước mía nguyên chất cũng như đồ chơi con nít, và những gian hàng quảng cáo cho dịch vụ thương mại, tất cả đều được dàn dựng trong sắc thái Tết. Chúng tôi cảm thấy vui vui trong bầu không khí tung bừng của hội Xuân Canh Tý. Suy ra không thể so sánh với khung cảnh đông đúc tấp nập như ở Việt Nam hay tại khu Phước Lộc Thọ ở Cali, nhưng đối với miền Đông Hoa Kỳ, chúng ta có được những buổi hội chợ Tết đông vui như thế ấy tại một vùng lạnh giá khi Đông về thì quả là tuyệt vời chẳng nên đòi hỏi nhiều thêm nữa phải không ạ?

Thứ Bảy kế đó (11/01/20) chúng tôi đến dự chợ Tết của Chùa Xá Lợi tổ chức tại tiểu bang Maryland. Có dự phần vào buổi chợ Tết của chùa Xá Lợi mới thấy thần phục quý thầy cùng bà con Phật Tử đã bỏ ra biết bao công lao và tiền của để hoàn thành buổi hội Xuân này. Hội trường là một khu vực thể thao của một ngôi trường trung học trên đường Randolph và Veirs Mills, Silver Spring. Một sân khấu riêng biệt tách khỏi khu ăn uống và các gian hàng buôn bán, sân khấu trang trọng lịch sự và những hàng ghế đặt ở hai tầng lầu ví như một rạp chiếu bóng ở đâu đó. Bà con tham dự có cảm tưởng như họ đến dự một buổi văn nghệ thực sự mừng Xuân với đông đủ các khuôn mặt thân quen của nhiều ca sĩ... Chương trình văn nghệ như thế của chùa Xá Lợi không những chỉ dành cho ngày hội Xuân năm nay, mà hàng năm chùa Xá Lợi thường tổ chức những buổi gây quỹ

hoành tráng như thế vào khoảng tháng 7 tháng 8 ngay tại khuôn viên của chùa. Và mỗi lần gầy quĩ, chùa tổ chức tới hai ngày, thứ bảy và chủ nhật và đương nhiên không thiếu mặt một ca sĩ nổi tiếng nào từ nhiều tiểu bang khác được mời về giúp vui. Nể sợ luôn khi nghĩ đến tiền chi trả vé máy bay, khách sạn, thù lao cho từng ấy ca sĩ quả là tốn kém, chắc hẳn chùa phải có các mạnh thường quân thứ đại thụ bảo trợ. Lại thêm lần nào cũng có một người trúng số độc đắc là một chiếc xe hơi cầu cạnh, do đó mặc dù ngôi chùa tọa lạc tại một địa điểm khá xa với trung tâm người Việt, nhưng bà con vẫn tham dự đông đủ. “Mật ngọt ruồi bầu” là chuyện thường tình.

Chúng tôi lại tiếp tục vui Xuân nên không thể vắng mặt tại hội Xuân của Cộng Đồng người Việt cũng tại tiểu bang Maryland, Chủ Nhật tuần sau (01/12/20) do anh chị Tuyết-Thắng, Hội Trưởng Hội AVA (American Vietnamese Association in Maryland) tổ chức hằng năm. Đến để chung vui với bà con đồng hương, gặp gỡ bạn bè, thường thức văn nghệ và cũng là để góp một bàn tay... như mua vé vào cửa, ăn cơm trưa, hay mua ủng hộ các gian hàng bánh chưng, bánh tét v.v... mấy gian hàng thuộc các hội đoàn cũng như tư nhân hoặc của các chùa Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo. Ông xã tôi năm nào cũng ghé vào gian hàng của nhà Thờ Các Thánh Tử Đạo để làm một bụng cháo lòng và dồi tiết thật no nê trước khi đi du Xuân với ống kính rất tài tử của anh. Do đó chúng tôi luôn luôn giữ lại được những hình ảnh để

thương cho riêng mình và cho con cháu. Cũng may, trong những ngày này thời tiết không lạnh lại quang đãng nên bà con cô bác tham dự khá đông đủ. Hội chợ Maryland luôn luôn có những tiết mục sôi động như thi “Trẻ em đẹp - Kids Talent Show”, thi Hoa Hậu và những màn võ thuật, múa lân đã được cộng đồng nhiệt tình tán thưởng. Cũng như các buổi chợ Tết khác, tại đây có đủ mọi gian hàng bán thức ăn và hàng Tết. Người mua kẻ bán bận rộn suốt từ lúc khai trương cho đến khi bế mạc. Và đây là cơ hội để các nam thanh nữ tú có dịp phô trương xiêm áo và sắc diện của mình. Những bộ cánh đủ màu, đủ kiểu, hợp thời trang được các nàng Xuân thướt tha tô điểm cho ngày Xuân thêm đậm đà. Đối với lớp trẻ nơi hải ngoại thì hội Xuân cũng đáng được khích lệ để duy trì văn hóa truyền thống mà các em lớn lên tại Hoa Kỳ học hỏi được hầu không sợ bị mai một.

Trở về không khí gia đình, cũng như mọi năm, Tết Canh Tý vừa qua, con cháu dành ngày mừng một Tết đến chúc tuổi ông bà và nhận tiền mừng tuổi. Chúng tôi quan niệm là mua quà cáp cho các cháu vừa tốn kém mà không thực tế, nhiều khi không đúng theo sở thích của các cháu nên cứ lì xì tiền mặt để các cháu muốn mua gì thì mua hoặc để vào quĩ tiết kiệm dành cho việc học hành mai này.

Vào ngày đầu năm, cậu con trai trưởng của chúng tôi vào nhà trước để xông nhà, xông đất cho bố mẹ, rồi sau là vợ và các con vào theo. Ông xã tôi muốn con trai xông nhà để lấy hên vì



tin rằng thằng nhỏ hiền lành, thực thà, dễ thương chắc chắn phải đem niềm may mắn an lành cho bố mẹ quanh năm. Tập tục là như thế, nhưng với tôi ngày nào cũng là ngày Tết, ngày lành, ngày may mắn với mình, nếu tâm mình luôn hoan hỉ.

Theo truyền thống người Việt, ông Nội các cháu trang trọng trong bộ đồ vía trước bàn thờ Gia Tiên, kính thỉnh các Cụ về ăn Tết với con cháu vào ngày đầu năm. Khi ba tiếng chuông được gióng lên, ông đưa ba nén nhang lên khỏi đầu trình trọng khấn nguyện: **“Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần), Nam Mô Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)...Hôm nay là ngày mừng 1 tháng Giêng năm Canh Tý. Chúng con...mmột dạ chí thành cùng toàn gia kính bái trước linh vị Tổ Tiên, Ông Bà Nội Ngoại cùng tứ thân phụ mẫu và các vong linh phụ thờ theo tiên tổ. Chúng con tâm thành cẩn biện lễ lạc hương hoa, triệu thỉnh tổ tiên nội ngoại giáng lâm trước án chứng giám, trước là thụ hưởng lễ vật, sau cùng gia đình chúng con đón mừng năm mới. Chúng con xin dâng đầu kính cáo. Nam Mô A Di Đà Phật (3 lần)”**. Nghe ông nội khấn vái sao có vẻ chuyên nghiệp, có bài có bản, cứ như một thầy Pháp đang hành lễ, làm cả nhà phục

lăn. Theo sau là ba hồi chuông ngân vang, quện trong khói trầm bay bổng như chứng giám lòng thành của con cháu cũng như nhắc nhở tôi tới những hình ảnh thân quen ngày nào khi còn tằm bé...Mới đây...Bây giờ mình đã là bà nội...!

Theo ông bà và bố mẹ, các cháu mỗi đứa một cây nhang, cúi đầu khấn vái... Tiếp theo là những chiếc phong bì đỏ được trao qua đổi lại giữa mọi người cũng như những lời chúc tụng cho nhau cho dù đó là sáo ngữ nhưng nó vẫn được thể hiện như một phong tục mà chúng tôi hy vọng còn một chút gì đó để nhớ, để lưu giữ cho con cháu đừng quên gốc rễ cội nguồn.

- Năm mới, vợ chồng chúng con và các cháu kính chúc ông bà mạnh khỏe, quanh năm, có khả năng sáng tác không ngừng, có sức đi chùa và đi viếng thăm Casino dài dài, v.v...

Chúc tuổi xong, vợ chồng cháu trao cho chúng tôi hai phong bì đỏ dày cộm. (để ông bà có phương tiện đi giải trí cuối tuần?)

Thương quá, ba đưa cháu nội của chúng tôi, khoanh tay trước ngực, đứng trước bàn thờ Tổ Tiên, cúi đầu, đồng chúc tuổi ông bà:

- Năm mới, chúng cháu kính chúc ông nội bà nội vui vẻ, khỏe mạnh, sống lâu trăm tuổi...

Tội nghiệp, chỉ có bấy nhiêu chữ tiếng Việt mà các cháu đã phải khó khăn cố gắng thực tập lâu lắm thì phải, nhưng khi thực dụng vẫn bị áp úng, nghe rất dễ thương vì phát âm tiếng Việt không dẩu, lẫn lộn giữa hai sinh ngữ Việt-Anh.

- Ông bà cũng chúc lại vợ chồng con sang năm mới sức khỏe dồi dào, thăng chức, tăng lương. Ba đưa cháu nội của ông bà ngoan ngoãn, vâng lời bố mẹ, học hành giỏi giang tấn tới.

Các món ăn truyền thống ngày Tết đã được bày biện sẵn sàng, giờ thì con cháu cùng ông bà nhập tiệc đầu năm. Từng chung rượu (nếp cẩm nhà làm) được nâng cao mừng tuổi nhau thêm một lần nữa. Không khí Xuân của gia đình nhỏ bé chúng tôi thực đơn giản nhưng rất ấm cúng và đậm nét Xuân. Vẫn những món ăn thuần túy và đơn giản của ngày Tết mà chúng tôi cố gắng sửa soạn để con cháu ăn trong bữa cơm gia đình đầu năm... giò thủ, chả quế, gà luộc lá chanh, miến gà, măng khô nấu sườn non thay vì vịt (kiêng đầu năm không ăn vịt?), chả rán cua bể, gỏi đu đủ thịt bò khô, xôi gấc và bánh chưng rán ăn với củ kiệu muối, thịt đông dưa chua, v.v... Thêm một nỗi thịt kho trứng nước dừa mà tôi học lại của người miền Nam được mấy đứa cháu nội thích nhất. Xôi gấc và bánh chưng nhất định là không thể nào thiếu trong ngày Tết mỗi năm của gia đình tôi. Năm nay đặc biệt có gấc thứ thiệt từ Florida của chị BS Hiệp gửi tặng và gấc trồng lấy từ vườn nhà của chị Tuyết Thăng từ California gửi biếu. “Mỗi năm mỗi tuổi như đuổi Xuân đi, cái già cái yếu nó thì theo sau” cho nên còn sức khỏe để sửa soạn được những món ăn như kể trên coi như cũng tạm tươi tắn đối với tôi.

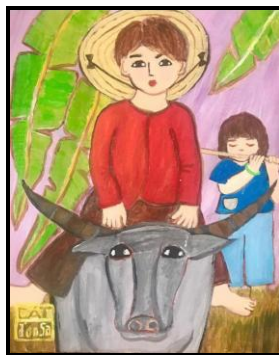
Vào ngày mùng 3 Tết là ngày tiễn đưa các cụ về Trời, hay còn gọi là ngày hóa vàng. Theo tục lệ, chúng tôi sắp

sẵn một mâm cơm để cúng kiến các cụ nhưng không đốt vàng như ngày xưa mẹ tôi thường làm. Hai cặp bánh chưng xanh, bánh cốm, mứt sen và trái cây đủ loại, hai chậu cúc vàng đại đóa tươi rói trên bàn thờ Tổ Tiên, mấy nàng thủy tiên trong chậu kiểng đua nhau nở rộ, nũng nịu khoe sắc dịu dàng, tất cả như muốn níu kéo ngày Xuân lại với chúng tôi. Tôi cảm thấy an nhiên tự tại quì gối trước Phật đài, nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo và khấn nguyện Ông Bà Tổ Tiên độ trì cho con cháu.

Xuân đến rồi Xuân đi, ngày Xuân đầm ấm của gia đình chúng tôi mới đó mà đến nay đã trở thành kỷ niệm, một kỷ niệm thân thương còn đọng lại trong tâm tưởng của tôi sao thấy lưu luyến lạ. Xuân Tân Sửu gần kề, Tết sắp đến, chúng tôi hy vọng sẽ được “đoàn tụ” với con cháu và bạn bè thân quen vào ngày đầu năm sau một thời gian dài bị cách ly và hy vọng người người sẽ tìm lại được mùa Xuân thanh bình ngập tràn tiếng pháo reo vui như ngày nào.

Ỡ NGUYỄN

Maryland – 1/6/2021, Xuân Tân Sửu



Tranh **CÁT ĐƠN SA**

LUẬN BÀN VỀ RƯỢU

*Luận bàn về rượu đến đâu đâu
Trăm sự đều do rượu dẫn đầu
Khi nói rượu hay dùng vẫn tốt
Lúc chê rượu dở bỏ càng lâu
Mấy tay rượu bợm không ai phục
Lắm ả rượu khôn có kẻ hầu
Rượu... một đề tài dài bất tận
Luận bàn về rượu đến đâu đâu*

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

RƯỢU NỒNG HƯƠNG CŨ

*Rượu nồng hương cũ biết tìm đâu
Rượu ngấm cơn say tới bạc đầu
Rượu buổi chia ly còn đắng mãi
Rượu ngày hội ngộ đã chờ lâu
Rượu tràn nỗi nhớ cay bờ mắt
Rượu đọng tình quê ghen cuống hầu
Rượu nhạt bên đời bao chỗ bán
Rượu nồng hương cũ biết tìm đâu*

Nguyễn Vô Cùng

RƯỢU Ở ĐÂU

*Gió lạnh canh tàn rượu ở đâu
Thành sầu vẫy hãm rượu đương đầu
Tâm đầy mối hận rượu tuôn gấp
Ý dậy tình mê rượu ngấm lâu
Chung thủy nàng dâng rượu hợp cần
Phũ phàng chàng đắm rượu công hầu
Không mơ cạn chén rượu tri kỷ
Gió lạnh canh tàn rượu ở đâu*

Lý Hiểu

RƯỢU RÓT TRẦN LY

*Rượu rót trần ly chảy tới đâu
Rượu ơi lai láng chốn giang đầu
Rượu quên cay đắng qua nhanh chóng
Rượu nhớ mặn nồng đọng rất lâu
Rượu thấy nụ cười sau suối tóc
Rượu nghe tiếng thét giữa thanh hầu
Rượu xuân hạnh ngộ bao lâu nữa
Rượu rót trần ly chảy tới đâu*

Phan Khâm

RƯỢU LÀ CẦN LẮM

*Rượu là cần lắm có sai đâu
Rượu cung một ly lúc mở đầu
Rượu chúc vợ chồng tình thắm thiết
Rượu mừng bằng hữu nghĩa bền lâu
Rượu thêm trang trọng nơi bàn tiệc
Rượu để say sưa với ả hầu
Rượu uống lai rai thơ lãng mạn
Rượu là cần lắm có sai đâu*

Nguyễn Phú Long

RƯỢU ƠI!

*Rượu ơi! tốt xấu ở nơi đâu
Rượu! cỗi tới lui nhức cái đầu
Rượu biết điều hòa thêm tuổi thọ
Rượu mê quá độ sống không lâu
Rượu say... làm lỡ sinh đồ tể
Rượu tỉnh... định tâm đạt tướng hầu
Rượu quỉ, rượu tiên thật khó nói
Rượu ơi! tốt xấu ở nơi đâu*

Phan Ngọc



CÔ VỢ CÔNG GIÁO

** Tác giả: **Phạm Thành Châu** **

Bài này là tôi nói xấu quí bà nhiều hơn là nói tốt. Tôi cứ đem chuyện thiên hạ ra gán cho vợ tôi (là nhân vật chính) thì dù bị vợ đánh cũng không có gì đáng xấu hổ cả. Nó có lý do. Rằng từ tuổi mới biết yêu cho đến bây giờ, tôi nhào vô cô nào là bị đá văng ra, thậm chí viết thư tỏ tình cũng bị người đẹp từ chối. Nhiều cô được thư tôi bèn gọi bạn bè đến nghiên cứu, bình luận đến nát lá thư, rồi sau đó, kéo nhau đi tìm tôi, long trọng trả lại thư. Gặp tôi chỗ đông người là các cô cùng đọc thật to cho thiên hạ nghe "*Em ơi, hãy đếm trên trời được bao nhiêu vì sao thì anh yêu em còn hơn thế nữa!*" rồi cười rộ lên, trêu tôi. Tôi không mắc cỡ, chỉ ngạc nhiên, sao câu đó hay như vậy mà không ai rung động? Đây là câu văn (tiếng Pháp) tôi tâm đắc nhất. Một câu nữa (cũng tiếng Pháp) là "*Loại người không có tình yêu như trái đất không có ánh mặt trời*". Gửi thư cho em nào, tôi cũng mở đầu bằng câu "*Em ơi, hãy đếm trên trời...!*" hoặc "*Loại người...*" Đến nỗi, có những lá tình thư, tôi không đề tên người gửi, mà thấy câu đó là họ biết ngay tôi. Ban đêm, các cô ra đường thấy tôi đi tới là chặn tôi lại, đứng vòng quanh tôi rồi cùng ngược mặt nhìn trời, tay chỉ, miệng đếm "*Trên trời có mấy vì*

sao? Một vì sao sáng, hai vì sao sáng, ba vì sao sáng... Nhiều quá! Tình anh yêu em bao la, vĩ đại..." rồi rũ ra cười. Các cô chọc quē tôi. Tôi không quē mà khoái lắm. Để gì được các người đẹp để mắt đến. Bọn con trai chọc gái để bị chưởi mà vẫn thấy khoái là vậy.

Tôi sinh ra và lớn lên ở một thị trấn rất nhỏ, chỉ hơn một cây số vuông, đi đâu cũng gặp nhau, nên từ lúc còn rất trẻ, tôi đã nổi tiếng về "Những bức thư tình ngàn sao". Nổi tiếng đến độ các giáo sư ở trường cũng biết (trước 1975, ở miền Nam, thầy, cô dạy trung học được gọi là giáo sư, đúng như cổ nhân đã dạy "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư"). Các vị thấy tôi, chỉ cười cười mà không nói gì. Riêng thầy Chương dạy triết, nhân một lần gọi tôi lên trả bài (về Tâm Lý Học), đã hỏi tôi.

- Khi yêu người nào thì anh thường làm gì?

Tôi biết có cô nào đã đưa những lá thư tỏ tình của tôi lên cho thầy rồi, nên tôi trả lời.

- Thưa thầy, khi yêu thì mình mơ mộng.

- Mơ mộng, rồi làm gì nữa?

- Dạ, em viết những mơ mộng đó thành một lá thư và gửi đến cô ta.

- Anh có đếm sao trên trời không?

- Dạ không! Em viết cho cô ta, bảo hãy đếm sao trên trời...

- Anh thì không đếm?

- Dạ, em chỉ ngắm sao trời chứ không đếm.

- Anh ngắm khi nào?

- Dạ, hễ có sao là em ngắm.

- Khi đang đi anh có ngắm sao không?

- Dạ có. Mình vừa đi vừa ngắm thì sao, trăng cũng đi theo với mình... Giáo sư thở dài.

- Trước sau gì anh cũng bị xe tung! Nhớ là khi đi gần bờ sông, nếu không biết bơi thì đừng ngắm trăng sao ở bờ sông. Phải chú ý dưới chân để tránh những vũng nước, coi chừng vấp đá, vướng dây. Học thật chăm và cứ mơ mộng, vì nhờ đàn bà mà anh biết thế nào là tình yêu. Nó không là những vì sao như anh mơ mộng đâu. Nó là bóng tối. Lớn lên, có vợ, anh sẽ hiểu. Anh thấy ông nào mặt mũi âu sầu, chán đời, như tôi đây, là anh biết ngay là người đã có gia đình.

Nghe nói, thầy Chương mới cưới vợ nên trông rất hốc hác! Thầy Chương dạy triết, biết nhiều về tâm lý nên rất gần gũi, thông cảm với học trò. Tôi bạo dạn.

- Thưa thầy, em tỏ tình rất nhiều cô mà chẳng cô nào đáp lại, nhưng em không buồn vì *"Theo đuổi đáng tự hào hơn chiếm đoạt"*.

Thầy Chương cười, gật gù.

- Câu đó, đâu ra vậy? Tôi cũng có một câu ngạn ngữ, tôi chia cho anh nửa câu đầu *"Thà ước ao cái mình không có"* Phần tôi nửa câu sau *"Còn hơn có cái mình không ước ao"* Bữa nào gặp riêng, tôi có nhiều chuyện muốn nói với anh".

Thầy Chương không lớn tuổi hơn bọn học trò chúng tôi bao nhiêu. Thầy có vẻ lẳng tử, mắt lơ đãng, như không nhìn thấy ai, thầy thường mỉm cười để tự vui một mình. Thầy giảng bài dễ hiểu, ngắn gọn. Thầy thường gọi học trò lên trả bài rồi hỏi chuyện linh tinh, cả lớp yên lặng lắng nghe, thỉnh thoảng cười ồ lên. Thích lắm!

Đẹp trai không bằng chai mặt. Bị chọc quê nhưng tôi vẫn kiên trì viết và gửi thư đi. Bất kể dung nhan mùa hạ các cô ra sao, cô nào cũng nhận được thư tỏ tình của tôi và chẳng cô nào thêm trả lời. Nhưng thỉnh thoảng, gặp tôi, các cô lại nhắc chừng *"Nhớ viết cho em lá thư nữa nghe!"* mục đích để các cô có dịp đem ra đọc cho vui. Có một cô rất đẹp, trả lời thư tôi với một câu duy nhất *"Anh được em nhận vào danh sách dự bị. Hãy kiên nhẫn!"*. Mấy người đẹp thường làm cao, chê cậu này xấu trai, chê cậu kia nhà nghèo, nên dễ bị ế chồng. Cô này, nhờ khuyến khích tôi kiên nhẫn chờ cô, nên gần đến tuổi "băm" (ba mươi), quỳnh quá, cô gọi tôi đến, và đưa bàn tay ra cho tôi. Đó là vợ tôi.

Đúng là “Già lựa chọn dưa thúi!” Lấy thằng ba trợn như tôi làm chồng khác gì trao duyên làm tướng cướp. Tôi không bao giờ ăn hiếp vợ hay sợ vợ như nhiều ông khác. Từ khi lên xe hoa với vợ tôi cho đến hiện nay, tôi chỉ áp dụng một sách lược duy nhất là hể đi làm về, vợ sai làm gì thì cứ ỳ mạng ra, nằm dài trên giường, trên đĩ văng, đọc báo, và (sau này qua Mỹ) xem TV hoặc “nghiên cứu” internet... và làm như điếc nặng.

Vợ tôi than thở với mấy bà bạn rằng.

- Vô phước lấy phải ông chồng lười chảy thây!

Vợ tôi kể với các bà bạn.

- Trước khi cưới nhau, bà mẹ chồng không nói con trai mình lười mà chỉ “nói thơ” với tôi rằng “*Lá số tử vi của nó (là tôi) như thế này: Nhỏ thì nhờ mẹ nhờ cha. Lớn lên nhờ vợ, về già nhờ con. Con có chịu được không?*” Tôi tưởng nói giỡn, không ngờ đúng y bon! Thời trai trẻ còn nhờ ông chút đỉnh, bây giờ già rồi, nuôi báo cô ông mà ông vô dụng lắm. Nghĩ có chán không?

Tôi ngồi đọc internet trong phòng nhưng nghe hết mọi lời của vợ tôi. Bà bạn an ủi.

- Chị hỏi thử ông có bệnh hoạn gì không? Các ông chồng mạnh khỏe hay giúp vợ việc nhà, thấy chướng mắt là làm...

- Có chứ! Ông làm hai jobs lận. Một job full time và một job part time.

- Trời ơi! Giỏi cỡ đó mà chị còn chê nữa? Làm hai jobs thì sức lực đâu mà làm việc nhà. Để cho ông nghỉ ngơi với chứ. Tôi nghiệp thì thôi!

- Chị biết hai jobs gì không? Job full time là “làm thỉnh”, job part time là “làm biếng”, chưa kể một job midnight là “làm lơ”. Ông mất ngủ, cứ nằm đọc sách suốt đêm. Tôi ngủ không được, mới khều lưng định nhờ “tí việc” thì ông ngâm thơ “*Còn ăn, còn ngủ, còn gân. Chán ăn, mất ngủ có mần được chi!*”

Bà bạn lại an ủi.

- Ông xã tôi cũng không hơn gì ông xã chị. Mấy ông già đó thì mình nên thông cảm. Nói nặng lời tội nghiệp. Dù sao cũng khá hơn nhiều ông khác, nghe nói, có ông, mỗi năm về Việt Nam mấy lần để đi tắm hơi, bia ôm, cà phê ôm, em này em kia, ôm tùm lum. Em có chị bạn, có ông chồng lẻo mép lắm. Chị biết sao không? Hai người về Việt Nam. Ông đi đâu chỉ theo đó. Một lần, ông nói đi thăm bạn mà lại đi một mình. Chị vợ sinh nghi, theo dõi, bắt tại trận ông đang ngồi trong quán bia ôm, mặt mũi đỏ gay, tay cầm chai bia, tay kia ôm một con nhỏ. Chỉ lời đầu chồng về, lầu bầu, cảm rằm suốt đêm, ông chồng bực quá mới hỏi “*Bà đi xe ôm, bà ôm thằng xe ôm. Bà có khoái không?*” Chị ta nói “*Khoái cái gì? Không ôm nó để ngã xuống đường à?*” Ông chồng nói “*Thì tôi cũng vậy! Tôi uống bia, tôi say, tôi phải ôm nó để khỏi ngã xuống đất chứ sướng ích chi?*”

Trở lại chuyện tôi lấy vợ. Tôi là người “vô đạo”. Trước khi đồng ý lấy tôi, cô nàng (vợ tôi) bắt tôi phải theo đạo Thiên Chúa. Nàng tử tế.

- Thiên Chúa là tình yêu. Anh sẽ có hai tình yêu. Tình yêu của Chúa và tình yêu của em.

Bắt tôi nhảy vô lửa để được em yêu, tôi cũng không ngán, thành con chiên thì đâu có khó khăn gì. Thế là nàng đưa tôi đi học giáo lý và qua nhiều thủ tục khác để sau đó nàng mới vén tà áo cưới, e lệ bước lên xe hoa, ngồi cạnh tôi. Lần đầu, tôi được cầm tay nàng, nàng nhìn tôi mỉm cười. Nhưng tôi là lính chiến, hành quân liên miên, chỉ thấy rừng núi, sinh lầy, thôn xóm điêu tàn chứ chẳng thấy, chùa, nhà thờ đâu mà vào làm lễ, đọc kinh! Tôi quên Chúa, chỉ nhớ vợ. Nàng ở nhà đi nhà thờ chỉ để xin Chúa che chở cho tôi được an lành. Rồi miền Nam mất vào tay Cộng Sản. Tôi đi tù. Tính ra, tôi với nàng đi lễ ngày chủ nhật được năm ba lần gì đó. Sau gần chục năm tù, tôi về, thành thẳng khổ rách, trơ xương. Nàng đã là mụ nạ dòng, cũng trơ xương. Chúng tôi như hai con khỉ già. Mất thục vô, lơ láo, thấy công an là sợ bị bắt bỏ tù. Cũng may, chính phủ Mỹ ra tay cứu vớt, cho mấy người tù chúng tôi qua Mỹ. Ở Mỹ, có cái sướng là tự do. Chẳng có công an phường, công an khu vực dò xét, hăm dọa, bắt bớ những người vô tội. Vợ tôi, lúc nào cũng nghĩ đến Chúa, đi nhà thờ, sinh hoạt trong

các hội đoàn Công Giáo, nhưng tôi thì (nhờ) lười bẩm sinh nên lơ là chuyện đi xem lễ ngày Chúa Nhật. Một buổi sáng, tôi đang ngủ, vợ tôi vào, lôi đầu dậy.

- Dậy! Đi lễ!

Tôi lè nhè.

- Bà đi xem lễ giùm tôi đi. Thay mặt tôi xin Chúa ban phước lành cho tôi luôn! Tôi buồn ngủ quá!

Vợ tôi nổi giận.

- Sau này ông sẽ bị đày xuống địa ngục!

Tôi lầu bầu.

- Địa ngục có thật. Là đây chứ đâu xa! Vợ tôi lấy cây chổi lông gà, trở cán, quất tôi túi bụi, nhưng chẳng ăn thua. Đập roi vào mền, như phủ bụi! Sau đó, thấy không thuyết phục tôi đi lễ, vợ tôi đổi chính sách.

- Ông lười đi lễ thì ở nhà ông đọc kinh cầu nguyện cũng được. Tôi chỉ sợ ông chết xuống địa ngục, tội nghiệp, chứ có ăn thua gì đến tôi.

Tôi cự nự ngay.

- Khỏi cần bà nhắc nhở. Thỉnh thoảng tôi vẫn cầu nguyện đấy chứ!

- Ông cầu nguyện khi nào, ở đâu? Đừng nói láo với tôi!

- Tôi cầu nguyện với Chúa, chứ cầu nguyện với bà đâu mà bà cần phải nghe!

- Nhưng tôi có thấy ông cầu nguyện bao giờ đâu?

- Thì lúc bà lái xe, tôi ngồi bên cạnh đó!

- Ông định mĩa mai tôi gì đây. Phải

không? Tại sao tôi lái xe mà ông phải cầu nguyện? Cầu nguyện gì?

- Tôi chỉ nói. "*Lạy Chúa lòng lành! Xin che chở cho con tai qua nạn khỏi! Cầu xin đức Mẹ chỉ bảo đường ngay lẽ thật để vợ con không húc tung xe người ta*". Bà lái xe kiểu đó, ai mà không thót tim. Cứ chạy ào ào, đèn xanh, đèn đỏ gì cũng bắt kể. Vợ tôi lại đi tìm cây chổi lông gà. Tôi mở cửa ra đứng trước hiên nhà, thách vợ.

- Dám đánh không? Hàng xóm gọi cảnh sát đến còng tay ngay bây giờ! Nhưng rồi một buổi sáng chủ nhật, tôi ngủ dậy, thấy vợ tôi, ăn mặc tươm tất, ngồi khóc rả rích. Tôi hỏi.

- Sao chưa đi lễ mà ngồi khóc đó? Vợ tôi lè nhè.

- Ông không đi lễ thì tôi không đi! Tôi vội vàng.

- Chờ chút. Tôi đánh răng, súc miệng xong là tôi đi với bà. Đừng khóc nữa! Vậy là từ đó, cuối tuần nào tôi cũng theo vợ đi nhà thờ. Ngồi trong nhà thờ mà tôi ngủ gật, vợ tôi thỉnh thoảng véo đùi tôi để đánh thức tôi. Đến khi xưng tội thì tôi lén ra trước cửa nhà thờ, đứng chờ vợ, trốn xưng tội. Vợ tôi ra trước sân nhà thờ, dáo dác nhìn quanh. Tôi đến bên cạnh, hỏi.

- Bà tìm thằng nào?

Vợ tôi giật mình.

- Tìm ông chứ tìm ai?

- Tưởng có thằng nào đến đón bà, Tôi mừng hết lớn!

Vợ tôi nạt.

- Tại sao ông không xưng tội?

- Bà phạm tội mới phải xưng tội. Tôi ngây thơ, trong trắng, tội đâu mà xưng? Lúc ngồi trên xe về nhà, vợ tôi làm thỉnh nhưng nước mắt chảy dài trên má. Tôi hỏi.

- Có chuyện gì mà khóc đó?

Bà làm thỉnh chùi nước mắt. Về nhà, bà vô phòng đóng cửa lại, nằm khóc một mình. Tôi đoán, chắc có tâm sự gì đây? Tôi vô phòng, thấy bà trùm mền kín mít. Tôi nằm xuống, ôm cả mền và vợ vào lòng.

- Có chuyện gì mà nằm khóc một mình? Nhớ thằng nào phải không?

Bà yên lặng một lúc rồi lí nhí.

- Già rồi. Tôi làm đủ cách để ông đi lễ. Sau này có chết tôi còn được gặp lại ông trên Thiên Đường, vợ chồng có nhau. Nay ông không chịu đi lễ, không chịu xưng tội. Sau khi ông chết, bị đày trong hỏa ngục, tôi làm sao gặp được ông? Hu, Hu!

Phạm Thành Châu



TUYẾT RƠI ... LẠNH CẢ MÂY TÀN!

Chiều nghiêng, Nắng quái vàng hoe
Đọc câu Thơ Cổ! Mình khoe tuổi mình,
Nắng Hạnh Đào, Gió bình minh
Còn trong tâm tưởng,
hương Quỳnh mùa xa ...

Tuổi Chiều, Tóc trắng Mai hoa
Trong thơ, Ai vẽ đóa Hoa Vô Thường!
Viết gì! Chị Gửi Em thương
Âng khuâng ...
Lại vẫn nỗi buồn tha nhân ...

Chênh vênh mấy ngã đường trần
Về đâu! Tâm sự ngại ngần mưa mau,
Nhân gian, Chuối Vạn Cổ Sầu!
Đầy trời Tuyết phủ...
Lạnh mầu Quan San ...

Lòng sao! Giá buốt nỗi hàn!
Trắng chiều Tuyết đổ ...
Bát ngàn Tuyết bay
Rưng rưng ... Niềm nhớ vui đầy,
Con Chim trốn Tuyết,
giữa Ngày: Vào Xuân!

Tuyết Rơi ... Lạnh Cả Mây Tàn!
Tìm Xuân, Thơ Gửi,
Gió Xuân hững hờ,
Ai Đem Sầu! Rót Vào Thơ!
Bài Thơ Xuân Hẹn.
Vẫn Chờ Đoàn Viên.

Nắng Xuân Vàng ... Trái Hoa Thềm,
Thanh Bình Xuân Mới,
Bình Yên Quê Nhà ...
Thì thắm ... Gió Hẹn, Tuyết Hoa:
Phủ cho kín hết xót xa cõi này!

Mùa Xuân Hoa Tuyết bay bay...
Một trời nhung nhớ ...
Xuân Gầy! Tuyết Rơi!
Tuyết lên đèn ... Cánh Sầu Đòi ...
HOA XUÂN RỤNG TRẮNG!
MÂY TRỜI VIỄN PHƯƠNG ...

TUỆ NGÀ

Oregon, Tết Tân Sửu
Ngày Tuyết Rơi 2/12/2021



NHỮNG NGÀY Ở OKLAHOMA

**** Tác giả: Nguyễn Phú Long ****

*Chuyện kể hôm nay tình gửi đó,
Cao nguyên mai một cảnh còn đây!
(Biết Bao Nhiêu Tình 2001)*

Trong đoạn đời “tha phương” có lúc tôi đã tới Oklahoma City (Okc) sống một thời gian, đó là bắt đầu hồi tháng 9 năm 1996. Khi ấy, đến đây... “tứ cố vô thân” nhưng ngay sau khoảng chỉ mấy tuần bờ ngõ tôi đã may mắn gặp lại ba người bạn cũ cùng học lớp đệ tứ trường Hồ ngọc Cẩn khi mới di cư từ miền Bắc vào, năm 1954 ở đường Bùi Thị Xuân gần nhà thờ Huyện Sĩ Sài Gòn.

Chẳng là vì vào dịp năm 1996, có lẽ vì kinh tế hăng bị chao đảo, một vài nhân viên Mỹ và Việt, ước chừng hơn hai chục, kể cả vợ chồng tôi, đang cùng làm ăn sinh sống trong một hãng điện-tử ở tiểu bang Virginia, gặp cơ hội được hãng “ốp-phơ” (offer), nổi máu giang hồ vật đã quyết định xin chuyển tới chi nhánh khác ở Okc, thay đổi công việc, thay đổi không khí, nhưng phần lớn những người trẻ, khoẻ mạnh họ di chuyển bằng xe hơi mang theo tất cả đồ đạc nổi niêu linh kính.

Hai vợ chồng tôi vì lượng sức, biết đường bộ mất nhiều thời giờ cực nhọc nghĩ không kham nổi nên cả hai đã thuê sẵn apartment, rồi mua vé máy bay, bay cho tiện.

Tới nơi, trước tiên là mượn cái ô tô ở phi trường mấy ngày để làm phương tiện di chuyển, rồi dò bản đồ, tìm đến ký lấy chìa khóa nhà, ghé mua bánh mì, nước ngọt, tối về ngủ sà, khoẻ re!

Oklahoma City là một vùng đất nằm giữa nước Mỹ, núi non, rừng rậm, cao nguyên, đất đỏ, xa Thái Bình Dương và cả Đại Tây Dương, về phía Bắc tới thác Niagara của Canada không gần, muốn xuống Mexico cũng khó khăn đó là chưa kể sau này có thêm bức tường dọc biên giới đang được xây cất... Mùa Đông lạnh cóng, ông dẫn nước bị vỡ là thường, từ cuối mùa Xuân trở đi nhiều bão, lốc xoáy, đổ cửa đổ nhà, gây tai nạn chết người. Mùa Hè nóng như thiêu đốt, cây cối cần cỗi, ít phấn hoa, không khí nói chung tương đối trong sạch.

Oklahoma City là thủ phủ tiểu bang Oklahoma thuộc lãnh thổ nước Hoa Kỳ với ba lãnh vực kinh tế hoạt động căn bản đem lại công ăn việc làm cho người dân địa phương là: Hãng Lucent sản xuất đồ thuộc về truyền thông điện tử; Cơ quan bán quân sự Tinker, sửa chữa, bảo trì máy bay cạnh phi trường menh mông; Công ty lắp ráp xe hơi Chevrolet... Chỗ nào cũng có bàn tay công sức người Việt Nam góp phần cộng tác đáng kể. Ngoài ra còn có hai

sòng bài của người da đỏ phục vụ giải trí, tiện lợi, khỏi cần đem tiền đi Las Vegas mất thì giờ, xa xăm.

Oklahoma City là thành phố tương đối mới, có nhiều khu dân cư đẹp tựa tranh vẽ, đường vô ra cỏ xanh, hoa nở... tiện nghi; Nhà cửa hàng hàng lớp lớp như bát úp, nghe nói gần ngoại ô có mấy lò nung gạch nên vách tường ít dùng vật liệu nhẹ, tuy nhiên, vợ chồng tôi an phận, “dân ABC không có nhà đi ở thuê” tính chỉ tạm vài năm thôi, đủ tuổi hưu là nghỉ. Trong suốt khoảng thời gian ấy chúng tôi không dự trù vay tiền nhà bank mua bất động sản, chẳng sắm đồ dùng tiện nghi, “xịn” như vài người khác. Bàn ghế, đồ gia dụng gồm mấy thứ bình dân thông thường thật cần thiết, sẽ để lại rồi trở về. Khi về, tính, chắc chắn cũng sẽ dùng phương tiện máy bay như lúc đến. Họ hàng, gia đình mấy con cháu, nhất là hai bà mẹ già vẫn cư ngụ tại miền đông Hoa Kỳ ngong ngóng chờ mong, khiến lúc nào chúng tôi cũng canh cánh như được nhắc nhở đến hai câu ca dao:

*Mẹ già ở túp lều tranh,
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.*

Ngược thời gian, trở lại những năm 1975, người Việt Nam vượt biển sang đây tị nạn Cộng Sản, như ai cũng biết, thường được tập hợp tại một vài địa điểm ít lâu để lập thủ tục nhập cảnh trong những trại binh của quân đội ở Arkansas, Pendleton, Indiantown Gaps ...và sau đó thường xin ra định cư tại mấy thành phố chung quanh, nổi tiếng mà từ quê hương, mình đã nghe danh

như Cali., New York, thủ đô Hoa Thịnh Đốn... chứ ít ai biết, nghĩ tới cũng như xung phong đến tiểu bang Oklahoma làm gì.

Nhưng về sau mấy cơ quan phân phối dân di cư chắc cũng nhìn thấy điều đó, nên vì mục đích trải đều, họ đã chớ thẳng dân tị nạn từ châu Á tới những vùng đất “khỉ ho cò gáy” này. Tôi dự đoán thế, tôi “chắc” thế vì thấy bà con cũng xì xào vậy, chứ thực sự mình cũng chỉ là dân tị nạn, nhiều phần thụ động “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” chứ có biết cái chi chi!

Song có thể do đó dân số Việt Nam ở Oklahoma City không thể nhiều như mấy nơi khác, nhưng dù sao về sau to, nhỏ... cũng là một cộng đồng, với đầy đủ những sinh hoạt làm ăn, buôn bán, hội đoàn... yêu nhau, chửi nhau!

Còn câu chuyện gặp bạn cũ của tôi ở Okc thì rất tình cờ. Ngay sau khi trình diện hãng Lucent để bắt đầu làm việc, vào giờ nghỉ, tìm sang cafeteria kiếm miếng nước uống bỗng nhiên gặp Tùng. Tùng chả phải cựu binh sĩ, không phải dân vượt biên, nó là công chức lớn, đang du học, thụ huấn một khoá chuyên môn gì đó bên này thì ở lại sau biến cố. Đến bây giờ vẫn chưa vợ con, dẫu nói năng hoạt bát, dí dỏm lại cũng hơi đẹp trai nữa.

Gặp nhau tôi hỏi “Nghe nói mày học ở Harvard hay Princeton gì đó tại miền Đông sao lại lẩn mò tới đây?”. “Đâu có! Tao học tại Okc University ngay downtown Okc mà, ra trường, xin được việc làm ở đây thì ở luôn cho tiện”. Như sợ bị khinh thường, nên nó đã kể thêm: “Trường tư đó mày! Có người học ở

đây về Việt Nam làm Bộ trưởng thời ông Thiệu đấy. Trường tao còn đội bóng bầu dục mới vô địch toàn quốc cũng nổi tiếng lắm”.

Tôi thú thực tới nơi này một phần cũng vì nghe Dallas Texas có đội bóng Dallas Cowboy, cả nhà tôi yêu thích, với ông coach là một mục sư, với mấy cô cheerleader mỗi lần trình diễn giúp vui một hàng chân đưa nhịp nhàng lên xuống đẹp tuyệt vời... Hy vọng thủng thẳng sẽ có ngày xuống đó mua vé vào xem tận mắt một lần cho đã.

Tôi nhìn Tùng, không thay đổi bao nhiêu, hồi xưa còn đi học hay đến trường sớm thường trồng cây si gần xe nước mía của người con gái tên Mai ngoài cổng nói chuyện:

*Cổng trường, nước mía, cô Mai,
Học trò, xe đạp, nhớ ai bây giờ...*

“Nó” là nhân viên của hãng từ trước, thất cà vạt, tư cách một kỹ sư, do đấy lần mò biết thêm hai bạn nữa: anh Mẫn thuộc Bộ Tư Pháp, bây giờ bận rộn nơi phòng kế toán của người em gái nhà sĩ; Anh Chung dân HO hai vợ chồng mở hiệu cắt kính nghệ thuật, ráp khung hình rất đông khách...

Tất cả bình thường, thời gian ngang dọc, bom đạn ở quê hương đã qua, trời sinh voi sinh cỏ, chúng tôi, ngoài giờ lao động kiếm cơm thường hò hẹn tụ tập cho bớt sầu đời, quên dĩ vãng... Trong những ngày sống ở đây, buổi chiều ngày nghỉ vợ chồng chúng tôi hay ra bờ hồ Hefner hóng mát vì thấy nó cũng mênh mông giống khi xưa mấy lúc dừng chân bên đường Cổ Ngự nhìn qua rặng ổi ven đê, tới làng Bưởi xa

xa... quanh năm trồng hoa đem bán ở bờ Hoàn Kiếm.

Anh mới về Oklahoma

Hefner sóng nước gợn là đà

Không phải Hồ Tây, chùa Trấn Quốc

Đứng ngắm mây trôi cũng nhớ nhà.

(Biết Bao Nhiêu Tình)

Phải kể thêm, ở đây tuy thời tiết khắc nghiệt nhưng tình người đồng hương vô cùng đậm đà, đoàn kết, sôi nổi, nhiều hội đoàn bỏ túi. Như tôi, mới tới mà bấm đốt ngón tay sơ sơ cũng đưa đây tự nhiên là hội viên của 4 hội, lâu lâu hò hẹn gặp nhau để biết vài tin tức bà con, nhậu bê thui chấm tương gừng, uống rượu say mèm. Trước hết là hội cựu Quân Nhân, vì từ hồi ở quê nhà, tôi đã:

Nổi sùng quăng bút tòng quân,

Ôm em “mười sáu” xô quần nhà binh.

Rời hội Tục Quàn Làm Cỏ (TQLC):

Vì anh là lính áo rằn,

Ra đi thể rụng hết răng mới về.

Trẻ con trong những trại gia binh vùng Rừng Cẩm Thủ Đức nó vẫn đồng dao thể.

Hội Cao Niên bởi... niên cao:

Bây giờ dĩ vãng xa dần,

Không cần nhiều lúc rất cần ai ơi!

Cần gì? Nhiều lắm! Thiên cơ bất khả lậu. Làm sao kể được, mới lại, nói ra sợ người nghe la: “Cái ông già mắc dịch”! Rắc rối!

Cuối cùng là hội thơ, hội này già trẻ nam nữ yêu thơ, làm thơ dù hay dở đều qualified tuốt luốt, trơn trợt. Riêng tôi, thú thực tôi tham gia nhiệt thành vì

lúc nào, dù hoàn cảnh sống nơi tha phương đất khách, tham dự chỉ là giết thì giờ, đâu dám nghĩ gì đến chuyện văn học, tên tuổi... mà sao như vẫn mong:

*Để lại cho đời mấy áng thơ.
Văn chương sống mãi đến bao giờ.*

Cứ thế, cuộc sống ở Oklahoma City của chúng tôi kéo dài gần 5 năm. Sau gần 5 năm hăng Lucent lại “Ốp-phơ!”... lần này nội dung khác trước, hai vợ chồng tôi cùng nhiều thợ thuyền nữa lại nhao nhao, nghiên cứu, tính toán... thấy đủ điều kiện, bèn xin nghỉ việc, thu

dọn mọi chuyện, trả nhà trọ, từ giã bạn bè rồi lấy vé máy bay trở về miền đông vào tháng Sáu 2001 để sống với bà con họ hàng như trước...

Trong những ngày sửa soạn, dẫu phải xa Oklahoma City, rồi đây cũng sẽ nhớ, bao nhiêu kỷ niệm, thỉnh thoảng tôi vẫn thấy vui vui, cứ lẩm nhẩm mấy câu thơ của người bạn cùng khóa, cùng đơn vị được Phạm Duy phổ nhạc: “5 năm rồi không gặp....” Tôi lẩm nhẩm nhiều lần câu thơ, câu nhạc đó, có lẽ vì nơi sắp trở về, tôi cũng có một người yêu-thắm ... 5 năm rồi không gặp!

Nguyễn Phú Long



VỀ ĐỘNG ĐÀO HOA

*Chiều xuân nắng trải vàng tơ
Thần thơ bướm lạc, bên bờ suối hoa
Hương rừng quện gió bay xa
Dịu em về động Đào Hoa ngút ngàn...
Hồng tươi lồng lộng không gian
Ngát ngây Lưu Nguyễn...,
bàng hoàng hồn thơ!
Thiên Thai, sáo lá cung chờ...
Em về thả suối, vãn thơ tạ từ
Nhân gian xa tít... xa mù...
Nhân gian... Xa tít... Xa mù...*



Phạm Thị Nhung

Parc de Sceaux - Paris, Mùa Hoa Đào Canh Ngọ (31-03-1990)

Tố Lan hát “VỀ ĐỘNG ĐÀO HOA”, nhạc sĩ Mạnh Bích phổ nhạc:

<http://www.cothommagazine.com/nhac/VeDongDaoHoa-PTNhung-ManhBich-ToLan.mp3>

Chúc Thọ Thi Huỳnh Niên Trường
Công Trần Lão Mã Sơn
đạt tuổi Đại Thọ 99

*Nhân sinh cung mệnh bởi Trời,
Cao Thiên còn độ, thì đời còn Xuân!
Chúc mừng Đại Lão Công Trần,
Tuổi vàng đức trọng, hồng ân cao vời!*

Năm nay chín chín (99) tuổi rồi ()
Sang năm, đuốc thọ
sáng ngời bách niên!
Hứng thơ, hạ bút viết liền,
Tình người, thân quý
bạn hiền bốn phương.*

*Trái tim chan chứa tình thương,
Tấm lòng, dăng trọn
Quê Hương đồng bào.
Chức quyền đã trải thấp cao,
Công danh sự nghiệp,
buông vào hư vô.*

*Trọn đời, còn lại túi thơ,
Vội lưng bầu rượu, bên bờ tha hương.
Tâm tư chiến mã xa trường,
“Lão Mã Sơn” vẫn phương cường
hiên ngang!*

*

*Ngày Xuân, cung kính đôi hàng,
Chúc Trần Huỳnh Trường,
tuổi vàng tăng thêm.
Một vòng Giáp nữa êm đềm,
Phòng văn, thi phú vẫn rền tiếng ngâm!*

*Hữu bằng tình nghĩa uyên thâm,
Trọn niềm quý mến,
thành tâm chúc mừng!*

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia

(*) Trong Làng Thơ Miền Đông Hoa Kỳ (có thể là cả Hải ngoại) Công Trần là Nhà Thơ lớn tuổi nhất.

- Ông tên thật: Trần Văn Công, bút hiệu: Công-Trần Lão-Mã-Sơn (một biệt hiệu khác: Trần Gò Công). Tuổi Quý-Hợi, 1923. Tính theo vòng Can-chi Âm-lịch, thì năm nay Tân-Sửu, Tiên sinh đã đạt 99 niên đại-thọ.

- Thi sĩ Công-Trần thuở xưa là Sĩ quan Hiến binh Quốc gia, sau là Trung tá Cảnh sát QG. Trong binh nghiệp, ông được nhiều huy chương cao quý, như: Bảo Quốc Huân Chương, Chương Mỹ Bội Tinh v.v...

- Về văn nghiệp, ông là một Nhà thơ cựu trào, thành danh. Đa phần thơ thuộc loại cổ phong; Lời thơ phóng khoáng, đôn hậu; Tâm ý luôn hướng về Quê hương Đất nước và Dân tộc Việt Nam.

- Đại-lão Thi-Huỳnh Công-Trần là một Nhà Thơ Ái Quốc.



XUÂN MUỘN

** Tác giả: **Trần C. Trí** **

Lật bật mà Tết lại sắp tới. Làng xóm đó đây thấy đều chộn rộn đón xuân về, mỗi nhà mỗi kiểu. Mấy năm trước, lúc nào cô Thơm cũng thấy lòng mình dừng dưng trước những dấu hiệu của một mùa xuân đang trở lại. Chợ búa thay màu đổi sắc, rực rỡ hẳn lên với những mặt hàng dành riêng cho tết nhứt. Từ hai mươi tháng Chạp trở đi, ba má cô đã háo hức sửa soạn mọi thứ như vẫn làm từ năm này qua năm khác. Nhắm mắt lại, cô Thơm có thể tưởng tượng ra cảnh dưới bếp, má cô lễ mễ mang về những món cần thiết để chuẩn bị nấu mâm cơm cúng giao thừa và đầu năm. Hay trên gian nhà chính, ba cô đang dọn dẹp lại bàn thờ tổ tiên, lau chùi bộ lư đồng và chân đèn sáng loáng đến ngó vào cũng thấy rõ mặt mình.

Năm nào cũng như năm nấy. Trong thôn, tụi nhỏ thường lác đác đốt pháo sớm. Mùi pháo thơm nồng bay phảng phất trong không gian, gọi lại bao nhiêu hình ảnh của những mùa xuân đã qua và hứa hẹn một mùa xuân êm đềm sắp tới. Sau khi đưa ông Táo, người ta bắt đầu vận nhạc xuân thật to, tuồng như để hâm nóng không khí đón xuân trong lòng mọi người. Lại một cái, trong khi gần như ai ai cũng bồi hồi, nao nức khi nghe lời ca của những bài hát quen thuộc như *"Xuân đã đến rồi, gieo rắc ngàn hồn hoa xuống đời..."*, hay là *"Xuân đã về, xuân vẫn mơ màng, trong nắng vàng, khắp chốn tiếng reo vang..."*, cô Thơm lại thấy lòng mình

không mấy may xúc cảm. Trái lại, bài hát về mùa xuân mà cô thích nhất là một bài rất ít người nghe, mà nghe vào lúc xuân về lại còn hiếm hoi hơn. Bài hát đó mở đầu với mấy câu sau: *"Dù mùa xuân đã đến đây, sao lòng vẫn ơ hờ. Nhìn ngoài sân thay lá cây, biết rằng đã sang mùa..."*

Cô Thơm có lý do riêng để thích bài hát đó. Chưa kể vì sao lời hát đã đánh động vào tim cô như thế nào, nội chi tiết "nhìn ngoài sân thay lá cây" cũng đủ làm cô tâm đắc. Căn nhà ba má cô đang ở trong thôn là do ông bà ngoại cô để lại. Má cô kể rằng ngày xưa cả thôn là một rừng mai bạt ngàn. Vào khoảng cuối thế kỷ mười bảy, ông sơ ông sơ bên ngoại của cô đã về đây khai hoang, mạnh ai chiếm đất cho người đó; chính quyền địa phương không những không ngăn cản mà lại còn khuyến khích chuyện mở mang làng xóm vào thời ấy. Khu đất do ông sơ chiếm được, sau này ông cố ngoại của cô cho chặt phần lớn những cây mai để lấy chỗ cất nhà, chỉ chừa lại đầu chục gốc mai làm kiểng ở sân trước như ngày nay.

Dấu hiệu của mùa xuân, đối với cô Thơm, là những gốc mai già cỗi cả trăm năm bắt đầu rụng lá, như những cô gái e ấp muốn khoác vào bộ áo mới để đón xuân. Ví von nghe thơ mộng như vậy, nhưng thiệt tình cô chỉ có những cảm nghĩ bi quan khi nhìn cảnh tượng đó. Trong một trang của cuốn nhật ký của mình, có lần cô đã ngâm

ngồi ghi lại những dòng sau: “Tết sắp về rồi đó. Mai vàng đã nở lưa thưa như lòng ta lẻ tẻ. Ôi, mùa xuân của ai chớ nào phải mùa xuân của ta!”

Mấy cây mai chỉ rụng lá làm điệu thôi, chớ muốn mai thay lá mới cho đều, phải lật lá mai cho trụi cây mới được. Năm nào cô Thơm cũng chăm chỉ lật lá hết mấy cây mai trước nhà. Mỗi cây phải mất hơn cả tiếng đồng hồ mới chịu trụi lá. Cô Thơm lật hết cây này qua cây khác, nhanh lắm cũng trộm trèm hai ba ngày mới xong. Cô cặm cụi lật từng chiếc lá trong không khí yên lành của vùng quê. Hăm mấy Tết, mùi pháo đốt sớm, tiếng nhạc xuân lại bồng bềnh đâu đó trong không gian. Nhưng tất cả chỉ làm cho cô Thơm thấy cay cay ở mắt, nồng nồng ở mũi, thấy tủi thân cho mình. Ba mươi mấy mùa xuân trôi qua rồi, cô vẫn phòng không gối chiếu. Bận bè cùng lưa của cô ai nấy đã yên bề gia thất hết, lắm đứa đã tay ấm tay bông. Ở nhà quê, không thiếu những cô gái đi lấy chồng lúc mới mười tám, mười chín tuổi. Con gái mà “hăm đi hăm lại” đã kỳ cục rồi, chớ đừng nói tới thứ “băm tới băm lui” như cô. Nỗi buồn âm thầm của cô lại càng thấm thía mỗi độ xuân về. Ai ưa tết nhất thì ưa, chớ cô lại còn ghét Tết nữa là khác. Bởi vậy, làm sao mà cô lại không khỏi “ơ hờ” dù “mùa xuân đã đến đây” chớ?

Kể cũng lạ, từ thuở còn là nữ sinh cho đến khi rời sách vở, chưa một lần có người đàn ông nào thiệt sự để mắt tới cô Thơm. Mà cô có xấu xí, vô duyên gì cho cam. Lúc còn đi học, bạn bè trai gái của cô trong trường vẫn kháo nhau bầu cho cô làm hoa khôi, dù cô không phải qua cuộc thi sắc đẹp nào hết.

Không biết chức hoa hậu không chính thức đó có vận vào số mạng của cô, làm cô mất duyên đi không, chớ tuyệt nhiên chẳng có chàng trai nào tỏ tình với cô trong suốt thời kỳ cô đi học hết. Từ giã mái trường, cô ở nhà phụ má cô dệt chiếu, lại càng không có cơ hội cho cô quen biết ai, nói chi tới chuyện gặp gỡ người trong mộng. Mỗi tháng hai lần, cô ra chợ giao chiếu cho những mối hàng quen. Cô đi về như một cái bóng, đi một thân, mà về cũng một mình. Ông bà có nói “Trai khôn tìm vợ chợ đông”. Cô Thơm cũng thầm mong mình có ngày sẽ gặp một chàng “trai khôn” nào đó đang đi tìm ý trung nhân, nhưng hình như những chàng trai như vậy đã bỏ quê ra tỉnh hết rồi.

Cô Thơm thầm sốt ruột cho phận gái già của mình một, má cô còn sốt ruột cho cô gấp mười lần là ít. Nhà có ba chị em, hai gái một trai. Cô Thơm là chị lớn. Kế cô là Ngát, nhỏ hơn cô mà đã có chồng, ra riêng, được thằng cu tí hai tuổi. Thằng em út tên Báu, ăn chưa no, lo chưa tới, học ít chơi nhiều, chẳng được tích sự gì trong nhà này hết. Ngày này qua ngày khác, cô Thơm lặng lẽ ngồi dệt chiếu cùng với má cô. Công việc này, ngày trước, là của Thơm và Ngát. Tới khi Ngát đi lấy chồng, má cô mới thế chỗ con gái út. Cô Thơm như một diễn viên nông cốt đóng hoài một vai trong vở tuồng đã thay đào đổi kép. Tính ra, cô đã dệt chiếu gần hết quãng đời thiếu nữ của mình, bắt đầu đâu từ lúc chín, mười tuổi cho đến tận bây giờ. Đều đặn như cái đồng hồ lên dây cót của ông ngoại để lại treo trên tường trong gian phòng thờ, hai má con chăm chỉ dệt chiếu

buổi sáng, nghỉ ăn trưa, rồi lại tiếp tục cho đến khi trời sụp tối. Má cô ngồi đập go thoăn thoắt như một cái máy, còn cô cũng lanh lẹ không kém, tay liên tục văng cói vào đường dẹt của má. Những sợi cói nhuộm đủ màu xanh đỏ, loè loẹt như người thiếu nữ miền quê đốm dáng, dần dần được thành hình theo một khuôn mẫu sẵn có, thành những tấm chiếu đầy đủ họa tiết mà hằng ngày hai má con vẫn đều đặn hoàn tất, xếp chồng ngay ngắn lên nhau, đợi ngày giao cho bạn hàng.

Trong khi làm việc, hai má con có lúc không ai nói với nhau lời nào. Chỉ nghe tiếng go đập đều đều, tiếng cói kêu lách tách, lẫn tiếng chim hót đâu đó trên cây, hay tiếng gà eo óc gáy trong sân. Có lúc hai má con cũng vừa làm vừa nói chuyện nói nhau, phần lớn là những chuyện vu vơ về làng trên xóm dưới, mà cũng có khi là về đề tài mà cô Thơm muốn tránh. Đó là những lúc má cô nhìn cô, thờ dãi nói:

“Thơm à, má cũng rầu cho con quá. Ba má già rồi, chỉ mong con cái yên bề gia thất đừng có cháu ẵm bông là một, mà cũng để ba má yên lòng nhắm mắt, không phải lo nghĩ gì nữa.”

Cô Thơm tránh ánh mắt của má, nói giọng rời rạc:

“Má nói gì mà nghe thảm vậy. Đàn bà con gái đâu phải ai lớn lên cũng phải lấy chồng, sanh con đẻ cái đâu má. Nếu con cũng đi lấy chồng thì giờ phút này ai còn ngồi dẹt chiếu với má đây chứ?”

Má cô bực mình:

“Tao đâu có cần mày ngồi đây dẹt chiếu! Tao chỉ muốn mày bằng chị bằng em, cũng có gia đình gia đícc như

con gái người ta. Con không biết chớ mỗi lần má ra ngoài, bà con chòm xóm người này người kia cứ xúm vô hỏi chừng nào con có chồng. Những lúc đó má chỉ muốn dẹt thổ mà thôi.”

Cô Thơm cự nự, vùng vằng văng những sợi cói vào go:

“Hơi đâu má để ý tới những kẻ xấu miệng đó. Bộ không có chồng là một cái tội hay sao? Mà có chồng cũng có gì bảo đảm là có hạnh phúc đâu. Má không thấy con Lan con bà Sáu sao? Chồng gì mà bài bạc, say sưa tối ngày. Nó khóc lên khóc xuống với con hoài. Lấy chồng mà kiểu đó thì con không có ham!”

Tay má vẫn đều đều đập go, nhưng mắt má thì háy cô một cái thiệt dài:

“Ai biểu mày ngó chi mấy con đó? Sao mày không dòm con Hồng kia? Chồng nó nâng nó như nâng trứng mỏng, húng nó như húng hoa đó.”

Cô Thơm muốn ứa nước mắt:

“Duyên ai phận nấy chớ má! Con có muốn như vậy hoài đâu. Má đi hỏi ông trời đi, tại sao con tới tuổi này mà chưa có ai tới rước đi cho ba má rảnh tay. Con làm sao biết được!”

Mỗi khi câu chuyện tới chỗ căng như vậy, một trong hai người thường làm thỉnh trước để tình hình khỏi trở nên tồi tệ hơn. Rồi hai má con lại im lặng, dán mắt vào những sợi cói đủ màu. Những sợi cói vẫn vô tình, tíu tít đan vào nhau dưới đôi bàn tay dường như đang bị người điều khiển hậm hực trút hết những bực dọc vào chúng, thành những mảng dẹt màu mè, nét nào ra nét đó.

Nhưng năm nay thì khác. Cảm xúc thờ ơ, lãnh đạm của cô Thơm đối với mùa

xuân đang về không còn nữa. Trong hồn cô đang có một làn gió mới lạ thổi vào, biến cô thành một con người khác. Mọi vật chung quanh cô, những điều mà năm nào cũng diễn ra để báo mùa xuân sắp tới, đột nhiên trở thành những dấu hiệu diệu kỳ, làm cô cũng nao nức chờ xuân như bao người khác. Tiếng pháo nổ sớm, mùi pháo thơm thoang thoảng, những lời nhạc xuân lặp đi lặp lại mà mọi năm cô không buồn để ý tới, năm nay tự nhiên tất thảy như được phả vào một ý nghĩa sâu xa, thấm thía. Đồng thời, câu ca “Dù mùa xuân đã đến đây, sao lòng vẫn ơ hờ...” bỗng dựng năm nay cô nghe nhàn nhạt thế nào, bởi vì nó không còn nói lên nỗi lòng của cô như những năm về trước nữa.

Số là vào khoảng đầu năm, nhân thằng Báu tháng nào cũng đem học bạ về nhà với toàn những điểm thấp về toán và tập làm văn, ba cô Thơm đã mời thầy Huy ở thôn dưới về kèm cặp cho nó. Thiết tình mà nói, mới đầu sự xuất hiện của thầy trong nhà mình không làm cô Thơm để tâm tới. Bởi cô đã từng giao tiếp với nhiều người đàn ông trong công việc rồi, không phải đây là lần đầu cô thấy người khác phái. Nhưng trên đời vẫn có những người như vậy. Mới đầu, họ như là những chiếc bóng mờ. Họ xuất hiện trước mọi người, đi tới đi lui, cười cười nói nói, mà không để lại một ấn tượng nào đáng kể cho ai hết. Nhưng từ từ, sự có mặt của họ, lời ăn tiếng nói của họ, bỗng một ngày nào đó bùng lên như một tia nắng xuyên qua đám mây mù ảm đạm, trở thành chói chang một cách thiết màu nhiệm. Đó là cảm tưởng của

cô Thơm về thầy Huy sau hơn một tháng thầy tới nhà dạy kèm cho thằng Báu. Thường ngày thì thầy chỉ gặt đầu chào cô khi nhắc thấy cô ở đầu hè hay đang ngồi dệt chiếu với má cô trong cái chái lợp tranh bên hông nhà. Những lúc như vậy, cô cũng khẽ nghiêng người chào lại thầy cho có lệ, trong đầu vẫn đeo đuổi tiếp một dòng tư tưởng nào đó. Thầy đến rồi thầy đi. Cô vẫn tiếp tục “một ngày như mọi ngày” trong căn nhà cũ kỹ được truyền từ đời này qua đời nọ ở vùng quê hẻo lánh này, tưởng như không có chuyện gì sẽ thay đổi nổi, tưởng như thời gian đã bỏ quên nó, không bận tâm làm nó tiến về phía trước như những xứ miền khác nữa.

Cho đến một bữa. Hôm ấy, thầy Huy vừa dạy xong bài cho thằng Báu. Ba má cô đi vắng hết. Ông bà tới thăm một người bà con vừa mới bệnh dậy. Thằng Báu hân hoan xếp sách vở, chạy ào ra sân như một con thú vui vẻ được xỏng chuồng. Cô Thơm đang lúi húi tưới nước cho những chậu bông vụn thọ đầu hè thì thầy Huy tiến lại. Thầy đằng hắng nho nhỏ mấy cái dạng cô khỏi giựt mình rồi mới cất tiếng chào. Thầy hỏi:

“Bữa nay hai bác đi vắng, cô nghĩ không dệt chiếu há?”

Cô Thơm hơi luống cuống. Lần đầu tiên thầy Huy đứng cách cô với một cự ly khá gần. Cô lặng người đi một giây rồi mới lấy lại bình tĩnh, trả lời:

“Dạ, lâu lâu cũng phải có một ngày nghỉ xả hơi chớ thầy!”

Thầy Huy mỉm cười, lần đầu tiên cô Thơm mới thấy thầy cười. Nụ cười của thầy làm cho gương mặt vốn dĩ trông nghiêm khắc, mô phạm của thầy bỗng

rạng rỡ hẳn lên, khiến cô Thơm mừng tượng tới một cái mống trời đủ màu xuất hiện sau một cơn mưa dài. Giữ nguyên nụ cười hiếm thấy trên môi, thầy Huy bảo:

“Tôi muốn cho cô biết đặng cô mừng là em Báu học hành tấn tới lắm. Mấy tháng vừa rồi điểm toán và làm văn của em lên hẳn, cô à!”

Cô Thơm cũng cười theo:

“Vậy thì phải cảm ơn thầy nhiều lắm. Thầy Báu nhà này làm biếng hết chỗ chê thầy ời!”

Thầy Huy nói giọng vừa dễ dãi, vừa ra vẻ giáo điều:

“Con trai nó vậy đó cô! Đứa nào cũng ham chơi, nhưng rất thông minh. Em Báu học đâu nhớ đó, tôi vừa bụng lắm.” Trong lúc thầy Huy đang nói, cô Thơm kín đáo quan sát nét mặt của thầy. Trời đất, tại sao hồi giờ cô không để ý đến gương mặt vừa đĩnh đạc, vừa sáng sủa của thầy vậy chớ? Nước da của thầy ngăm ngăm, rậm rậm một cách khoẻ mạnh. Đôi mắt đen láy của thầy ngó thiệt tinh anh dưới cặp chày mày rậm rạp. Mũi thầy thon và thẳng, làm tăng vẻ cương nghị cho toàn khuôn mặt thầy, cộng thêm cái miệng rộng vừa vừa, không dư không thiếu. Và, chềnh đéc ời, hai cái má núng đồng tiền của thầy mới có duyên làm sao!

Từ lúc đó trở đi, thầy Huy nói gì cô cũng không còn biết nữa. Thầy cứ tiếp tục nói, cô cứ nghe và thỉnh thoảng lại mỉm cười mà kỳ thiệt cô không hiểu ắt giáp gì ráo trọi. Cả người cô nghe cứ lâng lâng như trong một giấc ngủ buổi xế trưa, với một thoáng chiêm bao hết sức nhẹ nhàng, êm ái. Tới lúc thầy Huy cất tiếng từ giã cô ra về, cô mới như

giật mình tỉnh dậy, lấp bắp chào lại thầy. Thầy Huy đã khuất bóng sau rặng tre trước ngõ rồi mà cô Thơm vẫn còn đứng đó, ngẩn ngơ, tay cầm khư khư cái bình tưới nước, không biết mình phải làm gì. Buổi trưa hôm ấy, trời đất vùng quê vẫn êm đềm như bao giờ, nhưng trong lòng cô Thơm có một sự thay đổi vừa lớn lao, vừa khó giải thích. Thầy Báu đã biến đi đâu mất với đám bạn cùng xóm. Tới giờ ăn trưa mà cô không thấy đói bụng chút nào. Gia dĩ, nếu phải ngồi ăn một mình ên thì cô cũng không thấy hứng thú mấy. Vậy là cô quyết định đi nằm một chút. Giấc ngủ trưa bắt ngờ kéo tới với cô trong làn gió hiu hiu, không dài không ngắn. Giấc ngủ không đủ sâu cho cô chiêm bao mộng mị gì, nhưng dường như cũng vừa cho cô lịm đi với những cảm giác vô cùng dịu dàng, mới mẻ.

Sau bữa đó, thầy Huy lúc nào cũng kiếm cớ nói chuyện này chuyện nọ với cô Thơm sau khi dạy thầy Báu xong. Về phần cô, cô cũng phải tìm cách làm ra vẻ vô tình rảnh rỗi để thầy có dịp tới bắt chuyện. Bữa nào rảnh rang sẵn thì không nói, còn bữa nào cô đang mắc dẹt chiếu với má cô thì cô phải lấy nê đi uống nước hay làm chuyện gì đó. Rồi cô giả ngộ như tình cờ đi ngang cái bàn mà thầy trò đang lục tục xếp dọn để kết thúc buổi học. Vậy là đôi bên cùng có dịp để trao tiếng đổi lời, tuy không đầu vô đầu mà không bao giờ thấy ngán.

Thầy Huy ngó người bánh lảnh béo lẻo, thư sinh như vậy nhưng coi ra cũng là một người đầy kinh nghiệm chớ không phải giỡn. Thầy áp dụng chiến thuật vết dầu loang với cô Thơm thiệt hữu hiệu. Từ những cuộc trò chuyện ngắn ngủi,

vội vàng sau mỗi buổi dạy kèm, từ từ thầy kiếm những cách khác. Tỉ dụ như lúc thì thầy làm như tình cờ gặp cô ở chợ, lúc thì thầy nhờ thằng Báu chuyển lại cho cô một mẫu giấy nhỏ có ghi những lời hết sức vu vơ, nhưng người trong cuộc thì lúc nào cũng đón bắt được những tín hiệu riêng tư trong đó. Chiến thuật của thầy lên tới cao điểm với kết quả là cô Thơm chịu nhận lời đi chơi với thầy nhân có chợ Tết ban đêm ở thôn bên cạnh. Đương nhiên là cô phải giấu má cô, chỉ nói là đi chợ Tết với mấy cô bạn học cũ, chớ ai đại gì mà khai đi chơi với đàn ông con trai, nghe không đứng đắn chút nào!

Cái ngày hẹn đi chợ Tết với thầy Huy sao mà chờ hoài chưa thấy tới! Cô Thơm bồn chồn ra mặt. Ngồi dẹt chiếu với má mà cô cứ để đầu óc ở đâu đâu. Nhiều lúc cô văng một sợi cỏi xém chút nữa là trật ra khỏi go. Má cô lâu lâu lại liếc xéo cô một cái, muốn hỏi tại sao hôm rày cô làm việc coi bộ tắc trách như vậy, nhưng bà lại thôi. Năm hết Tết tới, một sự nhện là chín sự lành. Con nhỏ in hình như đang khó ăn khó ở. Nói qua nói lại với nó không chừng lại sinh ra cãi cọ lời thôi, mất hết vui mấy ngày cuối năm cuối tháng.

Buổi chiều của đêm chợ Tết, cô Thơm xin má nghỉ sớm. Cô tắm bằng nước bông bưởi. Cô chải đầu thiệt kỹ, chải tới chải lui mà vẫn chưa bằng lòng. Cô bận một cái áo bà ba phơn phớt hồng với cái quần xa-tanh đen, đi đôi guốc mộc còn mới tinh. Từ lúc còn đi học, cô không bao giờ quen trang điểm, môi son, má phấn như các bạn đồng lứa hay các cô gái thành thị. Theo quan niệm riêng của cô, đẹp mà phải nhờ

thứ này thứ kia phụ trợ thì đâu có đẹp cái nổi gì. Cô chỉ thường rửa mặt với nước vo gạo để giữ cho làn da luôn sáng láng. Cặp chun mày của cô thì công nhận cô có chịu khó tỉa tốt thiệt, nhưng nó là của cô, cô không có thêm cái gì vô hết. Công bình mà nói, ông trời cũng ban cho cô nhiều nét dễ coi trên khuôn mặt trái soan của cô. Mũi cô dọc dừa, mắt cô có hàng lông mi rậm và cong, còn cái miệng của cô thì nhìn như lúc nào cũng hơi chum chím cười. Cái chức hoa khôi toàn trường của cô ngày xưa không phải là không có căn cứ!

Từ nhà đến thôn bên, suốt đường đi cô Thơm thấy trong lòng dấy lên một niềm vui rộn rã, khó kiềm chế. Mùa xuân chưa về trong trời đất nhưng nó đã ngự trị trong lòng cô từ lúc nào. Đôi chân cô đi thoăn thoắt, cố cho mau tới chợ. Thầy Huy đã đứng sẵn đợi cô nơi điểm hẹn. Cả hai háo hức hoà vào dòng người đi chợ Tết. Thầy Huy vừa đi thủ thỉ mấy câu gì đó mà cô không nghe được vì những âm thanh âm ĩ chung quanh. Tiếng người cười nói, kêu nhau í ới. Nhạc xuân từ mấy quầy trò chơi toả ra, quyện vào nhau thành một khúc đồng ca khó hiểu nhưng nghe cũng hay hay. Lâu lâu cô Thơm lại mỉm cười với thầy Huy một cái, ý chừng như cho thầy thấy cô hiểu thầy nói gì. Bữa nay cô Thơm ít nói một cách lạ thường. Những lúc nói chuyện với thầy Huy ở nhà, cô cũng hoạt bát lắm. Nhưng hôm nay cô phải tự kiểm soát, không cho mình nói nhiều, đừng thầy Huy khỏi đánh giá mình là vui quá trớn, ăn nói lung tung. Tới lúc cô Thơm cảm thấy bàn tay ấm áp của thầy Huy nắm lấy

tay mình trong đám đông, thỉnh thoảng cô nhìn mình liên tiếp mấy cái. Cô ngây ngất, muốn là đi trong cái cảm giác mới lạ lần đầu tiên mới có. Thầy Huy như cũng đang gồng mình làm ra vẻ tự nhiên với hành động táo bạo của mình. Cô Thơm để yên cho bàn tay nhỏ nhắn của mình nằm gọn trong bàn tay rắn chắc, tự tin của thầy Huy. Hai người đi lướt qua những gian hàng Tết, trong không gian lẫn lộn mùi thức ăn, mùi pháo, mùi hoa, như đang đi trong một giấc chiêm bao mà không muốn thức dậy.

Thầy Huy và cô Thơm đi hết khu chợ Tết, con đường thôn trở nên vắng vẻ hơn một chút. Dòng người vẫn tiếp tục đổ vào chợ, đi ngược chiều với hai người. Đi thêm một chút nữa là thấy con sông nhỏ trong thôn. Đêm nay trời dịu mát. Gió từ ngoài sông thổi vào hiu hiu thiệt là dễ chịu. Dân trong thôn đổ vào chợ Tết hết nên trên bờ sông chỉ có thầy Huy và cô Thơm. Đêm nay mà có trăng nửa thì số dách, thầy Huy dám còn làm được mấy câu thơ tả cảnh cả tình nữa không biết chừng. Nhưng đêm cũng không tối lắm, chắc là cũng nhờ mấy ngôi sao lác đác trên trời làm sáng lên chút đỉnh. Tay thầy Huy vẫn còn nắm chặt lấy tay cô Thơm. Bây giờ thì hai người đã đứng gần nhau lắm rồi. Cô có thể nghe được hơi thở gấp gấp của thầy Huy. Người thầy toát nhẹ ra cái mùi nồng nồng, ngai ngái của đàn ông mà bây giờ cô Thơm mới biết là như thế nào. Cô biết là thầy cũng cảm thấy tay cô, và cả toàn thân của cô, đang run rẩy nhẹ nhàng như những chiếc lá non. Dòng sông thật yên tĩnh. Lâu lâu mới có một hai con cá búng mình

lên khỏi mặt nước kêu tanh tách. Tiếng con trùng kêu rầm rì trong bãi cỏ không đủ phá tan sự tĩnh lặng và tâm trạng bối rối của hai người. Cái đêm hôm đó kết thúc như thế nào, cô Thơm cũng không còn nhớ rõ. Các giác quan của cô dường như tê dại đi. Cô chỉ còn nhớ là khi cô về nhà, đi ngủ, trong chiêm bao thấy toàn bông hoa đẹp và thơm ngát.

Buổi chiều cuối năm, cô Thơm không phải dệt chiếu với má. Ba cô cũng ngưng làm việc thường ngày của ông. Công việc của ba cô Thơm là trồng tỉa trong khu vườn rộng phía sau nhà để đem rau trái ra chợ bán. Thời gian còn lại, ông làm nghề tay trái là chế ra những con rối làm bằng giấy bồi, sơn đủ màu sắc sặc sỡ đem bán kiếm thêm đồng ra đồng vào. Các con rối của ba cô làm thiệt ngộ nghĩnh, có con hình dạng một cô gái bận áo kiểu như mấy tiểu thư đài các ngày xưa, hai tay cột dây nối vào mấy cây đũa tre. Đem cột con rối lên mái hiên, khi gió thổi qua, mấy cây đũa chuyển động, khiến cô gái như đang uyển chuyển múa, ngộ thiệt vui mắt. Ông còn làm mấy anh đánh võ hay múa kiếm, gió thổi vào làm mấy anh đi những đường quyền cũng ngộ không kém. Hay là những con thú đủ loại, con nào con nấy đều có những hình thù và chuyển động đặc biệt, làm lũ trẻ cứ gọi là mê tít, đòi cha mẹ mua về nhà chơi. Ngày tư ngày tết, mấy con rối của ba cô Thơm bán chạy gấp mấy lần những ngày thường trong năm. Ba phải bắt thằng Báu làm phụ mới kịp. Thằng nhỏ ham chơi, bị bắt làm việc, ngồi giúp ba sơn sơn phết phết, cột dây cột nhợ, mà mặt mày bí xị, thấy cũng

tội nghiệp. Nhưng tới chiều ba mươi thì ba cũng nghỉ hết mọi chuyện, chuẩn bị bày biện bàn thờ để tối cúng giao thừa. Thăng Báu lại được dịp nhảy chân sáo ra với đám bạn cùng xóm, tha hồ mà đốt pháo lè.

Má cô cũng tíu tít dưới bếp, nấu nấu nướng nướng cho kịp các món ăn đặt ba cúng ông bà. Cô Thơm hự hự với má, bà sai gì cô làm nấy. Bữa nay cô thấy lòng mình thiệt rộng lượng, phơi phới, má có bắt cô làm nhiều thứ quá hay cần nhần cô cái này cái nọ, cô cũng đều vui vẻ bỏ qua hết. Mà cô không vui sao được khi mỗi giao tình của cô với thầy Huy càng ngày càng sâu đậm. Đến nỗi nhiều khi cô phải lùi ngùi nhớ lại cả gần hai chục năm về trước, khi cô bắt đầu biết suy nghĩ và biết cảm xúc, giống như là cô chưa từng được sống, được nếm cái hương vị tuyệt diệu của đời sống là tình yêu mà cô mới vừa có được. Bây giờ cô mới thấy mình thiệt sự là sống, cô nghe từng hơi thở, từng cử chỉ của mình đều mang một ý nghĩa, chứ không như ngày trước. Y như câu nói giấu của một diễn viên trong một vở hài kịch trên truyền hình mà cô đã từng coi qua: *“Sống mà không yêu cũng như chết mà còn biết thở!”*

Mỗi ngày mới của cô Thơm là một ngày của chờ đợi, của sự mãn nguyện vì tình yêu của mình được đền đáp ấm áp, đề huề. Cái hộp bánh bích-quy cũ của cô đã đầy nhóc những lá thơ tình của thầy Huy gởi cho cô. Chắc cô phải kiếm thêm một cái hộp khác quá. Hai bữa trước, thầy còn giúi vào tay cô một tấm thiệp xuân do chính tay thầy vẽ chứ không phải mua ngoài tiệm về.

Thầy vẽ cũng hơi sến súa, thiệp gì mà toàn là mấy trái tim đủ màu, to có nhỏ có. Nhưng cô không dám chê, bởi vì cô thấy cái thiệp chứa hết tình cảm dạt dào mà thầy Huy dành cho cô. Nhứt là phía trong, thầy còn nắn nót ghi bằng nét chữ vừa rần rỏi, vừa bay bướm như rồng bay phượng múa của thầy: *“Tặng cô Thơm mùa xuân ý nghĩa nhất của đời tôi”*. Cô đọc câu viết ngắn ngủi nhưng hàm súc đó của thầy mà lòng bồi hồi khôn tả. Cho tới giờ phút này, thầy Huy vẫn còn cô cô tôi tôi với cô Thơm, chứ chưa dám tiến tới chỗ anh anh em em. Nhưng cô Thơm không lấy đó làm điều. Chữ nghĩa, xưng hô chỉ là bề ngoài. Tình cảm bên trong mới thiệt là điều quý hoá.

Cỡ chín giờ tối, bàn thờ tổ tiên đã tươm tất. Ba cô đi ngủ sớm đặt còn dậy đúng nửa đêm rước ông bà về ăn Tết. Má cô cũng đã nấu nướng xong đâu vô đó, chỉ chờ đem thức ăn lên cúng. Bà đi tắm rửa cho sạch sẽ, chuẩn bị đón giao thừa. Cô Thơm cũng ăn mặc chỉnh tề, vì đêm nay cô sắp làm một điều thiệt đặc biệt mà cô chưa bao giờ làm. Đó là bói Kiều để biết tình duyên ra sao. Hồi cô còn học lớp đệ nhị, giáo sư Việt văn của cô có dạy cả lớp cách bói Kiều theo kiểu riêng của thầy. Thầy nói có nhiều cách bói Kiều, nhưng cách nào cũng rắc rối hay quá mê tín dị đoan, người bói phải khấn vái với những nhân vật trong truyện thiệt rườm rà, vô ích. Cách của thầy, theo như thầy lý luận, vừa giản dị, vừa khoa học, vừa kết hợp được cả đông tây kim cổ. Thầy không tin cách người ta cầm cuốn truyện Kiều mở ra đại trang nào là đọc trang nấy, vậy là không chính xác.

Thầy giải thích là người bói Kiều kiều đó có thể cố tình mở ra phần sách nào mà họ đoán có những câu thích hợp với sở cầu của họ, vậy thì làm sao mà linh ứng cho được. Thầy hướng dẫn cả lớp thử bói Kiều theo kiểu của thầy bằng cách lấy một bộ bài tây 52 lá (thầy nói đông tây hoà hợp là vậy!) để bói ra hai câu của cuốn truyện dài 3254 câu của cụ Tiên Điền Nguyễn Du.

Cách bói của thầy như vậy: thầy tính mấy lá bài có hình như già, đâm, bồi hay lá mười nút là con số không. Lá ách là số một, còn lại lá nào mấy nút đương nhiên là số đó. Người bói Kiều thăm xưng tên xưng tuổi, thành tâm khấn vái cụ Nguyễn Du, xin cụ linh thiêng ứng nghiệm với điều mình đang cầu xin để biết cụ dạy ra sao. Đoạn người đó xáo bộ bài nhiều lần rồi rút ra bốn lá, đặt xuống theo thứ tự đang coi phải tìm tới câu thơ nào trong sách. Trong trường hợp lá thứ nhất lớn hơn ba nút hay mỗi lá sau lớn hơn tổng số các câu thơ trong truyện Kiều, người xem bói phải rút lại tới chừng nào có lá bài có số nút bằng hay nhỏ hơn mới thôi. Nếu câu thơ bói ra là câu lục thì đọc tiếp câu bát phía dưới. Còn như câu đó là câu bát thì phải đọc câu lục phía trên. Gần hai chục năm trôi rồi mà cô Thơm còn nhớ thiết kỷ những lời thầy hướng dẫn. Lúc cô đang trịnh trọng cầm cuốn sách và bộ bài, sửa soạn bói Kiều thì má cô từ dưới nhà bước lên. Má hỏi cô:

“Giờ này mà con còn thức hả? Đi ngủ đi chứ, đang chút nữa còn dậy đón giao thừa với ba má.”

Từ chiều tới giờ, cô Thơm để ý thấy má cô khàng khắc, ít nói ít cười hơn mọi

ngày. Trong bếp, khi cần gì má mới nói với cô mấy câu. Còn không thì má cứ lảm lì làm việc. Nhìn má buồn buồn, tuồng như có một tâm sự gì mà má không thổ lộ với ai được. Cô Thơm rụt rè nói:

“Má à, con thấy bữa nay má không được vui. Có chuyện gì không vậy má?”

Được lời như cởi tấm lòng, má cô Thơm thở ra một cái:

“Con hỏi má mới nói. Lâu nay má thiệt bức mình về một chuyện. Con thấy cô Tư ra sao? Cái cô mà thường đến nhà mình mua con rối của ba về bỏ mối đó.” Cô Thơm ra chiều suy nghĩ:

“Cô Tư đó hả má? Thì cổ lâu lâu mới tới mua hàng của ba một lần. Con có thấy gì lạ đâu.”

Má chắc lưỡi:

“Tại con không để ý kỹ đó thôi. Mà má thấy hỏm rày con cũng thay đổi nhiều lắm, cứ lơ lơ láo láo như người mất hồn! Í chà, con với ông thầy Huy có cái gì không mà má thấy hai đứa cứ thậm tha thậm thụt nói chuyện hoài vậy hả? Con gái con đứa phải giữ gìn ý tứ chứ không người ta cười đó ghen con!”

Trong khi cô Thơm thoáng giựt mình, chưa biết nói sao thì má tiếp luôn, giọng vừa buồn vừa bức:

“Cái cô Tư đó, cổ là gái goá chồng, còn trẻ. Mà ba con đã đứng tuổi, vợ con đang hoang. Vậy mà mỗi lần cổ tới mua hàng với ba, cứ mắt la mày liếc, nói giọng thì thiệt là nhõng nhẽo, không đứng đắn gì hết. Má hổng ưa được chút nào!”

Cô Thơm phải rán lắm mới không bật ra cười:

“Má à, má không có ghen với ba đó chứ? Con nghĩ là trời sanh cái điệu bộ với giọng nói của cô như vậy thôi chứ làm gì mà có chuyện như má nghĩ. Ăn thua là ba không có tình ý gì với cô thôi.”

Má hứ một tiếng:

“Con thiệt là thiếu kinh nghiệm sống. Má già rồi, con ruồi bay qua má còn biết ruồi đực hay ruồi cái, huống chi là cái thâm ý của cô Tư này. Má không có thèm ghen tuông gì hết, nhưng người ta phải tôn trọng má chứ. Má định qua Tết rồi, bữa nào cổ tới mua hàng, má sẽ xì nẹt cổ một trận.”

Cô Thơm hoảng hồn:

“Í chết, má đừng làm như vậy, kỳ lắm! Má làm vậy mất mặt cổ, mà cũng mất mặt ba luôn đó. Cổ là mối hàng xộp nhất của ba nữa.”

Má hậm hực:

“Xộp thì xộp chứ! Bộ ý xộp là muốn làm gì thì làm sao?”

Cô Thơm tiến tới gần má:

“Thôi, con vuốt giận má. Chuyện nhỏ như vậy, hơi đâu má để ý cho hại sức khoẻ. Má nè, con đang sửa soạn bói Kiều đây. Má có muốn con bói cho má một quẻ luôn không?”

Má nói giọng ráo hoảnh:

“Bói với biếc cái gì? Bữa nay con thiệt là bày đặt. Mà má thấy người ta bói Kiều để biết chuyện tình duyên, nhứt là những người còn độc thân như con. Còn má già rồi, tình duyên nào mà cần hỏi han nữa chứ?”

Cô Thơm cười khúc khích, ôm vai má:

“Má nói vậy là còn thiếu sót. Truyện Kiều tuy có nhân vật chính là cô Thuý, chứ thiệt ra nó bao hàm hết mọi sự trên đời, đủ hỉ nộ ái ố, ai cũng bói được hết

má à. Con bói cho má một quẻ cuối năm nghen?”

Bà cụ dường như xiêu lòng, nói giọng xuôi xị:

“Muốn bói thì phải làm sao?”

Cô Thơm mừng rỡ nói:

“Dễ lắm má à. Má chỉ cần nhắm mắt lại, xưng tên tuổi, rồi thành tâm khấn cụ Nguyễn Du đặng hỏi về một điều má muốn biết. Rồi con sẽ đưa bộ bài cho má rút lá bốn lá. Con sẽ tìm ra lời dạy của cụ Nguyễn Du cho má liền.”

Má cô Thơm nghe lời, nhắm hai mắt lại, lâm râm khấn vái. Đoạn bà làm theo lời con, rút ra bốn lá bài trên tay cô Thơm. Cô xếp mấy lá bài xuống mặt bàn, trịnh trọng nói:

“Má rút ra bốn lá đầm cơ, sáu bích, tám rô và già chuồn. Lá đầu tương đương với số không nên không tính. Như vậy là câu số 680. Để con mở sách ra coi cho má.”

Cô Thơm mở sách ra tới trang có câu số 680. Đây là một câu sáu chữ, có nghĩa là cô phải đọc tiếp câu tám chữ bên dưới. Cô hắng giọng nói:

“Má nghe kỹ nghen, con đọc hai câu này đây:

Cũng đừng tính quẩn lo quanh,

Tan nhà là một thiệt mình là hai.”

Bà cụ lim dim lim mắt lắng nghe. Hình như bà có thoáng giật mình một cái nhưng bà giả ngộ như không có gì. Bà làm tỉnh đứng lên, nói với con gái :

“Má không hiểu cụ Nguyễn Du muốn nói gì! Thôi, má đi ngủ đây. Con nhớ dậy lúc 12 giờ giúp má dọn đồ lên cúng ông bà đó.”

Cô Thơm lên má tủm tỉm cười. Cô thầm phục cụ Nguyễn Du thiệt là linh thiêng. Má nói vậy chứ chắc má đã

hiếu cụ dạy má điều gì. Bây giờ tới phiên cô, không biết cụ Tiên Điền sẽ dạy biểu cô ra sao đây. Cô bắt đầu nhắm mắt lại, khấn vái rì rầm, rồi rút ra bốn lá bài như má cô đã làm. Bốn lá đó là ách rô, năm cơ, bốn bích và con ba cơ. Vậy là câu số 1543. Cô hồi hộp mở sách ra, nhìn hai câu thơ trước mắt:

*Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười.*

Cô Thơm cũng giựt mình thon thót không kém má cô. Mèn ơi, điệu này là mình phải thú thật chuyện của mình và thầy Huy với ba má chớ còn bí mật quân sự cái nỗi gì nữa. Cô mà không nói thì má gần như cũng biết rồi, làm sao lầy vãi thừa che mắt thánh cho đặng. Hồi trước, mỗi lần má phàn nàn với cô về đường chồng con của cô, cô thường ầm ức lắm, chỉ mong có ngày sẽ chứng tỏ cho má mình cũng không phải là gái già. Nhưng bây giờ, cơ hội đã tới, cô lại thấy thiệt là khó giải bày. Hai mắt cô Thơm tỉnh rớt, cô không thấy buồn ngủ chút nào hết. Cô nghĩ tới thầy Huy. Cô chắc giờ này thầy cũng không ngủ được và cũng đang nhớ tới cô. Cô nghĩ sao mà tình yêu nó tuyệt vời như vậy, hai tâm hồn ở xa nhau mà tưởng như thiệt gần nhau, cùng nghĩ tới nhau, như có thần giao cách cảm. Cô mà có tài làm thơ, chắc lúc này cô sẽ viết nên mấy vần ca tụng sức mạnh diệu kỳ của tình yêu trai gái.

Cô Thơm ngồi một mình trong gian phòng thờ, miên man nghĩ hết ý này qua ý nọ, quên cả thời gian. Cô không để ý hai cây kim đồng hồ trên vách đang từ từ chập lại ở số mười hai. Rồi một loạt pháo nổ giòn giã vang lên

khiến cô giựt mình nhớ lại giao thừa đã tới. Cái thôn nhỏ như đang cựa mình thức dậy, hân hoan chào đón giây phút thiêng liêng lúc năm cũ và năm mới giao hoà, cho một mùa xuân mới lại trở về với đất trời. Ba má cô lục tục thức dậy, sửa soạn cúng giao thừa. Cô Thơm lẳng xăng phụ ba má trên nhà, dưới bếp. Thằng Báu ngủ say như chết, cô lay nó dậy đón giao thừa mà thằng nhỏ không nhúc nhích. Lúc ba má cô Thơm đứng trang nghiêm trước bàn thờ tổ tiên lung linh ánh bạch lạp, khói hương nghi ngút, cùng những mâm bông trái, những đĩa thức ăn tứ ụ, bánh chưng, bánh tét, không thiếu món gì. Hai ông bà cầm hai cây nhang cháy đỏ để ngang mày, miệng thầm thì khấn vái. Cô cũng cầm nhang đứng phía sau. Cô bắt chước sách vở cùng những gì ba má dạy, kính cẩn xin ông bà tổ tiên phù hộ cho quốc thái dân an, họ hàng hai bên, bà con chòm xóm, bạn bè gần xa và mọi người trong nhà lúc nào cũng được an vui, mạnh khoẻ. Cuối cùng, mà cũng không kém phần quan trọng, cô rưng rưng xin ông bà gia hộ cho mối tình mới chớm giữa thầy Huy với mình được bền vững, đặng một ngày không xa, ba má cô sẽ hỉ hả mời bà con cô bác tới dự ngày con gái vu quy trong tiếng pháo cưới tung bừng không kém những tiếng pháo rộn rã đầu xuân này.



Trần C. Trí



*Ngày xưa vũ điệu trống cơm
Ru hồn thôn nữ bên sân lá bay*

“RU HÒN” - Tranh, thơ: **Thanh Trí** - Sacramento, California USA

NGÀY BUỒN RỜI CŨNG QUA

** Tác giả: **Hồng Thủy** **

Còn hai ngày nữa là đến TẾT NGUYÊN ĐÁN, gần 46 năm sống trên đất Mỹ. Trải qua 45 lần đón TẾT trên quê hương thứ hai, chưa bao giờ người Việt Nam mình có một cái TẾT BUỒN, LẶNG LẼ như Tết năm nay. Không CHỢ TẾT, không TIỆC TÙNG ĐÓN GIAO THỪA, không PARTY MỪNG NĂM MỚI. Có ai ngờ nước MỸ "THIÊN ĐÀNG HẠ GIỚI" của nhiều người lại đến nông nỗi này không?

Ngay cả bữa cơm TẾT HỢP MẶT ĐẠI GIA ĐÌNH quen thuộc hàng năm cũng không có nữa! Các con tôi sợ đám cháu vẫn sinh hoạt bên ngoài mang vi khuẩn đến cho ông bà già, nhờ bị lây nhiễm thì khó qua khỏi. Nghe các con nói có lý vợ chồng tôi cũng phải đồng ý, tuy trong lòng cảm thấy rất buồn và thêm những ngày TẾT có con cháu đầy nhà. Dù TẾT năm nay chỉ có hai vợ chồng cô đơn, tôi cũng cố gắng sửa soạn nhà cửa cho có không khí TẾT. Đời sống đã không còn nhiều niềm vui chung với bạn bè, con cháu như trước thì phải cố tạo ra niềm vui riêng mà vui sống chứ. Cho nên tôi cũng làm bộ rộn ràng sắm TẾT: cũng hoa cúc vàng, cũng cành đào khoe sắc

thắm. Cũng bánh chưng xanh, câu đối đỏ. Rồi giò thủ, dưa hành, thịt đông, cá thu kho, giò heo nấu măng khô. Toàn những món quốc hồn quốc túy của ngày TẾT miền Bắc.

Trong lúc lăng xăng nấu những món ăn TẾT, bỗng dưng cõi lòng già nua của tôi lại bùng lên ánh lửa ấm áp của góc bếp ngày xưa thời con gái... Tiếng bà ngoại dặn dò: măng khô phải ngâm mấy lần nước cho thật mềm, phải đun thêm 3 lần nước sôi thật kỹ, phải cắt hết những chỗ măng già. Nấu sao miếng măng phải ngon như miếng thịt gà mới khéo. Bà ngoại còn có nồi canh bóng giò sống thật ngon với đủ thứ chân tủy: xu hào, cà rốt, đậu hoà lan với nấm hương thật thơm. Món này thì tôi không theo bà ngoại được vì ở đây không có bóng ngon. Chỉ có bóng giả làm bằng bì heo ăn không thơm. Thêm món mực khô thái chỉ xào thật khéo của bà ngoại là món tôi mê nhất. Tôi chỉ làm mấy món tượng trưng mà hai vợ chồng ăn cả mấy ngày cũng không hết. Thấy tôi làm nhiều món ăn, chàng của tôi thích thú nói: Cứ làm đủ món, đâu cần ăn hết, chỉ cần "những nhìn mà vui" là đủ ấm lòng rồi. Như vậy mới

có hương vị TẾT. Chúng tôi cùng đồng ý nên chấp nhận mọi hoàn cảnh mà vui sống. Với tuổi này, ngày nào Thượng Đế còn cho được khoẻ mạnh là mừng lắm rồi, đừng đòi hỏi gì hơn nữa. Nhớ làm chi những cái TẾT tượng bưng vui vẻ đã qua, để mà buồn, mà tiếc? Hãy nghĩ đến những người TẾT năm nay đang phải nằm trong bệnh viện vì Cô Vít, để thấy mình được khoẻ mạnh đón TẾT dù quạnh vắng cũng là quá may mắn rồi. Cuộc đời còn lại cứ mỗi ngày một thu ngắn dần. Còn bao ngày nữa đâu? Hãy vui hưởng để lúc ra đi được có cảm giác đã sống vui hết lòng với những gì THƯỢNG ĐẾ ban cho. Không phung phí một chút thời gian nào để phải nuối tiếc.

Uớc mong bạn đọc Cỏ Thơm ai cũng tìm được niềm vui với những gì hiện có, và quên đi những phiền muộn vì thời gian quá dài phải cắm cung trong nhà. Mọi sự rồi cũng sẽ qua đi. Sau cơn mưa trời lại sáng. Có bao giờ trời mưa mãi mưa hoài đâu?

Sang năm 2022, chắc chắn anh chị em trong nhóm Cỏ Thơm chúng mình sẽ có một buổi họp mặt vui vẻ tượng bưng, để đón mừng một Mùa Xuân mới, hy vọng sẽ rất thắm tươi. Kính chúc tất cả các anh chị trong gia đình CỎ THƠM năm mới con TRÂU vui vẻ, mạnh khoẻ, mọi sự may mắn, an lành.

Hồng Thủy



XUÂN NHỚ

*Xuân đến rồi đi hoài tưởng nhớ
Tháng ngày đầm ấm cận kề nhau
Chuyện tình thắm thiết sao tan vỡ
Pháo nổ nhà nàng giọt lệ đau ...*

*Xưa đón Xuân về lòng mở hội
Thánh đường hái lộc buổi đầu năm
Hạnh phúc ngập tràn mai nở vội
Mắt em tươi sáng, ánh trăng rằm*



*Giao thừa trà nóng ngắm Xuân sang
Nào biết mai sau chuyện lỡ làng
Xa vắng cho lòng ôm nuối tiếc
Xứ người tao ngộ sầu miên man*

*Phố cũ bây giờ lạ khác xưa
Quê hương chìm khuất giữa đêm mưa
Đôi mươi trôi mất làn hương mộng
Đời vắng xa rồi, vọng tiếng thưa.*

ĐT Minh Giang

THƠ NHẠC NGÀY XUÂN

** Tác giả: **Ngô Thị Quý Linh** **

Trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, thì mùa xuân và mùa thu là hai mùa được các thi sĩ nhạc sĩ chú ý đến nhiều nhất. Sự thay đổi cảnh vật thiên nhiên từ đông sang xuân và từ hè sang thu đã làm xao xuyến bao tâm hồn nghệ sĩ. Vì thế mà người xưa đã chẳng từng thốt lên rằng:

Nhất diệp tri thu, nhất mai tri xuân.

Một chiếc lá rơi biết mùa thu đến,
Một bông mai nở thấy cả mùa xuân.

Thiên sư Mãn Giác (thế kỷ thứ 11) đã để lại cho hậu thế bài kệ bất hủ với hình ảnh của một cành mai “nhất chi mai” nổi lên được sự huyền diệu của vũ trụ. Nhìn một bông mai nở có thể thấy mùa xuân đến, nhìn một bông mai nở có thể hiểu được quy luật của trời đất và của con người.

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Dịch thơ, bản của hòa thượng Thích Thanh Từ:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua - sân trước - một cành mai.

Dịch thơ, bản của nhà thơ Tản-Đà Nguyễn Khắc Hiếu:

Xuân đi muôn vạn hoa tàn,
Xuân về thắm lại ngập tràn những hoa.
Việc đời thế sự đi qua,
Trên đầu tuyết điểm một vài cọng sương.

Chờ cho xuân hết hoa tàn,
Đêm qua sân trước nở vàng cành mai.

Với Tản Đà tiên sinh (1889-1939) vừa là nhà thơ vừa là khách rượu cho nên xuân đến phải có rượu mới là xuân, rượu còn thì xuân vẫn còn. Ngày nào tiên sinh còn sống thì ngày đó tiên sinh còn vương vấn với thơ và rượu. Bầu rượu túi thơ, đó là hai thú giải trí tao nhã của người đời xưa.

Trời đất sinh ta rượu với thơ,
Không thơ không rượu sống như thừa.
Công danh hai chữ mùi men nhạt,
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ.
Mạch nước sông Đà tim róc rách,
Ngàn mây non Tản mắt lơ mơ.
Còn thơ còn rượu còn xuân mãi,
Còn mãi xuân còn rượu với thơ.

Có phải chỉ mình Tản Đà tiên sinh mới nghĩ rằng rượu phải đi cùng với xuân đâu? Nhà thơ Nguyễn Văn Ty (thế kỷ thứ 20) cũng đã đem rượu đến *Đón xuân*. Hãy uống đi và đón chào xuân để tạm quên đi chuyện chinh chiến, vui xuân đi để quên trong giây lát cuộc đời sương gió nơi sa trường.

Ly rượu này, anh uống cạn đi
Lòng nên nguội lại chuyện biên-thù
Hôm nay Xuân đến rồi anh ạ
Anh hãy vì em, uống cạn ly.

Hãy quên những chuyện lo âu đau buồn của đời sống để chúc cho nhau những điều tốt đẹp. Sáng tác *Ly Rượu Mừng* của nhạc sĩ Phạm Đình Chương (1929-1991) đã cất vang lên trong tất cả những mùa xuân của quê hương từ khi nhạc phẩm này ra đời. Trước Tết, đón Tết, đón Xuân, trong ba ngày Tết, không thể nào thiếu nhạc phẩm *Ly Rượu Mừng*. Cùng nhau nâng ly để chúc cho mọi người, từ anh nông phu, thương gia, công nhân, đến người binh sĩ, đôi uyên ương, người nghệ sĩ, đến cả non sông đất nước, ai nấy đều hân hoan vui mừng đón xuân trong thanh bình tự do:

Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi
Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi
Người thương gia lợi tức
Người công nhân ấm no
Thoát ly đời gian lao nghèo khó...
Nhấp chén đầy vui
Chúc người người vui...
Chúc người binh sĩ lên hàng ...
Rượu hân hoan mừng đôi uyên ương
Xây tổ ấm trên cành yêu đương
Nào cạn ly mừng người nghệ sĩ
Tiếng thi ca nét chấm phá tô thêm đời mới ...
Chúc non sông hòa bình, hòa bình...
Hãy chúc ngày mai sáng trời tự do ...

Nếu gió thu mưa thu gọi cảnh buồn, thì trái lại cảnh mùa xuân lúc nào cũng vui tươi. Cũng vì thế mà thơ và nhạc xuân bao giờ cũng tươi vui như tiếng

chim kêu gọi đàn, như sắc hoa nở trong thiên nhiên.

“Non sông như vẽ, cỏ hoa tươi,
Xuân mới năm nay đã đến rồi.”
(Tản-Đà)

Xuân về đem theo kỷ niệm, kỷ niệm của những ngày ẩm cúng quây quần với những người thân yêu. Xuân về, ai cũng nhớ đến mẹ hiền, nhất là những người xa gia đình, xa quê hương. Thi sĩ Nguyễn Vỹ (1912-1971) viết *Thư Xuân gửi mẹ* để tỏ bày nỗi lòng của mình đối với người mẹ hiền:

Mười mấy xuân rồi xa-cách mẹ,
Nhớ-thương trĩu nặng những vần thơ.
Mùa đông rét mướt, hồn con trẻ,
Thôi hết rồi hoa-bướm mộng-mơ.

Phương mẹ có vàng mai thắm nở,
Có đào khoe nụ-nắng-hồng-tươi
Có mây xanh biếc từng trang sử,
Có gió Hồ Gươm ngát bốn trời...

Lòng mẹ thơm nồng mùa lúa mới,
Đón mùa xuân đẹp ý quê hương.
Đón mùa xuân đẹp tình nhân-loại
Hay đã sâu dằng sóng đại-dương?

...

Thiếu mẹ đời con như lá úa,
Xuân về, con ngỡ xuân chưa sang.
Xuân về, xuân của riêng thiên-hạ,
Con mất xuân rồi đâu biết xuân!

Nhóm nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân (thứ kỷ thứ 20) sáng tác *Xuân này con không về* để gửi nỗi lòng nhớ thương đến mẹ hiền hằng năm sắp đến Tết vẫn mong con về sum họp với gia đình. Những em bé chờ anh trai trở về, mua cho em áo mới đi khoe phố phường,

những mảnh vườn thiếu bàn tay chăm sóc nên không có hoa đón Xuân. Không biết con ở phương trời nào, trong mùa chinh chiến có bình an không

Con biết bây giờ mẹ chờ tin con
Khi thấy mai đào nở vàng bên nương.
Năm trước con hẹn đầu xuân sẽ về
Nay én bay đầy trước ngõ
Mà tin con vẫn xa ngàn xa...

Tết đến Xuân sang là lúc gia đình sum họp. Người xa quê, nhớ nhà, lại càng thấm thía nỗi buồn ly hương khi Xuân đến. *Xuân tha hương* của nhạc sĩ tài ba Phạm Đình Chương lại khiến cho người tha hương thổn thức u buồn, kỷ niệm chợt ùa về:

Ngày xưa xuân thấm quê tôi
Bao nhánh hoa đời đẹp tươi
Mẹ tôi sai uốn cây cành
Vun xới hoa mùa xinh xinh
Thời gian nay quá xa xăm
Tôi đã xa nhà đầm ấm
Sống bao xuân lạnh lẽo âm thầm.

Mỗi năm thay lịch mới, khi nhìn tờ lịch đầu năm lại thấy lòng thêm buồn thêm xót xa, vì thời gian cứ trôi qua mà không biết bao giờ mới có ngày trở về. Dời quê hương ra đi, định cư tại tiểu bang Washington (Hoa Kỳ), nơi đất khách đơn côi, mỗi mùa đông tuyết rơi ngập đường phố lạnh lẽo, nhà thơ Thanh Nam (1931-1985) trải lòng khách ly hương qua bài *Thơ xuân đất khách*.

Trôi dạt từ đông sang cõi bắc,
Hành-trình trở một gánh ưu-tư.
Quê người nghĩ sót thân lưu-lạc,
Đất lạ đâu ngờ buổi viễn-du!

Thi sĩ Tuệ Mai (1928-1983) chắc cũng đã nhiều lần xa nhà khi Xuân đến nên đã viết lên tâm sự về nỗi nhớ nhưng quê hương qua bài thơ *Hoa đào nở chốn viễn phương*.

Xuân này, xa-cách cố-hương
Hơi men quán trọ, ôi buồn nhớ-nhung!

...

Hoa đào nở chốn viễn-phương
Vì xuân, gót dạn gió sương, tạm ngừng
Mang mang lòng nhủ lại lòng:
Tuổi thêm một tuổi, đời không thêm gì!

Tuy xa nhà xa quê buồn là thế, nhưng khi xuân đến ai cũng cảm thấy chút rộn ràng khi năm mới đến, khi phố xá vang tiếng pháo, vang tiếng cười đùa vui vẻ đón xuân sang. Thi sĩ Thế Lữ (1907-1989) đã viết lên những tâm tư của mình qua bài thơ *Giây phút chạnh lòng*.

Hôm nay tạm nghỉ bước gian-nan,
Trong lúc gần-xa, pháo nổ ran,
Rũ áo phong-sương trên gác trọ,
Lặng nhìn thiên-hạ đón xuân sang.

Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi,
Trên đường rộn-rã tiếng đùa-cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.

Xuân càng đem đến bao nhiêu niềm vui thì người ta lại càng thấy đêm xuân sao ngắn quá: “Xuân tiêu khổ đoản”: đêm xuân sao ngắn quá, chưa gì đã thấy mặt trời lên. Có lẽ vì ngày xuân đẹp cho nên thấy xuân chóng tàn, nhất là đối với thi nhân, luôn yêu mến nâng niu những nét đẹp của đời sống. Một chút thay đổi của vạn vật cũng làm thi nhân cảm động.

Pháo đốt vui xuân rộn phố phường,
Xuân về riêng cảm khách văn chương.
Hồng phơi lóa mắt chùm hoa giấy,
Trắng nhuộm phơ đầu mái tóc sương.
Cành liễu đông tây cơn gió thổi,
Con tầm sống thác sợi tơ vương.
Xuân này biết có hơn xuân trước,
Hay nữa xuân tàn hạ lại sang?
(Tản-Đà)

Ngày xuân đẹp khiến người ta đắm
ra nhớ nhung, nhớ một hình dáng yêu
kiều, rồi trách móc thật vu vơ:
Trách cái tầm xuân nhả mối tơ,
Làm cho bối rối mối tương tư.
Sương mù mặt đất người theo mộng,
Nhạn lẳng chân trời kẻ đợi thư.
Nghìn dặm dám quên tình lúc ấy,
Trăm năm còn nhớ mộng nghìn xưa.
Tương tư một mối hai người biết,
Ai đọc thơ này đã biết chưa?
(Tản-Đà)

Mùa xuân là mùa của yêu thương.
Chẳng thế mà người Tây phương có
ngày Lễ Tình Yêu vào tháng Hai
dương lịch cũng là vào lúc mùa xuân ở
Đông phương. Mùa xuân với hoa vàng
cỏ non, với đàn chim tung tăng bay
lượn trong nắng xuân, khiến cho tình
yêu đôi lứa càng thêm thắm thiết, dạt
dào mà nhạc sĩ Nguyễn Hiền (1927-
2005) đã nói đến trong nhạc phẩm *Anh
cho em mùa xuân*, phổ nhạc từ bài thơ
của thi sĩ Kim Tuấn.

Anh cho em mùa xuân, nụ hoa vàng
mới nở, chiều đông nào nhưng nhớ
Đường lao xao lá đầy, chân bước mòn
vĩa phố, mắt buồn vin ngọn cây
Anh cho em mùa xuân, mùa xuân này
tất cả, lộc non vừa trẩy lá

Lời thơ thương cõi đời, bầy chim lùa
vật nắng, trong khói chiều chơi vơi
...

Anh cho em mùa xuân, trẻ nô đùa khắp
trời, niềm yêu đời phơi phới
Bàn tay thơm sữa ngọt, giải đất hiền
chim hót, mái nhà xinh kề nhau

Anh cho em mùa xuân, đường hoa vào
phố nhỏ, nhạc chan hòa đây đó
Tình yêu non nước này, bài thơ còn
xao xuyên, rung nắng vàng ban mai.

Nhớ người yêu lại nhớ giấc *Mộng
chiều xuân* như Nhất Tuấn (thế kỷ thứ
20) đã viết. Dù giận hờn, mà vẫn nhớ
thương. Dù xa cách, mà vẫn mơ đến
bên nhau.

Tình đầu nắng sớm mau phai,
Sao còn nhớ mãi, thương hoài người
xưa?

Cho thơ hờn-giận lời thơ,
Cho tin rồi lại bất-ngờ chiêm-bao.
Thơ hoa, tuổi bướm tìm đâu?
Lấy gì sưởi ấm đời nhau lúc này?
Nét cong, nhớ cặp chân mày,
Nhớ môi triu-mến, nhớ tay ân-cần.
Xin quên, dù chỉ một lần,
Những lời hát “*Mộng chiều xuân*” năm
nào...

Người nằm ngủ mơ giấc mộng xuân
nhiều khi ngủ quên cả trời sáng: “Xuân
miên bất giác hiểu” nhất là khi mơ đến
người mình yêu như trong nhạc phẩm
Mộng Chiều Xuân của Ngọc Bích
(1924-2001).

Gió chiều thắm vương bao nhớ nhưng
Người yêu thoáng qua trong giấc mộng

Vui ngày sống mơ
Những ngày mong chờ
Trách ai đành tâm hững hờ ...
Ngây thơ đáng huyền đến trong mơ
lòng anh bớt sầu
Mộng vàng phút tan theo gió chiều biết
em về đâu?

Khi xuân đến, cỏ cây đâm chồi nảy
lộc, vườn mình khoe sức sống mãnh
liệt. Xuân không phải chỉ thể hiện trong
tình thương yêu đôi lứa mà còn được
ví với tuổi trẻ, đem đến cho tuổi trẻ
cuộc đời mới mẻ tươi sáng, cho lòng
thêm hăng hái mỗi lần đón xuân năm
mới trong nhạc phẩm *Xuân và Tuổi Trẻ*
của La Hối (1920-1945).

Ngày thắm tươi bên đời Xuân mới
Lòng đắm say bao nguồn vui sống
Xuân về với ngàn hoa tươi thắm
Ta muốn hái muôn ngàn đóa hồng...
Vui sướng đi cho đời tươi sáng
Vui sướng đi cho đời thêm tươi
Ta hát ca đón mừng xuân mới ...

Qua tài năng của nhạc sĩ Phạm Đình
Chương, lời của nhạc phẩm *Đón Xuân*
diễn tả được hết cái vẻ vui tươi của
thiên nhiên và yêu đời của người trong
mùa xuân. Nào là hoa nở, chim hót,
tiếng cười, tình thương, sức sống, ...
khiến cho lòng người ai nấy đều cảm
thấy được sự vui vẻ từng bừng khi mùa
xuân đến.

Xuân đã đến rồi reo rắc ngàn hồn hoa
xuống đời
Vui trong bình minh muôn loài chim hót
vang mọi nơi
Đem trong tiếng cười cho kiếp người
tình thương đắm đuối
Ánh Xuân đem vui với đời.

Kìa trong vạt nắng
Mạch Xuân tràn dâng
Khóm hoa nhẹ rung môi cười thẹn
thùng cùng bao nguồn sống
Bướm say duyên lành
Thắm tô trời xanh
Bầy chim tung cánh hát vang đón
mừng mùa nắng tươi lan....

Đợi chờ háo hức đón Xuân, nhưng
rồi những ngày xuân cũng chẳng được
bao lâu. Xuân đến rồi lại ra đi trong sự
tiếc nuối của mọi người.

Thương thay! Xuân chẳng đợi chờ,
Tiếc thay! Xưa những hững-hờ với
xuân.

(Tản-Đà)

Xuân đang vui, hoa đang nở, ong
bướm rộn ràng bay, ấy thế mà khi xuân
qua thì hoa cũng tàn theo, cảnh đang
vui cũng chẳng còn vui, cảnh đang đẹp
cũng chẳng còn đẹp.

Xuân hết, đào phai, lý rụng rồi,
Hoa-đỉnh tịch-mịch về xuân phai.

Tơ-bời ong bướm bay qua ngõ,
Những tường mùa xuân ở xóm ngoài.

Xuân buồn như nhắc cảnh xuân vui,
Gió thổi lay cành, rụng quả mai.
Thương dầu xuân tàn, nghiêng giỏ hót,
Thương xuân, xuân hỡi, có thương
người?

(*Mai Rụng*, J. Leiba)

Thi nhân nhắc chúng ta hãy hưởng
Xuân đi khi Xuân đến, hãy vui với Xuân
trước khi phải chia tay với Xuân. Mỗi
lần xuân đến, lại một lần tuổi thêm cao,
Trời xanh còn có khi già nữa là người
ta.

Tin xuân đến ngọn cây đào,
 Bảo cho hoa biết ra chào Chúa xuân.
 Mỗi năm xuân đến mỗi lần,
 Thiều-quang chín chục xoay vần chẳng sai.

Ngày xuân còn mãi không thôi,
 Tuổi xuân ai dễ xanh rồi lại xanh?
 Đường mây những khách công-danh,
 Mây râu cụ lớn thay hình thanh-niên.
 Thành sầu mấy ả Khâm-thiên,
 Én oanh dẫn lối con thuyền Tầm-dương.

Làng văn mấy bạn văn-chương,
 Bút hoa án tuyết, hơi sương mái đầu.
 Tiểu-thư ai đó tựa lầu,
 Thơ đào chưa vịnh, mai hầu bảy, ba.
 Trời xanh, trời cũng khi “già”,
 Xuân xanh, xanh mãi đâu mà, hỡi ai?
 Gặp xuân ta hãy làm vui,
 Kẻo nay xuân đến, kẻo mai xuân về.
 Vui xuân, rượu uống thơ đề.

Khi nàng Xuân đến, hãy vui với nàng
 Xuân duyên dáng, hãy chào mừng
 Xuân bằng tiếng pháo đì đùng, bằng
 câu hát ca vang, bằng những tà áo

màu vui tươi. Hãy cùng nhau cất tiếng
 hát lên những lời trong nhạc phẩm
Xuân đã về của nhạc sĩ Minh Kỳ (1930-
 1975) để chào đón nàng Xuân.

*Xuân đã về, Xuân đã về,
 Kia bao ánh xuân về
 tràn lan mệnh mông
 Trên cánh đồng chim hót mừng đang
 thướt tha từng đàn cùng bay vui say.
 Xuân đã về, Xuân đã về,
 Ngàn hoa hé môi cười tươi đón gió mới
 Xuân đã về, Xuân đã về, Ta hát vang
 lên câu ca mừng chào xuân.*

Ngô Thị Quý Linh

Tài liệu tham khảo:

Nhớ Xuân, Tuyển tập nhạc Xuân Thu
 35, Hoa Kỳ 1994

Tản Đà Văn-Văn toàn tập, Hà Nội
 1944, Sống Mới tái bản.

Thi Ca Tiền Chiến Và Hiện Đại, Bảo
 Vân sưu tầm, Canada 1978

Tình khúc mùa Xuân, Tuyển tập nhạc
 Xuân Thu 1, Hoa Kỳ 1990



GẠO CHỢ, NƯỚC SÔNG

** Tác giả: **Vưu Văn Tâm** Germany **

1. Kép Bảy Đợi

Mái tranh xiêu vẹo nằm lơ lửng bên con lạch nhỏ đón nhận những tia nắng chiều vàng vọt, yếu ớt. Buổi chiều xuống mệnh mang. Đi thêm dặm bước nữa và nhìn vào bên trong, người ta thấy được cái giường tre cũ kỹ dựng sát vách trong cái chòi nhỏ xíu, trống hoang. Ngoài ra không thể tìm thấy một món đồ nào có giá trị hơn nữa giữa cái không gian bốn bề phen che không kín gió đó. Phía sau nhà, gốc mận cần cỗi cũng trơ mấy nhánh cây khẳng khiu, trụi lá. Chủ nhân là ông Bảy Đợi gầy còm với đôi mắt khi tỏ, khi mờ như ánh đèn leo lét giữa đêm hôm mưa gió. Ngày còn mạnh giỏi, ông lên rừng lấy củi về bán lại cho bà con để đổi lấy chén cơm, manh áo. Cơn bệnh ngặt nghèo cướp đi nguồn ánh sáng và sức lực ông cũng tiêu hao theo tháng năm mòn mỏi. Chòm xóm thương tình đã góp công dựng tạm cho ông cái chòi lá này để đục nắng, che mưa. Kể xa, người gần thường tạt qua cho một ít lương thực để ông có thể sống lây lất qua ngày, đoạn tháng. Nghe cô bác lớn tuổi kể lại ngày xưa ông Bảy cũng có một thời lừng lẫy. Mấy chục năm trước, ông là kép chánh cho

một gánh hát cải lương đại ban ở đất Sài-Gòn. Với gương mặt điển trai, sáng rực dưới ánh đèn sân khấu và giọng ca mỗi khi cất lên như chuông vàng ngân trên điện thánh đã làm mê say biết bao con tim phụ nữ cũng như khán giả ái mộ. Lúc được thời, ông còn làm bầu một gánh hát lớn nhất nhì thủ đô. Tiếc thay, ông có tài nhưng lại kém đức. Ông thích nghe những lời phỉn nịnh và tỏ vẻ khó chịu khi khán giả hay báo chí góp ý hoặc phê bình. Ông chịu theo thị hiếu dễ dãi của khán giả để nhận được những tràng pháo tay giòn giã như pháo tết hay bỗng lộc kết sù đến từ một số khán giả lăm tiền, nhiều của, thích lẩn quyền để thao túng sân khấu. Cải lương thoái trào vì nghệ thuật dần bị mai một bởi những vở tuồng có nội dung vô vị và thiếu thẩm mỹ.

Chẳng những ông quên đi những người từng đỡ nâng mình thuở mới chập chững vào nghề mà còn quay lại mặt sát, ức hiếp khi họ bị sa cơ, thất thế. Ông bỏ bê gia đình và lao vào những cuộc truy hoan như con thiêu thân quên ngày, quên tháng. Hiếm khi ông vắng mặt ở những cuộc ăn chơi thâu đêm suốt sáng hay bên bàn đèn bác lụn dầu hao.

Vì muốn sớm nổi danh, mấy cô đào trẻ đã tranh thủ lấy lòng ông để mong

hưởng được chút ớn mưa móc. Tánh tình háo sắc, mê thói trăng hoa nên ông đã hết sức "rộng lượng" và mở lòng đón nhận những bông hoa xinh tươi như mộng. Quá chán chê, vợ con ông lặng lẽ bồng bế ra đi và không hẹn ngày về.

Ngày nọ, một trận hỏa hoạn thiêu rụi gánh hát. Đào kép vội vã gom góp tư trang, rương tráp và ai nấy đều lo chạy thoát thân. Ông thiếp đi trong hơi men chính choáng mặt tình cho ngọn lửa tiếp tục lan rộng. Mấy cậu em hậu đài không ngại hiểm nguy đã cứu ông thoát khỏi cơn lửa hồng. Một nửa gương mặt ông bị cháy xém. Gánh hát rã tan, bao nhiêu của tiền bỗng chốc hóa tro than. Năm tháng đã dạt trôi ông về tận đất này với thân hình tàn phế và độ nhạt với sức tàn hơi kiệt.

Tuổi già với bao bệnh tật đeo mang, cái chết đang đến thật gần và dường như cái sống ông cũng không màng đến nữa. Đôi lúc, ông bùi ngùi nghĩ đến cái dĩ vãng ngày xưa khi còn được tung tăng dưới ánh ảo đăng trăm sắc. Nghề hát đã cho ông quá nhiều những vinh quang như ông hoàng, bà chúa vậy mà ông đã sống bạc bẽo, không tròn được chữ nghĩa, chữ tình. "Nếu mùa xuân đã vay huyết mạch của sông dài, biển rộng thì khi sang thu trời đất cũng trả lại mưa dầm" (*) .. Câu ca ngày nào được ông hát vang vọng nơi hí trường sang trọng cũng như trên bước đường lưu diễn thì cũng chính ông không hề hiểu

biết được sự tuần hoàn vũ trụ hay định luật của đất trời. Tuồng đã vắng, màn nhung đã khép, gần hết một kiếp người ông mới ngộ ra, thì ra sau ánh hào quang của sân khấu là hào chôn nhân nghĩa và chôn luôn cả tuổi tên của một đời gạo chợ, nước sông.

2. Gánh hát bầu Sinh

Hoàng hôn ngả bóng trên những ngọn cau và trải những tia nắng yếu ớt trên những mái nhà lợp lá ven sông. Buổi chiều nơi thôn dã thanh bình và đẹp như một bức tranh. Bà con ở xóm trên, xóm dưới rôm rả gọi nhau, họ đốt đuốc rủ nhau đi xem hát cúng đình. Mùa lễ Kỳ-Yên năm nay, đình làng tổ chức linh đình, trọng thể, trước là để tỏ lòng nhớ ơn tiền nhân đã tạo lập nên mảnh đất này, sau là để cầu mong mưa thuận gió hòa cho đời sống dân làng bớt phần cơ cực. Lễ cúng tổ đã diễn ra từ sáng sớm và đêm nay, gánh hát bầu Sinh cũng dừng chân và góp tiếng hát chung vui.

Tiếng trống châu vang dội, sân đình không còn một chỗ trống. Trên gian võ ca, tất cả các nghệ sĩ trong đoàn đã xong phần hóa trang, thay trang phục và sẵn sàng cho đêm trình diễn. Ánh sáng hắt ra từ trong sân khấu và xuyên qua mấy lỗ thủng nhỏ của tấm màn nhung cũ kỹ làm tăng thêm sự tò mò và háo hức của đám khán giả phía dưới. Tiếng cười nói xôn xao khiến cho sân

đình rộn vui hơn bao giờ hết. Tiếng đờn, tiếng ca hòa lẫn tiếng vỗ tay vang dội đã góp phần khích lệ tinh thần anh chị em nghệ sĩ. Trên sân khấu đang diễn đến cảnh vua Tống Nhơn Tôn chuẩn bị phê chiếu xử tội người thương. Bàng Quý Phi cùng cha nàng bị khép tội xâm phạm của công, hãm hại công thần và tư thông quốc tặc. Điều "Trăng Thu Dạ Khúc" áo não làm mấy cô, mấy dì rưng rưng vén tay áo quệt nước mắt :

*"Bút đã quen tay rồng đề thơ bấy lâu
Dưới trăng đêm nào, nơi Vọng Nguyệt Lầu
Ngờ đâu trâm gãy, gương tan
Để nay Thánh Thượng xóa tình phượng
loan bằng bút xưa" (*)*

Bàng Quý Phi trong xiêm y lộng lẫy, đưa tay "ra bộ" rồi quỳ mọp dưới chân nhà vua van lạy. Nàng cất tiếng ca nức nở, nghẹn ngào khiến cho khán giả chất lưỡi, cảm thương. Sau gần ba tiếng đồng hồ sống trong không khí diễm lệ, xa hoa, khán giả cũng đi dần vào đoạn kết vở hát. Hình ảnh vua Tống gục đầu nức nở và bà Bàng Phi cầm dải lụa trắng tinh quấn quanh cổ thất lại là hình ảnh đẹp nhất và cũng buồn nhất trong suốt đêm diễn. Những chiếc quạt giấy đủ màu kẹp thêm mấy tờ giấy bạc được ném liên tục lên sân khấu để tặng thưởng cho anh em nghệ sĩ. Tiếng kèn tây thổi khúc hát chia tay rộn rã mà mấy đứa con nít trong xóm hay hát vang rân "tò te, con ma đánh

đu, Tarzan nhảy dù, Robert bắn súng" ...

Buổi sớm mai khi mặt trời còn đang say ngủ, ghe hát chuẩn bị lên đường dời sang bến khác. Thiên hạ đứng chật hai bên bờ sông vẫy tay tiễn biệt và nhất là ai ai cũng muốn nhìn lại lần nữa những người nghệ sĩ thần tượng của mình. Anh kếp thủ vai Tống Nhơn Tôn trong chiếc áo sơ mi giản dị với gương mặt gầy hao và mái tóc đã pha sương. Cô đào Bàng Quý Phi "hoa nhường nguyệt thẹn" của tối hôm qua đã bôi hết lớp son phấn trên môi, trên má. Mớ tranh cảnh sơn thủy bạc màu chất ngổn ngang trên ghe đang được anh chị em nghệ sĩ lẫn hậu đài thu dọn gọn ghề. Chiếc ghe hát trôi chậm chậm trên sông, con nước vô tình mang theo những chùm mây trắng bay hờ hững.

Trong vở ca còn thoảng mùi thơm son phấn, sân đình còn âm vang tiếng trống, tiếng đờn mà "vua, tôi" đã khuất bóng. Gió sớm thổi qua làm tung bay những làn bụi mỏng và mang theo những chiếc lá lìa cành, héo úa. Tuồng hát đã dứt, màn nhung đã khép lại, khán giả đã ra về mà những tâm tình dường như chưa nói hết. Đêm dài vắng vặc nhưng cũng lắm nỗi đơn côi. Kề đầu sông, người cuối biển, chia tay nhau lần này biết bao giờ mới có dịp gặp nhau lần nữa !

Cuộc đời này cũng là một chốn hí trường với những hỉ nộ ái ố, lạc dục bi ai. Ai nấy trong chúng ta đều mang trên

người một vai tuồng và phải diễn cho đến giây phút sau cùng. Thời gian không chờ đợi ai hết, nên mọi người luôn quyến luyến những phút giây hạnh ngộ. Nếu còn duyên để gặp nhau, xin hãy sống cho trọn tình trước khi đã quá muộn vì mấy ai tắm được hai lần trên một khúc sông.

3. Hát "chui"

Tấm quảng cáo bằng giấy ciment hơi nhàu nát được dán ở góc ngã tư An-Sương khiến người qua kẻ lại, ai nấy đều ghé mắt nhìn qua. Trên đó, nét cọ còn hằn nước sơn mới toanh và nét chữ "hoa tay thảo những nét trông như phượng múa rồng bay" không khác gì ý thơ của thi sĩ Vũ Đình Liên. Ba cái tên "Hùng Cường", "Thanh Lan" và "Duy Khánh" được kẻ bằng chữ in hoa trên hai màu sơn xanh và đỏ với hàng chữ bên dưới nhỏ hơn một chút "19 giờ đêm nay tại chợ Hóc-Môn". Họ quảng cáo cho chương trình ca nhạc tạp kỹ vào buổi chiều tối khi buổi chợ đã thưa vắng bóng người.

Cái sân khấu dã chiến được gắn ghép khéo léo từ những bức bệ và dựng lên giữa lòng ngôi chợ làng quê. Tấm giấy quảng cáo nhỏ xíu dán ở góc đường mà có khả năng "tiếp thị" mạnh mẽ đến không ngờ. Thiên hạ truyền tai nhau, rủ nhau đi xem mặt mũi và nghe nghệ sĩ của Sài-Gòn cũ ca hát. Khán giả chen chúc đến xem đông đảo như một ngày

hội. Tiếng nhạc xập xình, vui tai khiến cho bầu không khí thêm phần ấm áp và xôm tụ. Ánh đèn nơi sân khấu rực sáng báo hiệu đến giờ trình diễn. Mỗi ca sĩ lần lượt bước lên sân khấu cúi chào khán giả và cất tiếng hát. Ca sĩ Duy Khánh sở hữu giọng ca khỏe khoắn, truyền cảm qua nhạc phẩm "Hàn Mặc Tử" và những bài hát ca ngợi quê hương đất Thần Kinh. Nữ ca sĩ Thanh Lan trong tà áo dài trắng tinh của cô sinh viên Văn Khoa ngày nào hát lời Việt những ca khúc như "Tình ca du mục", "Trong nắng trong gió" .. Những nhạc phẩm này được mang "nhãn hiệu" của Liên-Xô, Cuba hay ở những quốc gia tận bên Đông Âu chứ không phải xuất xứ từ mấy xứ tư bản dẫy chết! Mỗi ca sĩ hát chừng bốn đến năm bài, riêng anh nghệ sĩ Hùng Cường ngoài mấy tiết mục tân nhạc còn có thêm tiết mục ca vọng cổ và kể chuyện tiểu lâm. Các bài hát của một thời vang bóng mang nội dung "không xanh, không đỏ" như "Tình đời", "Kiếp cầm ca", "Bảy ngày đợi mong", v.v.. được chọn lọc và ân cần gửi gắm đến đám đông bên dưới đang chen chúc giữa một khoảng không gian không còn một chỗ trống. Những tiếng xuyết xoa, huýt sáo, những tràng pháo tay vang rân từ phía khán giả làm tăng thêm hưng phấn cho các nghệ sĩ đang ca ngâm dưới ánh đèn đêm. Chương trình được gói gọn trong 90 phút. Sau đó, các nghệ sĩ nghỉ giải lao để chuẩn bị cho xuất hát thứ nhì.

Sau tháng tư năm 1975, một số ít nghệ sĩ may mắn được thu nhận vào những đoàn nghệ thuật có tên, có tầm cỡ và được ca hát công khai (hợp pháp) ở những rạp hát trong thành phố Sài-Gòn. Vài người phải thay đổi nghệ danh để xóa đi dĩ vãng ngày trước hoặc để "bám trụ" cho vững. Đa số còn lại bị cấm hát (không được cấp giấy phép hành nghề) nên phải tìm kế mưu sinh bằng những show nhạc bỏ túi, lưu diễn ở các chợ làng, chợ quận hay những tỉnh lẻ xa xôi để khỏi bị chú ý hay làm khó dễ. Chương trình thực hiện rất đơn sơ gồm một số bài hát của ngày trước được chọn lọc với nội dung "nhẹ nhàng", một chập kịch vui ngắn, một màn ảo thuật, v.v.. Giới nghệ sĩ thường gọi những xuất hát lẻ tẻ như vậy là "đi hát chui" hay đi theo gánh hát "Sống dzang" vì họ lênh đênh rày đây mai đó, sống bấp bênh một cuộc đời gao chợ nước sông như thuở mới sơ khai hồi đầu thế kỷ. Hôm nay, đêm hát dừng chân ở bến này và họ cũng chưa biết được bến mới của đêm mai sẽ là nơi nào!

Sau năm 1975, dẫu đi đến đâu, nơi miền Đông hay miền Tây trên dãy đất Việt-Nam, ai nấy cũng thấy, cũng nghe những đêm "hát chui" như vậy. Không chỉ một nhóm nghệ sĩ mà rất nhiều nhóm như của nhóm của nghệ sĩ Tùng Lâm, ca nhạc sĩ Nhật Trường, nữ ca sĩ Ngọc Minh, ông bầu Duy Ngọc và còn biết bao nhóm khác nữa. Họ đã không quản ngại đường xá xa xôi, mang tiếng hát, lời ca vừa để giúp vui cho bà con cô bác, vừa để kiếm sống giữa chợ đời đã quá nhiều nhượng. Nhờ vào lòng yêu thương của khán giả, các nhóm nghệ sĩ "sống dzang" được nuôi dưỡng và sống sót từng ngày để chờ đợi một dịp may mắn khác sẽ đến trong cuộc đời, đi vượt biển hay được đổi đời trên xứ lạ.

Vưu Văn Tâm Germany



SƯƠNG TRÊN BÀI THUẬN AN

*Tháng Ba khoác áo sương về
Mênh mông trắng đục bốn bề bữa giăng
Giật mình nhớ bãi Thuận An
Sương phơi mặt lộ - điệu tàn cuộc chơi!*

Quanghà

LE PRINTEMPS

Le printemps coule
dans les vaisseaux sanguins
Comme l'eau d'un ruisseaux.
Sur une colline près d'un ruisseaux,
Les forsythias, les azalées et les fleurs
jaunes du chou.
Souffrant trois mois d'hiver,
Je m'épanouis comme un pied
d'herbes.
Alouette heureuse!
Es tu venue d'un royaume imaginaire?
Le ciel bleu,
Est haut, infiniment.

YUN DONG-JU (1917-1945)

* Bản Pháp ngữ của Mine Hi-Sik
(Poésie Coréenne Contemporaine)

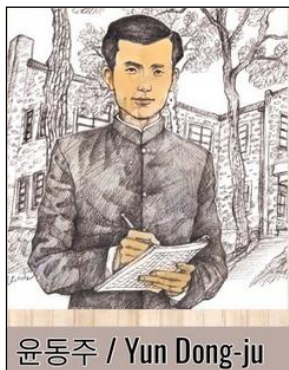
MÙA XUÂN

Mùa xuân tuôn chảy
trong từng mạch máu
Như dòng suối con buông tiếng rì rào.
Trên ngọn đồi xinh cạnh bên suối,
Liên kiều, đỗ quyên, hoa cải vàng au.
Trải qua ba tháng mùa đông lạnh giá,
Tôi vui hơn hờ như thân cỏ dại.
Này chim sơn ca tuyệt vời hạnh phúc!
Đến từ vương quốc tưởng tượng,
phải không?
Bầu trời xanh thì cao, đến vô cùng.

NGUYỄN MÂY THU

(Bài dịch, 14-02-2021)

YUN DONG-JU: Thi sĩ Hàn Quốc, sinh ngày 30-12-1917 tại Longing (Chine), mất ngày 16-02-1945. Là một nhà thơ yêu nước, bị kết án tham gia vào các hoạt động chống Nhật Bản, bị bắt giam, bị tra tấn, bỏ đói và mất trong trại tù Fukuoka (Japon). Tác phẩm chính gồm 31 bài thơ «Bầu trời, Gió, Ngôi sao và Thơ» - (Ciel, Vent, Étoiles et Poèmes) - phiên dịch bởi Kim Hyeon-Ju và Pierre Mesini (nhà xuất bản Autres Temps). Ngày 02-11-1968, một cột bia đề thơ của YUN DONG-JU đã được dựng lên trong trường đại học Yonsei. Ngày 14-02-2016 và ngày 18-02-2016, một phim trắng đen dài 110 phút «**Dongju: Portrait d'un poète**» nói về cuộc đời của YUN DONG-JU đã được trình chiếu ở Nam Hàn, do đạo diễn Lee Joon-Ik thực hiện và Kang Ha-Neul thủ vai.



THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người bạn đời R.A.S. của tôi)

♥ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ♥

(Dịch từ những lá thư 50 năm cũ. Tiếp theo Cỏ Thơm 89)

Washington, August 20, 1970

My dear Dung,

Anh vừa nhận được thư thứ hai của em, cái thư dài đề ngày 14 tháng 8. Anh vui mừng được tin em, vui mừng vì em viết những gì em nghĩ. Vui mừng vì phòng trước nhà của em đã được sửa chữa. Anh rất tiếc em vẫn còn mệt, em phải uống thuốc an thần, không ngủ được nhiều. *Honey*, anh hy vọng lá thư này sẽ làm em bình tĩnh. Trên tất cả, anh muốn em bình tĩnh. Khi bình tĩnh lại em sẽ nhìn mọi việc rõ hơn. Xin em, *honey*, anh có thể làm gì để tâm trí em bình tĩnh lại. Điều trước tiên là chúng ta phải làm là chắc chắn em không nhức đầu. Nếu thư này làm em nhức đầu thì anh sẽ ngưng viết một thời gian.

Darling, anh không giận em. Anh không bao giờ giận em. Khi anh gặp em ở Sài Gòn, anh không nghĩ rằng anh giận em. Anh chỉ phật ý. Anh không nên như vậy. Anh xin lỗi. Anh nên lo lắng về em hơn. Anh xin lỗi đã làm em buồn phiền. Anh không trách móc em. Hãy tin anh. Anh sẽ tiếp tục viết cho em luôn luôn. Có thể là mỗi ngày (trừ khi em ngừng viết cho anh).

Vậy em đừng hỏi anh thứ lỗi cho em. Không lỗi gì để tha thứ cả. Anh tin em. Anh tin em cũng phật ý vì anh để em chờ đợi quá lâu. Nhưng em bị xáo trộn vì điều trên hết là nếu em

nhận lời thành hôn với anh, em sẽ phải rời xa các con em mà em thương yêu. Em bị xáo trộn vì em sẽ phải xa mẹ, xa chị em, xa nhà, xa Sài Gòn. Anh cũng vậy, nhưng lẽ dĩ nhiên là không nhiều như em.

Anh hài lòng là em đã nói những điều trên với anh. Anh biết mọi sự không giống như trước nữa. Anh lo sợ em yêu người khác hơn đã yêu anh. Nếu điều đó xảy ra, anh mong em cũng cho anh biết. Anh sẽ buồn, nhưng không trách em, anh không giận hờn. Bởi vì em đã yêu anh trong ba năm qua, và bởi vì anh đã yêu em quá lâu, và vẫn yêu em, không có nghĩa em phải có bổn phận tiếp tục yêu anh. **Tình yêu không là bổn phận; tình yêu không là sự cưỡng ép; tình yêu là tự nguyện.** Đó là chiều hướng của em và anh, nếu em tự ép buộc và nghĩ rằng "Tôi phải yêu Bob" thì đó không là tình yêu nữa. Vậy em được tự do. Và em đừng cảm thấy tội lỗi đã đổi ý.

Dĩ nhiên anh muốn em bình tĩnh. Anh nhận thấy rằng khi em bị phật ý, em nhanh chóng đổi ý. Anh hiểu, *my dear*. Anh xin lỗi đã thúc giục em quyết định không đúng lúc.

Honey, như anh nói trong lá thư trước, anh vẫn muốn giữ em như một người bạn, nếu em muốn. Anh muốn gặp lại em như bạn. Anh muốn sớm

gặp lại em như em muốn. Anh nghĩ anh có thể làm cho em bình tĩnh lại. Và cho anh nói một điều khác nữa: Nếu em muốn đi chơi ra ngoài với bạn, đừng cảm thấy tội lỗi. Nếu chúng ta đính hôn để cưới, anh không muốn em làm vậy, nhưng chúng ta không còn đính hôn nữa, em tự do làm những gì em muốn. Vì em được tự do gặp bạn, anh mong em cũng tự do gặp anh. Anh dự định đến Sài Gòn vào khoảng cuối tháng Chín hay đầu tháng Mười. Em nói rằng em sẽ gặp lại anh khi anh không buồn và không giận. Anh không buồn hay giận. Anh muốn em qua khỏi nỗi buồn em có. Anh sẽ tiếp tục viết cho em. Anh vẫn tin rằng em nên nghỉ việc một thời gian. Anh hứa sẽ giúp em nhiều như em cần để nghỉ ngơi và bình tĩnh.

Gần đây anh bi quan, anh nghĩ em sẽ không viết cho anh nữa, hay em viết mà nói em không muốn gặp lại anh nữa. Bây giờ anh vui mừng vì em không muốn quên những gì chúng ta đã có với nhau. Anh không bao giờ quên em. Anh sẽ luôn luôn và mãi mãi yêu em.

Bob.



August 20, 1970

Thursday night,

My dearest darling,

Hôm nay, sau khi nhận được lá thư dài của em, anh không những viết thư mà còn gửi điện tín cho em nữa. Khi viết điện tín cho em, anh nghĩ em thường gọi anh là "My monkey" nên anh

đã viết vào điện tín "Con khỉ của em yêu em, không giận." (*Your monkey loves you, not angry*). Anh mong cái điện tín sẽ làm em cười một chút.

Bây giờ, điều quan trọng là làm em cười. Đừng nói em không xứng đáng để anh yêu. Không đúng. Em vô giá và quý báu đối với anh. Anh lo lắng vì em lo buồn, vì em uống thuốc an thần, em nhức đầu, khó ngủ và mệt mỏi.

Em khuyên anh không nên bỏ việc. Anh sẽ không bây giờ (có thể sau này). Xin em hãy nghe anh khuyên em một lần nữa. Anh nghĩ em nên thôi việc hiện tại và tìm việc khác. Anh biết em không giống những người đàn bà ngồi nhà và chẳng làm gì, (trừ phi có chồng). Em thích bận việc. Nhưng việc làm hiện tại của em quá nhiều và không tốt đủ cho em. Em phải làm nhiều giờ và về muộn. Em mệt mỏi. Anh sẽ giúp em học một ngành nghề khác, y tá chẳng hạn... Anh sẽ trả tiền học cho em và các con em.

Anh biết em nhức đầu vì em lo tương lai. Hãy để cho anh lo về chuyện này. Anh ước chúng ta thành hôn với nhau. Nhưng vì em không thể, chúng ta vẫn có thể dự định tương lai của em chứ?

Anh muốn nói với em về việc học của em và các con em khi anh ở Sài Gòn tháng trước. Nhưng chúng ta đã nói những chuyện khác làm chúng ta buồn. Bây giờ chúng ta có thể nói về Dung và các con của nàng không? Em đã rất tốt với anh từ lâu. Bây giờ anh có thể tốt với em bằng cách khác như một người bạn.

Dung ơi, anh cảm thấy anh có trách nhiệm với em. Dù em quyết định ở lại

Sài Gòn với các con em, tình cảm của anh với em vẫn vậy. Em nói "Chúng ta có thể vẫn yêu nhau bằng trái tim, bằng tinh thần. Chúng ta vẫn có thể gặp nhau khi chúng ta không buồn nhau... Chúng ta sẽ gặp nhau như bạn." Anh đồng ý. Anh yêu với tâm linh. Em sẽ không phải là bạn gái, là vợ anh nữa. Chúng ta coi nhau như anh em. Anh muốn là người anh lo cho em nhiều.

Anh rất vui mừng em nói với anh rõ ràng rằng em muốn anh viết cho em, rằng em sẽ buồn nếu anh không viết. Anh sẽ viết luôn luôn, nếu em cũng thỉnh thoảng viết cho anh. Anh biết, cũng khó với em. Nhưng hãy cho anh biết sớm về ý kiến của em. Vậy, em ngủ ngon đêm nay nhé. Nếu em muốn, em sẽ có anh như một người bạn suốt đời.

Anh hy vọng thư này giúp em bình tĩnh. Anh không muốn em lo về vấn đề an ninh của em. Đó cũng là tại sao anh muốn em học một ngành nghề gì sẽ có việc làm vững chắc hơn.

Viết cho anh về những vấn đề trên càng sớm càng tốt nhé. Em không phải giải thích về những gì làm anh buồn. Ngủ ngon em nhé, *my darling*, Bob.



Saturday noon, August 22, 1970

My dear Dung,

Em biết không, đêm qua, lần thứ nhất trong nhiều tháng anh có một giấc ngủ dài. Anh thức giấc một lúc ngắn giữa đêm nhưng rồi ngủ trở lại. Sáng ra, anh thức dậy lúc 9 giờ 30, rất muộn

đối với anh. Bởi vì, anh cảm thấy được nghỉ khỏe, anh mong em cũng được nghỉ ngơi.

Chiều nay, lúc 4 giờ, anh đến thăm Jay một người bạn sống với gia đình ở đây. Trước kia ông ta là cố vấn tại Ban Mê Thuột. Ông ta thích Việt Nam, nhưng không có bạn gái Việt. Jay biết về em từ lâu, nhưng em chưa bao giờ gặp Jay vì ông ta đến Sài Gòn chỉ trong một thời gian ngắn. Trước khi anh biết em, Jay là phụ tá của anh, rồi ông ta muốn làm việc ngoài Sài Gòn, nên anh để ông ta đi.

Trong công việc, anh giao thiệp với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Hôm qua anh lấy hồ sơ cũ ra – năm 1968. Anh đọc một số điện tín và thông điệp về những biến cố trong và sau Tết năm đó. Anh cảm thấy cô đơn với năm 1968. Anh có rất nhiều kỷ niệm. Kỷ niệm vui. Kỷ niệm buồn. Anh tự nhủ bây giờ phải cẩn thận, rất cẩn thận cho hạnh phúc của em, thật cẩn thận cho chúng ta – không để mất những gì chúng ta đã có.

Gần đây em lưu ý anh, "Bob, Em đi học Hội Việt Mỹ, VAA, cho anh, bởi vì em yêu anh." Đúng vậy, đúng vậy. Anh biết. Em không cần phải thuyết phục anh về điều đó. Em đã cho anh một tình yêu lớn, một tình yêu sâu đậm, một tình yêu đẹp. Anh đã rất mù lòa. Anh biết em yêu anh như anh yêu em, nhưng anh đã không giữ em gần gũi với anh và anh đã làm em buồn khổ, và bây giờ anh không trách móc rằng tim em trở lại trống rỗng.

Như anh nói với em trong nhiều lá thư, anh muốn sớm gặp lại em. Trong lần thăm viếng cuối cùng của anh thật

là khó cho chúng ta được bình tĩnh và thoải mái. Chúng ta vừa mới bắt đầu có thể nói chuyện được thì chúng ta lại phải xa cách nửa địa cầu. Anh lo lắng nếu chúng ta không sớm gặp nhau, em sẽ dễ dàng quên anh. Kỷ niệm của em về anh sẽ phai nhạt – Kỷ niệm của em về anh chỉ là những chuyện không tốt, kỷ niệm của em sẽ là những kỷ niệm buồn và thất vọng về anh.

Nếu em nghĩ sự thăm viếng của anh không tốt cho em, thì dĩ nhiên anh sẽ không đến. Tốt hơn là anh đừng đến và bảo em làm hết việc này đến việc kia. Dĩ nhiên là anh thích đến nhà em, chơi đùa với các con em, đưa chúng đi sở thú. Anh muốn nói chuyện với gia đình em, về lá thư dài của em, về tương lai của em. Anh muốn làm vậy khi em bình tâm trở lại. Anh cũng sẽ bình tĩnh; Anh đã.

Anh muốn trở lại Á châu vào khoảng ngày 1 tháng 10. Anh có thể đi sớm hơn hay muộn hơn. Anh sẽ ngừng tại Korea để gặp ông Đại Sứ Porter. Anh đã làm việc với ông ta trước kia tại Sài Gòn và Algiers. Anh có thể sẽ ngừng tại Taiwan để gặp vài người bạn Mỹ anh đã cùng làm việc với họ ở Brussels.

Khi em có vết thương, nó rất nhạy cảm. Nếu ai chạm vào vết thương, em sẽ cảm thấy đau nhiều. Các đường dây thần kinh sẽ chạm nhau và nổ tung. Trái tim anh đã bị thương. Chưa bao giờ như thế, nó rất nhạy cảm. Bây giờ anh nhạy cảm với mọi chuyện nhiều hơn. Anh quan tâm về cảm giác của mọi người. Sau khi vết thương của anh lành, anh nghĩ anh sẽ là người khác hơn.

Anh hiểu tình cảm của em với gia đình, với các con em. Họ giúp em khi thân thể và trái tim em bị thương. Từ lâu, anh đã là một thành phần, thành phần tốt của gia đình em, và vì thế anh muốn gặp em.

Thường thường khi vợ chồng hay người tình bỏ nhau, họ thù ghét nhau. Em nói tới điều đó trong thư của em. Nhưng anh không ghét em. Bỏ đi điều đó. Anh yêu em hơn bao giờ hết. Nhưng anh không nói về điều này. Anh chỉ muốn nói với em về tương lai của em. Viết thư không đủ. Dù bây giờ anh đã bình tĩnh, nhưng anh vẫn không yên tâm. Anh cần gặp em thì mới có thể yên tâm được. Anh mong em hiểu và đồng ý.

Có lần em phản nản rằng thật là lâu mới nhận được câu trả lời qua thư. Có lẽ em đã có câu trả lời. Nhưng em hãy suy nghĩ một hai ngày đã. Nếu em đồng ý, xin em hãy gửi điện tín cho anh. Nếu em không đồng ý cũng gửi cho anh điện tín. Anh nôn nóng biết. Anh sẽ thu xếp cho chuyến đi.

Tại sao tim anh không yên ổn. Bởi vì nó muốn chắc chắn hiểu em. Bây giờ anh hiểu, nhưng có thể anh không. Điều này rất quan trọng với anh. Anh muốn hiểu chắc chắn những điều em định nói với anh trong thư. Anh không thể chắc chắn nếu anh không nói chuyện với em. Anh không muốn ích kỷ, và nếu em nghĩ sự viếng thăm của anh gây phiền hà cho em thì anh không đến.

Vậy trước hết anh muốn hiểu biết hơn. Khi hiểu hơn một chút rồi, dù không hài lòng – Anh vẫn muốn nói về tương lai của em và của các con em,

việc học của chúng. Tại sao? Bởi vì nếu em không muốn có chồng nữa, hay có thể em có, anh muốn giúp việc học của chúng ở Việt Nam hay hải ngoại. Và chúng ta vẫn có thể bàn về việc làm của em. Anh đã nói với em rồi, nếu em đồng ý, chúng ta có thể làm những điều đó.

Hôn em. --Bob.

* Anh đã ân hận nhiều. Bây giờ anh không muốn ân hận thêm nữa. Anh không muốn nói với chính mình. "Tại sao Dung và tôi không gặp nhau nữa trong năm 1970?"



August 23, 1970 Sunday night

My dear Dung,

Em nghĩ thế nào nếu anh sẽ sớm đến Sài Gòn. Điều này có thể được. Nếu anh không làm việc với chính phủ, anh có thể làm việc cho một sở tư hay làm việc như một nhà văn. Em biết rằng khi dự định cho tương lai, chúng ta luôn luôn bàn về chuyện em đến với anh ở Washington, hay nơi khác. Anh đã không nhận ra rằng khó khăn thế nào cho em. Bây giờ anh đã hiểu và em cũng vậy. Chúng ta đều cho rằng em sẽ đến với anh. Em học tiếng Anh. Anh học một chút tiếng Việt. Nhưng bây giờ đã thay đổi. Em muốn ở lại Sài Gòn với các con em, với mẹ và chị em của em.

Anh nghĩ tới tương lai của anh, và nhận thấy rằng không sớm thì muộn anh sẽ trở lại Sài Gòn làm việc. Anh sẽ cố gắng làm được chuyện này sớm. Anh biết anh sẽ vui ở đó, đặc biệt là anh sẽ được ở bên em. Anh có thể

làm theo ý mình. Anh tự hỏi tại sao không trở lại Sài Gòn.

Anh lo nếu anh trở lại làm việc ở đó, em không muốn gặp anh nữa? Anh không thích như thế. Nhưng dù sao anh vẫn sẽ đến. Anh nghĩ nhiều về chuyện đó. Anh không thể phá hủy kỷ niệm của anh với em, và kỷ niệm của anh không chỉ là những nơi chốn chúng ta đã ở bên nhau; chúng sâu đậm hơn. Dù khi anh nghĩ về thời gian của một ngày, hay một tháng nào đó, hay nhìn mặt trời, hay nhìn tóc mình, anh nhớ tới em. Anh không thể phá hủy những kỷ niệm đó. Vậy, như em nói, anh sẽ phải can đảm.

Anh nghĩ về điều ấy khi đọc lại lá thư cuối cùng của em. Lý do em không thành hôn với anh, em nói, vì em không thể rời xa gia đình em. Anh tin rằng em nói thật. Nhưng cũng có thể là lý do khác – như có lần em nói, em mệt mỏi với tình yêu của anh. Anh mong đó không là sự thực, nhưng nếu đúng vậy, anh phải tiếp tục bước tới thôi.

Có lần trước khi gặp anh, em đã định tự vẫn (em viết trong lá thư cuối). Trước khi rời Sài Gòn, anh rất buồn, muốn nhảy vào đầu xe *truck*. Bây giờ anh không nghĩ như thế nữa. Anh muốn nói về sự đau khổ của em. Anh hy vọng sẽ làm êm dịu cuộc đời em, như vậy em sẽ không còn đau đầu, đau trái tim.

Anh viết nhiều cho em trong vài tuần lễ qua. Bây giờ anh nên đợi và đọc những gì em nói với anh. Hôm qua, bạn anh, Phil, chạy xe đạp ra ngoài xa Washington. Sáng nay hắn gọi, nhờ anh đi đón hắn và chở cái xe

đạp về Washington trong trời mưa, mây
xám nhưng trời yên tĩnh.

Good night, my love.

Bob.



Sài Gòn 22 tháng 08, 1970

Anh yêu,

Hôm kia, em đi làm lại sau hai ngày
nghỉ bệnh. Nhưng hôm qua em lại bệnh
nữa, phải xuống phòng thuốc của RMK
khám bệnh. Em có nhiệt độ cao nhưng
lại cảm thấy rất lạnh. Bác sĩ cho em
nghỉ thêm hai ngày nữa. Sáng hôm
nay đi làm lại, bác sĩ chích cho em một
mũi thuốc. Em lấy hai ngày nghỉ
thường niên, nhưng ông boss đổi thành
hai ngày nghỉ bệnh. Em cảm thấy khá
hơn nhưng vẫn còn một chút chóng
mặt và nhức đầu. Nếu em trở lại đi
làm ngay và phải làm việc nhiều chắc
sẽ bệnh lại. Em sẽ nghỉ đến Thứ ba.
Hôm nay là Thứ bảy và bây giờ là ba
giờ chiều. Em vừa thức dậy sau một
ngày ngủ trưa.

Em biết anh có thể giúp em ở nhà
và săn sóc các con. Nhưng thật là buồn
ở nhà cả ngày. Em ước gì có anh ở
đây đưa đón em đi làm mỗi ngày thì
chắc là em đỡ mệt. Cuối tuần anh đưa
mẹ con em đi thăm gia đình, chị em
hay đi ra ngoài thành phố là vui rồi. Em
đã có căn nhà để ở. Nếu em là vợ anh,
em phải theo anh về Mỹ. Thật là cả
một quyết định lớn và khó khăn. Em
không thể bỏ các con em được. Anh
trở lại Sài Gòn thì chúng ta gặp nhau
thôi. Hoặc em sang Mỹ chỉ là du lịch
một thời gian ngắn.

Em vẫn thường nói với mấy người
bạn gái của em mà anh biết và đã gặp,
em rất kính trọng anh, rất hãnh diện là
người yêu của anh, nhưng đồng thời
em cũng làm anh khổ nhiều. Gần đây
em thay đổi ý định như điên. Em rất ân
hận. Em mong anh thứ lỗi. Mỗi khi
nghĩ về tình yêu của anh dành cho em,
em biết em vẫn yêu anh như bao giờ
sẽ không yêu ai ngoài anh và chẳng
bao giờ quên anh. Em không hề có ý
định thành hôn với ai. Nên em rất
phiền lòng khi anh nghi em thương
người khác và có thể là vợ người ta.
Em nhắc lại, nếu em sẽ lấy chồng,
người đó là anh. Hãy đợi đến khi nào
anh được trở lại làm việc tại Sài Gòn
hay nước Á Châu nào, chúng ta hãy
bàn đến tương lai.

Vì nghỉ ở nhà nên em mới viết
được cho anh thư này .

Yêu anh. ♥

4 giờ chiều, 22 tháng 8, 1970

Anh yêu,

Có một người quen vừa ở Mỹ về và
nói rằng ông ta thích ở Mỹ để đi học, để
du lịch chứ không thích sống ở đó.
Ông ta cũng nói rằng người Mỹ không
hiểu người Việt. Người Mỹ rất kiêu
ngạo, họ nghĩ người Việt ngu vì họ chỉ
nhìn thấy người Việt trên TV với hình
ảnh nghèo nàn, đồ nát trong các vùng
chiến tranh.

Cuốn phim Đà Nẵng của anh có như
vậy không?... Anh nên có những cảnh
sinh hoạt của thành phố với cả người
nghèo, người giàu, người lao động,
người trí thức. Dân Việt Nam cũng có
lịch sử, văn hóa mấy ngàn năm. Nhưng
Việt Nam quá nhỏ bé so Hoa Kỳ. Nên

người Mỹ kiêu ngạo với người Việt chẳng?

Nếu đúng như thế thì em cũng không nên đi Mỹ, nhất là học vấn của em chẳng đến đâu, tiếng Anh còn dốt nát. Anh có hiểu em không?

Bye anh.

Dung ♥

24 tháng 8, 1970

Anh yêu,

Anh đoán được bây giờ là mấy giờ ở Sài Gòn không? - 5 giờ sáng đó. Chuông nhà thờ Phú Nhuận gần nhà mẹ em đang điểm và vang vọng tới đây. Anh có nhớ ngôi nhà thờ, nơi anh đã có lần chờ em ở đó không? Em tỉnh ngủ từ lúc 4 giờ. Miệng em đắng vì uống thuốc nhiều trong mấy ngày bị bệnh trước, nên tìm xuống bếp ăn mấy miếng dưa thơm. Em trở lại giường nhưng không ngủ được. Em nghĩ về cuộc đời em và nghĩ tới anh rất nhiều. Đó là sự thật. Nước mắt em lại chảy dài...

Anh yêu, bây giờ chuông chùa gần nhà em cũng đang ngân vang. Anh còn nhớ tiếng chuông chùa này chứ? Mỗi lần em nghe tiếng chuông nhà thờ hay tiếng chuông chùa, tâm hồn em lâng lâng, nhưng buồn mênh mông.

Tối Thứ bảy, Thu đến nhà và đưa cho em điện tín của anh vì từ chiều thứ sáu em bị bệnh và ở nhà.

Tội nghiệp "My monkey"! Anh rất tốt và chịu đựng em. Cảm ơn anh rất nhiều. Chiều thứ bảy, em viết cho anh lá thư dài, nhưng em còn mệt không muốn đi ra ngoài gửi thư. Hôm qua là sinh nhật một tuổi con bé gái của vợ chồng người em ở chung nhà. Có tất

cả sáu cặp cha mẹ và 12 con cái tới dự. Có bánh sinh nhật lớn, có chả giò mà em giúp cô em làm và nhiều món ăn khác.

Hôm nay là Thứ hai, em vẫn còn nghỉ bệnh ở nhà. Nên em mới viết cho anh được. Anh thích em viết nhiều cho anh phải không? Dù em không là vợ của anh, anh vẫn là người đàn ông em kính phục và tin yêu. Em nói với tất các bạn của em, nếu em không thành hôn với anh, em không là vợ ai cả. Nếu em cần một người chồng, em chọn anh.

Đôi khi em nghĩ, nếu anh làm việc tại Sài Gòn, hay ở nơi nào gần Việt Nam như Singapore, Bangkok, Jakarta, anh có nhà riêng, không là *apartment* ở chung với ai, không là khách sạn, em sẽ đến với anh. Chúng ta thử chung sống lại, nếu vẫn còn thương nhau thì mới nói chuyện cưới xin. Em tin tưởng lai của chúng ta sẽ do Phật, do Chúa định đoạt. Anh có nghĩ vậy không?

Em sẽ viết cho anh khi em có thời giờ và cảm thấy khỏe. Anh biết đó, em phải làm việc nhiều mỗi ngày ở sở. Buổi trưa em cần nghỉ. Tối lo kèm con cái học và em cần đi ngủ sớm để khỏe người, sáng hôm sau đi làm. Em mong mọi chuyện tốt lành cho người yêu của em...

Good morning, my dear! Trong xóm đã vang lên đủ mọi tiếng động, mọi người đã bắt đầu một ngày mới làm việc. Phong vừa lên xe *bus* đến trường. Hân ở nhà vì bị nóng đầu hôm qua và chưa được khỏe hẳn. Thủy và Sơn đi học buổi chiều nên vẫn còn ngủ như Hân. Em cũng muốn trở lại giường, không để ngủ lại mà để nghỉ, em cảm thấy mệt.

Không dễ dàng cho em viết tiếng Anh. Em không dùng chữ gì mới nên không phải tra từ điển. Em biết tiếng Anh của em rất nghèo nàn. Nhưng em mong cũng đủ để anh hiểu em.

Em phải ngưng viết ở đây. Anh cũng không phải viết cho em nhiều, nhưng hãy viết cho em mỗi khi anh nghĩ "*Oh, poor my little Dung!*" Hẹn gặp anh ở thư sau.

Dung ♥

26 tháng 8, 1970

Anh yêu,

Em vui mừng được biết anh sẽ sang làm việc lại tại Sài Gòn. Tuy nhiên, em không muốn hứa hẹn gì nữa. Nhưng em chắc chắn rằng chúng ta vẫn sẽ là bạn thân. Và, sau vài tháng nếu chúng ta còn yêu thương nhau, chúng ta sẽ làm lễ cưới. Chúng ta sẽ bắt đầu lại.

Em đã gửi anh bốn lá thư từ khi anh rời Sài Gòn. Như vậy anh hiểu em thế nào rồi.

Em đã nhận được cái quạt và món quà cùng hai thẻ ngân quỹ để dành cho anh và em. Em cảm ơn anh đã tín

nhiệm em. Em sẽ giữ hộ anh và sẽ chẳng bao giờ lấy nó ra nếu em không là vợ anh. Em muốn có xe đi làm. Nhưng anh đã định sang Sài Gòn làm việc vào tháng 9 hay tháng 10 thì khi đó anh hãy mua xe. Chưa chắc em đã dám lái xe mà mua xe ngay bây giờ. Em chỉ mong anh được ở đây lâu dài, lái xe đưa em đi làm, đi chơi thôi là cuộc sống dễ chịu rồi.

Em quên không nói, em đã nhận được cái *tape* anh thu tiếng nói và tiếng hát của anh. Em giải nghĩa cho các con em hiểu. Chúng nó cười quá chừng khi nghe anh đếm 1, 2, 3... bằng tiếng Việt. Anh vẫn còn nói ngọt hơn cả cậu út Phong của em. Em sẽ thu tiếng em cùng các con em và gửi sang cho anh nghe để nhớ mẹ con em nhiều hơn. Anh vui lòng chờ nhé.

Dung ♥

(Còn tiếp)



Sông Đồng Nai (1970)

TỰ TẠI ... ĐÓN XUÂN

Lưu vong, hăm tám năm hơn nhĩ
Thêm một mùa xuân nữa đến rồi!
Cảm xúc theo từng hơi thở nhẹ,
Nói sao cho hết nỗi buồn, vui?

Vui? Vì đàn nhỏ đã nên người,
Dù chẳng hơn, nào có kém ai?
Cơm áo, nhà, xe... thôi tạm đủ,
Đem tài, sức đóng góp cho đời!

Vui... vì thêm mấy triệu đồng hương,
Sống tạm yên, qua (cảnh) đoạn trường
Ơn trả, nước người luôn hỗ trợ,
Nồi hầm trăm thứ, một tình thương!

Vui? Vì lịch sử đã sang trang,
Đất nước vươn lên, dầu muện màng...
Đổi mới, tranh đua cùng thế giới,
Lạc Hồng, dòng giống vẫn vinh quang?

Vui! Nhưng đôi lúc cũng hơi buồn.
Bọn trẻ như quên hết cội nguồn...
Đội lốt, thằng tây... cùng trọc phú,
Bày trò trâu đánh, đại hay khôn?

Đám văn dốt, vũ nát (dát), huênh hoang,
Thành tích khoe, quên lúc chạy làng...
Thánh thiện, anh minh... trò (nịnh, bợ)?
Theo đuôi kẻ mạnh, học làm sang!

Buồn? Vì mình trí thiên, tài sơ,
Lỡ vận, đường hoa bút... mịt mờ...
Văn nghiệp, chưa đầy ô đĩa cứng,
Hư danh, may được tiếng nhà thơ!

Buồn gì nữa? Tóc bạc, mày thưa,
Cái tật mê hoa vẫn chẳng chữa!
Dù biết người đời ưa sắc tướng,
Bỏ nhà hàn sĩ, ngự cung vua!

Vui, buồn! nghĩ lại... chẳng buồn, vui!
Tất cả là hư với vọng thôi.
Thế giới chuyển xoay cùng vận nước,
An nhiên, tự tại... Đón Xuân. Cười!

DƯƠNG HUỆ ANH



SATISFIED TO WELCOME SPRING

Over twenty eight years in exile, haven't I been?
One more spring has already returned.
So great emotions arise with each soft breath;
How can I express all joy and sorrow I am concerned!

Glad? Because my children have succeeded,
Not better but not worse than what they deserve.
Food and clothes, houses, cars... pretty enough,
They just use their skill and energy society to serve.

Happy... Because some millions of my compatriots
Are able to live in peace, away from pain,
To repay their debts to the favorable host country:
The melting pot to give mercy is to refugees to deign.

Merry? Because history has begun a new chapter,
Our fatherland has started to rise, though late.
To be under renovation to contend with the world;
The glory of the Fairies and Dragons must not bate.

Cheerful? But sometimes somewhat sad:
The young seem to forget their original brain.
They pretend to be foreigners, act like money-bags,
Organize struggle tricks - Are they wise or inane?

Those who have neither civil nor military ability
Brag about their merits, after they gave up the game!
Actually honest, judicious, or only sycophantic
Following in the tail of the snobbish - Fie for shame!

Melancholy? Because my wits and talent are still limited,
Chances missed, literary perspectives seem to gloom;
My writings remain insufficient to fill a hard disk
Although it is a mercy to be a poet I might presume.

What else to be blue?
My hair has already grown white, eyebrows sparse,
However, from my mania for Beauty I cannot abstain;
Earthly people are fond of glamour, gaudiness,
Leaving thatched huts to sit in a royal palace to feign.

Oh joy, oh sorrow!
I reconsider things and feel neither gay nor grieved,
All is only unreal and illusory profiles.
The world is changing together with the nation's fatal styles.
Calm, self-contented, satisfied,
I welcome Spring with laughter and smiles!

Translation by **THANH-THANH**



Những Mùa Xuân Kỷ Niệm

**** Tác giả: TT-Thái An ****

Trong cái xóm nhỏ này, đa phần là dân di cư từ nhiều nơi đến. Chỉ có mấy chị em nhà bà Tư, Năm, Bảy, Tám và Mười là dân bản địa. Họ sinh ra và lớn lên ở đây, trên đất Phú Nhuận này từ nhiều đời. Có lẽ cha mẹ họ đã chết từ lâu, vì trong xóm chẳng ai biết mặt cha mẹ họ tuy tuổi của mấy chị em họ chỉ trên dưới 40.

Bà Tư thì có căn nhà ngoài mặt đường Nguyễn Minh Chiêu, bà Năm cũng có căn nhà ngoài mặt đường cách căn nhà của bà Tư 5 căn. Hai bà này có chồng lo kinh tế nên có nhà cửa thoải mái.

Căn nhà của bà Bảy, Tám và bà Mười là của cha mẹ để lại, giống như căn nhà ba gian, giờ họ ngăn vách ra làm ba căn cho ba chị em mỗi người một căn bề ngang độ 3 mét, bề dài độ 6.5 mét.

Được vài năm thì bà Năm bán căn nhà mặt đường vì chồng bà làm cho sở quan thuế được cấp nhà gần chợ Cũ, Sài Gòn, nên dọn đi.

Riêng căn nhà của cha mẹ lúc trước ngăn làm ba căn, giờ cũng bị bà Năm cắt đứt 1 căn phần của bà, bán cho người khác. Người ta mua xong thì xây lên căn nhà khác, trông hoàn chỉnh hơn vì có nhà bếp, buồng tắm và một cái gác xép phía trên.

Còn lại 2 căn chỉ đủ cho hai bà Tám và bà Mười, mỗi bà một căn. Bà Tám có ba con: hai gái, một trai. Bà Mười có ba con trai. Bà Bảy có một con trai thì

chẳng có căn nào. Vì thế, tối đến cậu Nhật con bà Bảy phải trải ghế bố giữa lối đi nhà bà Tám để ngủ, ban ngày thì xếp ghế bố lại. Còn bà Bảy thì xin được một chân nấu cơm trong nhà thương Chợ Quán nên bà ngủ lại nhà thương. Mỗi tháng bà về thăm con hai lần, mỗi lần ngủ lại 1 đêm nên năm ké bộ ván to tướng của bốn mẹ con bà Tám cũng tạm ổn.

Nhà bà Tám và nhà bà Mười, mỗi nhà lưu giữ một bộ ván to tướng từ thời cha mẹ để lại. Mỗi bộ có 3 miếng ván dài và dày khoảng một tấc, đen bóng. Bề ngang và bề dài của bộ ván choáng hết một nửa căn nhà. Bốn, năm người có thể nằm thoải mái trên bộ ván to tướng này. Bộ ván này được kê trên 2 cái chân ngựa bằng gỗ. Mỗi lần cần xoay trở vị trí của bộ ván, các bà phải nhờ 6 thanh niên trong xóm đến khuân từng tấm một. Bộ ván đen bóng, láng o, gỗ chắc đến nỗi không mối mọt nào gặm được.

Sau nhà bà Tám có 2 cái bếp lò, một bếp than và một bếp củi để dưới đất để hai nhà dùng chung, vì đằng sau không ngăn vách nên hai nhà có thể thông thương qua lại. Nhà bà Mười thì có thêm cái bàn thờ có từ thời cha mẹ, cao, lớn, thuộc loại gỗ tốt, đen bóng, cẩn xà cừ, trạm trổ tinh xảo. Trên bàn thờ là bộ lư hương và hai cái đỉnh để thắp đèn cầy. Tất cả bằng đồng dày dặn, trạm trổ tinh xảo. Thêm 2 cái chân gỗ cũng được trạm trổ để bày 2 đĩa trái cây thật lớn.

Chỉ nhìn vào những thứ đồ cổ của nhà bà Tám và bà Mười, người ta cũng đoán được gia thế của cha mẹ các bà lúc trước thuộc hàng khá giả.

Chị em bà, lúc trẻ đều được cha mẹ cho học nữ công gia chánh và học may. Bà Tám và bà Mười có nghề may đồ đầm, tay nghề thuộc loại cao cấp. Cả hai bà này đều may cho tiệm Brigitte trong thương xá Tax. Tiệm Brigitte là tiệm may đồ đầm cho minh tinh Thẩm Thúy Hằng và phu nhân của Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ là bà Đặng Tuyết Mai và nhiều mệnh phu nhân thời đó.

Sau này, bà Mười vì sức khỏe không thể đi làm xa mỗi ngày nên nhận may tại nhà. Rất nhiều thân chủ theo bà nên bà có thể sinh sống bằng nghề may đồ đầm để nuôi 3 người con trai đến trưởng thành. Chồng bà đi kháng chiến từ trước 1954. Khi chia đôi Nam Bắc, chẳng thấy ông trở về. Bà Mười cứ hy vọng ông còn sống và theo đoàn người tập kết ra Bắc. Nhưng qua nhiều năm chẳng có tin tức gì, bà mỗi mòn tuyệt vọng. Mỗi khi con cái bất hòa, anh em đánh nhau, bà nói không nghe thì bà buồn lắm, chỉ biết ra bàn thờ thắp hương khấn ông. Vì bà không biết ông còn sống hay đã chết nên khấn đại cho bà có nơi an ủi, trông mong. Những năm 1970 trở về sau, chiến trường càng lúc càng sôi động, bà nghĩ ông chết rồi nên đem bức ảnh chân dung của ông lên bàn thờ. Trông ông rất đẹp trai. Nhìn ba người con trai của bà Mười, có nét rất giống ông, nghĩa là cũng đẹp trai như bố. Nhưng 2 người con bà đi lính cho miền Nam Tự Do,

nghĩa là nghịch lại với phe của người cha.

Riêng bà Tám cứ đón xe ô tô buýt vàng từ Phú Nhuận ra chợ Bến Thành mỗi ngày rồi đi bộ từ chợ đến thương xá Tax. Bà đi như thế cho đến khi mắt kém, không còn nhìn rõ đường kim mũi chỉ nữa thì thôi. Tuy là thợ may, nhưng khi đi làm bà luôn mặc áo dài, một màu cà phê sữa nhạt muôn thuở.

Riêng cậu Nhật con bà Bảy học rất giỏi, con nhà nghèo mà cố gắng thi vào đại học Y khoa. Cậu Nhật học được 2 năm, là hai năm chật vật với đủ mọi phí tổn. Sau tết Mậu Thân 1968, cậu bỏ học đi sỹ quan. Vì lý do gia cảnh một mẹ, một con nên cậu được đóng ở bộ Tổng Tham Mưu.

Gia cảnh của bà Bảy rất đáng thương như bà Mười. Chồng bà Bảy bỏ hai mẹ con bà theo vợ nhỏ xuống miền Tây sinh sống. Ông có một đàn con với người vợ khác, chẳng bao giờ cấp dưỡng nuôi cậu Nhật. Nhưng khi nghe cậu Nhật thi được vào đại học Y khoa thì gửi tiền cho cậu mua một cái xe gắn máy mới toanh để đi học. Thời đó có tiền mua xe gắn máy Suzuki của Nhật, loại đời mới là bảnh lắm. Nhưng vì giận cha nên cậu Nhật nhất định không chịu lấy. Nhưng bà Bảy năn nỉ con ráng nhường cha một chút, để bà bớt phải lo lắng cho con và yên tâm trông thấy con có cái xe gắn máy để đi học. Thế mà, cậu chỉ lái được vài tuần, đậu xe trước cửa nhà vừa vài phút đã thấy tiếng máy nổ bên ngoài, cậu Nhật chạy ra thì tên cướp xe đã chạy mất. Sau này, người cha lại gửi tiền lên để cậu mua một chiếc xe cũ khác chạy tạm.

Trước nhà bà Tám có cái sân nhỏ để vài chậu cây kiểng và hai con voi sành trên lưng kê hai chậu cây bằng sành. các thứ này cũng của cha mẹ để lại, cứ nhìn những thứ này biết ngay cha mẹ bà thích sấm sủ và thích chơi cây cảnh. Cái chậu to nhất trồng một cây mai tứ quý, loại mai có nụ màu đỏ, hạt đen phía trong, nở hoa quanh năm, mỗi lần chỉ nở một ít, không xum xuê đầy cành như loại hoàng mai chưng tết thường bán ở chợ. Mỗi ngày khi súc ầm trà, con bà Tám hay đem xác trà bỏ vào gốc cây mai xem như bón phân cho nó.

Tuy vậy, trước tết độ hai tuần hay mười ngày gì đó, bà Tám ra hái hết lá để nụ sẽ kết và hoa sẽ nở kịp vào dịp tết.

Riêng các con bà Mười sẽ đem bộ lư đồng và mấy cái chân đèn ra trước sân nhà bà Tám ngồi đánh bóng bằng tro bép. Mỗi năm một lần kỳ cọ, đánh bóng bộ lư đồng và cặp chân đèn để dọn dẹp bàn thờ cúng ông bà. Cả xóm, chỉ có nhà bà Mười mới có bộ lư đồng to lớn, nặng cân như thế này.

Nhà bà Tám luôn tự làm mứt lấy, chị em bà làm bánh mứt rất giỏi. Bà cô ruột của họ lúc trước mở trường gia chánh nên các bà được học có bài bản. Nhưng gia cảnh các bà không được như thời của cha mẹ nên phải tần tiện mới đủ sống. Bà Tám chỉ làm vài thứ mứt như mứt gừng dẻo, mứt me, và mứt đu đủ tía hoa cúc để chưng trên bàn cho đẹp mấy ngày tết.

Bà Bảy phải làm ở nhà thương cho đến chiều 29 tết mới về nhà. Sáng ba mươi các bà Bảy, Tám và Mười đều có mặt ở nhà để lo đồ cúng giao thừa. Năm nào cũng phải có con gà mái tơ luộc bày ở

bàn thờ Ông Thiên trước sân nhà bà Tám. Các bà bày bàn thờ xong thì thấp hương cúng bái trình trọng, lâm râm khấn nguyện xin Ông Thiên ban phước lành cho năm mới làm ăn phát đạt, sức khỏe dồi dào, con cái đỗ đạt.

Nhiều năm như thế trôi qua, cúng giao thừa xong các bà để y nguyên con gà và trái cây trên bàn thờ Ông Thiên rồi vào nhà ngủ, sáng mai thức dậy mới ra đem con gà và trái cây vào nhà để ăn tết, vì phải để Ông Thiên xơi trước, xong mới đến lượt mình.

Nhưng đến một năm kia, sáng mùng một bước ra trước nhà thì chẳng thấy con gà và trái cây đâu nữa. Các bà đau điếng hồn, tiếc của và tiếc miếng ăn. Tiếc cũng phải vì các bà làm việc lao nhọc cực khổ, lương hưởng ít ỏi, quanh năm ăn uống tần tiện, chờ đến tết mới có dịp mua một con gà về cúng, trước cúng Ông Thiên, sau cả nhà được hưởng. Vậy mà thằng cướp giật nào đã canh chừng tối qua đến ăn cắp đồ cúng nhà các bà. Buồn và đau lòng ngày đầu năm không có thịt gà cho cả nhà ăn. Muốn chửi đồng cho đã tức nhưng vì đầu năm phải kiêng cử. Bà Tám đau lòng an ủi ba đứa con: “Thôi, năm nay mình ăn chay. Coi như thí cô hồn, đứa nào ăn trộm thì bị Trời phạt. Thôi đem cái bắp cải ra làm gỏi chay ăn với rau răm thôi.” Chị Mai con gái lớn an ủi mẹ: “Cũng may còn nồi thịt kho hột vịt, mình ăn với dưa giá cũng được”.

Trong xóm, cũng có vài nhà khác bị mất gà và trái cây vì cúng Ông Thiên xong còn để cả đêm bên ngoài như nhà bà Tám. Có tiếng chửi đồng vang rân cho cả xóm nghe, chẳng cần kiêng

cũ gì nữa. Đứa nào mà ăn cắp có nghe thấy tiếng rửa sả cả dòng họ nhà nó chắc phải móc họng phun ra chứ khó lòng nuốt vào.

Từ năm đó trở đi, nhà bà Tám sau khi cúng Ông Thiên xong thì đứng chờ khi nhang vừa tắt là bưng ngay con gà luộc và đĩa trái cây vào nhà. Có lẽ mấy nhà bị mất trộm kia cũng phải làm như thế.

Có lẽ dân thành phố nhiều nhà bị ăn cắp đồ cúng Ông Thiên vào đêm giao thừa như thế chứ chẳng riêng nhà bà Tám, bà Mười. Có lẽ vì thế, sau này chẳng còn ai cúng Ông Thiên đêm ba mươi xong rồi để đồ cúng suốt đêm bên ngoài nữa.

Hình như phong tục để bàn thờ Ông Thiên trước sân nhà là văn hóa của người miền Nam. Vì nhà người Bắc và người Trung không có tục này.

Trước tết độ 1 tuần, nhà bà Phong ở mặt tiền, nằm trên đường Nguyễn Minh Chiếu đã bày pháo chuột, pháo đại để bán. Bà lấy pháo từ các xưởng pháo ở Gò Vấp về bán, hiệu Hồng Quang và Đại Quang. Dân chúng trên đường này hay ghé vào mua vài phong pháo. Mẹ tôi cũng hay mua pháo của bà, chỉ mua 2 phong thôi: một phong đốt lúc 12 giờ đêm giao thừa, một phong đốt vào sáng mừng một. Vì bố tôi thích đốt pháo cho vui tai, vui nhà và vui cả xóm. Chữ bố mẹ tôi không mê tín, không tin đến việc đốt pháo để xua đuổi tà ma.

Trong xóm ít nhà đốt pháo, chỉ có nhà tôi và nhà ông bà Cảnh. Có lẽ những nhà khác không thể tốn tiền để mua pháo, đốt vài phút là hết.

Nhưng những cửa tiệm ngoài đường của người Tàu treo pháo dài từ trên lầu xuống đất, chờ đúng 12 giờ đêm giao thừa là đốt vang rân, rung rinh cả nhà cửa. Lũ con trai, dù có bị cha mẹ cấm cản ra đường trước 12 giờ đêm để tránh về nhà sau 12 giờ, khỏi phải tự xông đất nhà mình vẫn lên chạy ra đứng chờ xem sơi pháo dài ngoằng được đốt nổ tung, xác pháo bay lả chả, sau đó là cảnh xông vào nhặt pháo lép để đem về hôm sau đem ra chơi lại.

Nhà tôi tin Chúa nên không bao giờ cúng giao thừa hay cúng ông bà, dĩ nhiên là chẳng bao giờ cúng ông Táo. Nhưng bánh mứt, hoa quả và cỗ Tết thì luôn đầy đủ.

Trước Tết một tuần mẹ đã mua sắm các loại mứt của tiệm Bảo Hiền Rồng Vàng trên đường Võ Duy Nguy, phía đối ngang chợ Phú Nhuận. Mẹ cũng mua vài thứ mứt khác của vài sạp bán tết trên đường ra chợ Phú Nhuận. Mẹ cũng đặt người ta làm chục cái bánh chưng, giao tận nhà vào sáng ngày 30. Mẹ cũng đã đi sắm hai chậu quất (tắc), hai chậu cúc đại đoá hay hai chậu thược dược, một bó hoa lai ơn đỏ thắm và một cành mai đầy nụ căng tròn để kịp nở vào sáng mừng một.

Tôi biết mẹ cất các thứ mứt ở đâu nên thỉnh thoảng mở ra ăn vụng vài cái mứt mẳng cầu hay mứt me, mứt sen hay hồng khô. Lúc bé, tôi thích ăn mứt lắm. Giờ thì thích chút chút thôi.

Đêm giao thừa, sau khi đốt xong phong pháo, cả nhà tôi quây quần bên bàn ăn để ăn bữa cơm giao thừa gồm bánh chưng, thịt đông, dưa chua, dưa hành, giò lụa, chả quế và tô canh măng nấu

thịt bắp đùi. Sau khi ăn xong, bố mẹ đem bao lì xì ra mừng tuổi cho các con, và cũng biểu ông ngoại tôi một bao để mừng tuổi ông.

Sáng mừng một, bố sẽ đốt thêm một phong pháo rồi cả nhà sửa soạn đi nhà thờ. Bố ở nhà chờ cả nhà về để ăn bữa cơm đầu năm. Bữa cơm ngày mừng một cũng như ba ngày tết phải có thịt kho tàu, cá thu kho riềng hoặc kho trà, thịt gà mái tơ luộc, thịt đông, giò thủ, giò lụa, chả quế, nem chua, mọc, nộm xu hào tôm thịt, dưa chua, dưa hành, bóng xào tôm thịt, canh miến gà và canh măng khô hầm thịt đùi để nguyên miếng lớn.

Sáng mừng một là ngày ông Cảnh hay đi qua hàng xóm chúc tết, vừa đến cổng nhà ai là ông đã lớn tiếng chúc mừng kiểu khuôn mẫu như: “Chúc bác năm nay làm ăn phát tài bằng năm bằng mười năm ngoái, tiền vào như nước, phúc lộc vào đầy nhà, buôn may bán đắt, cháu con đỗ đạt, đại phát nhé!”

Đầu năm nghe chúc như thế ai mà không vui! Chị em bà Bảy, bà Tám hay nói với nhau rằng: “Người Bắc chúc tết nghe hay quá!”

Chiều mừng Một thì những tiệm buôn của người Tàu trên đường Nguyễn Minh Chiêu kéo dài đến Võ Di Nguy ra chợ Phú Nhuận, sẽ treo tiền trên một cây tre cao, dựng trước cửa tiệm để chờ đoàn múa lân của võ đường Thiếu Lâm đến chúc tết. Đoàn múa lân toàn là võ sinh của môn phái Thiếu Lâm, họ được đào tạo cánh nhảy múa và leo trèo, công kên trên vai cho đủ cao thì mới có thể với tới bao lì xì màu đỏ treo

trên cây tre cao nhòng. Nghe nói các chủ tiệm cho lì xì lớn lắm vì thưởng cho các võ sinh và võ đường Thiếu Lâm của Hoa kiều có công đem lân đến chúc tết để họ được may mắn, phát tài suốt năm. Hơn thế nữa, tinh thần tương tế của người Hoa rất cao, người có tiền luôn sẵn sàng bỏ ra để đóng góp cho những hội đoàn của họ để duy trì văn hóa của người Hoa trên đất khách. Họ sống trên đất người nhưng không muốn hội nhập vào văn hóa xứ người. Ngược lại, họ luôn kiếm cách phát huy văn hóa của họ trên xứ người hầu cho có thể ảnh hưởng trên dân bản địa một cách khéo léo, và con cháu người Tàu luôn hãnh diện về văn hóa của họ.

Thời đó không thấy các cửa tiệm của người Việt treo tiền trước tiệm để nghênh đón đoàn múa lân này. Có lẽ vì đó không phải là phong tục của người Việt Nam.

Bây giờ, sau những năm 2000, chánh phủ Việt Cộng khuyến khích việc đào tạo nhiều đoàn múa lân để biểu diễn mấy ngày tết tại những nơi công cộng cho công chúng xem và báo chí nhà nước tuyên truyền múa lân là truyền thống của người Việt Nam.

Hình như chánh phủ trong nước Việt Nam bây giờ thích nhận nhầm những cái truyền thống của Tàu từ ngàn năm trước cũng là của mình!? Hình như họ muốn giáo dục dân chúng rằng Tàu với Ta có chung một gốc văn hóa thì xem như một dân tộc hay một nhà?

Lũ trẻ con háo hức chờ đoàn múa lân đến, chỉ nghe tiếng trống đánh thùng

thùng và tiếng chập chửa kêu vang từ xa theo nhịp điệu múa lân là lũ trẻ đã reo vui: “Múa lân đến rồi, múa lân đến rồi!”

Đoàn múa lân có đến cả trăm võ sinh mặc đồng phục, áo thun tay ngắn loại T shirt màu vàng có viết chữ Tàu màu đỏ trên áo, tôi đoán là “Thiếu Lâm Võ Đường”, quần vải thun màu đen có sọc chạy hai bên quần, mang đôi giày vải màu vàng nghệ loại mấy ông thợ hồ hay mang. Họ có cái xe ba bánh để chở cái trống to tướng và người cầm dùi đánh trống ngồi ở trên xe, người khác thì đạp xe.

Cũng có “Ông Địa” với cái đầu giấy to tướng, miệng cười toe toét, tay cầm quạt phe phẩy, bụng độn thật to đi theo con lân. Người cầm chập chửa đi bộ theo sau cái xe chở trống. Khi người đánh chập chửa đã mỏi tay thì đưa cho người khác thế ngay.

Ngày mừng Hai, bố dắt cả nhà vào sở thú hay còn gọi là Thảo Cầm Viên Sài Gòn để chụp ảnh đầu năm. Bố chơi hình tài tử nên sắm đủ máy móc để tự rửa phim và rửa hình. Bố hay tìm những nơi ít người qua lại để cả nhà ngồi xuống chụp chung. Thời xưa khoảng những năm 1961 -1970 chưa có loại máy ảnh tự động canh xong chạy lại chụp chung với cả nhà. Chỉ có cái sợi dây gắn vào máy ảnh, một đầu dây có cái quả bóng nhỏ cũng bằng cao su như sợi dây, bố canh xong, tay cầm sợi dây có cái đầu bong bóng nhỏ như quả cóc bé, chạy lại đứng chung hay ngồi chung rồi bóp cái bong bóng thì máy sẽ chụp kêu cái cách y như mình tự bấm vậy.

Nhiều năm như thế, hể đến mừng Hai tết là cả nhà lại theo bố vào Thảo Cầm Viên để chụp ảnh đầu năm. Dĩ nhiên ai cũng phải mặc áo mới để chụp ảnh Tết nên tôi được diện cái áo đầm mới. Mẹ diện cái áo dài mới, bố và các em trai được mặc quần tây và áo sơ mi mới. Đó là những năm còn bé, tết về vui như thế.

Mẹ kể về thời bé của mẹ, những năm 1930, trẻ con ở làng Tây Hồ và những làng chung quanh hồ Tây đã mặc áo dài hai tà, không còn mặc áo tứ thân vì các làng nằm sát hồ Tây, ngoại thành Hà Nội nên được xem là đồ quê đồ tỉnh. Các thiếu nữ trong làng đa phần đã mặc áo hai tà, chỉ còn một ít các cụ bà là còn mặc áo tứ thân. Nhưng cô gái nào mặc áo tứ thân trông rất đẹp, vì hai tà phía trước đặt chồng lên nhau, lưng thì dùng một giải khăn dài mấy thước để quấn từ trước ra sau rồi vòng lên phía trước thắt lại. Chứ không hề lấy hai vạt áo buộc lại với nhau như trên sân khấu hay đài truyền hình sau này các vũ công hay mặc trình diễn. Trên eo, các cô lại còn đeo bộ xà tích bằng bạc có quả bầu lủng lẳng phía dưới. Tuy mặc áo tứ thân nhưng các cô đã mặc quần chứ không còn mặc váy nữa. Chân đi đôi guốc mộc. Tuy nhiên các cụ lớn tuổi vẫn còn mặc váy.

Mẹ kể, mỗi năm ông ngoại tôi lại may cho mẹ hai cái áo dài mới để mặc tết, sau đó đi học hoặc đi đám quanh năm. Thời của mẹ, dù học tiểu học cũng phải mặc áo dài, chẳng đứa nào mặc áo cánh đến trường. Riêng nam sinh thì có đứa còn mặc áo dài, có đứa đã mặc quần tây và áo sơ mi. Vào sáng mừng một, trẻ con trong làng mặc áo dài mới

rủ nhau cầm cái ống tre đi xúc xắc xúc xẻ các nhà trong làng, đến đâu cũng phải đứng trước cửa nhà họ hát một bài đồng giao: “Xúc xắc xúc xẻ, nhà nào có trẻ mở cửa cho chúng tôi vào. Bước lên giường cao thấy đôi rồng ấp, bước xuống giường thấp thấy đôi rồng châu, bước ra đằng sau thấy nhà ngói lợp. Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm. Ông sống một trăm linh năm tuổi lẻ, vợ ông sinh đẻ đưa con tốt lành.” Cứ như thế đám trẻ đi khắp các nhà trong làng, nhà nào cũng mở cửa và bỏ vào cái ống tre của các bé một trinh tiền, nhà nào khá giả thì cho nhiều hơn. Ông ngoại tôi có lần kể chuyện dựng nêu vào ngày ba mươi để ăn tết. Các ông trong gia đình phải làm việc này, chặt một cây tre khá cao, vượt hết lá phía dưới rồi kiếm những miếng sành, miếng ngói bể buộc lại với nhau thành vài sợi dài treo trên ngọn cây, các miếng này gọi là khánh. Khi gió đông đưa thì các miếng khánh này va vào nhau kêu leng keng nghe rất vui. Ông bảo vào Nam, mình ở ngay thành phố Sài Gòn, nên chẳng còn thấy cây nêu trong thành phố. Làng Tây Hồ tuy không nổi tiếng là làng trồng các loại hoa như làng Nhật Tân, nhưng nhà nào cũng có mảnh vườn bé trước nhà để trồng một ít hoa kiếm thêm thu nhập, sáng sáng có người đến thăm mua. Bẵng đi nhiều năm, bố không dẫn chúng tôi đi chụp ảnh đầu năm ở Thảo Cầm Viên nữa. Rồi bỗng dựng tết năm 1975 bố lại gọi chúng tôi lên sân thượng để chụp chung tám ảnh ngày

mùng Hai tết. Đó là cái tết cuối cùng gia đình tôi sum họp tại Sài Gòn.

Tháng Tư, 1975 gia đình tôi di tản bằng tàu hải quân Đại Hàn, ông ngoại tôi một mình ở lại. Cái tết đầu tiên gia đình tôi trải qua trên đất khách tại Cao Hùng, Đài Loan năm 1976 thiếu vắng ông ngoại, cả nhà buồn thiu.

Ông ngoại tôi đã về với Chúa năm 1979. Bố mẹ tôi đã qua đời tại Canada và chưa từng bao giờ trở lại Sài Gòn kể từ lúc ra đi.

Mấy chị em tôi mỗi người một nước, chưa bao giờ đoàn tụ để ăn một cái tết chung.

Nhìn lại những tấm ảnh chụp ngày đầu năm xa xưa, thời thơ ấu. Quả là chị em sinh ra cùng cha mẹ, lớn lên ai có phận nấy, đường đời vạn nẻo.

Cái tổ ấm ngày bé thơ chỉ còn trong ký ức của mọi người. Cũng như ông ngoại nhớ về thời thơ ấu của ông, mẹ nhớ về thời thơ ấu của mẹ, và tôi nhớ về thời thơ ấu của tôi.

Các con tôi sinh ra và lớn lên tại nước này, có lẽ chúng cũng sẽ nhớ lại những cái bánh chưng, bánh tét mà mẹ chúng làm cho chúng ăn lúc còn ở nhà với mẹ. Khi xa mẹ, mẹ vẫn làm bánh gửi UPS hay Fedex cho con để con ăn tết vì con nhớ các thứ bánh mẹ làm.

Khi mẹ không còn nữa, có lẽ nhìn thấy bánh chưng, bánh tét, các con sẽ nhớ đến mẹ.

Chúc mọi người còn giữ được những mùa xuân còn cha mẹ, ông bà mà nâng niu, trân trọng.

TT-Thái An

2/10/2021



PHIÊN CHỢ CUỐI NĂM

chiều vay chút nắng thêm hoa nở
em vay ít màu son phấn tó
soi gương má ứng hồng e then
cái thuở ban đầu mười sáu mơ

chọn hoài chiếc áo thơm lựa mới
màu xanh e tối buổi hoàng hôn
vàng oanh ở nhĩ kia đồ thắm
bao nhiêu sắc mộng ước tuyệt vời

me ra hiên ngó người qua lại
tóc búi cổ cao vóc hạc mai
năm nay đã điểm dặm sơi mỏng
là khói là sương phai mờ phai

theo me xuống phố phiên chợ đông
hàng quà bánh trái gói giấy hồng
kia hàng pháo tết từng phong thắm
những cánh mai vàng đua trở bông



MÙA XUÂN HOA ĐÀO

ngõ sương mưa mái hiên nhà
ngõ ai còn đứng đợi trà liú lo
vuông cửa hẹp lòng hững hờ
đường như có tiếng dấy tơ xuân vào

ngõ đào hoa nắng trong veo
ngõ ai gánh mộng trên đèo hôm qua
vuông cửa rộng lòng thiết tha
đường như gió hát bài ca lối thời

ngõ trầm hương áo mơ thôi
ngõ ai bóng hạc lưng đôi nắng trôi
cánh hoa còn hôn đôi môi
đường lay sẽ vỡ phiên rơi ngang trời

người quen cười nói câu thăm hỏi
con gái bao giờ đi lấy chồng
em nghe mà then bưng đôi má
như nhành đào nghiêng gió đông phong

muốn chọn cho chàng ước mơ em
bao nhiêu là mộng bao nhiêu điều
bày ra xóm chợ nghìn muôn vẻ
lòng em bé nhỏ chẳng bao nhiêu

tan buổi chợ về ngõ vắng tanh
len lén nhìn vào lối đi quanh
giờ này có lẽ còn chong thức
bóng chàng khung cửa ngồi an lành

mai này em sẽ ghi lên giấy
dòng chữ mực xanh màu thơ ngây
rằng câu hỏi then chàng có thấy
em về qua lối ngõ trắng gầy.

Phạm Quang Trung

ngõ tiếng cười vui thế thôi
ngõ mưa quanh chỗ đầy vui mịt mùng
lòng vu vơ đã muôn trùng
đường nghe chiếc lá cuối cùng trầm tư

ngõ mùa xuân có thể ư
ngõ ai hái lộc về từ cuối non
lòng mở ra mối tình con
cho trăm hoa nở tó son núi rừng

ngõ hải khoa nhịp reo mừng
ngõ ai soi bóng mấy tầng suối mây
lòng khép xưa hồn đã đầy
sầu giăng giăng mắt phố gây gây sương.

Phạm Quang Trung

NGÀY XUÂN NÂNG CHÉN

**** Tác giả: LS Ngô Tăng Giao ****

Mỗi khi “xuân vừa về trên bãi cỏ non...” lòng xuân phơi phới, bốn trò tiêu khiển “Cầm, Kỳ, Thi, Tửu” thường được dịp... “leo thang”. Các Cụ ta ngày xưa luôn ca tụng bốn món này là: “Cầm, Kỳ, Thi, Tửu, đường ăn chơi mỗi vẻ một hay”.

“Hay” ở đâu thì không rõ nhưng trong sách Giáo Khoa Thư dạy học trò tiểu học thuở trước đã vạch rõ ra cái “không hay” trong bài “Người say rượu”:

“Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường. Mặt đỏ gay, mắt lò dò, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ, vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm, chốc lại ngã chúi một cái. Lũ trẻ đi theo sau, reo cười chế nhạo. Thỉnh thoảng anh lại đứng lại, nói những chuyện gì ở đâu đâu. Người qua lại, trông thấy cũng phải tránh xa.

Người ấy vừa ở hàng rượu ra. Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả tư cách con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ. Hỡi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình.”

Thi sĩ Shakespeare ở phương trời Tây, cũng từng nghiêm khắc phê phán chuyện nghiện rượu: “Thượng đế ôi! Con người đã đặt một kẻ thù ở trong miệng họ để lấy cắp trí não họ đi! Thế mà chúng ta lại hoan hỉ, vui thú, hơn hờ và tán dương để tự biến chúng ta

thành những thú vật” (transform ourselves into beasts).

*

Tuy thế nhiều người lại ca tụng rằng người phong lưu phải biết uống rượu và con người lịch sự thì phải “tửu tam bôi”, nghĩa là rượu ba chén. Nhất là đàn ông, con trai mà không biết uống rượu thường bị chê là “nam vô tửu như kỳ vô phong”, trai mà không uống rượu như là cò không có gió. Chao ôi! Cò mà không có gió thì nó teo lại và rũ xuống như “kim đồng hồ chỉ sáu giờ rưỡi”, trông... mất hào khí và mất thẩm mỹ vô cùng.

Để phản đối lời thi sĩ Shakespeare nói trên, dân làng nhậu viện dẫn lời V. Hugo nói: “Thượng Đế chỉ sáng tạo nước, con người đã chế ra rượu” và tiếp đó là liệt kê tên tuổi các quý vị nổi danh như Lý Bạch, Edgar Allan Poe, Raymond Carver, F. Scott Fitzgerald và William Faulkner v.v... và nói rằng chính các vị này cùng tuyên phán rằng cần phải uống rượu để tìm cảm hứng. Baudelaire còn nói lả lượ hơn: “Chiều nọ, linh hồn của rượu hát trong chai” (Un soir, l'âme du vin chantait dans les bouteilles). Vậy thì xin “ngày Xuân nâng chén, ta chúc nơi nơi...” cho thêm phần “hưng phấn.”

Hãy nhớ châm ngôn của bọm nhậu là: “If you drink, you will die. If you don't drink, you will die, too. So, let's drink and die. And die happy.” (Nếu anh

uống rượu, anh sẽ toi. Nếu anh không uống, anh cũng sẽ ngòm. Cho nên, ta hãy uống đi và chết tiêu. Nhưng chết sung sướng).

Nhiều bọm nhậu khác lại tuyên bố: “Rượu bắt khả ép, mà ép thì bất khả từ”. Nhưng nếu đến Nhật Bản thời xin cẩn thận nhé!, Đừng mang theo thói quen mời rượu, ép rượu bởi vì căn cứ vào điều luật “phòng ngừa say rượu gây rối loạn an ninh trật tự” thời hành vi ép người khác uống rượu sẽ bị phạt giam giữ 48 tiếng và phạt tiền với mức cao nhất lên đến 10.000 yên. Nếu như người bị ép say rượu gây chuyện phạm pháp thì người ép rượu cũng bị tội theo.

Có người rất thích uống rượu như Trương Hàn, nói trong sách Tấn thư rằng “Sử ngã hữu thân hậu danh, bất như tức thời nhất bôi tửu”, có nghĩa là “Cho ta cái danh sau khi chết không bằng cho ta một chén rượu ngay bây giờ”. Cứ tưởng anh Tào nói chuyện chơi ai dè lại có một chàng Mỹ bị ảnh hưởng bởi câu này.

Thật vậy! Cuối năm 2013 báo Washington Post cho biết Thiếu Tướng Không Quân Mỹ là Michael Carey có trách nhiệm về vũ khí nguyên tử đã bị giải nhiệm vì uống rượu quá nhiều, lại cặp kè với hai phụ nữ đáng nghi ngờ ở Nga khi ông gặp họ tại quầy rượu khách sạn trong chuyến công tác ở Moscow. Nhìn ảnh ông thì thấy cũng đẹp lão, ngực lại đầy huy chương. Đáng buồn vì có thể chiến thắng tại chiến trường nhưng lại khó thắng nổi

chút quyền rũ của ma men và người đẹp trường túc!

Lắm người uống rượu thường muốn trở thành... nổi danh. Tin tại Paris, Pháp vào tháng 11-2014 cảnh sát phải mở cuộc điều tra về cái chết của một người đàn ông tuổi ngoài 50, sau khi ông này nốc đến cốc rượu thứ 56 trong một cuộc độ sức tại một quán rượu. Ông này muốn vượt kỷ lục 55 cốc trước đây. Ông làm một hơi 30 cốc chỉ trong một phút. Vua “lưu linh” được chở về nhà trong tình trạng say khướt rồi sau đó thì xe cấp cứu đến đưa vào bệnh viện, nơi ông qua đời vào hôm sau. Con gái ông, cho biết ông trải qua một cơn hôn mê và trụy tim trước khi tắt thở.

*

Thời xưa có người trước khi ra trận mặc cũng muốn uống rượu, rót rượu bỏ vào chén lưu ly nhưng bị tiếng đàn tì bà giục giã phải lên ngựa ra đi như trong bài “Lương châu tử” của Vương Hàn: “Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi. / Dục ẩm tì bà mã thượng thôi.”

Thời nay nào còn nghe đâu thấy tiếng “tì bà” giục ta đi nữa, họa chăng chỉ còn tiếng... “quý bà” giục chồng ngưng uống để còn tỉnh táo mà lái xe về! Điều này cũng “tốt thôi!” Năng ly rượu dù là ngày thường hay đầu Xuân quả là thú vị nhưng “chén chú, chén anh” đến nỗi “xin” lên, “xin” xuống thì cũng phiền toái vô cùng. Cứ muốn làm... anh hùng xa lộ, cứ loạng quạng đổi “lane”, lấn vạch, tăng giảm tốc độ bất thường là lộ ngay. Chắc chắn ta sẽ bị nhân viên công lực chặn lại và bị bắt

làm nhiều trò lảm. Thử hơi thở để đo nồng độ rượu là một trong những trò chính. Ta phải thở hơi vào một cái máy có... hỗn danh là “breathalyzer”. Máy này đo nồng độ rượu trong cơ thể. Nếu máy chỉ .10 (một phần mười của một phần trăm) là có chuyện... “khổ ế” đấy.

Ta có quyền từ chối không chịu thử nghiệm. O.K.! Không sao cả! Theo Hiến Pháp Hoa Kỳ thì không ai có quyền đụng chạm vào thân thể ta nếu ta không đồng ý, nhưng bằng lái xe của ta có thể bị “treo giò” trong một thời gian đấy. Người bị chặn xét có quyền từ chối phương pháp thử nghiệm này. Nhưng họ cần biết rằng, hành động từ chối thở vào máy thử hơi rượu đã là một bằng chứng để cơ quan DMV tự động rút bằng lái xe của họ trong thời gian 6 tháng, có khi cả năm trời. Hầu như có một sự “thỏa thuận ngầm” về vấn đề thử nghiệm này. Luật cho rằng khi ta xin cấp phát bằng lái xe là đã đương nhiên đồng ý chịu thử hơi thở hay ngay cả thử máu, thử nước tiểu khi cần rồi (presumed to have consented to taking the test and refusal to take the test may result in the automatic loss of one’s driver’s license.)

Các nhân viên công lực này còn nhiều trò nữa. Yêu cầu ta cúi xuống nhặt một đồ vật ở dưới đất lên xem ta có định hướng được hay không. Yêu cầu ta chỉ đứng một chân xem có vững không. Đi theo một đường thẳng xem có chệch không. Nhắm mắt, ngửa đầu, dang hai tay xem có giữ được thẳng không. Đọc bảng chữ cái A,B,C... theo kiểu “đố vui để... chọc” xem ta có

bị lú lỏi không. Làm vài bài toán cộng trừ... của con nít xem ta có tỉnh táo không. Thôi thì đủ chuyện cả. Chẳng còn ra cái thể thống gì nữa! Loạng quạng có vẻ “xỉn” là lập tức được thân ái tặng ngay một cái còng... số 8 vào cổ tay để đón Xuân ở một nơi khác, chứ không phải dưới “mái ấm gia đình” của mình nữa. Mất mặt... “anh hùng” hết!

Người phạm tội “xỉn” khi lái xe thôi thì đủ mặt. Tháng 5-2013 tại xứ Cờ Hoa, Giám mục Robert J McManus, 61 tuổi, trưởng một Giáo Phận, bị cảnh sát bắt về tội say rượu lái xe, rời khỏi hiện trường sau khi xảy ra tai nạn, và từ chối không cho thử máu. Sau đó phát biểu qua một văn bản, ông nói: “Tôi đã xét đoán hết sức sai lầm vì cầm lái sau khi vừa uống rượu trong buổi ăn tối... Điều quan trọng là, tôi xin những giáo dân gương mẫu mà tôi đang phục vụ hãy tha thứ cho tôi, kể cả gia đình và bằng hữu của tôi...”

Chẳng phải khi làm quan tòa là chẳng phạm luật. Tháng 5 năm 2014 báo chí đưa tin có thêm một ông quan tòa ở Florida phạm tội lái xe khi say rượu nữa, tổng kết là 3 ông tất cả. Mới trong có 7 tháng mà Florida đã có 3 ông quan tòa say xỉn mà lái xe rồi! (Third Florida County Judge in seven months faces DUI charges).

Chẳng phải chỉ là nam nhi mới bị tội “xỉn”. Hoa hậu Mỹ với chiều cao 1,73 m (các cụ thường phán là trường túc bất chi lao) và gương mặt đẹp huyền bí kiểu phụ nữ Trung Đông cũng đã từng bị bắt giam vì lái xe khi say rượu. Mỹ nhân 26 tuổi Rima Fakih -người nắm giữ vương miện Miss USA năm 2010-

bị cảnh sát bắt giữ vì lái xe khi nồng độ cồn trong máu cao gấp đôi mức cho phép. Nàng bị cảnh sát bắt giữ vào một buổi sáng sớm khi đang lái xe qua công viên Highland ở Michigan, Mỹ. Lúc bị bắt, nồng độ cồn trong hơi thở của nàng ở mức .20 tức là cao gấp đôi so với lượng cồn cho phép đối với người tham gia giao thông tại tiểu bang Michigan. Nàng phải trải qua vài giờ ngồi sau song sắt nhà tù. Người đẹp có buổi tiệc tùng, vui chơi bên bạn bè trong tối hôm trước và dường như đã uống rất nhiều.

Một mỹ nhân khác là hoa hậu tiểu bang Washington. Cô phải từ chức vì bị phát giác từng bị tội say rượu lái xe (DUI). Vụ rắc rối của cô Keffeler bắt đầu từ hồi tháng 4-2015, khi cảnh sát Seattle chặn xe cô lại vì đang chạy với hai bánh lốp xẹp. Theo cảnh sát, vào lúc bấy giờ hai mắt cô trông mờ đục, miệng nói cà lăm và nồng độ rượu trong máu gần gấp ba lần mức cho phép. Cô nhận tội hồi tháng 9, chỉ một tháng trước khi cô được trao vương miện hoa hậu.

Lái xe khi say rượu là tội “Drive Under the Influence” (D.U.I). Ta cũng nên biết “D.U.I” không chỉ là uống rượu lái xe, mà còn áp dụng trong những trường hợp người lái xe bị ảnh hưởng bởi các loại ma túy, các loại thuốc có thể gây buồn ngủ khiến không kiểm soát được tay lái. Có hai cách phân biệt giữa D.U.I vì rượu, vì ma túy hay vì uống thuốc là thử máu và thử hơi thở. Cảnh sát, sau khi chặn xét một người vì ngờ rằng người đó trong tình trạng D.U.I, sẽ dùng dụng cụ thử máu để xác

định xem mức độ rượu (có hay không và nếu có là bao nhiêu phần trăm) trong máu người đó. Ngoài ra, cảnh sát cũng có thể yêu cầu người lái xe thở vào một dụng cụ đo nồng độ rượu trong hơi thở.

Cũng cần lưu ý thêm là nếu ta lái xe gây tai nạn mà “đzọt” luôn thì phạm tội “hit-and-run”. Nếu vì say rượu mà “hit-and-run” thì hậu quả nghiêm trọng lắm vì có thể bị truy tố về tội “đại hình” (felony). Luật pháp buộc người lái xe gây ra tai nạn phải ngừng tại chỗ và đứng lại “nói chuyện phải quấy” với người lái xe đối phương cũng như khai trình mọi chi tiết liên hệ cho nhân viên công lực. Có người cho rằng phạm tội... “kiss-and-run” còn tạm tha được chứ phạm tội “hit-and-run” thì... hết thuốc chữa!

Các bậc phụ huynh đời nay có con ưa uống rượu có thể sử dụng một loại vòng đo hơi rượu để theo dõi. Vòng đo điện tử này có tên là Scram. Vòng sẽ kiểm soát mồ hôi của người đeo và sẽ dò ra hơi rượu xuyên qua làn da, nếu quá một mức độ quy định, vòng này sẽ báo về công ty và viên chức tòa án để báo động, nhằm ngăn cản người này lái xe.

*

Nhân nói chuyện uống rượu cũng cần nói thêm về “chỗ” để uống rượu và tuổi để uống rượu nữa. Luật pháp không cấm ta uống rượu miễn là uống tại nơi riêng tư, thí dụ như tại nhà riêng chúng ta trong những buổi “party” đãi đằng khách khứa. Luật chỉ cấm uống nơi công cộng. Hơn nữa muốn uống

rượu thì người uống phải đủ một số tuổi nào đó, thường là 18.

Các cụ nhà nho ta thời trước không biết có học... luật hay không mà thấy các cụ khôn quá. Chẳng uống rượu nơi công cộng để thêm rắc rối với luật pháp. Các cụ nằm khàn trong nhà, vừa để tránh khỏi nghe tiếng chủ nợ “réo nợ” vào ngày 30 Tết, vừa “lai rai ba sợi” tại gia cho an toàn. Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ vừa... nhậu vừa làm “câu đối”:
*“Tối ba mươi, nợ réo tíu mù, ấy mới Tết!
Sáng mồng một, rượu tràn Quí Tị, ái chà Xuân!”*

Cụ Nguyễn Công Trứ cũng là một... “hàn nho”. Cụ chắc cũng từng nhiều phen bị chủ nợ đến đòi tiền, réo nợ vào chiều ba mươi Tết nên Cụ đặt rất nhiều hy vọng vào sáng mồng một Tết trong năm mới. Cụ cũng làm câu đối và tất nhiên cũng không dại gì mà ra uống rượu nơi công cộng:

*“Chiều ba mươi, công nợ réo tíu mù, co cẳng đạp thằng Bần ra cửa!
Sáng mồng một, rượu chè say túy lúy, gươm tay bổng ông Phúc vào nhà...”*

Tục truyền rằng cái ông thi sĩ nổi danh Lý Bạch một đêm khi chơi thuyền trên sông Thái Thạch (khúc sông Dương Tử ở chỗ có hòn Thái Bạch), trong khi say rượu thấy bóng trăng ở lòng sông ông nhảy choàng xuống để đòi ôm trăng đến nỗi phải chết đuối. Ông cùng với trăng vĩnh viễn an giấc ngàn thu! Người đời sau dựng một cái đài ở đấy gọi là “Tróc nguyệt đài” (Đài bắt trăng). May mà ông ấy chết đuối lúc đó chứ không thì cũng bị ở tù vì tội uống rượu nơi công cộng mất thôi.

Nhưng cũng có người thắc mắc rằng Lý Bạch tưởng làm trăng dưới lòng sông là trăng thật nên mới chết đuối, hay chính Lý Bạch vì đã thấy rõ rằng cả trăng trên trời lẫn trăng dưới lòng sông đều là trăng giả và tất cả mọi sự trên cái cõi ta bà này đều là giả tạm, đều là ảo hóa. Nếu hiểu như vậy thì cái chết của Lý Bạch chính là một hành động “tự tử” tuyệt đối phủ nhận cuộc đời chứ chẳng phải Lý Bạch đã chết vì say rượu, vì nhậu lăm. Giữa say với tỉnh, điên với không điên, mộng với thực... biên giới quả là mong manh.

Nhân nói về nơi uống rượu có lẽ cũng phải đề cập tới một nhân vật đặc biệt. Thưa đó là chàng Aaron Collins, 38 tuổi. Vào tháng 7-2015 cảnh sát New York cho hay chàng này say khướt vào buổi tối và nằm lăn ra ngủ giữa đường rầy. Không rõ chàng có ngồi “độc ẩm” tại nơi này không! Đoàn xe lửa chở hàng của công ty Pan Am dài hơn 1.6 km tiến tới vào lúc khoảng 10 giờ 30 phút tối. Người lái đoàn tàu nhìn thấy chàng Collins nằm trên đường rầy và tìm cách thắng lại nhưng không kịp, khiến hai đầu máy đầu tiên vượt qua người chàng này. Các đầu máy sau đó được tách rời ra để đưa chàng Collins ra ngoài. Chàng may mắn không bị hề hấn gì nhưng vẫn trong tình trạng say rượu chưa tỉnh. Chàng được đưa đến một bệnh viện để khám nghiệm trước khi cho về nhà. Thật hú vía! Anh chàng thật... cao số!

Đọc truyện Kiều của cụ Nguyễn Du có ai ngờ nàng Thúy Kiều của chúng ta cũng là một dân làng nhậu! Mới “xuân

xanh sắp sỉ tới tuần cập kê” tức là nàng mới sắp sỉ gần 15 tuổi thế mà “ngày vừa sinh nhật ngoại gia” tức là vừa gặp ngày bên họ ngoại ở xa có tiệc mừng sinh nhật, cha mẹ và hai em đều sắm sửa một chút lễ vật để đem dâng biếu, nàng đã lén qua nhà hàng xóm tìm anh Kim Trọng và nhậu nhẹt. Anh chị uống rượu với nhau đã say say: “Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.”

Quay về nhà thấy cha mẹ và 2 em đi chưa về thế là nàng lại vội vàng quay lại qua nhà chàng và nhậu tiếp: “Chén hà sánh giọng quỳnh tương.” Vừa mới uống rượu say tàng tàng với nhau ban chiều, đêm lại uống rượu nữa. Sự đó đối với chàng Kim Trọng đa tình có lẽ không chi lạ, nhưng đối với nàng Thúy Kiều thì cái vụ chè rượu của nàng khiến chúng ta thấy dễ nể! Có cụ mắng là... đồ gái hư! Hư thật đấy! Vừa hư vừa... vi phạm pháp luật!

*

Năm mới “Tân Sửu” (2021) là năm Trâu nên bà con ta lại nhớ đến bài “Chăn trâu” trong sách Quốc văn giáo khoa thư dùng cho học sinh Tiểu học Việt Nam trước kia. Bài văn kèm theo một bức tranh minh họa nhỏ, xinh xắn vẽ một em bé đội nón ngời trên lưng trâu ở ngoài cánh đồng có khóm tre vươn cao và đàn chim bay lượn trên không. Bài văn đã để lại những ấn tượng sâu sắc cho nhiều thế hệ học sinh thuở ấy. (Nay các cụ đã bước vào

quá lứa tuổi “thất thập cổ lai hi” rồi!). Câu thường được hát hò mãi là: “Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ / Ngồi mình trâu, phất ngọn cờ lau, và miệng hát nghêu ngao.”

Nói chuyện vui thế thôi chứ vào những ngày đầu Xuân ta cứ việc giải trí thoải mái cho đủ... bốn món ăn chơi là: Cầm, Kỳ, Thi, Tửu. Chính bốn món này cũng đã được Cụ Nguyễn Công Trứ ca tụng hết mình và đặt bút viết bài thơ với đầu đề là “Cầm Kỳ Thi Tửu” trong đó câu: “Dở duyên với rượu không từ chén” và “Ai say, ai tỉnh, ai thua được, / Ta mặc ta, mà ai mặc ai.” Còn nữ sĩ Hồ Xuân Hương lại còn hăng hái hơn nữa nên đặt bút xúi thiên hạ: “Chơi xuân kéo hết xuân đi. / Cái già xồng xộc nó thì theo sau!”. Nhưng người viết cũng thấy có bốn phạm nhắc nhờ các bạn đọc là hãy coi chừng, đừng quá chén, kéo phải ra hầu tòa và đứng trước... “vành móng ngựa” đấy nhé:

*“Vui Xuân xin chớ quá đà
Kéo mà vác chiếu ra tòa thì nguy!”*



**LS.
NGÔ
TÀNG
GIAO**

(Xuân
Tân Sửu -
2021)

SỢI BUỒN THÁNG GIÊNG

Tháng Giêng da diết mưa phùn
Bay qua phố Cựu* rải buồn mênh mông
Tháng Giêng Cali. mùa Đông
Ngày co ngắn lại mưa ròng rã mưa!

Mưa hoài, ngày nhật đêm thưa
Bao nhiêu nước rót cho vừa tháng Giêng?
Hồi lòng với nỗi chung riêng
Trãi nơi cổ quận tới miền độ dung

Tháng Giêng oi lạnh vô cùng
Nước non thuở ấy mịt mùng đạn bom
Chiến tranh người mất kẻ còn
Cha đi bỏ lại bầy con dại khờ!

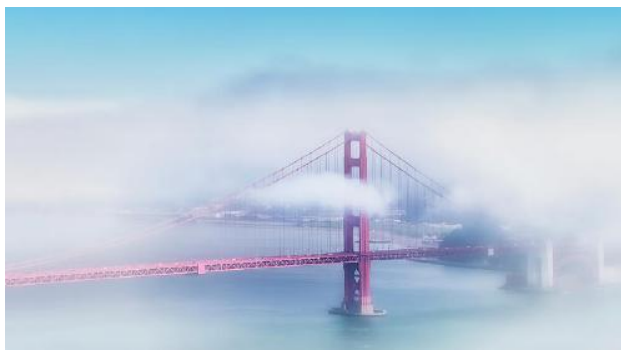
Khăn tang sớm quần đầu thơ
Đau thương đổ xuống ai ngờ tháng Giêng!
Mưa dài ướt đẫm truân chuyên
Nặng vai một gánh ưu phiền Mẹ mang

Tháng Giêng nước đổ trên ngàn
Là khi Mẹ đã mất tràn gió mưa
Con đi chinh chiến quên mùa
Ngày về liệu có đường thưa thớt dần...

Mưa còn mưa rơi đầy sân
Tháng Giêng hỏi có mấy lần nắng suông?
Chiều qua thấp cánh chuồn chuồn**
Bao giờ cho hết sợi buồn tháng Giêng...

Quang Hà - 2020

Tưởng niệm ngày giỗ Cha, 26 tháng Giêng, AL
* Cựu Kim Sơn / ** Chuồn chuồn bay thấp thì mưa...(Ca dao)



MỒ HÔI TƯỞI SA MẠC

** Tác giả: **Tràm Cà Mau** **

Giữa phố Bolsa California, Ông Năm và Tân nhận ra nhau sau hơn hai mươi năm không gặp. Hai ban cũ vui mừng ríu rít quàng tay ôm chặt vai nhau, rồi vỗ vỗ lên lưng.

Ông Năm bùi ngùi nói: “Tưởng đâu chú mày gởi xác trong lòng biển sâu mấy chục năm trước rồi chứ! Biệt tăm biệt tích, không ngờ lại gặp nhau đây.”

Tân cười khà khà bảo: “Li kỳ lắm anh ơi. Không thể tưởng tượng được. Như chuyện trong mơ. Tôi phiêu bạt về Phi Châu, đi làm phu khuân vác bến cảng, theo xe chuyên chở hàng hóa dọc con đường tơ lụa cũ. Đi chán dề, cưới lạc đà, toan cưới vợ người Hồi Giáo của một bộ lạc trên sa mạc, suýt bị xử tử. Rồi theo chân đoàn thương lái đi từ Trung Á qua tận đất Phật Tây Tạng. Bị lấy vợ chung với người địa phương theo tục lệ xứ này. Sau đó làm thủy thủ trên con tàu dầu. Trốn vào nước Pháp ở lậu một thời gian. Cuối cùng nhờ bám theo mông vợ mà được định cư tại Mỹ này. Chuyện dài dòng lắm. Nhọc nhằn không ít, nguy nan cũng nhiều, và không ngờ, trả giá tự do đắt đến thế, nhưng không hề ân hận. Cũng là một thứ hạnh phúc của từng trải, của cuộc đời phiêu lưu.”

Họ kéo nhau vào tiệm ăn, Tân uống bia, ông Năm chỉ lai rai chai nước lọc. Cùng nhau nhấm nháp mấy đĩa thức ăn chiên xào dầu mỡ lừm chắt béo. Tân hỏi thúc ông Năm hãy nốc một chai bia cho vui, rượu mà uống một mình cũng mất ngon. Ông Năm cười,

đọc nhại mấy câu thơ của Tú Xương: “Chẳng trà, chẳng rượu, chút đàn bà. Cà phê thuốc lá cũng là không luôn.” Tân vỗ bàn nói lớn: “Thế thì đi tu được rồi! Nhưng nhiều vị tu hành vẫn còn khoái thưởng thức tận tình trà, rượu, cà phê thuốc lá, chỉ có đàn bà là không, hoặc bí mật không ai biết...”

Thấy dáng dấp phong trần của Tân, râu ria lởm chớm, gò má nhô cao, tóc dài rối rùi. Ông Năm hỏi: “Sao? Sau ngày đó thì Tân làm gì ? Đi đâu?”

Tân thở dài nói: “Sau khi đi tù cải tạo về, tôi dốc toàn thời gian ba năm, chạy ngược chạy xuôi, bốn ba tìm đường đào thoát ra khỏi nước. Tôi bị bắt thêm hai lần, nhờ khai lý lịch giả, và hối lộ cho công an địa phương nên thoát được tù tội lâu dài. Hai lần đó xui xẻo, bắt thần, không trốn kịp nên bị tóm. Còn những lần khác, khi thấy tình thế có mùi nguy hiểm, thì tìm cách chuồn ngay, hoặc ém mình thật kỹ. Chơi với hiểm nguy mãi, rồi thành lờn, không thấy lo lắng sợ hãi như những lần đầu khác. Có lần bể ồ, tôi chạy đại vào nhà dân núp, nhảy tót lên giường nằm và kéo mền trùm kín. Chủ nhà quát hỏi ai đó, làm gì lạ thế? Tôi hé mền, vẫy tay suýt suýt, thì thảm rằng đi vượt biên bị công an rượt. Chủ nhà chấp tay lạy, lo lắng rên rỉ mời tôi đi nơi khác để họ khỏi bị liên lụy. Tôi cứ nằm lì. Có lẽ chủ nhà không muốn làm điều thất đức, bỏ ra ngoài canh gác và giả vờ như không biết chuyện gì. Công an vào nhà định lục soát, nhưng nghe có người bệnh

nên bỏ đi. Thế mà thoát nạn. Chủ nhà còn cho cơm ăn, tắm rửa sạch sẽ, và dắt đi đường tắt, để ra phố chợ đón xe về. Anh có nhớ thời đó, vượt biên, vượt biển đều bị khép vào tội phản quốc, âm mưu chống phá nhà nước xã hội chủ nghĩa. Có nhiều người bị đày ra giam giữ tận ngoài Bắc. Lần đầu bị bắt, bọn công an hỏi ‘động cơ’ nào thúc đẩy anh ra đi? Tôi trả lời rằng, nghe người ta dụ đi qua bên châu Phi hái chà là, được trả lương dư ăn, có cơm no bụng mỗi ngày. Tên công an đập bàn nạt rằng nhà nước có để cho ai đối đầu mà nói lời phản động như thế? Tôi trả lời lại, ai no tôi không biết, riêng tôi đối triền miên từ ngày chúng nó vô đây. Có lẽ tên công an cũng thấm phần nào cái đối của cả nước, nên chỉ dọa nhốt tôi vào xà lim và bỏ đói. Nhờ người nhà lo lót nên sớm được thả ra. Rồi cứ như bắt cóc bỏ đĩa, nhảy mãi thì cũng có ngày thoát. Cùng lắm là chết, khỏi phải sống lây lất sợ hãi trong cái chế độ man rợ, áp bức, khủng bố này.”

Ông Năm tiếp lời Tân: “Ừ, cái thời đó, mỗi ngày, chúng ta cùng đám bạn bè mơ mộng, bàn tính và ước mong thoát khỏi cái xứ sở cay nghiệt này, dù suốt cả cuộc đời còn lại phải đi hái chà là bên sa mạc Phi Châu, để được sống trong một xứ sở tự do, không có cộng sản xen vào chi phối từng sinh hoạt đời tư, thì cũng đủ mãn nguyện”

Tân trầm ngâm: “Chính vì nghe câu mơ ước được đi hái chà là bên Phi Châu của các anh thời đó, mà nó vện vào đời tôi, ôi trời ơi, có tự do thật, nhưng biết bao nhiêu là sóng gió, hiểm nguy. Cuộc đời sôi động như giấc ác mộng dài.”

Ngưng một lát rồi Tân tiếp lời: “Tôi nghe lời anh, kiên trì theo đuổi cuộc vượt thoát, càng thất bại thì càng thêm quyết tâm. Hoặc chết hoặc có tự do. Rồi cuối cùng tôi cũng được toại nguyện. Đúng, tôi đã thoát ra được cái xứ khốn nạn bằng đường biển, đến một trại tị nạn của xứ Mã Lai. Khi được đại diện Cao Ủy Liên Hiệp Quốc phỏng vấn, hỏi lý do nào mà bỏ nước ra đi, và nguyện vọng được sinh sống định cư tại xứ sở nào. Tôi nói thiếu tự do, thà chết chứ không sống được với chế độ cộng sản áp bức khủng bố. Tôi xin được đến định cư tại bất cứ quốc gia nào không cộng sản, dù là Phi Châu, dù phải đi hái chà là trên sa mạc suốt đời còn lại cũng cam lòng. Vị đại diện Cao Ủy tròn mắt ngạc nhiên và ghi vào hồ sơ. Chỉ gần hai tháng sau, tôi được văn phòng trại tị nạn kêu, để chuyển về thành phố Kuala Lumpur, lấy giấy máy bay đi tị nạn. Máy bay đưa tôi về một xứ Phi Châu, nguyên là thuộc địa của Pháp ngày cũ. Xứ này cũng bị Tây cai trị, họ không tốn một giọt máu, mà được trao trả độc lập. Tôi nghĩ mà thương cho nước Việt Nam mình, ba mươi năm chiến tranh, hao tổn biết bao nhiêu triệu sinh mạng thanh niên, thường dân, làm đất nước tan tành đổ nát, để có được cái gọi là ‘độc lập’ mù mờ, và thiếu vắng hẳn tự do căn bản, thứ mà ông Hồ gọi là quý nhất.”

Ông Năm tròn mắt ngạc nhiên: “Ai bảo chú mày đại đột xin đi Phi Châu? Rồi sinh sống ra làm sao? Dân xứ họ còn khổ lắm, mình là kẻ lạc loài tha hương, chắc chắn phải khổ hơn họ nhiều!”

Tân lắc đầu: “Khi đó, tôi nói thật lòng, xin đi tị nạn chính trị, không phải tị nạn kinh tế. Bởi thế, đến đâu cũng được. Miễn xứ đó không có cộng sản độc tài cai trị.”

Tân nốc thêm một ngụm bia rồi nói tiếp: “Họ cho tôi đáp máy bay đến Phi Châu, họ cũng không nói trước cho tôi biết sẽ đến xứ nào. Cũng có thể họ có nói, nhưng tôi nghe không rõ, bởi ngôn ngữ bất đồng, nói gì cũng gật đầu bằng lòng, vì đang ngây ngất hy vọng tương lai được sống đời tự do. Khi xuống phi trường, tôi hết hồn, suýt ngất xỉu, vì thấy lá cờ đỏ rực phát phới, ở giữa có ngôi sao năm cánh, vẽ bằng nét chéo màu lục. Tôi nghĩ chắc đây là một xứ Cộng Sản. Màu đỏ máu, và ngôi sao, không cộng sản thì là gì nữa? Thất vọng đến muốn khóc, không lẽ liều chết trốn cộng sản Việt Nam để sống với cộng sản Phi Châu? Cộng sản nào cũng tàn ác và khốn nạn như nhau mà thôi.”

Tân vuốt mặt: “Tôi ngồi lì trong phi trường không chịu đi đâu cả, vì hy vọng người ta sẽ cho tôi đi tiếp định cư ở một nước tự do. Nhưng cảnh sát phi trường đuổi tôi ra ngoài. Tôi hỏi đây là xứ nào, họ nói là Ma-rốc. Tôi thét lên hỏi có phải là xứ cộng sản không? Họ nói không phải, đây là vương quốc Ma-rốc. Tôi mừng hết lớn. Vương quốc nghĩa là có vua, không thể là cộng sản được. Cộng sản còn chuyên quyền độc tài hơn vua, chúng ghét bọn vua chúa lắm, và chỉ tôn xưng bọn thất học ba đời bần cố mà thôi. Xứ này không có một chương trình nào giúp đỡ người tị nạn, cũng không có một trại, hoặc một cơ quan thiện nguyện nào giúp đỡ

người mới đến định cư. Mà dù có, làm sao tôi biết được. Nhưng trong lòng tôi hân hoan sung sướng lắm, vì đang đứng chân trên một đất nước tự do, niềm mơ ước tuyệt vời của tôi, và của hàng triệu con dân xứ Việt Nam đang đau khổ sống chung với chế độ cộng sản. Họ ném tôi vào thành phố, muốn đi đâu thì đi, đói no ra sao cũng mặc. Có lẽ vì chính ngay dân của họ cũng còn đói rách, nghèo khó, thất học. May mắn, xứ này còn nhiều người biết tiếng Pháp, vì là thuộc địa cũ. Tôi cũng may mắn đã lặn lạng được vài ba ‘mo’ tiếng Pháp lấp nháp từ hồi còn ở trung học. Vừa lấp báp nói tiếng bồi, vừa vung vít múa tay làm dấu, cũng không đến nỗi nào. Khi còn ở trong nước, tôi cứ nghĩ Ma-rốc là một xứ mọi rợ lắm. Không ngờ cũng phố phường, nhà lầu, đường sá khang trang, không thua gì những tỉnh lớn của miền Nam Việt Nam mình. Tôi đi lang thang vô định trong thành phố, áo quần xốc xếch, trong túi không có một xu. Không lẽ ngồi xuống bên đường ngửa tay xin tiền thiên hạ, ai mà bố thí cho kẻ còn khỏe mạnh như tôi. Bụng đói, miệng khát, tôi vục nước ở vòi công cộng uống. Đi mãi đến một cái chợ nhỏ, bán đủ thứ rau rắng, tôm cá và các loại thịt thà, bánh trái. Tôi dừng lại trước sạp bán trái cây khô vì nhan sắc tuyệt vời của một thiếu nữ mắt to xanh biếc, mi dài, da mịn trắng trẻo, mũi cao, môi hồng, đúng là thứ nhan sắc chim sa cá lặn. Có lẽ cô là người gốc Thổ lai Âu. Tôi ngẩn ngơ nhìn ngắm cái nhan sắc đó, và quên mất cả cái thân thể bơ vơ, và cái bụng đói đang sôi sục của mình. Tôi đắm đuối nhìn, cô mỉm cười chào, tôi cười chào

lại. Tôi lúng túng chỉ vào thau chà-là khô và cố gắng bươi móc trong trí óc mù mờ để tìm một tiếng Pháp tương ứng, để đòi ăn thử, mà tôi đã không sử dụng từ lâu. Cuối cùng, như một phép lạ, tôi thốt lên chữ: 'essayer' - đòi thử - mà cái hàm miệng cứng, nên phải lắp bắp đến ba lần. Cô cười gật đầu, tôi bốc một trái chà-là lớn nhất bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến, rồi chỉ qua cái thau trái cây khô khác, cũng bốc một trái thử. Phải suy nghĩ lâu lắm, tôi mới ấp úng rặn được câu: "Tốt lắm, ngon lắm. Tôi sẽ trở lại mua" rồi cúi đầu kính cẩn chào và đi qua hàng khác. Cái dạ dày cũng đỡ xót được phần nào. Tôi nhìn xuống đất, mong sao có ai đó, đánh rơi tiền trên đường cho tôi nhặt, mua thức ăn đỡ đói. Cứ thế mà đi loanh quanh, càng đi bụng càng đói. Có khi phải ngồi lại bên thềm công viên nghỉ tạm. Buổi chiều tôi quay về đi qua cái chợ khác, thấy chợ đã tan, có người đang quét dọn, làm vệ sinh. Tôi nhặt cái chổi quét lia lịa, anh làm vệ sinh ngạc nhiên hỏi. Tôi nói tôi làm giúp, anh kia bảo không cần, yêu cầu bỏ chổi xuống. Tôi cứ hăng hái quét ào ào, chăm chỉ quét, hốt. Khi chợ đã dọn sạch, tôi quăng chổi bỏ đi. Anh làm vệ sinh kêu tôi lại, hỏi tôi muốn gì? Tôi lắc đầu nói không cần chi cả. Anh hỏi chuyện, tôi khổ sở khoa tay múa chân kể về trường hợp của tôi, có lẽ tiếng Tây của tôi 'cừ khôi' quá và có lẽ anh cũng chẳng hiểu tôi nói gì. Cuối cùng, anh cũng biết được tôi là người 'An-Nam-Mit'. Anh bảo tôi đi theo, và dắt tôi đến một tiệm ăn chỉ vào bên trong, rồi bỏ đi. Tiệm khá lớn, bên trong trang trí như một tiệm Tàu. Tôi đang hoang

mang chưa biết chuyện gì, thì nghe văng vẳng tiếng nhạc quen thuộc của Văn Cao: *"Người đi theo mưa gió xa muôn trùng, lần bước phiêu du về bến cũ. Tới đây mây núi đòi chập chùng, Liễu dương hơ tóc vàng trong nắng. Gột áo phong sương du khách còn ngại ngần nhìn bến xuân."* Tôi sững sốt, lặng người đi một chốc, trong lòng hân hoan sung sướng. Như người sắp chết đuối nín được cái phao. Thì ra đây là tiệm ăn của một bà chủ người Việt Nam, lấy chồng người Ma-rốc, ông là lính viễn chinh của Pháp, đem bà về xứ từ năm 1954. Bà chủ quán mập mạp, vồn vã vui mừng khi gặp được người đồng hương, và cũng cảm cảnh thương hại tôi bơ vơ lỡ bước. Bà cho tôi ăn một bữa ngon lành no nê và cho ngủ lại trong tiệm, tắm rửa, hẹn hôm sau sẽ chở tôi đến một nông trại của người Việt Nam, hy vọng sẽ có được việc làm tạm thời sống qua ngày nơi đất khách."

Tân nốc thêm một ngụm bia khà một tiếng: "Hôm sau, trước khi mở cửa tiệm, bà chủ kêu ông chồng đem xe chở tôi đi. Ông chồng Maroc của bà tử tế vui vẻ, trên đường đi nói chuyện ào ào, mà tôi không hiểu ông nói gì. Ông dắt tôi vô một căn nhà nhỏ, mái và tường lợp bằng tôn, phía trước có một giàn bầu bí lá xanh, trái lòng thông, bên hông nhà có một đồng rơm lớn. Đàn gà vịt dất nhau đi kêu chiêm chiếp, đang đào bới giun dế, có con chó đuôi cong đứng bên cửa, hai con bò đang gặm cỏ trên đồng. Tôi bàng hoàng ngây ngất xúc động vì cái hình ảnh quê hương Việt Nam mình. Cảnh không khác gì một làng quê miền Trung Việt Nam.

Ông bà chủ nhà này đều là người Việt Nam, đã định cư ở đây từ mấy chục năm, có lẽ ông bị Pháp bắt đi làm ‘lính thợ’ từ thế chiến thứ hai. Họ có hai người con trai đang làm việc ở Pháp, và một cô con út hơi khập khùng, khá xinh đẹp, chưa chồng, lo lắng công việc trong nhà. Tôi được ông bà cho tạm trú tại đây trong khi đi tìm việc. Cả ông lẫn bà suốt ngày cầm cuốc xẻng, xới đất, làm vườn, tưới rau, bứt cỏ, phơi rơm rạ, làm công việc đồng áng của nông dân. Tôi phụ ông bà trong mọi việc, không quản ngại, chăm chỉ, kiên nhẫn, từ sáng sớm đến tối mịt. Để đổi lại, ông bà cho tôi ăn ở. Họ tử tế, thân tình, xem tôi như bà con trong gia đình. Ông hỏi tôi tại sao nước nhà độc lập tự do rồi, mà lại bỏ xứ ra đi? Tôi kể cho ông nghe về chế độ khắc nghiệt, dã man mọi rợ và áp bức của cộng sản, những nỗi cơ cực khổ khó của nhân dân miền Bắc cũng như miền Nam. Có lẽ ông không tin và cười, nụ cười đầy nghi hoặc. Tôi cũng buồn, và không dám kể thêm những điều đã và đang xảy ra tại Việt Nam. Thái độ của ông, làm tôi sực nhớ trước kia, khi nghe những chuyện do người miền Bắc vượt tuyến về Nam kể lại, tôi cũng không tin, và giận sôi sục vì nghĩ họ khinh mình, nói lời tuyên truyền rẻ tiền ấu trĩ mà trẻ con mười tuổi cũng không tin được. Thế rồi, sau khi được sống với chế độ cộng, tôi mới nhớ ra những điều các bạn bè đó kể lại, chỉ là một phần rất nhỏ của sự thực mà thôi.”

Tân thở dài: “Thấy trong nhà có cây đàn nhỏ, mỗi đêm tôi ra ngồi bên vỉa hè, đàn hát vu vơ để quên buồn, cho người ngoài niềm cô quạnh. Thế mà

tiếng đàn cũng lôi kéo được ba anh hàng xóm mỗi đêm đến cùng ca hát, vỗ trống con, gõ phách, và đôi khi nường khoai, bắp cùng ăn. Hát nhiều hơn nói chuyện, vì vốn liếng tiếng Pháp của chúng tôi đều hạn chế. Cô con gái khờ của ông bà chủ nhà cũng núp sau cửa mà nghe đàn hát. Rồi cô cũng phá bỏ cái e dè mà gia nhập cuộc chơi. Thật không ngờ, giọng hát cô du dương thánh thót truyền cảm, mà cả bố mẹ cô cũng ngạc nhiên. Đôi lúc tôi bắt gặp ánh mắt âu yếm trìu mến của cô mà sợ và e ngại cho chính mình. Cây đàn của tôi khám phá ra giọng ca đặc sắc này. Tiếng hát cô làm một anh nhạc trưởng phòng trà trong thành phố để ý, và mời cô đi hát. Bố mẹ cô không ngăn cản được, vì sợ đời cô sẽ nhiều sóng gió sau này, hơn nữa, tâm trí cô không được bình thường mà lại dần thân vào nơi có lắm cám dỗ và dễ dàng sa ngã. Thường tôi phải đưa đón và bảo vệ cho cô đi về trong những đêm khuya khoắt. Rồi tôi bị ba thanh niên vây đánh nằm ngất xỉu bên phố trong đêm khuya. Có lẽ họ tưởng lầm tôi là tình nhân của cô. Tôi cũng nản lòng và sợ mang họa oan uổng đời.”

Ông Năm cười: “Tôi nghĩ chú mày cũng có lảng cháng tình ý chi đó, nên bọn chúng mới nổi ghen mà hành hung, chứ không phải hiểu lầm đâu!”

Tân lắc đầu: “Nếu bình thường, thì chắc tôi cũng không tha đâu! Tôi đâu có thánh thiện tốt lành gì? Tôi cũng cố gắng để tự chế, nhưng cứ bị cô gái tìm cách tấn công tình cảm, và khêu gợi tình dục mãi. Có lần bố mẹ cô đi vắng, chúng tôi ở trong buồng, đã không còn một mảnh vải nhỏ trên thân thể, ôm

chặt nhau, da thịt nóng bừng bừng, chỉ một vài giây nữa thôi là sa vào cơn hoan lạc, bỗng nghe tiếng xe đỗ trước nhà, chúng tôi vội vã phóng chạy, và sượng sùng giả vờ đang làm việc nhà. Tôi vừa tiếc, vừa mừng, vì mình mang ơn người ta, cho ăn ở trong nhà khi lâm bước đường cùng, mà lòng dạ nào làm điều thiếu tử tế. Lần đó, làm tôi sợ và tìm đường xa lánh tránh né

Nhân có một trong ba anh láng giềng là tài xế lái xe vận tải đường xa, chuyên chở hàng hoá trao đổi từ miền Bắc Phi và vùng Trung Á, có khi đi quanh ngược lên miền Đông Bắc, qua đến biên giới Trung Hoa, con đường mà ngày xưa thương nhân dẫn những đoàn lạc đà băng qua sa mạc, gọi là 'con đường tơ lụa' cũ, qua các vùng hoang vu hiểm trở, nuôi mộng làm giàu. Anh tài xế này tên Ha-San, thường cùng tôi đồng ca các bài hát diễm tình tiếng Pháp nổi danh thời thượng. Nhờ thế mà thành thân tình. Tôi xin anh Ha-San cho tôi đi theo xe để phụ việc và tìm cơ hội kiếm sống, đồng thời xa cách cô con gái ông bà chủ nhà. Anh vui vẻ nhận lời vì nghe tôi còn biết sửa máy xe, và có thể phụ giúp dọc đường những lúc cần thiết. Chiếc xe vận tải chở hàng hoá chất đầy cứng và cao ngất ngều, chúng tôi khởi đi từ Bắc Phi, sau khi qua hết những đoạn đường nhựa long lở, tiếp đến những quãng đường vắng hoe, nhiều khúc lầy lội, hê hũm, đầy ổ gà, đá tảng chắn lối, và cheo leo ven sườn núi quanh co, lên dốc cao, xuống lũng sâu, hoang vu vắng bóng người. Bây giờ tôi mới thấm khâm phục lòng can đảm và liều lĩnh của anh Ha-San khi một mình lái xe đi

qua những lộ trình này. Không biết khi gặp cướp bóc, anh sẽ đối phó cách nào, khi xe hư hỏng dọc đường, phải làm gì để thoát hiểm ở một nơi hoang vu như thế này. Lâu lâu, qua một thị trấn nhỏ, anh ghé tạt xe vào, thả xuống một ít hàng hoá, nhận thêm một mớ khác, ăn uống qua loa, nghỉ ngơi chừng mấy mươi phút, rồi hấp tấp lên đường. Mỗi ngày anh lái xe đi từ mười bốn đến mười sáu giờ. Tôi áy náy thấy anh vất vả nhọc nhằn, đã đề nghị để tôi lái phụ trên những đoạn đường tương đối ít quanh co hiểm trở. Nhiều khi xe bị lún mắc kẹt trong các vũng hồ bùn trên đường, cả hai đưa tôi chèo ván gỗ, đào đất khênh đá lấp hũm, cố đưa xe ra khỏi nơi lún kẹt. Những khi xe nằm ỳ, hết đường cứu vãn, chúng tôi ngồi lại bên đường chờ xe khác đi qua nhờ kéo hộ. Đường vắng, cả buổi mới thấy xe xuất hiện. Trên lộ trình này, gần như bắt buộc tài xế phải giúp nhau, cứu nhau, để thông đường cho xe khác đi qua. Những khi chờ đợi như thế, trong lòng chán nản lắm, nhưng không thất vọng, không lo lắng. Xe thì cũ kỹ mà chở nặng, chạy đường xa ít được nghỉ ngơi, nên máy móc trục trặc hư hỏng là chuyện thường. Khi xe trở chứng nằm ỳ, mở máy ra sửa chữa, mầy mò, không dễ để có phụ tùng thay thế. Có những khi nắng cháy, khát khô cổ, người nóng áo quần khô tường dòn như bánh trắng. Rồi băng qua các rặng núi tuyết trắng xóa, lạnh căm căm, gió hú gào quật. Chuyển đi và chuyển về cũng mất hơn cả tháng. Vất vả, nhọc nhằn, tưởng sức người khó vượt qua, thế mà anh tài xế này vẫn kiên trì theo nghề kiếm sống. Ngoài tiền công của chủ trả,

anh còn mang theo hàng hóa riêng trao đổi dọc đường. Tuy vất vả nhọc nhằn, nhưng có được tự do. Tôi đi theo xe được mấy tháng, cũng kiếm được một số tiền kha khá làm vốn. Vốn càng nhiều, thì lợi tức càng cao.”

Ông Năm cất ngang: “Sao không ở lại, cưới cô gái, làm rể ông bà nông dân, sống đời yên bình, lập nghiệp tại đó luôn cho khỏe? Bôn ba làm chi cho đời thêm gian khổ?”

Vuốt mặt, Tân đáp: “Có lẽ anh nói đúng phần nào. Nhưng cô này còn có cả đám trai tơ dữ dằn bám sát, là bọn ca hát tại quán nhạc. Tôi đã lãnh một trận đòn nên thân rồi, không muốn liều chết vì gái. Có lấy cô làm vợ, cũng khó mà yên thân sống đời bình thường. Sau mỗi lần đi xa về, tôi có đem theo nhiều quà lạ tặng cô, nhưng né tránh gần gũi chuyện trò thân thiết. Trong một chuyến chuyển hàng về miền Nam, khi băng qua sa mạc vào ban đêm, chúng tôi đã hạ trại đốt lửa nghỉ ngơi, anh tài xế Ha-San bị bò cạp sa mạc cắn, trợn mắt sùi bọt mép, lên cơn nóng lạnh run bần bật. Tôi lo lắng không biết làm sao cứu bạn, trong lúc cùng túng, sức nhớ khi đi tù cải tạo, có người đã cấp cứu bằng cách rà đầu dương vật vào vết côn trùng cắn. Tôi thực hành ngay, nhưng rà mãi mà không hiệu quả. Thấy quá nguy cấp, tôi chở bạn đi ngược lại, tìm bệnh viện cấp cứu. Nhưng quá trễ, bạn đã đứng tim chết rồi. Trong khi hấp tấp và bối rối đem bạn vào bệnh viện, tôi quên rút chìa khóa xe ra, nên kẻ gian đã lấy trộm cả chiếc xe chở đầy hàng đi mất. Tôi điếng người, chết đứng. Nếu trở về, dẫu có khai báo sự thực, cũng không ai

tin, tôi cảm chắc cái tội giết tài xế cướp xe, sẽ không thoát khỏi tù tội. Tôi quyết định đi trốn, đón xe xuôi về miền Nam sa mạc Sahara. Kiếm được một chân chăn cừu trong một bộ lạc còn ở lều trại. Ngày ngày cầm roi đánh đàn cừu cả mấy trăm con đi ăn, kéo nước giếng hiểm hoi cho chúng uống, chiều gom dê cừu vào chuồng dã chiến, có hai con chó chạy theo canh gác. Thời tiết nóng bức, nắng đỏ lửa, phải mặc nhiều lớp áo quần và phủ từ đầu đến chân để bảo vệ thân nhiệt, chống nóng. Sa mạc khô cằn hiếm nước nên ở đây, nhiều người cả năm chưa tắm một lần. Ai muốn tắm thì uống thật nhiều nước, và đốt một đồng lửa, mà hơ mình cho đổ mồ hôi, rồi kỳ cọ để vẩy ghét cùng đất bụi thành viên mà phỉu xuống. Người nào cũng hôi như cú, lâu ngày quen mùi, không biết mình hôi hám. Bước đầu kiếm nơi tạm trú ẩn mình, được đi chăn dê tạm sống là đã quá may mắn. Vất vả và cực khổ không kể xiết. Một hôm tôi ghé qua lều của một ông cụ thợ hàn, đứng xem ông đang cắt lá kim loại để gò và hàn thành những cái bình trà, ấm chén rất đẹp, có chạm trổ hoa văn mỹ thuật. Thấy tôi mãi chăm chú nhìn, ông mời uống trà sữa lạc đà. Tôi nhớ thời còn học trung học kỹ thuật Cao Thắng, tôi là một tay gò có hạng. Tôi xin làm thử, ông ngạc nhiên thấy tay búa tôi gõ rất nhuyễn, và mỗi hàn cũng đều đặn, kỹ lưỡng. Ông liền đề nghị tôi cộng tác làm ăn, vì ông không có đủ tiền để thuê ai. Cộng tác thì sẽ chia lời trên sản phẩm bán được. Thế là tôi bỏ việc chăn dê, qua làm nghề hàn, gò, sản xuất bình, ấm, chén. Ngồi bên lò lửa có ống bể phì phèo. Tôi chuyên gò

và hàn, ông giành phần chạm trổ hoa văn. Ông cụ rất hài lòng, vì tôi làm việc chăm chỉ, nhanh, đẹp mà không đòi hỏi nhiều, được chia bao nhiêu cũng vui vẻ chấp nhận mà không hề kỳ kèo xin thêm. Công việc hợp với khả năng, tương đối không nặng nhọc vất vả, lại có chút tiền dư lặn lợm phòng khi bất trắc cần đến. Lòng ông cụ thì tốt, nhưng tánh tình nóng nảy, hay gắt gỏng nạt nộ la mắng. Tôi biết thân phận, gắng nhẫn nhịn. Ông cụ thợ hàn có cô con gái út tên là Amal, cô có chồng đi lính đánh thuê cho Tổng Thống độc tài Gaddafi của xứ Libya. Chồng cô bị chết trong một tai nạn xe hơi. Theo luật Hồi giáo, thì cô phải về làm vợ của một người đàn ông khác trong gia đình chồng, nhưng bên họ nhà chồng không còn ai, và do thế lực của ông ngoại, nên cô được về lại nhà cha mẹ. Cô Amal này mới mười chín tuổi, da trắng mịn màu ngà, mắt sâu thăm thẳm màu nâu trong suốt, ánh nhìn như xoáy sâu hớp hồn người đối diện, đôi mày đậm cong cao, môi hình trái tim tươi thắm màu hồng tự nhiên uốn cong như cười, chỉ có sống mũi hơi khoằm, cô có cái nhan sắc thanh thoát của một nữ minh tinh màn ảnh. Gặp cô, tôi choáng váng tâm thần và xao xuyến cực độ. Tôi không tự chủ được mình, cứ lâu lâu liếc nhìn cô say đắm mê mẩn. Thỉnh thoảng tôi cũng bắt gặp ánh mắt dịu dàng tình cảm của cô đáp lại. Lòng tôi hoang mang và lo lắng tột độ, vì biết rõ luật lệ Hồi Giáo vùng này, đụng vào đàn bà của họ có thể bị đem treo cổ như chơi. Nhưng tôi không cưỡng được cái tình cảm mù lòa của con tim, và đặt kế hoạch chinh

phục người góa phụ này. Tôi mua một cây đàn cũ, mỗi đêm tự đệm đàn nỉ non ca hát những khúc nhạc trữ tình đến khuya. Tiếng hát của tôi không hay nhưng không tệ. Nhờ âm nhạc hỗ trợ, tôi đã thành công dễ dàng. Amal, người góa phụ khát tình đã ngã vào vòng tay tôi. Chỉ ôm ấp vuốt ve hôn hít, chứ chưa đi xa hơn mức đó, vì không có không gian và thời gian thuận tiện. Nhưng tình yêu thường không giấu được ai, chỉ một liếc mắt, một cử chỉ, một lời nói, cũng đủ lộ ra rồi. Ông ngoại Amal là tộc trưởng, rất có thế lực, muốn bắt tôi xử tội. Nàng đã năn nỉ khóc lóc khơi dậy tình cảm của ông ngoại vốn thương yêu đặc biệt đứa cháu gái ngoan, và nàng dọa tự vẫn, nếu tôi có mệnh hệ nào. Cuối cùng, hội đồng gia tộc phá lệ, chấp thuận cho Amal được lấy tôi làm chồng và tôi phải học kinh Quran để gia nhập Hồi Giáo. Tôi không mong gì hơn, muốn ở lại đây, nối nghiệp thợ hàn của ông bố vợ, rồi sinh con đẻ cái, sống cuộc đời tự do yên bình. Đám cưới sẽ được tổ chức linh đình theo tục lệ của bộ lạc, có giết dê, hạ lạc đà, hội họp ăn uống, đàn ông đàn bà xếp hàng ca múa đàn địch và đánh lưối thành tiếng hú re re.”

Ông Năm cắt ngang câu chuyện: “Sướng nhỉ! Thừa hưởng cô vợ thừa của người ta, đẹp như tài tử chiêu bóng, nghề nghiệp nhẹ nhàng, đời sống an bình. So với ước vọng ban đầu chỉ mong được đi hái chà là trên sa mạc thôi. Thế mà không chịu yên thân, còn tính chuyện bôn ba làm chi nữa?”

Im lặng một lúc lâu, rồi thở dài, Tân kể tiếp: “Không phải, đời chẳng đơn giản như người ta tưởng. Nếu

như...nếu như, chuyện đêm ấy không xảy ra, thì tôi cũng đã yên bề. Đêm đó, trong một lều vải vắng, hai đứa tôi say sưa trong tình yêu bốc lửa, ôm ấp hôn hít nhau, khi tình dục lên cao đến đỉnh điểm, kéo được chiếc quần của nàng xuống...một mùi hôi hám nồng nặc như xác chết xông lên, làm tôi nháy mũi và nhức đầu dữ dội, tôi cố cầm giữ để khỏi nôn ọe. Không thể chịu nổi cái mùi xú uế khủng khiếp đó, tôi đã vội kéo quần nàng lên lại. Hai đứa nằm ôm ấp nhau, mà tình dục trong tôi tan biến nguội lạnh. Người góa phụ thiếu đàn ông từ lâu, khao khát ân ái xác thịt đã ôm mặt khóc rầm rức. Tôi chợt hiểu tình trạng thiếu nước, cả năm chưa tắm, đã tạo nên cái mùi hôi hám ấy. Tôi ân hận đã thiếu tế nhị, có hành động như vậy đối với nàng. Tôi toan liều mạng tha mẫn tình dục cho người yêu, nhưng hoàn toàn bất lực, không thể làm gì được nữa. Một lúc sau, nàng bỏ đi.”

Ông Năm lắc đầu: “Tôi không tin. Chú mày có nói dóc không? Tôi nghĩ trong những giây phút điên cuồng vì cơn tình dục bốc cao đó, thì dù sấm sét có nổ trên đầu cũng liều chứ. Hay là đã có gì rồi, mà bây giờ chú chối tội.”

Tân xoa tay: “Tôi chối tội làm chi? Trai gái yêu nhau thì chuyện ân ái là thường tình, phải có, chẳng có chi là tội lỗi cả. Không có chuyện đó mới là mang tội với nhau. Cả đêm ấy, tôi thức và lang thang ngoài bãi cát sa mạc lạnh buốt. Đầu óc suy nghĩ lung tung như người điên, lòng hoang mang vô định. Rồi dại dột lấy quyết định trốn đi nơi khác. Lúc nửa đêm, tôi leo lên con lạc đà của nhà hàng xóm, và nhìn sao trên trời, nhắm hướng nam mà đi. Vì điều

khiến lạc đà chưa thành thạo, nên khoảng trưa hôm đó, thì tôi bị bắt lại. Ngoài tội lường gạt ái tình, còn thêm tội trộm lạc đà. Tội này lớn lắm, có thể bị treo cổ hoặc bị chặt đầu, theo tục lệ của xứ này. Nếu có may mắn lắm mà được tha chết, cũng bị chặt mất hai bàn tay. Tôi bị lôi cổ từ lạc đà xuống, gậy phang tới tấp lên đầu, mình, ngã nằm trên cát, máu me bê bết. Suýt ngất xỉu. Tôi bị trói hai tay có dây kéo, đi bộ theo sau hai con lạc đà đi trước, và ba con đi sau áp tải. Thân thể đau như dằm, chân yếu run rẩy, loạng quạng, té xuống, gượng dậy, bị kéo lê theo bước lạc đà. Đầu óc tôi hoàn toàn trống rỗng và cảm chắc cái chết. Thôi thì chấp nhận và trong lòng đầy ân hận đã bỏ ra đi mà không có kế hoạch đào thoát kỹ càng. Họ trói tôi vào một cây khô, bọn con nít, đàn ông đàn bà đi qua ném đá, phun nước bọt vào mặt. Tôi bị bỏ đói, khát cháy khô cổ họng. Không cần phải hành tội, để cho đói khát như thế này, thì hôm sau cũng phải chết. Đêm đó, lúc khuya vắng vẻ, bão cát mịt mù, Amal đem nước và thức ăn cho tôi. Nàng ôm tôi khóc nức nở. Rồi cởi trói, cho tôi một bình da nước, một gói thức ăn, đút vào túi áo tôi một mớ tiền, chỉ đường cho tôi đi trốn. Nhờ thoát theo đường tắt, mà tôi không bị bắt lại. Lúc này, tôi tâm nguyện, nếu còn sống sót, khi có kinh tế vững vàng, sẽ nhờ người liên lạc, nối lại cuộc tình với Amal.”

Lúc này, một ông khách ngồi bên cạnh nhào qua bắt tay hai người và thổ lộ: “Tôi tên là Thi, nãy giờ ngồi nghe lóm chuyện của hai ông, li kỳ hấp dẫn quá, xin được qua ngồi chung bàn

nghe tiếp cho rõ hơn. Mong các ông vui lòng cho phép.”

Ông Năm kéo ghế mời ngồi, và rót một chén trà cho ông khách: “Mời ông ngồi. Chúng tôi là bạn cũ cách biệt hai mươi năm mới gặp lại. Chuyện chúng tôi không có gì riêng tư bí mật cả. Càng có người cùng nghe càng vui.”

“Cám ơn. Xin ông kể tiếp, tôi đang nóng lòng muốn biết sau đó ông có gặp lại nàng Amal không?”- Ông khách có vẻ thích thú hỏi.

Tân thở dài, im lặng hớp một ngụm trà rồi tiếp: “Chuyện còn dài. Muốn tìm nhau, đâu phải dễ dàng, vì tôi không dám trở lại xứ Ma-rốc, sợ bị truy tố oan nhiều tội mà tôi không phạm. Trên đường đi trốn, tôi gặp một toán thương nhân bị cướp giết. Có một thanh niên còn sống sót, bị thương tích nằm rên rỉ. Tôi xé vải băng bó cầm máu cho. Hắn tên là Karim. Rồi đi theo đường mòn, đến một bộ tộc sa mạc gần nhất. Tôi ở lại đó săn sóc cho hắn cho đến khi lành mạnh. Tạm sống qua ngày được cũng nhờ số tiền mà nàng Amal đút vào túi tôi. Karim xin được kết nghĩa làm anh em với tôi, hắn còn trẻ, khỏe mạnh, và có vẻ tháo vát. Tôi mừng, vì đang lúc tứ cố vô thân, có được một người anh em kết nghĩa. Tôi biết rõ, theo tập tục Ả Rập, khi đã giao kết tình bạn, thì họ có thể sống chết cho nhau. Karim vốn là một võ sĩ, bị thương tật trong lúc giao đấu, chuyển

qua làm nghề áp tải hàng hoá đường xa, tuy nhọc nhằn nguy hiểm, nhưng kiếm được khá nhiều tiền, sống được.”

Ông Thi, người khách mới nhập bọn để nghe kể chuyện tròn xoe mắt nói: “Ly kỳ quá nhỉ! Giống như chuyện bịa đặt. Nếu tôi kể lại chuyện này cho người khác nghe, chắc họ tưởng tôi xạo, không tin.”

Tân cười và tiếp: “Đâu cần ai tin hay không tin. Chuyện riêng của đời tôi mà. Nơi thâm giao thân tình, tôi chỉ kể cho anh Năm nghe như một hàn huyên, chứ có than vãn hay khoe khoang gì. Tuy nhiên, đoạn đời tiếp theo, mời thật là ly kỳ. Lấy vợ chung với hai ông người bản xứ theo tục lệ đa phu tại cực nam xứ Tây Tạng, đưa đoàn ngựa thồ năm sáu chục con, đi đổi muối, hàng hoá, qua những vùng đồi núi hoang vu cheo leo hiểm trở. Tôi sẽ kể sau. Bây giờ tôi phải đi gấp, bà vợ đang chờ, trễ giờ hẹn rồi.”

Ba người trao đổi địa chỉ và hẹn gặp lại nghe tiếp chuyện.

Ông Thi hỏi ông Năm với giọng nghi ngờ: “Bác có tin được chuyện của ông Tân không? Ông ấy có thường hay xạo sự không?”

Ông Năm cười: “Tin chứ. Ông ấy xem tôi như anh em trong gia đình, việc chi mà nói xạo?” ./.

Tràm Cà Mau



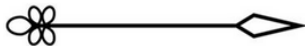
THE ARROW and THE SONG

I shot an arrow into the air,
It fell to earth, I knew not where;
For, so swiftly it flew, the sight
Could not follow it in its flight.

I breathed a song into the air,
It fell to earth, I knew not where;
For who has sight so keen and strong,
That it can follow the flight of song?

Long, long afterward, in an oak
I found the arrow, still unbroke;
And the song, from beginning to end,
I found again in the heart of a friend.

Henry Wadsworth Longfellow



MŨI TÊN và CA KHÚC

*Tôi bắn lên trời một mũi tên,
Tên rơi xuống đất, biết tìm đâu;
Vì tên phóng lên nhanh vun vút
Theo dõi đường bay khó biết bao.*

*Tôi gửi lên trời một khúc ca
Lời vang xuống đất, biết nơi nao
Nào ai tinh mắt nhìn được rõ,
Để dõi theo lời khúc ca đâu?*

*Trên một cây sồi mãi về sau
Mũi tên tôi thấy vẫn còn nguyên;
Và ca khúc với lời trọn vẹn
Tôi gặp trong tim một bạn hiền.*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao chuyển ngữ

RẠNG ĐÔNG, BIỂN ĐÊM, CHA VÀ CON

** Tác giả: **Quốc Bảo Faifo** **



Tôi thích thức dậy thật sớm trước khi những dao động của ngày bắt đầu. Có lẽ đó là khoảng thời gian tôi có thể dành riêng cho mình. Có lẽ cũng một phần vì cái không khí buổi sớm mai luôn trong lành làm thân tôi cảm thấy dễ chịu. Tôi thích sự tinh khiết của vạn vật, tôi thích đón nhận cái khí trời phóng khoáng rồi hít thật no nê cái không khí ấy thật sâu vào trong lồng ngực. Ngon quá, mát dịu quá. Cả những tia nắng buổi sớm mai lấp ló phía chân trời cũng đẹp. Ánh nắng thật tươi hân lên từng ngọn cỏ, lên khuôn mặt. Tôi thích đóng nghiền đôi mắt lại rồi cứ để yên cho những tia nắng mới xuyên qua mi mắt. Tôi thấy một bầu trời đỏ hồng tuyệt đẹp của những tế bào máu chảy trong thân tôi. Kể ra cũng khoái thật đấy chứ.

Từng thớ thịt nơi cánh tay đưa lên trời đón lấy những giọt sống nâng niu. Tôi thích nhìn cái bóng mờ mờ của những chuyển động lúc rạng đông vẫn còn chưa hiện diện rõ rệt trên dòng sông. Sáng hôm nay thật đẹp, mùa xuân đã đến rất gần vì trời đã bắt đầu sáng nhanh hơn.

Những con chim Red Robbin đã xuất hiện kêu vang trên những ngọn cây hầy còn trơ xương. Mấy hôm trước tuyết rơi. Những bông tuyết rơi rơi phủ trắng lối đi. Trên những thân cây cong cong vài bông tuyết bị mắc kẹt ở giữa những nhánh cây nhìn thấy hay hay giống như những đoá hoa nhỏ cài lên mái tóc đen óng ả của người con gái. Nhìn thật diễm kiều, kể ra thì mùa đông cũng đáng để yêu đương đấy chứ nhỉ. Sao tôi lại hững hờ cái sự đẹp tưởng chừng như lạnh lùng của người tình mùa đông như thế.

Đầu năm khai bút không biết viết gì. Mấy chậu Phong Lan đã nở hoa, nhìn qua cái cửa sổ ở thư phòng, ngoài hiên tuyết vẫn đang rơi, cả tiếng gió rít qua khe cửa cũng nghe rõ hơn bỗng trong lòng nhớ cái Tết xưa. Ôi cái nỗi nhớ lúc nào cũng làm ta thêm và háo hức. Cái Tết chúc cho thêm một tuổi lớn. Cái Tết chúc cho tình thân được gắn kết lại. Cái Tết chúc cho mọi nhà

ấm êm, nó đủ tiếng cười. Cái Tết chúc cho sự thành vợ, thành chồng đến với nhau bằng cái tình yêu thương chân thật rồi lớn lên hay già đi bằng cái ân nghĩa tình. Chợt tôi nhớ đến cái Tết xưa của hai cha con...

Cái không khí xuân se se lạnh làm cái hồn lắng đọng, cùng du xuân, cùng nghe những giai điệu xuân thì.

Cái rạo rức của trẻ con và cái thanh nhã của những nhánh mai vàng. Cha bảo còn thiếu một nhánh Đào, mà ở miền trung thì làm gì mà có Đào. Thôi thì cha dẫn tôi ra Bắc đón tết một lần vậy nhé, rồi tìm cho tôi cô gái nào kiểu như trong bài hát “Em Đi Chùa Hương”

Hôm nay em đi chùa Hương

Hoa cỏ còn mờ hơi sương

Cùng thầy me em vấn đầu soi gương

.....

Đường đi qua bến Dục

Mọi người ngấm nhìn em

Thẹn thùng em không nói

Em bây giờ mới tuổi mười lăm

Đường đi qua Đồng Vọng

Mọi người ngấm nhìn em

Thẹn thùng em không nói

Nam mô A Di Đà...

Ô hay, cái yêu đương cha kể là cái yêu đương đúng chất Việt Nam. Mà sao lạ thế nhỉ, cái yêu đương ấy đâu rồi? Tìm quanh, tìm mãi mà cũng chẳng thấy đâu hết nhỉ. Chẳng biết nữa, chắc phải đi qua bến Dục, phải đi qua Đồng Vọng

thì mới gặp được nàng. Thôi kệ nếu nhớ cha thì nghe bản nhạc này cũng thấy chút yêu đương gì đó hay hay. Cái chuyện kể về những mối tình, cái tấm hình người yêu đầu tiên của cha gần 70 năm về trước mà trông cô ấy xinh ra phết cha nhỉ. Cái ghế gỗ, cái bàn vuông mà cha thường ngồi. Sáng nay tôi đánh thức nó dậy. Sáng nay tôi được ngồi vào chính chỗ ấy để khai bút đầu năm thay cha tôi vậy. Cái căn phòng nhìn ra con đường lớn sáng nay tĩnh lặng thế. Tôi nhớ cha tôi.

Bình yên là gì ? Tôi tự hỏi.

Cái mặt hồ không một gợn sóng, phẳng lặng. Cái động mà tôi nghe thấy đó là tiếng ngỗng kêu. Ngay cả cái sự bơi của bầy ngỗng cũng không tạo nên một gợn sóng lớn nào cả. Tôi vẫn thường ghé cái hồ này hầu như đều đặn mỗi tuần trong hơn suốt ba năm qua. Mà lạ thay, mỗi lần tôi nhìn ngắm nó, tôi thấy nó luôn có một sự quyến rũ kỳ bí. Tôi tìm ra nhiều điều tôi cần nên biết. Có lẽ tôi không còn nhỏ nữa.

Mà lạ thật, sao người ta vẫn thường hay nói những đứa con sẽ không bao giờ lớn đối với mẹ cha nó.

Hạnh phúc ở đâu!

Trong cái tĩnh thênh thang, tôi mãi mê nhìn ngắm rồi như bất chợt thấy cái thú được ngắm mặt hồ tĩnh lặng mà nhớ cha cũng vui. Mới hôm qua đây vẫn còn mênh mang cái nỗi nhớ thương da diết. Trời thì tuyết lạnh, bỗng nhiên thấy nhớ cha. Thôi thế thì ghé qua thăm một

chút, không biết cha nằm đó như thế nào, chắc là lạnh lắm, chắc là buồn lắm cho cái Tết ở cái khu nghĩa trang mà hàng xóm chung quanh lại là những ông Tây bà Mỹ. Chắc cha cũng thèm nghe cái giọng Việt, một cái bánh chưng hay nghe bài nhạc xuân nào đó nhỉ. Con nghĩ cha con mình cùng nghe bài Xuân và Tuổi Trẻ đi cha nhé.

*“Ngày thắm tươi bên đời xuân mới
Lòng đắm say bao nguồn vui sống...
Đừng để lòng thổn thức tình mê đắm
Ta trẻ vui, ta trẻ vui,
đời xuân thắm tươi.”*

“Đừng để lòng thổn thức tình mê đắm” mà thôi kệ, Thổn thức thì thổn thức chứ biết ra làm sao chứ. Cứ thổn thức nhớ ánh trăng màn bạc phản chiếu ánh sáng lấp lánh giữa biển đêm. Tôi trở về. Về lại hiện hữu giữa đất trời này. Những vì sao sáng li ti rải đều bên những cụm mây trắng giữa bầu trời đêm lồng lộng gió từ đại dương thổi vào đất liền. Xa xa những ánh đèn của những chiếc thuyền đánh cá bập bênh đang neo đậu bên góc khuất của những cù lao nhỏ. Vào tuổi 19 trái tim tôi đã đập những nhịp đập thật nhẹ, êm ả như tiếng sóng biển vỗ bờ vào một đêm trăng sáng và tròn. Tôi cảm được niềm hạnh phúc trọn vẹn của lần đầu tiên trong đời khi những dòng ý thức được hiện hữu rõ qua từng hơi thở, dòng cảm xúc, ý niệm về tình yêu và sự trưởng thành. Nhưng đêm nay, tôi

ngồi đó, một mình nhắm mắt để nghe tiếng sóng biển vỗ về. Trái tim đang thổn thức, nhịp đập không còn được đều lúc cao lúc thấp, lúc nhanh lúc chậm tùy theo dòng chảy của đất trời. Đã nhiều lần trái tim lỗi nhịp. Tôi thổn thức cho yêu thương và sự chia xa. Giữa đêm khuya, tôi nghe rõ tiếng gió thổi. Tôi cảm nhận được bước chân của những con dã tràng bò ngang qua trước mặt tôi. Dù mắt đã nhắm, tôi cũng biết được rằng đây có thể là những dịp hiếm hoi, những giây phút bất tử giữa tôi và biển. Biển của tôi, đêm của riêng tôi. Từng đàn cá chuồn nhảy bay lên khỏi mặt nước, nô đùa cùng nhau. Bơi lội giữa đêm đại dương menh mông huyền diệu.

Con đang thở cho cha. Cứ như thế, như thế đêm dần qua, những đám mây chậm chậm lững lờ trôi trên đầu, nước chảy mây trôi. Tôi mở mắt thì trời đã rạng đông.

Quốc Bảo Faifo

Tháng 2 năm 2021, Virginia



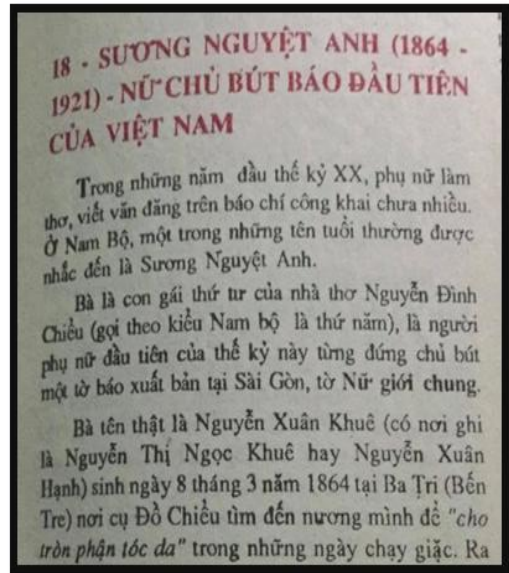
Kỷ Niệm 100 năm Ngày Giỗ của Nữ Sĩ Sương Nguyệt Anh (20/01/1921- 20/01/2021)

**** Tác giả: [Cung Thị Lan](#) ****

Hôm nay, ngày 20 tháng 01 năm 2021, nhân kỷ niệm 100 năm ngày giỗ của nữ thi sĩ, đồng thời là nữ nhà báo đầu tiên của Việt Nam Sương Nguyệt Anh, tôi xin thắp nén hương lòng gửi đến người quá cố, đồng thời xin ôn lại tiểu sử của bà với niềm kính trọng và khâm phục vô biên.

Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Khuê (Nguyễn Thị Khuê, Nguyễn Xuân Khuê, Nguyễn thị Ngọc Khuê hay Nguyễn Xuân Hạnh) sinh ngày 21 tháng 4 năm 1864 tại Ba Tri, Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuê là con thứ tư của cụ Đồ Chiểu, tức đại thi sĩ Nguyễn Đình Chiểu, tác giả của thi phẩm nổi tiếng Lục Vân Tiên đồng thời là tác giả của bài “Văn Tế Nghĩ Sĩ Càn Giuộc”. Bà có nhiều bút hiệu như Xuân Khuê, Nguyệt Nga và Nguyệt Anh. Vốn dĩ xinh đẹp, lại sinh trưởng trong một gia đình gia phong Nho giáo và thừa hưởng năng khiếu văn thơ của cha, bà ngày càng được nhiều đấng nam nhi có chức quyền quanh vùng để ý muốn cầu thân. Tuy nhiên, bà một mực khôn khéo từ chối vì bà không phải lòng người nào, hơn nữa vì bà phải toàn



tâm chăm sóc cha mẹ đang trong tình trạng sức khỏe yếu kém. Năm 1886, khi bà 22 tuổi thì mẹ bà (cụ Lê Thị Điền) qua đời. Hai năm sau, cha bà cũng quá vãng. Trong cảnh cô cút, bà Nguyễn Thị Ngọc Khuê nhất quyết từ chối lời cầu hôn của tri phủ Ba Tường (Tôn Thọ Tường, người cố gắng chiêu dụ Nguyễn Đình Chiểu qui hàng nhà cầm quyền Pháp nhưng không thành) nên bị Ba Tường dùng quyền thế mưu hại. Để tránh tai ương, bà Nguyễn Thị Ngọc Khuê đã cùng gia đình anh trai trốn sang Mỹ Tho, rồi lại về Rạch Miễu sinh sống. Tại đây, bà kết duyên cùng

ông Nguyễn Công Tính là một vị phó tổng sở góa vợ. Sau đó hai người có một con gái duy nhất tên Nguyễn Thị Vinh. Khi con gái của bà được hai tuổi thì ông Nguyễn Công Tính mất. Trở thành góa phụ một con chưa đầy ba mươi tuổi, Nguyễn Thị Ngọc Khuê vẫn xinh đẹp lại thêm quyến rũ nên được nhiều người mê mết, hay dùng thơ văn để chọc ghẹo tỏ tình vừa để thể hiện tài văn chương xứng đôi với bà nhưng Nguyễn Thị Ngọc Khuê bút danh Nguyệt Anh một mực khước từ bằng những bức thơ họa hết sức khôn khéo và thông minh. Từ đó, bút danh Nguyệt Anh của bà kèm theo chữ Sương có nghĩa là Góa Chồng Nguyệt Anh. Biệt danh này khẳng định sự thủ tiết thờ chồng nuôi con của bà, nhất quyết không bước thêm bước nữa.

Ảnh hưởng văn chương thi phú của cha từ khi còn trẻ, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh sáng tác nhiều loại thơ khác nhau như Hán, Nôm, thơ lục bát và thơ Đường với nhiều chủ đề khác nhau như tự bạch, giải bày, vịnh hay văn tế...

Sau khi chồng mất, thi sĩ Nguyệt Anh đã trải lòng mình qua những giòng thơ sau:

*“Năm canh thức nhắp,
năm canh những,
Nửa gối so le, nửa gối chờ.
Vườn én rủ ren trên lối cũ,
Canh gà xao xác giục tình xưa.”*

Dù sống trong cảnh cô đơn như thế, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh kiên quyết thủ tiết thờ chồng nuôi con và đã sáng tác nhiều bài thơ họa để đối đáp những bài thơ tỏ tình, tán tỉnh của những người muốn chấp nối cùng bà.

Có thể trích dẫn một số bài họa nổi tiếng còn lưu lại đến ngày nay của bà như sau:

1. Bài họa đáp lại bài thơ của ông Hồ Bá Xuyên ở Vĩnh Kim, Mỹ Tho:

*Tài không sắc sắc không tài,
Lá úa nhành khô cũng tiếng mai.
Ngọc ánh chi nài son phấn điểm,
Vàng rờn há sợ sắc màu phai.
Ba giềng trước đã xe tơ vắn,
Bốn đức nay tua nổi tiếng dài.
Dẫu khiến duyên này ra đến thế,
Trắng thu bóng xế rạng non đoài.*

[Trời đất ghen chi chữ sắc tài,
Vườn xuân vội úa bấy phần mai.
Gương loan đối bóng tuy còn rạng,
Nét thủy in mây sợ chóng phai.
Lăng lúu duyên hồng tơ tóc ngắn,
Vấn vương phận liễu thắm ngày dài.
Bóng đào bao thuở thay đôi lứa,
Nỡ để trắng thu xế bóng đoài.]

2. Các bài họa đáp thơ của ông phủ Học (Tân Trào):

*Bài 1 - Đường xa vời vợi, dặm vời vời,
Nghĩ nổi mây xanh ngán sự đời!
Biển ái nguồn ân còn lấm lúc
Mây ngàn hạc nội biết đâu nơi!*

Một dây oan trái rồi vay trả,
Mấy cuộc tang thương há đổi đời!
Chước quỷ mưu thần âu những kẻ
Gặp cơn nguy hiểm khó đưa bơi!

Bài 2 - Hết lúc trăng đầy đến lúc vơi
Doanh hư trong cuộc phải coi đời
Ven mây bắn thỏ xa ngàn dặm
Đáy nước cung thiềm tỏ khắp nơi.
Nột trí đưa gian hiểm về rặng
Vui lòng người triết thú đưa bơi
Khơi dòng hối thực ửng ra mặt
Đứng giữa trời xanh tiết chẳng đời!

Bài 3 - Bể ái sóng ân còn lắm lúc,
Mây ngàn hạc nội biết là nơi.
Một dây oan trái vay rồi trả,
Mấy cuộc tang thương để đổi đời.

[Phải gần với Nguyệt lúc lừng vơi,
Đặng hỏi Hằng Nga nỗi sự đời.
Ở hạ mây mưa còn kém sắc,
Về thu non nước tỏ cùng nơi.
Hay trông Dữu Lượng xây lâu trước,
Hoặc đợi Thanh Liên cất chén vơi?
Vóc ngọc há sồn cơn gió bụi,
Tài tình rõ mặt khá đưa bơi...]

3. Hai bài họa đối bài thơ chọc gheo của Thầy Bảy Nguyễn (Mỏ Cày, Bến Tre)

Bài 1:

Chẳng phải tiên cô cũng đạo cô,
Cuộc đời dâu bể há chi mô!
Lọng sườn dầu rách còn kêu lọng,
Ô bịt vàng ròng vẫn tiếng ô.

Bài 2:

Phải thời cô quả, chịu thời cô,
Chẳng biết tuồng đời tính thế mô.
Dòm thấy bụi trần toan đóng cửa,
Ngọc lành chi để thẹn danh ô!

[Ai về nhẩn với Nguyệt Anh cô,
Chẳng biết lòng cô tính thế mô?
Không phải vãi chùa toan đóng cửa,
Đây lòng gấm thế bắt cầu Ô.]

Các bài thơ họa của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh đã chứng tỏ bà là một phụ nữ có tấm lòng kiên định son sắt thủ tiết thờ chồng nuôi con. Phẩm hạnh của bà là kết quả tu thân và tuân thủ lễ nghĩa Nho giáo qua sự giáo dục của người cha quá cố, nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu. Lễ nghĩa ấy đã biểu hiện rõ ràng ngay dòng mở đầu trong thi phẩm Lục Vân Tiên nổi tiếng của ông:

“Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình”

Dù là thế, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh không phải là người bảo thủ, phong kiến cực đoan. Bà đã từng khuyên con rể Mai Văn Ngọc bước thêm bước nữa sau khi con gái bà qua đời tám năm, qua bài thơ sau:

“Có lúc tòng quyền, có lúc kinh,
Làm trai nào ắt khỏi tiền tình.
Bơ thờ nắng rọi hoa nghiêng nhụy,
Lay lắt mưa qua bướm giấu hình.
Ngửa mặt đành cam **câu bất hiếu** (*)
Nghiêng tai chịu tiếng quỷ vô tình.

Dưới đời ai dứt tình sinh hoá,
Trưởng chân riêng người quạnh một
mình.”

(Bình: (*)) Một trong các thuyết Nho giáo: “Hiếu vi tiên”, ông ta lấy con gái bà không có con trai nối dõi nên sẽ chịu tội “bất hiếu” với song thân mình; bà Sương Nguyệt Anh khuyên ông nên tái hôn vì ông con rể chung tình có trọn chữ hiếu được sao?)

Hơn thế nữa, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh còn là một nhà văn nữ với giọng văn cứng cỏi mà duyên dáng và là nhà báo nữ - chủ bút đầu tiên của tờ báo Nữ Giới Chung (Tiếng Chuông Nữ Giới). Nữ Giới Chung là tờ báo phụ nữ đầu tiên với nhiều mục phong phú như: Văn Uyển, Xã Thuyết, Cách Ngôn, Học Nghệ, Gia Chánh, Tạp Trở, Thời Đàm và Truyện Ký. Hầu hết các nữ thi sĩ và nữ ký giả thời ấy đã dùng tác phẩm ca ngợi các vị nữ anh hùng Việt Nam như bà Triệu, bà Trưng hay đề cao vai trò phụ nữ trong xã hội đương thời. Riêng nữ nhà báo Sương Nguyệt Anh lại tập trung vào các xã luận (xã thuyết) với các đề tài về nữ quyền, về trách nhiệm của phụ nữ, về sự bình đẳng nam nữ trong ý thức giữ gìn tứ đức Công, Dung, Ngôn, Hạnh, phê phán thói phung phí, lười biếng và đề cao việc đọc sách để phụ nữ nâng cao kiến thức hầu có thể tham gia công sự mà nam giới đang đảm nhiệm.



Báo Nữ Giới Chung rất thành công nhưng chỉ hoạt động trong sáu tháng (1/2/1918 - 19/7/1918). Hai mươi hai số báo Nữ Giới Chung đã tạo ra tiếng vang rất lớn trong xã hội Việt Nam và ảnh hưởng rất khá sâu sắc đến giới phụ nữ đương thời đã khiến nhà cầm quyền Pháp lo ngại. Họ cho rằng tờ báo chống Pháp một cách khéo léo nên buộc đình chỉ vào ngày 19 tháng 7 năm 1918. Sau khi báo Nữ Giới Chung ngưng hoạt động, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh rất buồn và thất vọng. Cùng lúc ấy, cô Nguyễn Thị Vinh, con gái độc nhất của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh qua đời ngay sau khi sinh bé gái đầu lòng. Bao nỗi buồn dồn dập đã khiến sức khỏe của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh lâm

vào tình trạng suy kiệt và đôi mắt bà thường xuyên bị đau nhức. Theo lời khuyên của thầy thuốc, bà dẫn cháu ngoại về Ba Tri ở nhà em trai (Nguyễn Đình Chiêm) để điều trị, nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, đôi mắt bà bị mù hẳn.

Từ đây, bà kiên trì vượt qua tình cảnh cô đơn, mù lòa và bệnh tật, tiếp tục thể hiện rõ vai trò tích cực của phụ nữ trong xã hội; bà theo nghề cha dạy học, bốc thuốc, sáng tác thơ văn... Năm 1922, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh qua đời tại Ba Tri, Bến Tre, nơi bà đưa cháu ngoại về tá túc cùng người em trai, thọ 57 tuổi (58 tuổi Ta).

Sương Nguyệt Anh những toan xếp kín cuộc đời "Đòm thấy bụi trần toan đóng cửa", nhưng cũng như thân phụ bà năm xưa, một khi còn tâm huyết với nước non, với dân thì làm sao có thể "treo bút đao" (*) có thể "mặc tình thời thế với quân vương" (**) cho được ! Trong những năm đầu thế kỷ XX, khi Phan Bội Châu khởi xướng phong trào Đông du, bà nhiệt tình hưởng ứng, bán cả vườn đất lấy tiền gửi giúp du học sinh. Phong trào thất bại, bà không nản lòng, vẫn tìm mọi cách đóng góp sức mình vào công cuộc cứu nước. Năm 1917, được một nhóm chí sĩ yêu nước mời ra làm chủ bút tờ báo **Nữ giới chung**, tờ báo đầu tiên của phụ nữ Việt Nam; bà sốt sắng nhận lời, và ngày 1 tháng 2 năm 1918, tờ báo đã ra đời. Suốt hơn hai mươi số báo, người nữ chủ bút ấy đã dành tất cả tâm huyết và tài năng của mình góp phần giống những tiếng chuông đầu tiên thức tỉnh nữ giới nước nhà. Đến tháng 7 năm 1918, tờ báo phải đình bản, bà lại về Ba Tri, theo gương cha ngày trước, dạy học, bốc thuốc và sáng tác văn chương cho đến ngày tạ thế, 20 tháng 1 năm 1921. Mộ bà đặt bên cạnh mộ - cha - nhà thơ Nguyễn Đình Chiêm.

Sương Nguyệt Anh thuộc thế hệ những nhà thơ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, làm thơ bằng cả chữ Hán, chữ Nôm và quốc ngữ. Lời thơ cô kính

Trích trong *Almanac Người Mẹ và Phái Đẹp*
- Nhà xuất Bản Hà Nội - 1990

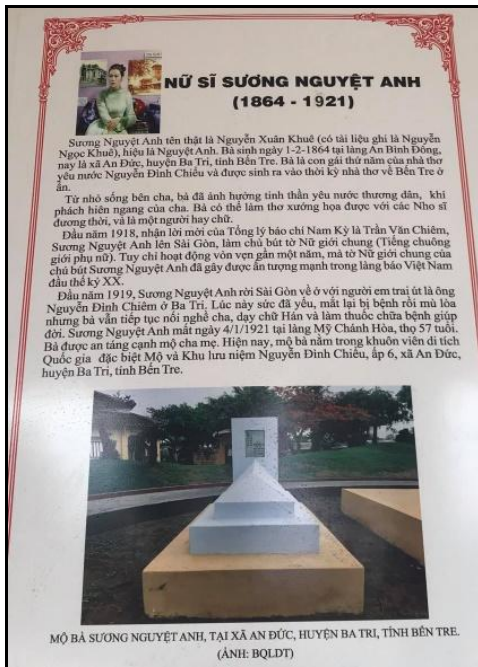
Nhiều nguồn tài liệu đưa ra thông tin khác nhau về ngày mất của bà. Bách Khoa Toàn Thư Việt Nam ghi ngày tạ thế của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh là 20/01/1921, một số tài liệu khác cho rằng bà mất vào ngày 12 tháng 2 năm 1922 năm Tân Dậu, căn cứ theo ngày tạ thế ghi trên bia mộ của bà. Tuy nhiên, cho đến nay không có nghiên cứu chính thức nào giải thích về sự khác biệt này.



*"Lọng sườn dầu rách còn kêu lọng,
Ô bịt vàng ròng vẫn tiếng ô."
Sương Nguyệt Anh*

Người viết nhờ cháu Hải Yến, hiện sống tại Mỹ Thạnh, Bến Tre đến khu di tích mộ của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, cùng trong khu mộ của thi hào Nguyễn Đình Chiêm và cụ bà Lê Thị Điền ở Ba

Tri, Bến Tre, để tìm rõ hư thực. Ngày 30 tháng 11 năm 2020, Hải Yến đến viếng mộ của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh và hỏi những người ở trong khu di tích vì sao sử sách ghi bà tạ thế ngày 20 tháng 1 năm 1921 mà trong bia lại ghi ngày 2 tháng 12 năm 1922. Người trong khu di tích nói là ngày ghi trong sử sách là đúng nhất.



*Hình do Hải Yến chụp
ngày 30 tháng 11 năm 2020*

Để tránh nhầm lẫn, người viết xin tưởng niệm ngày giỗ của nữ sĩ Sương Nguyệt Anh là ngày hôm nay (20/01/1921).

Nữ sĩ-nhà báo Sương Nguyệt Anh là một nữ trí thức tài hoa, đẹp người, đẹp nết. Bà là niềm hãnh diện của dân tộc Việt Nam và là tấm gương cao quý cho tất cả phụ nữ Việt noi theo.

Cung Thị Lan

Tài liệu tham khảo:

1.

[https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%B0%C6%A1ng_Nguy%E1%BB%87t_Anh#:~:text=S%C6%B0%C6%A1ng%20Nguy%E1%BB%87t%20Anh%20\(%E5%AD%80%E6%9C%88,Nga%2C%20Nguy%E1%BB%87t%20Anh...](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%B0%C6%A1ng_Nguy%E1%BB%87t_Anh#:~:text=S%C6%B0%C6%A1ng%20Nguy%E1%BB%87t%20Anh%20(%E5%AD%80%E6%9C%88,Nga%2C%20Nguy%E1%BB%87t%20Anh...)

2.

<https://www.thivien.net/S%C6%B0%C6%A1ng-Nguy%E1%BB%87t-Anh/author-EZqbUNxr59n6OilIlgqZPw>

- Nguồn: Quách Tấn, Nét bút giai nhân, NXB Hà Nội, 1977

3.

<http://leminhquoc.vn/hoi-hoa/tu-lieu-le-minh-quoc/1699-nu-gioi-chung-to-bao-phu-nu-dau-tien-cua-bao-chi-viet-nam.html?showall=1>

4.

<https://nugioichung.com/bao-nu-gioi-chung/>

5. Almanac Người Mẹ và Phái Đẹp - Nhà xuất Bản Hà Nội - 1990

NẮNG VẮN LẠNH

Mưa đêm tạnh, mặt trời lên,
Ngón ngang nắng lạnh, lênh đênh sợi sầu.
Con nhện nhả tơ bắc cầu,
Xôi xa ký ức nối dây ân tình.
Trong nắng đếm bước một mình
Bên đường giọt đọng lung linh lệ trời.
Gió Bắc vuốt lá khô rơi,
Thình không oan oác chim rời về Nam.
Một con nhạn lạc ngõ ngang
Cánh cô đơn lạnh toan làm mùa xuân...
Xa xa đỉnh núi trắng ngần,
Tuyết mây vương vấn nan phân kiếp người...
Tiềm thức nghe vọng ai cười
Vành môi chín ngọt tuổi vừa biết yêu...
Nắng vẫn lạnh, nhớ nhung nhiều,
Dấu chân hoang vắng đòi chiều hắt hiu.

Githéa Hoàng Hy

Một sáng qua công viên



CHUYỂN MÙA

Lá chuyển non, hoa nụ sắp khai,
Sân sau lấp ló một cành mai.
Bầy chim lo lúu chung âm hót,
Lũ bướm mơ màng, nhẹ cánh bay.
Đỉnh núi hoang sơ màu tuyết phủ,
Giải mây chầm phá nhạn trầm cài.
Càn khôn xoay chuyển đưa xuân lại,
Ngoại xứ tâm tình vẫn héo phai.

Githéa Hoàng Hy - Cuối Đông 2020

GIỮ TRÒN LỜI HỨA

** Tác giả: NGUYỄN VĂN SÂM **

1.

‘Ngày mai em lên thành phố làm phụ bếp cho tiệm ăn của dì Sáu. Anh ở đây đừng lộn xộn với cô nào nha. Họ ổng ẹo, trêu người quá làm em sợ.’

‘Đừng sợ! Anh hứa.’

‘Mấy con nhỏ đủ đờn trong cái quán cà phê võng kia phải tránh xa nha.’

‘Ừ! *Tánh* xa!’

‘Tránh xa suốt đời nha. Họ ma quái lắm, vương vô là chết đó.’

‘Hứa là *tánh* xa tới chết.’

‘Ừ’, phải tự nghiêm khắc với mình mới thành người được.’

‘Dặn như Chị Hai người ta nhưng mà hứa sẽ *tung* thành!’

Nhỏ Liên đưa tay vuốt má bạn, đứng lên:

‘Thôi em vô, ngồi đây khuya quá ổng bà nự điếc tai lắm.’

Người thanh niên trẻ nói theo: ‘Em vô *tổng* đi. Nè xách bịch *tái* cây vô *tổng* cho hai bác. *Tái* cây tươi mai nên ăn được rồi. Để lâu mất ngon.’

Anh ta vẫn ngồi trong bóng tối nhìn bạn gái mình đi về phía ánh đèn. Chép miệng, suy nghĩ.

2.

Tiếng động ầm ầm chói tai nhức óc của hàng chục máy cạp đất có công suất mạnh đương đào cát ngoài cái cồn

giữa sông khiến bà Tư thấy lòng bùng nổ tai. Khó chịu, muốn vô nhà trong cho mau, bà nghiêng nôi gạo, lấy tay quậy gạo hai vòng, thay nước, múc hai lon nước ngọt chứa trong lu, cũng vội vàng như khi vo, đổ vô nôi, bắc lên bếp rồi vừa lau tay vừa ngó mong ra giữa sông. Cặp mắt già nheo nheo đậu trên cảnh sanh hoạt bất thường ngoài xa kia của mấy con quái vật khiến cả xóm ba tháng nay mất ngủ và lo âu, bà buồn bã thở ra thườn thượt. Mấy cái cần cổ sắt dài mà tận cùng là cái miệng có hàm răng với hàng chục chiếc răng lớn bằng bắp chuối của người khỏe mạnh cạp xúc từ bưng cát lớn, quay nửa vòng, đổ lên sàn xà lan chiếc nào chiếc nấy cát chất đống cao như núi mà máy cạp vẫn chăm chỉ cạp múc, không vẻ gì muốn ngừng nghỉ. Gió chiều thổi mát mặt nhưng bà Tư không thấy mát lòng. Sự bực bội đánh tan những cảm giác thoải mái của thân thể do thiên nhiên đem tới khiến cử chỉ bà như là dùng dằng của người làm mày làm mặt. Đằng kia cách mấy căn nhà và cách đám dừa cao nghệu ông Tư trồng hơn chục năm nay hai cái loa phường châu mỗ phát ra tiếng ca réo rắt một bản vọng cổ mùi mẫn cũng không làm bà vui hơn chút nào.

Bỗng cảm thấy đất dưới chân mình run run nhẹ theo nhịp sóng vỗ từng chập đầu đó ở gò đất bên hè khiến bà chóng mặt như cảnh trước mặt quay quay. Ông Tư ló đầu ra nhà sau hỏi vợ:

‘Bà nó có thấy đất run run không? Sao tôi không thấy yên tâm chút nào hết. Sẽ có đất sụp thôi. Kỳ quá, như là cái lo đau đầu lâu nay chôn chứa trong bụng giờ muốn trào ra.’

Bà nói ông ấy vậy:

‘Thì đó! Tụi nó cạp cát ngoài cồn miết nên động đất trong này. Rồi đây không biết chuyện gì sẽ xảy ra nữa. Chán chết! Làng Phước An nguyên một khúc đường bị nhận chìm xuống nước năm ngoái rồi!’ Người đàn bà chấm câu bằng tiếng *úp hự* chán chường theo thói quen cổ hủ.

‘Nghe nói hồi đó có ba người chết lặn. Mười mấy căn nhà biến mất. Thiên hạ lối xóm ngủ một đêm sáng ngày thấy chỗ đó trống không. Mất tiêu!’

Bà Tư lỏ mắt nói chồng như ngạc nhiên. Ông gật gù đầu theo kiểu người biết rành chuyện thiên hạ.

‘Ừ’ mất tiêu. Biệt dạng! Như Tề Thiên Đại Thánh hô biến một tiếng thì mấy cái núi thành bình địa, thầy trò bốn người đi qua dễ dàng khác thể lấy đồ trong túi.’

Bà Tư kéo cái khăn vắt ngang cổ lên chùi nước miếng khóe miệng, cười vui:

‘Ông giả ngộ hoài. Tề Thiên nào mà làm như vậy. Thầy Tam Tạng phải chịu cực khổ mới được. Đi thỉnh kinh để

thành chánh quả mà sướng quá ai lại chẳng đi.’

‘Vậy đó! Bây giờ thiên hạ có phe đảng sướng hơn nhiều mà cũng thành chánh quả cả lũ. Họ hô biến chục tỷ này trăm tỷ kia mà vẫn được ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ lia chia. Coi thằng cha Phó Trưởng công an xã thì biết. Bỏ bịch tùm lum, nhà cao cửa rộng mà có ai động tới lông chùn đầu.’

Người vợ lật đật nắm cánh tay chồng như kèm lại lời phát biểu không cần thiết. Mắt bà nói thẳng vô mặt chồng như năn nỉ, đổi đề tài:

‘Thôi mà! Ờ mà sao con Liên gần cả năm nay không thấy về ha! Tôi nhớ nó nhiều rồi đa. Cái con đi sao đi biệt! Nó đâu biết mình nhớ nó hự hơi.’

Ngoài kia vọng vô tiếng chửi bới tục tằn lẫn trong tiếng cười của công nhân tàu xúc khi tranh giành chỗ có cát ngon ở cái cồn nổi giữa sông. Tiếng máy rồ mạnh như những con thú tiền sử giận dữ gầm ghe. Trên bờ vài ba hàng quán ‘đột xuất’ mọc lên ăn theo với vài ba cô áo quần hở hang nhờn nhờn qua lại. Vài ba chiếc xuồng tam bản cặp vô tàu cát bán hời bả mấy ly cà phê, dăm ba điều thuốc khiến khúc sông rộn rịp như chợ nhỏ buổi sáng.

‘Mẹ họ. Chúng cạp kiểu này, mấy chục chiếc tụ lại đây một lần tháng này qua tháng khác sông cồn nào mà chịu nổi. Hồi Tết nước ròng tụi trẻ còn rủ nhau ra cồn đá banh, bây giờ thì *cồn lòi* xuống còn có chút hứu, bằng bụm tay, rồi sẽ

chìm xuống nước thành *cồn lún*, *cồn lụn* thôi.'

Bà Tư ngoe ngoáy bước lên nhà trên ngó mông lung ra đường, ngày ngày:

'Ông sao già rồi mà không nên nét. Luôn luôn từng dịp để nói bậy bạ trúa. Giữ mồm giữ miệng nha. Con nít nghe được nó cười cho thúi đầu.'

Vốn tánh hiền và khéo nhin, ông Tư cười giả lả, bông lơn:

'Thôi qua không nói kiểu đó nữa, bậu đừng giận. Coi kìa, mỗ bậu chu như cá lia thia ngộp nước coi ngộ hết biết!'

Ông Tư kéo ghế ngồi tréo ngoáy trước mái hiên ngắm cảnh vật. Phong cảnh đã thay đổi nhiều từ mấy năm nay. Đường đất gồ ghề nói nào ngay cũng đã được thay bằng đường trải đá, có những cột đèn đêm tối cũng soi tỏ được một khúc đường. Mấy thửa ruộng trước mặt thì mùa này coi bộ thiếu nước nên khô rang nứt nẻ. Mẹ họ, mấy năm trước còn thấy nước xâm xấp, tát cũng kiếm được cả rổ cá non, bây giờ thì chịu phép.

Phía sau nhà, ngoài cồn, tiếng xúc cạp cát vẫn vang vang. Ba đứa trẻ chừng 14, 15 mang đồ nghề bắt cá đi ngang ngó ông già Tư cười cười.

Mình đã nói với tụi nó nhiều lần là bắt cá ở cái lỗ hàm ếch đó rất nguy hiểm mà lần nào chúng cũng trẻ môi cười ngạo. Hình như trong đó có nhiều cá nên tụi nhỏ hết lớp này lại có lớp khác chui vô không sợ chết. Chắc là tiếng ồn của máy móc với máy cạp cát làm động

ổ nên cá tôm chạy vô đó núp trốn. Tụi nhỏ ham cá chun vô, chết như không mà có ớn đầu. Thằng Khỏe con của Phó Trưởng Công an xã lại có trong nhóm này. Nhà nó đâu có nghèo mà nhập vô bọn đó...

'Tụi bây bắt cá ở đâu cũng được. Đừng có chun vô cái hang hàm ếch đó nha. Nó sục xuống thì bà hú cả lũ đó.'

Không có tiếng trả lời. Chỉ có những vể mặt ngang ngược coi thường. Thằng Khỏe đi thụt lùi, giơ cao cái giỏ, le lưỡi nháy ông già rồi cười lớn.

Mình già rồi. Nói hết linh. Thời buổi này tụi nhóc đâu kể số gì tới mấy người già. Ông Tư ngó theo chúng một hồi nữa rồi quay qua như nghe ngóng những đối đáp của đám thợ dưới sông và mấy cô quần áo nghèo nằn trên bờ. Ông chỉ đứng dậy xách ghế vô nhà khi bắt gặp khóe mắt hình phi tiêu chết người của bà vợ già.

'Chịu vô nhà rồi hử. Không coi mấy gà móng đỏ nói chuyện trúa trúa nữa sao?'

'Mấy cháu nó nghèo bán buôn bậy bạ đắp đổi qua ngày, coi ngó để biết nhân tình thế thái, gì mà ngày quá thể!'

'Chối hay ha!'

'Xưa chối để khỏi bị bà hành. Bây giờ thì 'vô tư'! Súng ống liệng bỏ từ 30 tháng 4, đạn được đâu mà ngó mà ham. Hoạn Thơ uống dấm khi khát là bà!'

Thấy mình quá lời, ông Tư chạy tới nắm tay vợ dắt vô nhà, miệng nói: Nhớ

con Liên quá. Thằng Trai nhập vô bọn thợ cạo cát không biết còn giữ sự đàng hoàng tới bao lâu. Cắm đồ quá chừng chừng, họa là thánh mới tránh khỏi. Ngoài kia tiếng máy xúc vẫn ồn ào, điếc tai...

3.

‘Anh *Tai* ơi, lên đây vui vẻ đi! Đâu cần gì phải làm hoài. Hưởng đời chớ. Bệnh sao cũ?’

Tư Trai ngó lên khi nghe tiếng kêu tên bụi đời của mình lạnh lạnh vang lên. Nó cúi xuống đồng cát tiếp tục công việc, giả như không nghe.

Người con gái trên bờ kêu giựt một giựt hai:

‘Anh *Tai* lên đây mở hàng coi. Ế nhệ nè. Cho thiếu. Cuối tuần chừng lãnh lương trả cũng được.’

Nó mắc cỡ cứ lằm lỉ tiếp tục công việc mình. Tiếng trên bờ lại vọng xuống chen lẫn trong tiếng cười:

‘Cho ghi sổ đó.’

Nó bậm môi đi qua bên phía kia xà lan để khỏi nghe nhưng tiếng chọc ghẹo làm nó vừa mắc cỡ vừa bực bội. Nó nhớ tới người tình. Nhỏ Liên đi lâu thiệt nhưng thường gọi điện về nói nầy nọ nhớ thương, dặn dò. Nó nhớ tới câu nói trong thẹn thùng của người tình: ‘Em về rồi muốn gì cũng được, muốn gì cũng cho.’

Nó lầy xuống. Cổ tình hốt thiệt nhiều vô xuống những đồng cát chảy tràn ra gần mé rìa xà lan. Xúc nặng để thở, để

khởi bịt tai trước mấy lời rủ rê dơ dáy, đại hình.

Hai ba người cùng làm việc trên xà lan đi về phía nó, cười cười:

‘Tụi nó ngạo mày nói ngạo kia.’

Nó ngó người bạn như van lơn đừng ghẹo nó thêm. Bỗng họ áp lại đẩy Tư Trai xuống sông, cười:

‘Đi vui vẻ đi mày. Tụi tao mơ cũng không được mời kiểu đó. Ăn bánh trước trả tiền sau. Mấy đời được may mắn như vậy. Đừng chín hấu mại hơi nữa.’

Nó lội mấy sải đã tới bờ, lóp ngóp níu đám cỏ leo lên khi thấy chỗ bờ hơi cao. Bạn bè vỗ tay. Và mấy người con gái móng đỏ xúm nhau kéo nó lên bờ. Nó vùng vẫy nhưng cũng bị đẩy vô một cái chòi che tạm bợ bằng những tấm phen thừa dán giấy hai bên ơ hờ, để lộ ra vài lỗ nhỏ bằng ngón tay.

Bốn bàn tay nhện níu chặt thằng Trai đè xuống. Nó bủn rủn. Nằm im vì không biết phải làm thế nào cho đúng, cuối cùng thì nó van lơn nho nhỏ: ‘Mấy chị tha cho em. Em đã hứa với con bồ em. Không được là không được mà! Con Liên mấy chị biết đó. Nó sẽ khóc chết được khi biết vụ này.’

Trả lời là những tiếng cười dòn của bảy con gái trong phim Tây Du khi Bát Giới lạc vô động nhên nhện.

Im lặng một lát hơi lâu. Tiếng thở dài buồn của thằng Trai nghe rõ hơn khi tấm cửa phen được kéo lên trong tiếng cười khúc khích của hai cô gái trẻ.

Thằng Trai nằm xấp xỉ trên giường, mắt mở thao láo ngó nóc mùng. Nó suy nghĩ tới bạn tình, nhớ ánh mắt lúng liếng của Liên khi từ giã. Trầm ngâm một lúc nó mở dây kéo túi trên lấy ra ống thuốc cảm, đổ hết vô miệng. Ai rồi cũng chết. Chết chỉ là kết thúc cuộc đời này để sang qua một thế giới khác. Nó nhắm mắt nằm im như an ủi mình trong giây phút đó. Ít ra cũng giữ được lời hứa trang trọng với người thương mình.

Thằng Trai còn kịp nghe tiếng ầm thiết lớn đằng phía cái hầm hầm ếch. Đất sụp đổ trôi ra sông, phần nhà sau của ông bà Tư biến mất trong dòng nước đục ngầu.

Trên thành phố, con Liên bỗng nhiên rùng mình rồi ứa nước mắt như có cơn bão cát tạt vô.

NGUYỄN VĂN SÂM

(Victorville, California - Sept 2020)



Nắng

Cùng tuyết bay bắm ngàn cây thẳng đứng
Nắng đang rơi bỗng đậu lại lưng chừng
Lóng lánh sáng em về ôm bóng ngẩn
Giữ cho lòng chút ấm giữa mùa băng.

Ý Anh

Mộng lành

Sương rơi đọng gió trong lòng
Nắng lên hạnh phúc gió long lanh cười
Hạt tròn căng gió xinh tươi
Sương ôm gió kể chuyện người mong manh.

Đêm qua em mộng rất lành
Thấy em và gió tan vào hạt sương.

Ý Anh

ĐẠI THI HÀO HOMER (v.k. 850 tr. T.L.) VÀ SỬ THI "ILIAD"

**** Tác giả: Phạm Văn Tuấn ****

1/ Thời đại trước Homer.

Xứ Hy Lạp Cổ là nơi sinh trưởng ra nền Dân Chủ, lúc đầu gồm sắc dân sống rải rác thành các cộng đồng không những trên bán đảo nhiều đồi núi mà ngày nay được gọi là nước Hy Lạp, mà còn trên bờ biển phía tây của miền Tiểu Á (Asia Minor) và trên nhiều hòn đảo nằm rải rác trong vùng biển Aegean.

Đối với người thời cổ xưa, biển cả là nơi bao trùm nhiều bí ẩn và nguy hiểm. Người thời đó dùng các con thuyền nhỏ đi dọc theo bờ biển vào ban ngày và trú ẩn trong các bến cảng vào ban đêm. Dần dần, con người quen với biển khơi, họ không sợ hãi biển rộng nữa và trên mặt biển đã có các thủy lộ dùng vào việc trao đổi các hàng hóa, các hiểu biết.

Các sử gia tin rằng trên hòn đảo Crete nằm tại phía đông nam của xứ Hy Lạp và trong Địa Trung Hải, đã có các người định cư vào khoảng 6,000 năm trước Tây Lịch. Trong các năm từ 2,000 tới 1,400 trước TL, đảo Crete phát triển thành một nơi giàu có và hùng mạnh bởi vì nơi đây là trạm ngừng của các hải trình mậu dịch giữa châu Âu và châu Phi, giữa châu Phi và châu Á.

Hòn đảo Crete có nền văn minh Minoan, đặt tên theo truyền thuyết về Vua Minos. Chuyện kể rằng trên đảo có

con quỷ ăn thịt Minotaur, đầu bò rừng mình người và các vị thần địa phương đã cấm Vua Minos không được giết con quỷ này nếu không muốn hòn đảo Crete bị tàn phá. Vua Minos bèn nhờ tới kiến trúc sư tài giỏi người Hy Lạp Daedalus nghĩ ra một mê cung (labyrinth) để nhốt con quỷ Minotaur. Vì người con của Vua Minos bị giết tại thành phố Athens, Hy Lạp, và để trừng phạt thành phố này, Vua Minos công bố rằng mỗi 9 năm, 7 người con gái và 7 người con trai của thành phố Athens phải bị gửi tới cho con quỷ Minotaur ăn thịt.

Do thương xót các đứa trẻ vô tội, một anh hùng của xứ Hy Lạp tên là Theseus tự nguyện làm một nạn nhân. Khi tới đảo Crete, Theseus và cô con gái Ariadne của Vua Minos lại thương yêu nhau. Công chúa Ariadne hứa với Theseus sẽ giúp chàng giết con quỷ Minotaur, như vậy là phản bội vua cha, với điều kiện Theseus phải đưa nàng về Athens làm vợ. Theseus ưng thuận và giết được con quỷ nhờ dùng một cuộn chỉ dài và bản đồ của mê cung mà khi trước Daedalus đã giao cho công chúa Ariadne.

Cho tới thế kỷ 19 sau Tây Lịch, nền văn minh Minoan chỉ được biết qua truyền thuyết. Chưa có các di vật hay bằng chứng nào chứng minh về nền văn minh này. Tuy nhiên, vào năm 1894, nhà khảo cổ người Anh là Sir

Arthur Evans bắt đầu đào bới trên hòn đảo Crete. Các khám phá tìm thấy là những tàn tích của một lâu đài hoàng gia tại Knossos nằm trên một diện tích 6 mẫu (acres) xây dựng giống như một mê cung với nhiều phòng và các hành lang và ở dưới nền cung điện có một hệ thống dẫn nước.

Các tấm bảng viết bằng đất, khai quật được cho thấy rằng nền văn minh Minoan đã hiện hữu. Những người thuộc nền văn minh này đã biết làm các dụng cụ và vũ khí bằng đồng. Các người Minoans là dân tộc đầu tiên trong lịch sử đã biết dương buồm đi xa trên biển khơi. Nhờ nền mậu dịch với các sản phẩm như dầu olive, rượu, đồ gốm và đồ sắt, đảo Crete trở nên giàu có và người dân đã chịu ảnh hưởng của các xứ sở bên ngoài đồng thời bên trong nước làm phát triển về hội họa, điêu khắc và kiến trúc.

Nghệ thuật của người Minoan thể hiện qua các bức vẽ cho thấy cộng đồng này yêu thích thể thao và thiên nhiên và tại xứ sở này, người đàn bà có quyền hưởng tự do và trình độ xã hội ngang với đàn ông. Sir Arthur Evans còn tìm thấy các bức tranh tường vẽ các cảnh nhảy bò rùng (bull dancing) và có lẽ đây là một thứ lễ tôn giáo của địa phương và địa điểm là một hi viện ngoài trời.

Vào khoảng năm 1900 trước Tây Lịch, dân tộc Mycenaean sống tại Biển Caspian xâm lăng bán đảo Hy Lạp. Họ dựng nên các thành phố có thành lũy, chẳng hạn như thành phố Mycenae và chung quanh thành là các làng mạc với dân làng trồng trọt cho các vua chúa. Dân tộc Mycenaean đã

học hỏi từ dân tộc Minoans phương cách mậu dịch rồi tới năm 1450 trước TL, họ chiếm được thành phố Knossos và tàn phá các thành phố khác trên đảo Crete vào các thế kỷ sau. Tuy nhiên người Minoans đã đánh bại được người Mycenaean vào năm 1400 trước TL dù rằng nền thương mại trong vùng biển Aegean vẫn còn nằm trong tay người dân của thành phố Mycenae.

Trong hai thế kỷ từ 1400 tới 1200 trước TL, thành phố Mycenae là trung tâm văn hóa và chính trị của xứ Hy Lạp và của các hòn đảo trong vùng biển Aegean. Nhiều sắc dân tại Hy Lạp đã dùng chung một ngôn ngữ, thờ phượng cùng các loại thần linh trong đó Thần Zeus là chúa tể. Người dân tin tưởng rằng các thần linh cư ngụ trên ngọn núi Olympus nằm về phía đông bắc của xứ Hy Lạp.

Xã hội Hy Lạp phát triển đồng thời đã có nhiều câu chuyện thần thoại cắt nghĩa sự liên lạc giữa các thần linh, giữa thần linh với người dân. Các thần thoại này cũng giải thích thế giới được thành hình ra sao, vì sao mặt trời mọc và lặn ...

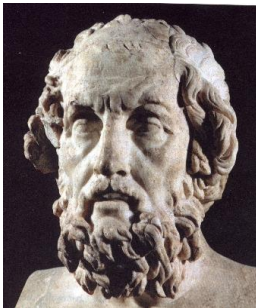
Khi nền văn minh của các sắc dân sống trong vùng biển Aegean phát triển, đã có một thành phố trở nên rất thịnh vượng nhờ địa điểm đặc biệt quan trọng: thành phố Troy nằm trên eo biển Hellespont mà ngày nay được gọi là eo biển Dardanelles. Thành phố Troy đã kiểm soát nền mậu dịch của hai vùng biển Aegean và biển Đen (the Black Sea) và chung quanh biển Đen là các miền đồng bằng sản xuất ra rất nhiều lương thực.

Sau năm 1300 trước TL, nền mậu dịch của xứ Hy Lạp với phần phía đông của Địa Trung Hải suy tàn, một phần do chiến tranh giữa các lãnh chúa Hy Lạp. Thời gian khủng hoảng này được kể lại qua hai tập thơ anh hùng ca, hay sử thi, là "Iliad" và "Odyssey", sáng tác do một nhà thơ mù người Hy Lạp tên là Homer.

"Iliad" là câu chuyện chiến tranh giữa người Mycenaeans và người dân thành Troy cùng các hậu quả bi thương, còn tập thơ "Odyssey" mô tả nhiều chuyến đi mạo hiểm trong 10 năm trường để trở về nhà của người anh hùng Odysseus sau khi trận chiến tranh Trojan kết thúc.

Hơn 700 năm sau thời đại của Homer tức là giữa các năm 30 và năm 19 trước Tây Lịch, nhà thơ La Mã Vergil cũng kể lại về sự tàn phá của Thành Troy trong tập thơ anh hùng ca "Aeneid". Câu chuyện này mô tả rằng các người lính chiến Mycenaeans đã chiếm được Thành Troy nhờ con ngựa gỗ thật lớn có binh lính phục sẵn bên trong.

2/ Cuộc chiến tranh Trojan.



Người ta cho rằng đại thi hào Homer đã sáng tác ra hai tập thơ anh hùng ca Iliad và Odyssey. Iliad là câu chuyện kể về phần cuối của cuộc chiến tranh Trojan. Đây là trận chiến tranh giữa người Hy Lạp và người dân của kinh thành Troy còn

Odyssey là câu chuyện trở về quê hương của các chiến sĩ Hy Lạp sau chiến thắng.

Theo thần thoại Hy Lạp, trận chiến tranh Trojan xảy ra vì một biến cố trong bữa tiệc cưới của Peleus, Vua xứ Phthia với nàng Thetis, một nữ thần biển khơi. Tất cả các thần linh nam nữ đều được mời tới dự tiệc ngoại trừ Eris, nữ thần của sự bất hòa (discord).

Do giận dữ, Eris tìm cách gây rắc rối, nên đã gửi tới bữa tiệc một trái táo bằng vàng có ghi rõ "dành cho người đàn bà đẹp nhất". Ba nữ thần là Hera, Athena và Aphrodite đều tranh giành nhau trái táo vàng và đã xảy ra cuộc cãi cọ. Người xét xử vụ rắc rối này là Hoàng Tử Paris, con trai của Vua Priam của kinh thành Troy. Paris trao trái táo vàng cho nàng Aphrodite bởi vì nữ thần này hứa hẹn với Paris rằng sẽ dành cho chàng cô nàng Helen, người phụ nữ đẹp nhất thế gian. Thế nhưng Helen đã là vợ của Menelaus, Vua của xứ Sparta thuộc Hy Lạp.

Khi Paris đến thăm xứ Sparta, Helen đã bị quyến rũ và theo Paris về Thành Troy. Vua Menelaus bèn cùng người em là Agamemnon tổ chức một đạo quân viễn chinh lớn để đánh Thành Troy, đòi lại nàng Helen. Đạo quân Hy Lạp gồm các anh hùng như Achilles, Ajax, Nestor và Odysseus (tiếng La Tinh gọi là Ulysses).

Cuộc vây hãm Thành Troy kéo dài trong 10 năm mà không có kết quả. Trong năm cuối, danh tướng của đạo quân Hy Lạp là Achilles đã từ chối ra trận bởi vì bị Agamemnon xỉ nhục. Rồi quân Hy Lạp bị tướng Hector đánh đuổi tới tận các chiến thuyền. Sau khi người

bạn là Patroclus bị Hector giết chết, Achilles đành phải xung trận và đã giết được Hector. Sử Thi Iliad chấm dứt với đám tang của Hector.



Sự sụp đổ của kinh thành Troy được mô tả qua Sử Thi Aeneid theo đó người Hy Lạp đã làm ra một con ngựa gỗ thật lớn bên trong có Odysseus và vài chiến binh phục sẵn. Con ngựa gỗ được bỏ lại bên ngoài Kinh Thành Troy sau khi các chiến thuyền Hy Lạp rút đi. Trước chiến lợi phẩm bị bỏ lại, người dân Thành Troy muốn kéo con ngựa gỗ vào trong thành nhưng nhà tiên tri nữ Cassandra và tu sĩ Laocoon đã ngăn cản việc này.

Một tù nhân người Hy Lạp là Sinon lại thuyết phục dân chúng Thành Troy rằng con ngựa gỗ thì linh thiêng và chiếm được nó sẽ mang lại sự bảo vệ của các thần linh. Dân chúng Thành Troy bèn kéo con ngựa gỗ vào trong thành. Tới nửa đêm, khi các chiến thuyền Hy Lạp trở lại và binh lính Hy Lạp đổ bộ lên bờ, trong khi dân chúng còn đang ngủ say vì tiệc rượu chiến thắng, Odysseus và các chiến sĩ Hy Lạp chui ra khỏi con ngựa gỗ, mở các

cổng Thành Troy để các chiến binh bạn tràn vào. Đạo quân Hy Lạp đã tàn sát dân chúng và đốt cháy Kinh Thành Troy, chiếm lại nàng Helen. Theo Sử Thi Aeneid, một vài chiến sĩ của Thành Troy đã sống sót trong đó có Aeneas và con cháu của viên tướng này về sau tạo dựng nên Kinh Thành Rome.

3/ Ngành Khảo Cổ và cuộc Chiến Tranh Trojan.

Thực sự, đã có cuộc chiến tranh Trojan như đã được kể lại hay không? Có người không tin rằng thực sự có kinh thành Troy và cuộc chiến tranh Trojan chỉ do trí tưởng tượng, nhưng người Hy Lạp tin chắc đã xảy ra cuộc chiến kể trên.

Vào cuối thế kỷ 19, có một người say mê đọc hai thi phẩm của Homer lúc còn nhỏ tuổi và hoàn toàn tin tưởng rằng đã có Thành Troy, đó là ông Heinrich Schliemann, người Đức. Năm 1870, ông Schliemann bắt đầu đào bới tại tỉnh Hissarlik, thuộc nước Thổ Nhĩ Kỳ, nơi mà ông tin rằng Thành Troy đã bị chôn vùi.

Ông Schliemann cũng khai quật tại Pylos là thành phố của Nestor và tại Mycenae là thành phố cai trị do Agamemnon, nhà lãnh đạo đoàn quân viễn chinh Hy Lạp kể trong truyện Iliad. Các khám phá của nhà khảo cổ người Đức này đã làm cho nhiều người phải ngạc nhiên, phải công nhận giá trị của bộ môn Khảo Cổ và khiến cho nhiều học giả phải công nhận sự hiện hữu của Thành Troy mà 2,500 năm về trước, Homer đã mô tả.

Các nhà khảo cổ cũng cho biết địa điểm của nhiều thành phố và các di vật

cũng gồm nhiều thứ như áo giáp, cung tên... Thế nhưng đại thi hào Homer lại không nói rõ câu chuyện ở vào thời đại nào trong lịch sử bởi vì người chiến sĩ kể trong thi phẩm Iliad có thể dùng các giáo mác của thế kỷ thứ 12 trước TL, dùng xe trận của thế kỷ thứ 9, theo đội hình hành quân của thế kỷ thứ 8 trước TL và sự thiếu chính xác khiến cho người ta nghi ngờ rằng mỗi thi phẩm do vài người sáng tác.

Nhà khảo cổ Heinrich Schliemann khi đào bới địa điểm của Thành Troy đã thấy rằng không phải chỉ có một thành phố mà đã có 9 lớp đất chứng tỏ 9 thành phố xếp chồng lên nhau và như vậy lớp đất nào thuộc về cuộc Chiến Tranh Trojan? Theo các nhà khoa học khảo cổ, thành phố Troy thứ nhất là một loại định cư nhỏ, vào thời đại đồ đồng ban đầu, đã bị tàn phá vì hỏa hoạn.

Sau đó là thành phố Troy thứ hai thịnh vượng hơn, rồi thứ 3, 4, 5, mỗi thời kỳ dài khoảng 100 năm và cư ngụ do cùng một giống người. Thành phố Troy thứ 6 được xây dựng vào khoảng năm 1900 trước Tây Lịch, cư ngụ do một lớp người mới, điều này chứng tỏ bằng cách xây nhà ở và các đồ gốm khác với loại của các lớp đất trước. Điều đặc biệt là những người dân Thành Troy này liên hệ khá gần với người Hy Lạp, có vẻ như họ thuộc vào cùng một thời kỳ phát triển và bành trướng tới tận Ai Nhĩ Lan và Ấn Độ.

Các đồ gốm khai quật được của thành phố Troy-6 có kỹ thuật cùng loại với của thành phố Mycenae, chứng tỏ người dân Troy có cùng tổ tiên hay đã có cùng một dân tộc sống tại Troy và

xứ Hy Lạp. Điều đặc biệt khác liên kết hai địa điểm là con ngựa. Đã không có dấu tích của con ngựa trong các lớp đất của thành phố Troy-5 trở về trước.

Thành phố Troy-6 bị tàn phá do động đất vào năm 1275 trước TL, kế tiếp là Troy 7-a với các đặc điểm sau: thứ nhất, nhiều gia đình của thành phố này có các bình, các vại lớn chứa nhiều lương thực khi bị bao vây; thứ hai, thành phố bị tàn phá vì hỏa hoạn, đây là số phận thường thấy khi một nơi bị thua trận; thứ ba hai bộ xương người được tìm thấy nằm bên ngoài trời, có vẻ như của người bị giết do một thứ vũ khí; thứ tư, thời điểm của thành phố Troy 7-a có thể là năm 1250 trước Tây Lịch, một niên biểu đề cập bởi Sử Gia Herodotus người Hy Lạp của thế kỷ thứ 5 trước TL. Vì vậy rất có thể đây là nơi và thời điểm của cuộc Chiến Tranh Trojan.

Trận chiến Trojan diễn ra một thế kỷ trước cuộc xâm lăng của người Dorians, với nhiều thành phố Hy Lạp bị tàn phá. Trong khoảng thời gian 400 năm, từ năm 1150 tới năm 750 trước TL, chưa có chữ viết tại Hy Lạp nhưng thơ phú đã được sáng tác và đọc truyền khẩu. Tùy theo loại xã hội mà có loại thơ khác nhau. Các người Dorians là dân tộc có tính cộng đồng (a communal people). Họ sống và làm việc cùng với nhau, và tinh thần cộng đồng này đã sinh ra xã hội Spartans của thế kỷ thứ 5 và thứ 4 trước Tây Lịch. Thơ phú phát triển trong xã hội cộng đồng này biểu hiện các cảm xúc tập thể của các nhóm người rồi sau trở thành loại bài hát đồng ca.

Trái với tinh thần tập thể phát triển tại vùng đất phía tây là bán đảo Hy Lạp, tại vùng Ionia gồm các hòn đảo nằm trong biển Aegean và bờ biển của miền Tiểu Á, đã có tinh thần cá nhân và loại thơ phú của miền đất này đọc lên do một người, ca tụng tinh thần của từng cá nhân. Hai tập thơ dài Iliad và Odyssey là loại thơ phú ca ngợi các thành quả cá nhân. Câu hỏi đầu tiên đặt ra là làm sao một người có thể nhớ nổi một tập thơ dài vào khoảng 350 trang viết? Người ta đã thấy rằng trong một xã hội mù chữ, trí nhớ của con người trở thành tốt hơn và ngay cả tại xứ Nam Tư ngày nay, đã có các thi sĩ đọc thuộc lòng được các tập thơ dài giống như sử thi Iliad.

Homer, tác giả của hai sử thi Iliad và Odyssey, sống vào khoảng các năm từ 800 tới 750 trước Tây Lịch. Đây là thời kỳ mà các mẫu tự (the alphabet) của các thương nhân Phoenicians được dùng với ngôn ngữ Hy Lạp và nhờ vậy thơ phú của Homer được viết ra chữ, khác hẳn với các thời đại trước đó. Việc dùng chữ viết được truyền bá, các lời thơ của Homer cũng vậy. Ngày xa xưa đó, trẻ em Hy Lạp học thơ Homer giống như trẻ em ngày nay đọc Thánh Kinh hay thơ của Shakespeare, nhưng thơ của Homer đã bị chép tay một cách sai lạc trên loại giấy papyrus để bị hư hỏng tại xứ Hy Lạp ẩm thấp.

Vào khoảng thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch, thành phố Alexandria được Đại Đế Alexander thành lập tại Bắc Phi rồi dưới triều đại của Vua Ptolemy I, một thư viện được lệnh xây dựng để sưu tập các tác phẩm Hy Lạp. Khi xét các bản chép tay hai sử thi Iliad và

Odyssey, người ta đã thấy rằng chúng khác nhau, có cả các tập chép thiếu nhiều câu thơ. Ba học giả làm việc tại Thư Viện Alexandria là Zenedotus, Aristarchus và Aristophanes (khác với nhà viết kịch cùng tên của thế kỷ thứ 5 trước TL) đã làm việc cùng nhau để hiệu đính thành hai tác phẩm nguyên bản với các ghi chú và bình luận về Homer tại nhiều nơi trong hai tập thơ.

Trong thời Trung Cổ, các sử thi của Homer cũng như của các tác giả Hy Lạp danh tiếng khác được chép tay trên loại giấy bền hơn và bản án soát đầu tiên của hai sử thi Iliad và Odyssey là do Demetrius Damilas thực hiện vào năm 1488 tại thành phố Florence, nước Ý.

4/ Cốt truyện của Sử Thi Iliad.

Cuốn truyện Iliad chỉ đề cập tới một phần của trận chiến tranh Trojan tức là vài tháng trong 10 năm vây Thành Troy. Theo truyền thuyết, kinh thành Troy là một nơi rất thịnh vượng, được sự bảo vệ từ các người con của Thần Zeus. Đây là vị thần tối cao ngự trị trên đỉnh núi Olympus. Vua của kinh thành Troy là Laomedon quyết định xây dựng một bức tường thành rất lớn để bảo vệ thành phố nhờ đó binh lính Hy Lạp không thể xâm phạm. Muốn thành công khi xây thành, cần phải cầu khẩn các thần linh giúp đỡ và vị thần của biển khơi là Poseidon tình nguyện trợ giúp với điều kiện được đền bù các công sức, nhưng khi bức tường thành đã được xây xong rồi, người Trojans từ chối tạ ơn thần Poseidon. Thành lũy vì vậy không được các thần linh bảo vệ nữa, nên có thể bị tổn thương.

Khi cuộc chiến tranh Trojan xảy ra, Vua của kinh thành Troy tên là Priam, có Hoàng Hậu là Hebe và theo truyền thuyết, nhà vua có 49 người con trong đó có Hektor, nhà tiên tri nữ Cassandra, Paris... Khi mang thai Paris, Hoàng Hậu Hebe được báo trong một giấc mộng rằng Paris sẽ là nguyên do khiến cho kinh thành Troy bị tàn phá. Vài nhà bói toán cũng xác nhận lời báo mộng này nên vì sự an toàn của kinh thành, Hoàng Hậu Hebe đồng ý đem bỏ đứa trẻ sơ sinh Paris trên núi Ida cho tới chết, thế nhưng Paris đã được các người chăn cừu cứu sống và lớn lên thành một anh chăn cừu, không biết tới nguồn gốc hoàng gia của mình.

Trước khi cuộc chiến tranh xảy ra, Thần Zeus đã xếp đặt để nữ thần Thetis kết hôn với Vua Peleus là một người thường và cặp vợ chồng này sẽ sinh ra Achilles. Vào buổi tiệc cưới, tất cả các thần linh nam nữ đều được mời ngoại trừ nữ thần của sự bất hòa tên là Eris. Để gây ra rắc rối, Eris đã tặng cho đám khách mời một trái táo bằng vàng trên đó có khắc câu "giành cho người đẹp nhất".

Có ba nữ thần tranh giành nhau trái táo vàng và họ xin Thần Zeus xét xử. Thần Zeus từ chối khéo và chỉ định anh chăn cừu Paris đang chăn đàn cừu gần đó, xét xử vụ tranh chấp. Ba nữ thần bèn tới gặp Paris và mỗi vị đều tìm cách hối lộ anh chàng chăn cừu: Hera đề nghị tặng quyền lực và một vương quốc giàu có, Athena hứa hẹn sự khôn ngoan và các thành công quân sự còn Aphrodite hứa trao đổi "tình yêu", một mối tình với người đàn bà đẹp nhất trên

thế gian tên là Helen. Vì thế Paris đã chọn Aphrodite và trở thành kẻ thù của Hera và Athena. Hai nữ thần này nguyện sẽ làm hại Paris và tàn phá kinh thành Troy.

Sau đó Paris trở về kinh thành Troy và phục hồi được địa vị của mình là người con chính thức của Vua Priam và Hoàng Hậu Hebe. Trong chuyến đi qua xứ Sparta, Paris tới thăm triều đình của Vua Menelaus, quyến rũ được người đẹp Helen và mang nàng qua kinh thành Troy. Sau chuyến đi xa về, Vua Menelaus thấy bị mất vợ nên đã tập hợp một số tướng lĩnh để đánh chiếm Thành Troy, đòi lại nàng Helen. Các tướng tá Hy Lạp đều đồng ý chiến đấu vì sự mất danh dự này và như vậy Paris là người đã gây ra cuộc chiến tranh Trojan và lời báo mộng khi trước dần dần trở thành sự thực.

Trong số các tướng lĩnh Hy Lạp, vài người đã lo lắng khi gặp chiến trận. Odysseus được lời tiên tri báo cho biết anh ta sẽ phải xa nhà trong 20 năm, vì vậy Odysseus đã giả điên nhưng không thành và phải tham gia cuộc viễn chinh. Còn Achilles bị cảnh cáo rằng sẽ chết trẻ. Vì vậy mẹ của Achilles đã thay đổi hình dạng của Achilles bằng y phục phụ nữ nhưng vẫn bị Odysseus khám phá ra và phải đồng ý ra đi. Các người Hy Lạp đều biết rằng không thể hạ nổi Thành Troy nếu không có Achilles giúp sức bởi vì đây là viên tướng dũng mãnh nhất trên đời, khi xung trận không thể bị thương tích do lúc sơ sinh được người mẹ nhúng thân thể vào trong giòng sông Styx, ngoại trừ gót chân là chỗ tay cầm của bà mẹ.

Đoàn quân viễn chinh đánh Thành Troy được thành lập. Người em của Vua Menelaus là Vua Agamemnon được chọn làm tư lệnh. Một ngàn chiến thuyền đã được tập trung, chờ ra khơi nhưng gió không nổi lên. Sau khi cầu khẩn và tìm hiểu nguyên do, các thầy bói toán đã cho biết sở dĩ không có gió mạnh bởi vì vua Agamemnon đã giết con hươu linh thiêng của thần Artemis, nữ thần chủ về săn bắn. Không có cách nào làm nguôi giận nữ thần này ngoại trừ phải hy sinh Iphigenia là người con gái của Vua Agamemnon. Trong nỗi đau lòng này, Vua Agamemnon đành phải gọi người con gái tới, lấy cớ là sẽ kết hôn với Achilles nhưng rồi sau khi Iphigenia bị hy sinh, gió mạnh bắt đầu thổi và đoàn thuyền viễn chinh ra đi.

Đoàn quân Hy Lạp đã tới và bao vây Thành Troy với Achilles trấn giữ một đầu, đầu kia do Tướng Aias (Ajax). Sau 9 năm bị công phá, kinh thành Troy vẫn đứng vững dù rằng đạo quân Hy Lạp đã cướp phá các làng mạc chung quanh thành và vào năm thứ 8, đã bắt được hai người đàn bà rất đẹp, là Chryseis, được trao cho Vua Agamemnon và Briseis, được thưởng cho Achilles. Từ lúc này bắt đầu câu chuyện "Iliad".

Đoàn quân viễn chinh Hy Lạp không thể hạ nổi Thành Troy và đội quân Trojans vẫn không bị đánh bại trong khi đó hàng trăm quân lính Hy Lạp bị chết vì một thứ bệnh dịch bí mật. Cuối cùng, Achilles là viên tướng có uy tín nhất đành phải triệu tập một buổi họp để tìm ra nguyên do của tai họa. Các nhà bói toán suy đoán rằng sự kiêu căng của

Vua Agamemnon đã là lý do gây ra tai họa và để chuộc lỗi, Vua Agamemnon phải trả người đẹp Chryseis, không được nhận như là một phần thưởng chiến tranh. Bất đắc dĩ phải đồng ý nhưng nhà Vua lại đòi người đẹp Briseis của Achilles là viên tướng tài giỏi nhất. Đây là lý do Achilles từ chối ra trận và rút quân dưới quyền về đóng trên bờ biển, gần đội chiến thuyền của mình. Achilles còn xin mẹ là một nữ thần, cầu vớ Thần Zeus giúp quân Thành Troy đánh thắng quân Hy Lạp. Thần Zeus đồng ý.

Trong một cuộc giao chiến giữa hai đạo quân Trojans và Hy Lạp, Hoàng Tử Paris là người đã quyến rũ vợ của Vua Menelaus khi trước, đã thách thức tướng tá Hy Lạp song đấu. Vua Menelaus xông ra, sắp sửa giết chết Paris thì nữ thần Aphrodite đưa Paris về một căn phòng bên trong kinh thành Troy. Sau một khoảng thời gian ngưng chiến ngắn, trận chiến lại tiếp diễn và Vua Menelaus bị thương. Viên tướng Hy Lạp Diomedes liền xông trận, giết được nhiều binh lính Thành Troy, làm bị thương cả nữ thần Aphrodite.

Trước cảnh quân thành Troy bị thua, Hektor trở về nhà và xin mẹ cúng phẩm vật cho nữ thần Athena nhưng bị nữ thần từ chối giúp đỡ. Hektor cũng tìm ra Paris lẫn trốn nên đã xỉ mắng người em này, bắt phải trở lại trận tuyến rồi Hektor cũng thăm viếng người vợ và đưa con trai còn thơ, nhận ra trách nhiệm rất nặng nề vừa đối với gia đình, vừa đối với nhiệm vụ là tư lệnh quân đội.

Trận chiến càng tiếp diễn, quân đội Hy Lạp càng suy tàn. Do e ngại toàn

thể quân Hy Lạp có thể bị giết chết, nữ thần Athena cùng với thần Apollo đề nghị Hektor song đấu để giải quyết cuộc tranh chấp. Tướng Telamonian Aias (Ajax) đã xông ra, đánh nhau rất anh dũng với Hektor không phân thắng bại. Sau cuộc đĩnh chiến, trận đánh lại tiếp diễn và binh lính Hy Lạp bị giết rất nhiều.

Vua Agamemnon muốn rút quân nhưng không được, nên đã yêu cầu Achilles ra trận, viên tướng này vẫn từ chối và án binh bất động. Tới khi Vua Agamemnon, các tướng Diomedes, Odysseus và Nestor đều đã bị thương nặng, Achilles mới cho viên tùy tướng Patroclus đi tìm hiểu sự thực. Nestor là viên tướng già, người khôn ngoan nhất, đã khuyên Patroclus nên mượn bộ áo giáp của Achilles để ra trận, và cách này sẽ làm gia tăng tinh thần chiến đấu của quân Hy Lạp đồng thời hình ảnh đó sẽ gây ra sợ hãi cho quân Trojans.

Viên tướng Patroclus vì vậy đã xin phép Achilles được giả trang trong bộ áo giáp đó và sau đó đã chém giết quân địch rất tàn bạo. Nhưng nhờ thần Apollo trợ giúp, Hektor đã giết được Patroclus, lấy được bộ áo giáp nhưng xác của Patroclus được quân Hy Lạp mang về. Achilles rất buồn rầu khi hay tin người bạn của mình tử thương, đồng thời mẹ của Achilles là Thetis cũng báo cho con biết sự nguy hiểm sẽ tới nếu người con tìm cách báo thù cho Patroclus. Dù sao, nếu Achilles còn quyết định ra trận thì bà mẹ sẽ tặng cho con một bộ áo giáp mới do một vị thần làm ra.

Achilles đã coi thường cõi chết, muốn trừng phạt quân Trojans. Trong

bộ áo giáp mới, Achilles và đội quân Hy Lạp đã đánh đuổi quân Trojans, giết chết Hektor là viên tướng dũng mãnh nhất. Do cơn giận dữ chưa nguôi, Achilles còn buộc xác Hektor vào chiến xa và kéo cái xác này chung quanh nấm mồ của Patroclus trong 9 ngày liền. Cha mẹ của Hektor rất đau khổ trước cảnh trả thù tàn ác nên Vua Priam đã đích thân xin Achilles được mang xác Hektor về. Do nhớ lại người cha của chính mình khi xưa, Achilles đồng ý trả xác và người dân Thành Troy đã đặt thi thể Hektor trong một quan tài bằng vàng trong lễ hỏa táng.

Sau đám tang của Hektor, người Trojans kêu gọi vài đạo quân khác tới giúp sức và quân Hy Lạp lại bị thiệt hại nặng nề. Rồi trong một trận đánh, Achilles gặp Paris. Nhờ sự giúp đỡ của thần Apollo, Paris đã dùng một mũi tên bắn trúng gót chân bên phải của Achilles và đây là yếu điểm duy nhất của viên tướng này. Odysseus và Aias (Ajax) đã phải tận tình chiến đấu mới cướp về được xác của Achilles nhưng rồi một cuộc tranh giành đã xảy ra, vì bộ áo giáp rực rỡ của Achilles. Khi Odysseus được xử lãnh bộ áo giáp đó thì Aias nổi giận, đe dọa sẽ giết hết các tướng tá Hy Lạp. Sau đó, do nhận ra việc làm sai trái, Aias đã hối hận và tự sát.

Từ cái chết của nhiều binh lính và hai dũng tướng là Achilles và Aias, đội quân Hy Lạp rất lo âu trước việc đánh Thành Troy. Khi đó các nhà bói toán cho biết rằng cần tới bộ cung tên của Heracles (Hercules) hiện đang ở trong tay của Hoàng Tử Philoctetes là người Hy Lạp đã bỏ về nước vì vết thương

không lành. Odysseus và Diomedes được cử đi và thuyết phục được Philoctetes cho mượn cung tên, nên trong lần đụng trận đầu tiên, quân Hy Lạp đã giết được Paris, nhưng cái chết này đã không ảnh hưởng tới cuộc chiến.

Sau đó, quân Hy Lạp muốn chiến thắng phải làm một số công việc gồm:

(1) mang xương của Pelops từ châu Á trở về Hy Lạp,

(2) mang con trai của Achilles tới trận tuyến,

(3) ăn cắp hình ảnh linh thiêng của nữ thần Athena trong thánh đường.

Tất cả các công việc này đã được thi hành mà vẫn không có kết quả trong việc đánh hạ Thành Troy.

Về sau, Odysseus nghĩ ra một kế hoạch nhờ đó quân Hy Lạp có thể đột nhập vào bên trong Thành Troy: làm một con ngựa gỗ rất lớn rồi chờ đêm tối, vài chiến binh Hy Lạp chui vào bên trong con ngựa. Tiếp theo, các binh lính Hy Lạp đốt lều trại, dương buồm ra khơi và chờ đợi tại một hòn đảo gần đó.

Sáng ngày hôm sau, người dân Trojans thấy rằng quân Hy Lạp đã rút đi hết và bỏ lại một con ngựa gỗ khổng lồ. Một người dân Hy Lạp tên là Sinon cũng bị bắt làm tù binh. Anh chàng này đã được Odysseus dạy cho các câu chuyện đáng tin cậy về việc quân lính Hy Lạp rút đi, về con ngựa gỗ và sự ở lại của anh ta. Sinon cho Vua Priam và các người Trojans biết rằng thần Athena không còn bảo vệ người Hy

Lạp nữa vì hình ảnh của nữ thần trong thánh đường bị ăn cắp. Do không được nữ thần giúp đỡ, quân Hy Lạp đã bị thua và vì vậy họ phải rút đi.

Để trở về xứ sở an toàn, quân Hy Lạp phải hy sinh mạng người sống và Sinon bị chọn làm con vật hy sinh, và anh ta đã bỏ trốn được. Con ngựa gỗ rất lớn được bỏ lại để làm nguôi giận nữ thần Athena và người Hy Lạp mong rằng người Trojan sẽ xúc phạm con ngựa này để bị nữ thần Athena căm giận. Các lời nói dối này đã làm cho Vua Priam và nhiều người Trojan tin tưởng vì vậy họ cho kéo con ngựa gỗ vào bên trong tường thành Troy để vinh danh thần Athena.

Đêm hôm đó, vài chiến binh bên trong con ngựa gỗ đã chui ra, giết chết các lính gác và mở cổng thành cho đạo quân Hy Lạp tiến vào. Quân Trojan không kháng cự nổi sau một đêm liên hoan vì chiến thắng. Khắp nơi trong kinh thành Troy bị phóng hỏa, dân chúng bị tàn sát, Vua Priam bị giết. Chỉ có Aeneas với người cha già, em trai và một nhóm nhỏ người Trojan chạy thoát. Đứa con nhỏ của Hektor bị ném từ trên thành cao xuống, các đàn bà Trojan bị bắt làm nô lệ. Thành Troy bị tàn phá. Hera và Athena đã trả thù Paris xong./.

Phạm Văn Tuấn

LỜI TẠ TÌNH ĐẦU NĂM

** Tác giả: **Lê Mộng Hoàng** **

Theo tục lệ “xưa bầy nay bắt chước” hể vào dịp Tết Nguyên Đán, ba ngày đầu năm người ta thường chúc tụng nhau mọi điều tốt lành “Tiền vô như nước, con cháu đầy nhà, mọi điều Như Ý” hoặc “An khang thịnh vượng, tấn tài, tấn lộc” sống lâu trăm tuổi, hạnh phúc trăm năm, thăng quan tấn chức “Tiền vô như nước, tiền ra nhỏ giọt” mặc dù ai ai cũng biết đó chỉ là sáo ngữ, chẳng phải là sự thật. Tại sao bây giờ đã là thế kỷ 21, con người đã lên thám hiểm mặt trăng rồi mà chúng ta vẫn còn lặp đi lặp lại những sáo ngữ rỗng tếch, không bộc lộ một chút nào tình cảm chân thật, tình người với nhau?

Tết Canh Dần năm 2010 này ngày MÔNG MỘT TẾT nhằm vào ngày 14 tháng 2 Dương lịch, ngày Valentine, ngày lễ của Tình Yêu. Ngày Valentine này người Mỹ thường bộc lộ tình yêu thương không những với tình nhân, vợ chồng mà còn với bố mẹ, bạn bè, người thân bằng cách gửi hoa, gửi thiệp, tặng kẹo chocolate. Đây là một sự trùng hợp thích thú, hiếm có!

Người Việt Nam thường hay tin rằng hể ngày mông một đầu năm làm điều gì

tốt hoặc gặp việc gì may mắn thì suốt năm sẽ tiếp tục làm điều ấy, vận may sẽ đến hoải. Tôi còn nhớ thời gian ở Đại Học Xá Viện Đại Học Đà Lạt sáng mông một các bạn nào nhà ở xa không về ăn TẾT được, ở lại Ký Túc Xá sáng Mông Một đều trang trọng giở bài ra học như là cử hành lễ “Khai Tâm” để suốt năm mình sẽ siêng năng chăm chỉ học hành. Không người nào cho việc Khai Tâm này là mê tín dị đoan, là kỳ cục cả.

Tết Canh Dần năm nay tôi đã trải qua 70 mùa Xuân trong đời, buồn vui lẫn lộn, sướng có, khổ có; tuy nhiên phải thú thật tôi là “người đàn bà may mắn” giàu có sung túc về tinh thần, có nhiều bạn tốt, được nhiều người thương mến, giúp đỡ. Tôi luôn cảm thấy vui sướng khi nhận lãnh những lời khích lệ chân tình, sự an ủi thân thương từ người thân, bạn bè; ngay cả trong lúc “nghèo rớt mồng tơi” vừa làm bồi bàn vừa đi học. Nhân sự trùng hợp kỳ diệu, đặc biệt của ngày Mông Một Tết Canh Dần và Valentine Day 14 tháng 2 năm 2010 tôi xin chân thành, kính cẩn gửi đến tất cả những vị ân nhân có liên hệ huyết thống hoặc liên hệ tình cảm hoặc liên hệ hoạt động hoặc liên hệ tâm linh trong 70 năm qua với tôi: **LỜI TẠ TÌNH ĐẦU NĂM.**

Xin gởi đến các tấm lòng quảng đại nhân ái, vị tha LỜI BIẾT ƠN sâu xa, thành khẩn vì công lao, thì giờ, tình thương yêu chân thật mà quý vị đã ban cho con, cho tôi trong suốt 2/3 cuộc đời đã qua. Xin TRI ÂN tổ tiên, ông bà, ba má, anh chị em bà con gia đình họ Tống, họ Đặng, họ Lê, Thầy Cô ở trường tiểu học, trung học, đại học; quý Thầy Cô ở chùa, ở tu viện, trung tâm thiện, tăng thân, các bạn của nhóm Từ Thiện TìnhThương Virginia, hội Quảng Đà, bằng hữu, đồng nghiệp, văn hữu, các bác sĩ, nha sĩ của tôi, các em học trò cũ dễ thương, tình nghĩa và gia đình nhỏ yêu dấu của tôi: anh LKH và các con Lina+Jeff, Sam+Rachel và cháu Serena.

Mọi người đã luôn nâng đỡ yểm trợ tôi với TÌNH THƯƠNG sâu đậm thủy chung. Đã 70 năm qua, mặc dù những “dâu bể đổi thay”, những thăng trầm lên xuống về tiền tài, địa vị, thể xác đến hôm nay Mồng Một đầu năm Canh Dần 2010 tôi đang cảm thấy Thân Tâm AN LẠC, yêu đời và yêu người. Tôi vẫn còn nhận được những giọng chữ thân thương qua thư từ, email thiệp chúc Giáng Sinh, chúc Tết của các bạn học từ hơn nửa thế kỷ trước của trường Trần Quý Cáp, trường Đồng Khánh Quốc Học (1956-2010) của Lưu xá Thanh Quan, Đại Học Xá Đà Lạt (1963) và của các đồng nghiệp. Thật là diễm phúc quý giá! Người Mỹ có câu *“Friends are like wine, they get better*

with age” (Bằng hữu cũng giống như rượu vang, càng lâu năm càng ngon) Cảm ơn tình bạn bền lâu xưa cũ, không hao mòn phai nhạt với thời gian, không bị ngăn cách bởi không gian. Xin cảm ơn các anh chị em thiện nguyện viên của trường Việt Ngữ hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam, hội Thân Hữu Quảng Đà, Nhóm Từ Thiện Tình Thương VA, Bút Nhóm Lửa Việt, Boat People SOS, Ủy Ban Yểm Trợ Phòng Đọc Sách Tiếng Việt Thư Viện Thomas Jefferson, tăng thân của nhóm Sinh Thức, của chùa Hoa Nghiêm, của Hướng Đạo làng Bách Hợp, Văn Lang, của tuần báo Saigon Times CA, nguyệt san Kỷ Nguyên Mới, đài truyền hình VATV, đài phát thanh VNNH, của Hội Từ Bi Phụng Sự, CSS, đặc biệt là CSS East-nhóm CK10 VA đã luôn nhiệt tình cộng tác, giúp đỡ, hướng dẫn tôi trong các hoạt động giáo dục, văn hóa, xã hội, từ thiện và phương pháp giữ gìn sự an lạc cho thân và tâm.

Kính xin CẢM TẠ công ơn dạy dỗ hướng dẫn của quý Thầy Cô trên đường học vấn và đường tu học. Cảm ơn người bạn đời thủy chung gắn bó. Cảm ơn các con, các em, các cháu vẫn tiếp tục tưới tắm hạt giống Tình Thương trong gia đình chúng ta.

Kính xin CẢM TẠ hương linh Ba Má đã sinh ra con và dạy dỗ con biết giá trị quan trọng và cao quý của Tình Thương. Kính xin CẢM ƠN nước Mỹ

và người dân Mỹ đã bao dung chấp nhận người tỵ nạn Cộng Sản lạc loài đi tìm TỰ DO này để tôi được dùng chân và an cư nơi quê hương thứ hai này.

Xin Cảm Tạ Trời Phật, Thầy Tịnh Từ, Thầy Quảng Kiên, Thầy Minh Niệm, Thầy Hằng Trường đã dạy cho con biết cách tìm An Lạc trong từng giờ từng ngày của cuộc sống hiện tại bằng hạnh Hiến Thân, Chân Thật, Bao Dung...

Nhân ngày đầu năm con nguyện luôn **ghi nhớ trong lòng kim chỉ nam Mở và Cho** mà thầy Hằng Trường đã nhắc nhở nhiều lần trong Đại Hội Quán Âm năm 2009 vừa qua. Con sẽ nhớ hoài lời dạy sâu sắc, chí lý và cao cả của Thầy: “ **Cuộc sống là Cho ra** (life is giving) nghĩa là khi ta ra đời thì tay không và khi chết đi cũng tay không. Ở khoảng giữa SỐNG và CHẾT những thứ tạo ra đều là những thứ tạm dùng, tạm có, tạm mượn, chẳng phải là thứ của ta bản hữu. Do đó nên nhìn cuộc sống và những gì ta có là **để cho và hết lòng cho** khi có dịp, để ta thành thạo nhập cuộc, thành thạo ra đi. Đức

Phật dạy rằng mỗi hơi thở, mỗi sức lực đều dùng để cho cả. Cho nên cuộc sống thật đẹp khi ta dùng nó để cho. Cho là một nghệ thuật sống. ***Biết cho để làm người ta mở và mình cũng mở thì đó là nghệ thuật.***”

Đức Đạt Lai Lạt Ma có nói: “**Tình Thương và lòng Từ Bi** của con người như là một tôn giáo phổ biến toàn cầu bởi lẽ Tình Thương bao la sẽ là chất liệu nuôi dưỡng giúp cho tâm chúng ta AN LẠC và HẠNH PHÚC.”

Cầu chúc mọi người một năm mới Thân Tâm AN LẠC, chan hòa Tình Thương yêu chân thật, tươi mát như các nụ hoa hồng đỏ xinh đẹp của ngày Valentine 14 tháng 2 năm nay.

Ước mong ngày Mừng Một TẾT Nguyên Đán từ nay về sau cũng là ngày lễ TẠ ƠN Việt Nam đối với **Lê Mộng Hoàng**.

TẾT CANH DẦN 2010
Valentine Feb 14, 2010



JOYEUX VALENTIN!

**** Tác giả: [Phương Duy TDC](#) ****

Tokyo ngày 14 Février 2009
Anh Nguyễn thân mến,
"Joyeux Valentin!".

Từ nước Nhật Bản xa xôi, bên kia bờ Thái Bình Dương, em gửi về cho anh yêu "quả tim nhỏ bé" của Michiko với câu chúc bằng tiếng Pháp ghi trên. Một ngày lễ "Tình Nhân" em sống xa anh. Em rất nhớ Anh.

Em đã đi học. Em đang tiếp thu văn hóa, văn học... mà em mơ ước từ lâu nay.

Trong thời đại tin học phát triển hiện nay, nhưng em không muốn dùng computer để E-mail nhanh đến anh lá thư này vì em muốn anh cầm trong tay một lá thư do chính chữ của em viết cho anh, đọng chút hơi thở, chút mồ hôi tay của người viết nếu anh cảm nhận được. Một phong bì có dán con tem Nhật Bản và nhật ấn bưu điện in ngày em đi gửi thư. Anh muốn giữ làm kỷ niệm thì giữ cho em sau này. Nên nếu thư này có đến trễ vài ngày sau lễ Tình Yêu mong anh đừng buồn nhé!

Được nghỉ mấy ngày cuối tuần, Midori, cô em họ của em đã đưa em đi một chuyến du lịch ngắn ngày tại vùng Tây Honshu thăm thành phố Kobe. Anh đoán tại sao em lại chọn địa danh Kobe

để làm chuyến xuất hành đầu năm không? Em muốn nhớ lại tên của nhà hàng Kobe ở thành phố Santa Clara mà lần đầu tiên em được anh đưa em đi ăn cơm tối với anh tại đó. Thật thơ mộng và nhớ đời!

Bây giờ em nói đến Kobe "của em". Từ thế kỷ thứ 8, Kobe là hải cảng giao dịch thương mại giữa nước Triều Tiên, Trung Hoa với Nhật Bản và cũng là một trong những hải cảng sầm uất khi được mở lại để giao thương với các nước phương tây từ năm 1868. Ngày nay thành phố này là nơi có nhiều cộng đồng người Triều Tiên, Trung Hoa đã từ xa xưa nhiều thế hệ đến lập nghiệp cũng như những người phương tây đến từ các nước bên Âu châu, người Mỹ, người Ấn độ. Dân số Kobe là 1,528,000 người.

Ai cũng biết Kobe nổi tiếng với loại thịt bò rất ngon bán với giá đắt nhất thế giới đây. Anh và em đều thích món thịt bò steak mà chúng mình thường hay đến ăn tại tiệm Chez Christina ở Milpitas, nhưng ngay tại Kobe, em lại không dám thưởng thức món đặc sản thượng hảo hạng này, vì túi tiền của một cô sinh viên có giới hạn, tuy nói thế, nhưng nếu có anh bên cạnh em sẽ

sẵn sàng và thích thú để mời anh dùng beefsteak bằng loại thịt bò “Kobe chính hiệu” tại ngay Kobe này xem như một kỷ niệm đẹp nữa giữa chúng mình.

Ngoài loại thịt bò nói trên thành phố này cũng được nổi tiếng từ rạng sáng lúc 5:46 ngày 17 tháng Giêng năm 1995 vì một trận động đất rất lớn đo được 6.9 mang tên “The Great Hanshin Earthquake” làm sụp đổ hơn 100,000 ngôi nhà và làm chết hơn 5,000 cư dân. Trong nhiều địa điểm du lịch, Midori đưa em đến thăm khu phố Tàu Chinatown ở hướng đông nam của thành phố. Có thể hơn 40,000 Hoa kiều tập trung cư ngụ ở khu vực rộng lớn này. Người dân Nhật gọi nơi này với tên “Nankin-machi” có nghĩa là thành phố Nam Kinh. Những sinh hoạt về thương mại, văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật của người Hoa Kiều đã làm cho thành phố Kobe thêm sinh động hơn và nhiều hấp dẫn hơn. Những công xây thật lớn theo lối kiến trúc đặc thù Trung Hoa làm du khách phải chú ý. Quanh khu này, các tiệm ăn, các tiệm bán hàng lưu niệm, những siêu thị, khách sạn và những cảnh hàng hóa bày dọc theo khu phố người mua, người bán tấp nập của khu phố trung tâm. Công viên Nam kinh “Nankin park” với những pho tượng, tượng trưng cho mười hai con giáp của người Trung hoa cũng hấp dẫn dân cư tại đây. Ngoài ra, phố Tàu là một địa điểm

chính mà dân chúng Kobe hàng ngày thường đến ăn uống vui chơi.

Trung tâm thương mại của Kobe sầm uất với những cửa hàng rộng lớn, những đại siêu thị hàng hóa đủ loại hàng nội địa và nhập cảng đầy ắp, rộn rịp ban ngày, đèn sáng hấp dẫn về ban đêm. Khu Kitano-cho kế cận khu phố Tàu, với những ngôi biệt thự, những ngôi nhà đồ sộ kiến trúc theo lối Âu châu thời Trung cổ kiểu Gothic Victorian mà người Nhật gọi là “ifinkan”. Nguyên khu này, ngày xưa là nơi cư ngụ của những đại gia rất giàu của người ngoại quốc và các nhà ngoại giao ngoại quốc đã xây dựng vào thời đại Minh Trị Thiên hoàng canh tân Nhật bản. Sau đó, em đi xem viện bảo tàng “Kobe City Museum”. Đây là một bảo tàng giới thiệu đầy đủ lịch sử, văn hóa, kiến trúc ... từ những ngày mới thành lập thành phố, trận động đất rất lớn năm 1995, những trận động đất nhỏ khác cũng như các công trình trùng tu, tái thiết cho đến ngày nay. Trong viện bảo tàng này có trình bày một sa bàn khu Kitano-cho, những cổ vật thu thập được từ thế kỷ thứ 16, mà người Nhật gọi là “nghệ thuật Nanban” (Nam man). Danh từ Nanban trong tiếng Nhật có nghĩa “Southern Barbarian” dùng để chỉ những người ngoại quốc từ các vùng hướng nam đến cư ngụ tại nước Nhật trước đây. Gần như danh từ này có một nghĩa không tốt mà phần lớn ám

chỉ dân Bồ đào nha nhập cư trước tiên và kể cả những người ngoại quốc từ Âu châu đến thời gian sau này.

Về phía nam của thành phố, khu công viên Meriken Park cũng là địa điểm hấp dẫn du khách với tàu điện “monorail” chuyên chở khách bằng toa tàu treo bằng dây cable trên không đi đến đỉnh núi Rokko cao nhất của vùng này. Ngồi trong toa tàu di chuyển trên không, du khách có thể quan sát vùng biển rất đẹp và toàn cảnh thành phố phía dưới.

Rời thành phố Kobe, trên đường về lại Tokyo, em ghé thăm thành phố Yokohama, thuộc vùng Trung Honshu. Yokohama là thành phố rộng lớn thứ nhì của nước Nhật. Dân số tại đây lên đến 3,600,000 người. Yokohama là một trung tâm buôn bán có tính cách quốc tế kể từ giữa thế kỷ 19. Trước kia, Yokohama chỉ là một làng đánh cá nằm dọc theo lộ Tokaido trở thành hải cảng năm 1859, khi những đợt dân ngoại quốc như Trung Hoa, Anh quốc đến sinh sống, đã biến hải cảng này thành hải cảng lớn nhất vùng châu Á từ những năm đầu 1900.

Năm 1923, một trận động đất mang tên Kanto đã làm hư hại 95% thành phố, sát hại 40,000 người. Tiếp theo trận đại chiến thế giới lần thứ II với những trận dội bom của lực lượng đồng minh đã hủy hoại hết nửa thành phố. Sau khi, Nhật hoàng đầu hàng

năm 1945, chiến tranh chấm dứt. Quân đội Hoa kỳ đặt căn cứ quân sự tại đây. Cho đến thập niên 1970, Yokohama trở thành một trong những hải cảng lớn nhất Nhật bản. Khi đến Yokohama, Midori đưa em đến thăm Minato Mirai 21 là một bến tàu hiện đại, với lối kiến trúc sáng tạo tân kỳ có thể chống động đất. Nơi này với “Landmark Tower” khánh thành năm 1993 do kiến trúc sư Stubbins, người Hoa kỳ xây dựng cao 296 mét (971 ft), đó là một cao ốc cao nhất của Nhật bản, nơi đây sử dụng thang máy tân kỳ có tốc độ nhanh 750m/ phút (2,500 ft/ per minute). Cao ốc có tầm nhìn 360 độ quang cảnh chung quanh.

Anh Nguyễn thân mến,

Đi đến đâu, em có thói quen thích viếng thăm: Viện Bảo Tàng, Khu Phố Tàu, Khu chợ trung tâm, khu ăn uống, vui chơi... trước khi đến những thắng cảnh khác. Biết ý thích của em nên Midori đã rủ em đến Yokohama Museum of Art. Bảo tàng viện này trưng bày những sưu tập nghệ thuật hiện đại, những tấm ảnh in lớn cảnh thành phố xưa và nay. Em thích nhất là bảo tàng NYK Maritime Museum trình bày đầy đủ lịch sử những tàu thuyền với nhiều chi tiết và mẫu thu nhỏ các loại tàu thuyền, cảnh động đất năm 1923. Đi dạo theo công viên Yamashita Park, du khách có dịp ngắm xem những chiếc thương thuyền hiện đại rất lớn tấp nập

ra vào bến cảng kể cả chiếc Hikawa Maru là thương thuyền chở khách rất nổi tiếng phục vụ đường thủy nối liền hai thành phố Nhật-Mỹ Yokohama-Seattle trong những năm 1930- 1960 và chiếc cầu màu trắng “Yokohama Bay Bridge” dài 860 mét (2,800 ft) khánh thành năm 1989.

Người Hoa Kiều đến cư ngụ tại một nơi nào ngoài nước Trung Hoa của họ cũng cố gắng xây dựng một khu “Chinatown”, phố Tàu với cổng tam quan, cổng chào, chùa chiền theo lối kiến trúc đặc thù của họ. Tại thành phố này, theo tài liệu cho biết chỉ có chừng 2,500 Hoa Kiều mà vẫn có một Chinatown rất lớn. Rất nhiều tiệm thuốc Bắc, tiệm chụp pho, tiệm kim hoàn, kim cương, ngọc trai, quán ăn, hơn 150 nhà hàng ăn (restaurants), những siêu thị, khách sạn do người Tàu xây dựng và làm chủ. Người dân bản xứ gọi nơi này với một tên thân thương “ Chinatown, the largest of Japan’s few Chinatowns”. Ăn điểm tâm, ăn trưa, ăn tối, ăn khuya... trong những quán ăn không giờ nào, ngày nào đóng cửa nghỉ xả hơi cả. Thức ăn ngon nhưng tương đối rẻ tiền so với giá rất đắt đỏ tại Nhật bản.

Khu chính của chùa Kanteibyo Temple, xây dựng năm 1887, là nơi thờ phượng vị anh hùng của Trung Hoa là tướng Quan vũ “ Kwan-yu “ tức Quan Công, ngày xưa tượng trưng cho vị Thần chiến tranh, nhưng theo quan

niệm của Hoa kiều tại đây ông là vị thần hộ mạng về tiền bạc, buôn bán và thịnh vượng. Khi vào đền thờ Quan Vũ, em cũng theo mọi người khách hành hương, quỳ xin một lá xăm, bói quẻ cho em và một lá xăm riêng cho anh. Cả hai đều TỐT trong năm Kỷ Sửu này.

Anh Nguyễn thân mến,
Đứng trước những thành phố mà em đã viếng thăm, em tự nghĩ : nước Nhật, dân Nhật của em rất cần cù làm việc, có nhiều sáng kiến, có kỹ thuật... nhưng cứ gặp thiên tai, động đất liên miên. Công trình xây dựng lên một thời gian lại bị tàn phá, phải bỏ ra rất nhiều của cải, công sức tái thiết lại. Em chợt nhớ những câu chuyện nói về nước Việt của anh mà anh đã kể cho em nghe. Hàng năm cũng thường bị thiên tai, bão lụt tàn phá. Đặc biệt thành phố cổ Hội An về mùa mưa bão, nước dâng cao trong các đường phố, phải dùng phương tiện như ca nô, ghe thuyền đi lại rất thơ mộng như thành phố Venice bên Italie, còn có một di tích của Nhật kiều từ nhiều thế kỷ trước đây là “Nhật Bản Kiều” (Chùa cầu Nhật bản), Theo truyền thuyết nơi đây do Nhật kiều xây dựng với mong ước thờ một vị “Trần Võ Bắc Đế “(Emperor of The North), theo Lão giáo tôn xưng “Taoist God” để kiểm soát Mưa, Gió, Bão, Lụt, Động Đất, Sóng Thần... cho xứ “Phù Tang Tam Đảo” có thanh gươm thần “ếm bùa” để trừ con Cù (?)

có cái đuôi hay quây nằm bên nước Nhật mà cái đầu hay mình gì đó ở bên Việt Nam, gây ra những trận động đất bên xứ Phù Tang. Nhờ vậy, nước Nhật cũng bớt động đất!

Em mới đọc báo Nhật đăng tin Hoàng Thái Tử Nhật Bản lần đầu tiên sang thăm chính thức Việt Nam, đã đến viếng “Lai Viễn Kiều” hay “Nhật Bản Kiều” (Pont du Japonais).

Khi nào em học xong, trở lại Hoa Kỳ, anh có muốn đưa em về thăm di tích cổ

này không? Mà em muốn cùng anh đi thuyền ngắm nước lụt đó! Thật “Romantique” phải không anh?

Nhớ anh nhiều! Hôn anh,
Michiko

PHƯƠNG-DUY TDC

(Trích trong tập truyện dài «Michiko»,
NXB: Phi Anh, ấn hành tại Hoa Kỳ năm 2016)



CHIỀU CÔNG VIÊN

*Một mình ghé đá công viên,
Chiều đông hoang lạnh,
lặng yên không người.
Không nghe thấy tiếng trẻ cười?
Cũng vì dịch Vũ Hán mười tháng qua?*

*Phố phường như bãi tha ma,
Kể từ Đại dịch lan qua bởi Tàu,
Bao triệu người phải u sầu,
Bạn bè ly cách cơ cầu lao đao.*

*Nhiều đêm nằm ngủ chiêm bao
Gặp lại bạn hữu khát khao đợi chờ.
Tỉnh mơ tiếc nuối bơ phờ
Bên ly trà nóng in mờ bóng ai?*

*Quanh hồ cảnh tựa Thiên Thai
Lang thang tản bộ chẳng ai bên mình.
Nhớ bao bạn cũ thân tình?
Gần hay xa cách bóng hình không quên*

*Hỏi bao giờ bạn kẻ bên?
Năm Canh Tý hết, Ta nên đợi gì?
Qua Tân Sửu, Phật độ trì
Thân tâm an lạc còn gì vui hơn?*

*Sống vui, sống khỏe giản đơn?
Trau dồi đạo đức, làm ơn giúp đời.
Chủ nhật tuyết đổ toi bời.
Xấn tay xúc tuyết rã rồi người ơi!*

*Tuyết rơi thì mặc tuyết rơi,
Tung tăng với Trẻ vui chơi tuổi vàng?
Không gian trắng xóa mơ màng
Thiên thai bỗng đảo thênh thang Đất Trời.*

*Nhớ xưa áo trắng một thời
Sân trường yêu dấu sống đời học sinh
Cuộc đời đẹp tựa bình minh.
Yêu thương, tha thứ chúng mình bên nhau*

Thái Hưng PGH

Kỷ niệm cuối tuần chót của tháng 1, 2021

AI VỀ GIỒNG RIỀNG

*Ai có nhớ Giồng Riềng chiều thuở ấy
Chiếc vỏ lãi theo con nước bênh bồng
Em giăng câu trên dòng sông Cái Bé
Tháng ngày thương
còn giữ mãi trong lòng*

*Chợ Ngọc Thành, dịu dàng câu mời đón
Áo bà ba, đôi cánh Thiên Nga chào
Buổi sáng thơm, hoa lục bình tím ngát
Điệu dân ca cùng gió hát dạt dào*

*Con nước nổi giữa đất trời kênh rạch
Nắng trải dài, dịu dịu nhánh vắn vương
Cô thôn nữ thướt tha tà áo mỏng
Dáng cao gầy,
bờ vai mảnh khảnh thương*

*Cái chân chất miền Tây em vậy đó
Bữa cơm chiều đậm bạc nét miệt vườn
Dầu nhọc nhằn, dầu tảo tần sương gió
Chén canh rau vẫn là mãi đậm đà*

*Bông bí vàng như cành mai khoe áo
Nấm kim châm còn đầy chút vị nồng
Trái Huyền Nương, em cất hoài nỗi nhớ
Gửi trao người
năm tháng vẫn chờ mong*

*Lúa Kiên Giang chiều nay đã vàng hạt
Mà người ơi còn mãi ở phương nào
Để Giồng Riềng gió mây chờ man mác
Tà áo xanh, hương ngát đầm mưa buồn*

Trường Đình

UK, sương mù già 2021

+ **Thiên Nga:** Một loài chim nước thuộc họ Vịt, có bộ lông trắng tuyền. Thiên Nga thường sống chung đôi với nhau cho đến hết kiếp đời, vì vậy khi nói đến "Tình Yêu Thiên Nga" là ý nói tình yêu trăm năm thủy chung. Trên các vùng Nam Mỹ và xứ Úc Đại Lợi, đặc biệt có rất nhiều loài Thiên Nga lông đen (Black swans) và Thiên Nga cổ đen (Black necked swans). Truyện cổ tích nổi tiếng "Vịt Con Xấu Xí" của nhà văn Đan Mạch Hans Christian Andersen, là một trong những câu chuyện thần kỳ nhất về loài chim Thiên Nga lông trắng. Theo sử thi Kalevala của xứ Phần Lan (Finland) có đề cập đến chim Thiên Nga trên sông Tuoni. Nếu một ai giết chết loài chim này thì sẽ bị xử tử chết theo nó. Tại xứ Anh Cát Lợi có bộ luật Thiên Nga 1482, những ai làm hãm hại đến loài Thiên Nga sẽ bị xử phạt rất nghiêm khắc. Thiên Nga được xem là loài chim chung thủy nhất trên thế giới.

+ **Trái Huyền Nương:** Là tên gọi khoa học của trái khóm, trái thơm, hoặc là trái dứa. Người miền Trung gọi là trái gai. Đặc sản nông nghiệp nổi tiếng của tỉnh Hậu Giang là trái khóm Vị Thành, còn gọi là khóm Cầu Đức, được trồng tập trung ở xã Hòa Tiến (thuộc thành phố Vị Thanh) và xã Vĩnh Viễn (thuộc huyện Long Mỹ). Khóm Cầu Đức có vị thanh chua và dịu ngọt rất đặc biệt hơn các loại khóm ở những vùng miền khác.

+ **Giồng Riềng:** Một huyện lỵ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, thuộc tỉnh Kiên Giang. Nằm giáp ranh giới với Cần Thơ, Tân Hiệp, Châu Thành, Hậu Giang và Gò Quao. Giồng Riềng là một trong những đơn vị huyện có mức sản xuất lúa lớn nhất của tỉnh Kiên Giang. Có hai điểm nhấn ở Giồng Riềng là chùa Phước Long (gần cầu Bến Nhứt) và vườn du lịch Huyền Trân, với những cây trái đặc sản như sầu riềng, măng cụt, dứa xanh và vú sữa.

+ **Kiên Giang**: Một tỉnh ven biển thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, là một tỉnh có diện tích lớn nhất của miền Tây Nam Bộ. Trung tâm của tỉnh là thành phố Rạch Giá, cách Sài Gòn khoảng 250 km. Kiên Giang tiếp giáp với Campuchia ở phía Bắc và vịnh Thái Lan ở phía Nam. Cho đến ngày nay, Kiên Giang có trên 100 hòn đảo lớn nhỏ ngoài khơi xa, nổi tiếng nhất là các đảo Phú Quốc, Nam Du, Hải Tặc và Bà Lụa. Những đặc sản độc đáo của tỉnh Kiên Giang là bánh canh ghẹ chả, gỏi cá trích, nầm trâm, cà xiu, hải sâm, hồ tiêu, rượu sim, chả trứng cá ngát, ốc giác, chả cua, bánh tét, bún kèn, bún nhâm, khóm Tắc Cậu, nước mắm Phú Quốc và canh chua cá nhám sả nghệ.

+ **Chợ Ngọc Thành**: Còn gọi là chợ Ngã Năm Giồng Riềng, dân địa phương còn gọi là chợ Ma. Sở dĩ gọi là chợ Ma vì chợ nhóm họp từ lúc tờ mờ sáng ở một nghĩa trang thôn làng nhỏ bé của vùng miệt thứ xa xôi. Gọi là chợ Ngã Năm vì chợ nằm ở gần ngã năm của huyện Giồng Riềng, thuộc xã Ngọc Thành, tỉnh Kiên Giang.

+ **Sông Cái Bé**: Một trong 2 dòng chảy chính của hệ thống thủy lợi tỉnh Kiên Giang, được biết đến là dòng chảy đôi của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nếu nhìn về hướng 2 thành phố Rạch Giá và Châu Đốc, thì nhánh bên trái là sông Cái Lớn, còn nhánh bên phải là sông Cái Bé, là sông cặp đôi dịu dàng mệnh mệnh nước, với những lớp dập dờn xanh biếc của lục bình trôi.

+ **Vỏ Lãi**: Còn gọi là Tắc Ráng, hay Vỏ Vọt, là loại ghe thông dụng ở vùng sông nước Cửu Long, có hình dạng thon dài và phía sau ghe có gắn máy đuôi tôm.

+ **Rạch Giá**: Thành phố biển trực thuộc tỉnh Kiên Giang, cách Cần Thơ khoảng 116 km và cách Hà Tiên khoảng 95 km. Là một trong 4 đô thị trọng điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long (cùng với 3 đô thị khác là Long Xuyên, Cần Thơ và Cà Mau). Theo nhà văn Sơn Nam, nguồn gốc tên gọi Rạch Giá là vì xứ này thuở xưa có rất nhiều cây Giá mọc ven bờ những con Rạch nhỏ. Rạch Giá có 2 bến tàu khách lớn, một để ra đảo Phú Quốc và một để về vùng U Minh Thượng. Ngày nay, Rạch Giá được biết đến là khu đô thị lấn biển đầu tiên và lớn nhất ở Việt Nam.

+ **Tảo Tàn**: Còn nói là Tàn Tảo, là 2 loại cây rau ở miền đồng quê, rau Tảo và rau Tàn. Theo văn hóa phong tục Trung Quốc thời cổ, vào mỗi dịp cúng tế ông bà tổ tiên, người phụ nữ trong gia đình tìm hái 2 loại rau này làm cỗ cúng. Để tìm được 2 loại rau Tảo và Tàn thì phải rất cực nhọc và chịu khó. Rau Tàn thì mọc nổi bập bênh trên mặt nước dọc theo các khe suối, còn rau Tảo thì nằm tụ khuất ở dưới đáy nước sâu. Vì vậy, ý của 2 chữ Hán Việt "Tảo Tàn" là nói về sự đắm đuối vất vả, siêng năng chăm chút, chịu thương chịu khó, bồng bế thu vén trước sau của người phụ nữ trong gia đình. Chữ Tảo Tàn, là để ca ngợi "người vợ hiền" "con dâu thảo" của người xưa và nay. Nguyên gốc của 2 chữ Tảo Tàn xuất xứ từ bài thơ Thái Tàn Thái Tảo trong Kinh Thi của đức Khổng Tử: "Đi hái cây rau Tàn, ở bờ khe phía nam. Đi hái cây rau Tảo, ở lạch nước bên kia". Ở Việt Nam, 2 chữ Tảo Tàn cũng được dùng nhiều trên phạm trù văn thơ. Như trong truyện Phạm Tải và Ngọc Hoa: "Sớm khuya chăm việc tảo tần, Thờ cha kính mẹ đối lằn chẳng sai". Hoặc trong truyện thơ nổi Bích Câu Kỳ Ngộ: "Đã trong tần tảo lại ngoài tay ca". (Ty ca: tiếng dây tơ đàn, tiếng hát ca)



HỒN BƯỞM MƠ DUYÊN

** Tác giả: **Mùi Quý Bông** **

Frank Carter, người New York, xuống New Orleans theo học ngành Kỹ Sinh Học tại Đại Học Tulane dưới sự hướng dẫn của Giáo Sư Malik, một vị giáo sư gốc Ai Cập, nổi tiếng thế giới với những công trình khảo cứu về những loại ốc gây và truyền bệnh nhiệt đới. Frank tính tình điềm đạm, ít nói, thích suy tư và thường tiêu khiển bằng thú nghe nhạc cổ điển. Như một số sinh viên khác, sau khi hoàn tất các "cours" đòi hỏi cho chương trình Tiến Sĩ, Frank xuống thành phố Cali, thủ đô Departamento del Valle, Colombia, Nam Mỹ, nơi Đại Học Tulane có một Trung Tâm Nghiên Cứu Y Khoa Quốc Tế để làm luận án.

Sau một tháng thu xếp, Frank được Giáo Sư D'Alessandro, người điều hành Trung Tâm, cử Mauricio, một sinh viên người Colombia trong chương trình Y Khoa Nhiệt Đới của Universidad del Valle đến làm phụ tá. Mauricio tính tình trái ngược với Frank, liến thoắng, hay đùa giỡn, mà lại đùa dai. Mauricio có tài đánh guitar và thường đem đàn đến phòng thí nghiệm, hứng lên là khảy, bất kể giờ giấc, khiến Frank lắm lúc hết sức bức mình, nhất là Mauricio toàn chơi các điệu nhạc nóng bỏng của Nam Mỹ như Salsa, Cumbia, Merengue... mà Frank vẫn ghét cay, ghét đắng. Mauricio biết Frank không ưa mình nhưng vì tính đùa dai và bất

cần, hấn càng cố tình chọc ghẹo Frank bằng cách cứ khi nào Frank đang tập trung tư tưởng, trầm ngâm suy nghĩ là hấn lại ôm đàn dạo mấy khúc treu người.

Mauricio có một người chị tên Amparo, hơn hấn hai tuổi, đẹp sắc xảo, làm phụ tá phòng thí nghiệm. Amparo cũng liến thoắng không kém cậu em, nhưng đứng đắn hơn, không đùa phá như hấn. Amparo gần gũi Frank lâu ngày đâm ra cảm anh chàng, thường tỏ tình bằng những cử chỉ sẵn sàng dịu dàng và những tia nhìn quyến luyến. Frank biết thế, nhưng lúc nào cũng giữ một thái độ nghiêm chỉnh, hoàn toàn không để lộ một dấu hiệu nào khuyến khích Amparo tiến xa hơn. Cho là Frank giận cá chém thớt, vì bức cậu em mà ghét luôn mình, Amparo thường la mắng Mauricio mỗi khi vắng mặt Frank. Nhưng Mauricio vẫn chứng nào tật nấy, không những đã không bớt phá phách Frank mà ngày càng chọc quấy chàng hơn, đến độ Frank làm việc với Mauricio hằng ngày mà có khi không nói với hấn nửa câu, chỉ làm hiệu hay viết giấy dặn hấn làm cái này, cái kia.

Cuộc sống cứ thế tiếp diễn. Frank đã đến Cali được hơn tám tháng. Mỗi bất hòa giữa chàng và Mauricio vẫn không thay đổi. Nhưng riết rồi cũng quen đi. Frank không đến nổi bức dọc như trong thời gian đầu, nhưng chàng vẫn không

thể thân thiện với Mauricio. Amparo thì càng ngày càng say mê Frank, bắt chước thái độ lạnh lùng của chàng.

Công tác khảo cứu tiến hành tốt đẹp. Frank đã quen với cuộc sống mới nơi miền đất lạ. Chàng bắt đầu cởi mở hơn, và thỉnh thoảng đã cùng Jon và Nguyên, hai người bạn đồng học, đi dạo phố, ăn uống sau giờ làm việc. Chàng cũng tháp tùng các giáo sư và bạn mình đi du khảo ở những vùng xa xôi, hẻo lánh mỗi khi có dịp, một phần vì chàng thích thế, phần khác để tránh phải chịu đựng sự chọc phá của Mauricio.

Một buổi sáng mùa xuân năm đó, Giáo Sư Miller, vị giáo sư Côn Trùng Học của Frank, Nguyên và Jon rủ cả bọn đi theo ông về Sylvia, một làng nhỏ không xa Cali bao nhiêu để săn côn trùng. Frank nhận lời ngay vì lúc đó chàng đang rảnh rỗi không có gì làm thêm với công tác khảo cứu của mình, và cũng muốn nhân cơ hội này thu thập một ít mẫu ốc.

Ba hôm sau đến ngày khởi hành, Frank chường hững, vì trong số những người du khảo hôm đó có cả Amparo và Mauricio với cây đàn guitar của hắn. Frank qua ngồi xe với Giáo Sư Miller và Nguyên, để Jon ngồi với Amparo và Mauricio. Hai anh tài xế, Jaime và Jairo, cứ nhìn nhau cười vì ai cũng rõ chuyện bộ ba cộc kạch này.

Đến Sylvia trời đã về chiều. Thuê phòng trong một quán trọ giữa làng xong, mọi người tụ họp ăn tối. Sau phần tráng miệng, Mauricio ôm đàn ra gảy. Frank đứng dậy, bỏ ra sân sau. Amparo bước theo. Trời hôm ấy thật đẹp, không khí trong lành, êm ả. Tiếng

côn trùng rả rích như một khúc nhạc du dương làm dịu lòng người. Amparo bước gần lại, đi bên cạnh Frank. Chàng lặng thinh, không nói một câu. Đột nhiên nàng lão đảo muốn ngã, hai tay ôm vội cánh tay Frank, người nghiêng hẳn vào mình chàng. Frank hoảng hốt vòng tay đỡ lưng Amparo vừa lúc nàng ngẩng đầu lên. Mỗi nàng tìm môi Frank, quán quýt. Tiếng nàng nhẹ như gió thoảng:

- Frank, em yêu anh, em yêu anh!

Frank kinh hãi, đẩy nàng ra, quay phắt lại, bỏ về phòng mình. Amparo tủi thân, ngồi xuống bậc xi măng, gục đầu, thút thít khóc. Mauricio bước ra, thấy chị mình sầu thảm, biết ngay là tại Frank, lòng rất căm phẫn, mà cũng giận chị mình u mê. Hắn đỡ Amparo trở vào quán trọ, tự hứa trong tương lai sẽ phá Frank nhiều hơn nữa cho bỏ ghét.

Sáng hôm sau, cả đoàn dậy sớm bắt đầu cuộc du khảo. Trời mờ sương, không khí dịu mát, tiếng chim chóc hót ríu rít, thật khác hẳn không khí thị thành. Mauricio ôm cây đàn guitar, cứ mỗi khi xe hắn đến gần xe Frank là hắn lại gảy lên phùng phùng và gân cổ hát, cố tình cho lạc giọng. Frank chỉ ngoảnh mặt làm ngơ.

Đoàn du khảo ngừng xe ở chân một ngọn núi nhỏ, nơi có một thác nước chảy xuống một dòng suối uốn éo, hai bên bờ cây cỏ xanh tươi với những khóm hoa dại đủ màu rực rỡ. Mọi người tụ tập bên một gốc cây, xấp đặt đồ nghề và cất Jairo ở lại canh giữ xe và những vật dụng nặng. Bốn đứa bé thổ dân đang lui hui nghịch nước bên bờ suối, thấy người lạ, chạy tủa lên, tò mò đứng nhìn. Nguyên vẫy bọn nhỏ lại,

cho mỗi đứa một gói bánh kẹo, hỏi đường vào núi.

- Các ông vào đó làm gì? - Đứa lớn nhất, độ chừng 12 tuổi, hỏi.

- Chúng tôi đi bắt bướm và tìm các loại côn trùng - Nguyên đáp, và chỉ Giáo Sư Miller - Ông này là giáo sư dạy về côn trùng. Còn ông này - chỉ Frank - thì đi bắt ốc.

Lũ nhỏ nghe Nguyên nói, nhìn nhau cười khúc khích và tình nguyện chỉ đường. Để Jairo trông xe, đoàn du khảo theo chân bốn đứa nhỏ vào núi.

Đi được chừng 15 phút, đến một hồ nước trong vắt, mặt lặn tẩn gợn sóng, bên bờ hai hàng cây uốn mình soi bóng thật nên thơ, lũ nhỏ từ giã ra về. Mauricio lại ôm đàn ra gảy. Frank đứng lên, xách vợt và thùng chai lọ để đựng mẫu côn trùng và ốc, rào bước về phía trước thật mau, cố tránh đụng chạm. Giáo Sư Miller đến bên Mauricio vỗ vai hân, yêu cầu ngưng đàn để mọi người bắt tay vào việc. Lúc đó Mauricio mới cất đàn vào bao, đeo lên lưng và cùng mọi người tản mát ra chung quanh, khởi sự công việc. Nguyên cùng Giáo Sư Miller đi về hướng Frank vừa khuất bóng sau hàng cây trước mặt. Chàng say sưa vừa đi vừa ngắm cảnh đẹp, lòng lâng lâng nhớ đến thành phố Đà Lạt thơ mộng của những ngày trăng mật xa xưa khi vợ chồng chàng vừa kết hôn sau khi chàng tốt nghiệp Y Khoa. Bây giờ thì hai vợ chồng đã ngăn cách hơn 4 năm từ sau ngày miền Nam Việt Nam thất thủ. Nguyên đã làm giấy tờ xin cho vợ con chàng sang đoàn tụ ở Colombia và Ngọc Uyên vừa mới tin cho chàng hay ước mộng sum họp chắc cũng sắp thành. Đang mê man

trong khung cảnh êm đềm của dĩ vãng, Nguyên bỗng giật mình khi Giáo Sư Miller vỗ nhẹ lên vai chàng khẽ nói:

- Nguyên, trông kìa.

Nguyên nhìn theo tay Giáo Sư Miller chỉ. Trước mặt hai người, bên một khóm hoa dại, hai cánh bướm đang chập chờn bay lượn. Nguyên đã đọc nhiều sách về bướm trong tủ sách của Giáo Sư Miller mà chưa hề thấy một loài bướm nào đẹp như cặp bướm trước mặt chàng. Cánh bướm lớn có một màu xanh dương lóng lánh kim loại chói lọi với những đốm đỏ, vàng, cam rực rỡ hai bên rìa. Cánh bướm nhỏ hơn, màu xanh lục ở phần trên, màu tím hồng ở phần dưới, giữa đuôi cánh có hai vòng tròn màu vàng tươi viền đen. Nguyên quay sang Giáo Sư Miller. Ông mê mẩn như người mất hồn, mắt nhìn đôi bướm đắm đắm, không chớp. Nguyên cầm vợt, thận trọng tiến đến gần khóm hoa. Đôi bướm vẫn nhõn nhờ như không biết nguy hiểm đang cận kề. Nhưng khi Nguyên vừa nhẹ dợ cây vợt lên thì chúng đã vỗ cánh vọt bay đi mất. Nguyên rượt theo một quãng thì mất dấu. Chàng tản ngẩn tiếc rẻ, lang thang đi sâu thêm vào con đường mòn. Hàng chục, hàng trăm cánh bướm bắt gặp dọc đường không gọi cho chàng một chút hứng khởi nào nữa. Tâm trí chàng chỉ nghĩ đến đôi bướm kỳ lạ vừa qua. Gần 15 phút đã qua mà Nguyên vẫn không thấy tăm hơi chúng đâu cả. Đang chán nản đến cực độ, bỗng nhiên mặt Nguyên tươi hẳn lên. Chàng vừa thấy dáng Frank ngồi bên một tảng đá, trong tay cầm hai cánh bướm Nguyên đang săn đuổi. Mừng rỡ, Nguyên chạy vội về phía

Frank. Nhưng mới được vài bước chàng đã sững sốt thấy Frank vung tay thả cặp bướm bay mất. Nguyên ngẩn ngơ nhìn theo hai bóng xanh khuất dần sau vùng cây lá.

- Sao mày lại thả chúng đi vậy Frank? Tao theo chúng đã gần nửa giờ rồi đó. Uổng quá! Chưa bao giờ thấy giống bướm nào đẹp như vậy. Giáo Sư Miller biết chắc ông sẽ rầu lắm đấy.

- Tao không nỡ để chúng bị chết. Tao thấy chúng đậu ở khóm hoa đằng kia. Sẵn vợt, tao chớp được ngay cả đôi. Nhưng khi tao gỡ chúng ra khỏi vợt thì dường như có một mãnh lực gì thúc đẩy khiến tao không thể rời mắt khỏi chúng. Tao cứ ngắm nghía chúng một lúc như vậy thì tự nhiên trong đôi mắt chúng như có vẻ van lơn, và bên tai tao như có lời năn nỉ tha mạng. Thế là tao thả chúng thì vừa lúc mày tới. Mày đừng nói gì với Giáo Sư Miller kẻo ông ấy phiền giận tao.

Nguyên nhìn Frank, cảm động. Chàng không ngờ Frank đã cảm đến như vậy. Hai người quay ngược trở về, được vài phút thì gặp Giáo Sư Miller vừa tới. Nguyên nói dối ông là đã mất dấu cặp bướm. Ông tiếc hùi hụi.

Buổi tối hôm đó, sau bữa cơm chiều, Frank mang chiếc máy minicassette của chàng với ống nghe ra sân sau quán trọ đọc sách và nghe nhạc. Đêm dần về khuya, sương mù buông xuống tạo nên một khung cảnh huyền hoặc. Khoác chiếc áo lạnh lên người, Frank gấp sách, gỡ ống nghe, đứng dậy toan trở về phòng thì bỗng nhiên chàng nghe như mơ hồ có ai gọi tên mình. Frank đảo mắt nhìn quanh. Từ trong vùng tranh tối, tranh sáng sau khóm

chuối bên bờ rào quán trọ, dáng một nàng thiếu nữ chừng hai mươi một, hai mươi hai tuổi và một cậu trai độ mười chín, hai mươi dần dần hiện rõ. Frank giật mình kinh hãi nhưng chưa kịp mở miệng thì thiếu nữ đã lướt tới trước mặt chàng, thỏ thẻ:

- Ông Frank Carter, xin ông đừng sợ. Em là Alma Rodriguez và đây là Raul, em trai em. Chúng em đến tạ ơn ông đã tha mạng.

Frank sững sốt:

- Tôi tha mạng cô, cậu đây bao giờ? Mà cô, cậu ở đâu xuất hiện giữa đêm hôm khuya khoắt như thế này?

Alma mỉm cười:

- Thú thật với ông, em và Raul chính là hai cánh bướm sáng nay ông tha chết. Nếu ông không mở lòng nhân thì giờ này chúng em đã thành mị cả rồi. Ma chết thì thành mị, ông có biết như vậy không?

Thấy Frank vẫn còn kinh hãi, Alma dịu dàng kéo tay Frank mời ngồi xuống ghế, thông thả kể cho chàng nghe đầu đuôi ngọn ngành.

Alma và Raul là hai chị em, con một gia đình giàu có ở Cali đang theo học tại Universidad del Valle. Alma chọn khoa Xã Hội Học và Raul theo Hoá Học. Hai năm trước hai chị em theo một đoàn sinh viên xuống Sylvia chơi, chẳng may bị tử nạn xe hơi tại một khúc quẹo ngoặt ở đầu làng. Từ đó oan hồn vương vất, hai chị em khi thì hoá thân làm chim, lúc làm bướm, và một đôi khi làm người, rong chơi trong vùng núi non hoa cỏ này. Dân chúng quanh vùng thỉnh thoảng thấy dáng hai chị em tha thướt ở bờ rừng nhưng tuyệt nhiên

không bao giờ hai người xuất hiện trong thôn xóm. Sáng nay hai chị em cao hứng hoá bướm bay lượn vui đùa, không ngờ bị Frank bắt được. May được chàng thương tình tha chết. Hai chị em đang chờ đầu thai, chỉ còn ba tháng nữa sẽ được trở lại dương thế. Nếu chẳng may chết đi sẽ hoá thành mị, không bao giờ còn được làm người.

Trong lúc Alma kể chuyện, Frank lặng lẽ ngắm hai chị em. Alma có một vẻ đẹp mong manh, ẻo lả. Nước da nàng trắng nuột. Cánh mũi dọc dừa giữa đôi mắt tròn, to, đen lánh dẫn xuống hai làn môi thanh tú và một cái cằm thon nhỏ, chẻ giữa. Mái tóc nâu, dày, êm mượt vừa chấm bờ vai, ôm khuôn mặt trái soan của nàng, tạo cho nàng một vẻ thơ ngây mà tinh quái. Thân hình nàng là lướt trong chiếc dạ phục màu xanh dương. Raul dáng hiền lành, có vẻ nghệ sĩ, mái tóc để dài quá gáy, gọn sóng bông bênh. Từ lúc mới đến cậu vẫn lặng yên không nói, chỉ nhẹ gật đầu chào Frank khi chị mình giới thiệu. Frank đã hết kinh hãi, vui vẻ trò chuyện cùng hai chị em. Raul vẫn ít nói, chỉ trả lời ngắn gọn nhưng lễ phép những câu hỏi của Frank. Alma trái lại, càng lúc càng tươi tắn. Mãi vui câu chuyện, thoáng chốc đã có tiếng gà gáy sau quán, và ánh dương cũng lờ mờ ló dạng. Alma đột nhiên nắm lấy tay Frank:

- Trời đã sáng, chúng em phải từ giả anh bây giờ. Tối nay nếu anh bằng lòng, chúng em sẽ đến đón anh lại nhà cho mẹ nuôi em được đích thân tạ ơn anh.

Frank chưa kịp trả lời, Alma đã ngã mình vào người chàng, ôm vai, đặt một nụ hôn trên má. Raul cũng vội vã đưa tay bắt tay Frank. Rồi hai chị em từ từ tan biến trong màn sương đêm còn phủ mờ cảnh vật. Frank tần ngần nhìn theo, lòng ngập tràn cảm xúc. Chàng đề mê như trong một giấc mộng. Nụ hôn của Alma lúc đầu lạnh như băng mà bây giờ, bên má chàng, chỗ hai làn môi vừa chạm vào bỗng ấm áp lạ thường. Đột nhiên Frank choáng váng, chàng thấy mắt mình hoa lên, cảnh vật chung quanh như quay cuồng, và chàng gục xuống mặt bàn đá, thiếp đi.

Sáng sớm hôm sau, khi Nguyễn ra sân tập thể dục theo thói quen hàng ngày, chàng giật mình thấy Frank nằm gục trên bàn, bên cạnh có hai xác bướm màu xanh dương và xanh lục, đúng là hai cánh bướm hôm trước Frank đã thả đi sau khi bắt được. Nguyễn vội vã đến lay Frank dậy. Tỉnh giấc rồi Frank vẫn ngơ ngác như mê ngủ. Khi thấy hai cánh bướm nằm trên bàn chàng mới định thần và thông thả kể cho Nguyễn nghe cuộc hạnh ngộ đêm qua. Nguyễn sửng sốt, nhưng nhìn về mặt Frank và thấy hai xác bướm, chàng biết Frank không bịa chuyện. Frank rủ Nguyễn đêm đó cùng đợi Alma đến đón. Vốn ham phiêu lưu và thích chuyện lạ, Nguyễn nhận lời.

Sau bữa cơm tối, Frank và Nguyễn chờ mọi người đi ngủ hết mới ra sân sau quán trọ ngồi chờ. Quả nhiên, vào khoảng nửa đêm, Alma và Raul xuất hiện. Thấy Nguyễn, hai người có vẻ ngại ngùng, nhưng khi Frank cho biết Nguyễn là bạn thân của mình, Alma vui

về mời Nguyên cùng đi ngay. Nàng bảo Frank và Nguyên:

- Hai anh nhắm mắt lại cho đến khi em gọi tên hãy mở mắt ra.

Frank và Nguyên làm theo lời nàng. Alma và Raul ra sau lưng hai chàng, dùng tay đẩy nhẹ một cái. Hai chàng bỗng thấy thân hình mình nhẹ hẫng, bên tai nghe tiếng gió thổi vù vù và có cái cảm giác đang bay bổng trên không. Được một thoáng thì nghe Alma gọi tên mình. Nguyên mở bừng mắt. Chàng bỗng choáng váng trước cảnh vật chung quanh. Chàng và Frank đang đứng trong một tòa đại sảnh rộng rãi như cung điện vua chúa ngày xưa. Những cột trụ thiếp vàng chống đỡ một vòm bán nguyệt vẽ cảnh trăng sao lấp lánh trên một bầu trời xanh thẳm, không khác gì cảnh thật. Khắp các bức tường chung quanh là những bức tranh hoa và bướm đủ màu, đủ loại, bố cục thật đẹp mắt. Những cánh bướm chốc chốc lại đổi chỗ và những bông hoa luân phiên thay màu. Sàn sảnh đường lát cẩm thạch bóng loáng và trải thảm êm như nhung. Dưới vòm bán nguyệt là một chiếc ngai vàng, trên đó một thiếu phụ tuổi chừng trên bốn mươi, uy nghi mà hiền hậu, ăn vận như một nữ hoàng, đang mỉm cười nhìn hai chàng. Hai bên bà có bốn cô gái xinh đẹp đứng hầu. Giữa đại sảnh, một chiếc bàn đã xếp sẵn năm chỗ với các bộ đĩa vàng, chén ngọc cực kỳ sang trọng. Một ban nhạc thính phòng với bốn nhạc sĩ đang dạo những bản nhạc cổ điển thanh thoát, tuyệt vời. Alma và Raul dẫn Frank và Nguyên đến chào thiếu phụ:

- Thưa Mẹ, đây là anh Frank Carter, người đã tha mạng các con, và đây là anh Hoàng Nguyên, bạn học thân thiết của anh Frank.

Thiếu phụ đứng dậy đưa tay cho Frank và Nguyên hôn, ngỏ lời cảm ơn Frank và mời hai chàng ngồi vào bàn hai bên bà. Alma ngồi cạnh Frank và Raul ngồi cạnh Nguyên. Năm gia nhân mặc "tuxedo" đứng chung quanh hầu tiệc. Các món sơn hào, hải vị, rượu ngon, bánh ngọt, cây trái thơm lành lần lượt được đem ra đãi khách. Thiếu phụ cũng như Raul, ít nói, nhưng trong giọng nói và cung cách vẫn có một vẻ nồng ấm, chân thành.

Trong bữa tiệc, Frank và Nguyên được biết sau khi tử nạn, Alma và Raul đang lúc oan hồn vật vờ, vất vưởng thì may mắn gặp thiếu phụ, vốn là nữ vương loài bướm, du hành qua đúng lúc, thương tình nhận làm con nuôi, nhờ đó có nơi nương tựa.

Ăn uống vừa xong, Raul đứng dậy xin đánh một khúc guitar cổ điển tặng Frank và Nguyên. Những ngón tay lướt trên dây đàn tạo ra những âm thanh thanh thoát, khi dồn dập, lúc băng khuâng, khi cuồng nhiệt làm Frank và Nguyên cùng sửng sò, mê mẩn. Nhìn sang bên kia bàn, Nguyên thấy Alma đang ngả đầu trên vai Frank, và bàn tay hai người đã nắm lấy nhau từ hồi nào. Khi tiếng đàn vừa dứt, mọi người như vừa đắm trong một cơn mê, quên cả vỗ tay tán thưởng. Mãi đến lúc Raul trao đàn lại cho người nhạc công và cúi đầu chào, tiếng pháo tay mới nổ vang. Frank đứng dậy bắt tay Raul nồng nhiệt.

Cuộc vui đang kéo dài tưởng như bất tận, chợt thiếu phụ quay sang Frank, đặt tay lên vai chàng:

- Đa tạ anh đã có lòng thương xót hai cháu. Thịnh thoảng mời hai anh đến chơi. Bây giờ trời đã sắp sáng, chúng ta phải tạm biệt. Chúc hai anh một ngày thật vui. Alma và Raul sẽ đưa hai anh về.

Bà nói xong liền đứng dậy quay đi, chỉ một thoáng đã biến mất cùng bốn nàng cung nữ.

Frank và Nguyên quay sang cảm ơn năm gia nhân hầu bàn và ngỏ lời khen ngợi bốn nhạc công, bắt tay từng người. Rồi Alma bảo Frank và Nguyên nhắm mắt. Hai chàng lại nghe gió thổi vù vù bên tai một hồi thì về đến quán trọ. Mờ mắt ra, trời vẫn còn xẩm tối. Alma cầm tay Frank, đôi mắt long lanh, đăm đăm. Frank kéo nàng sát vào người mình, nâng cằm, đặt một nụ hôn nồng nàn trên môi. Người Alma mềm nhũn như muốn tan vào thân thể Frank. Một lúc sau hai người mới quấy luyến giã từ. Frank đứng ngẩn ngơ nhìn theo dáng Alma và Raul nhạt nhòa vào màn đêm vừa chớm sáng.

Sau bữa ăn sáng, đoàn du khảo trở về Cali. Amparo từ đó buồn rầu, biếng nói, thường lảng tránh Frank. Mauricio vẫn không bỏ qua một cơ hội nào để quấy phá và chọc giận Frank, liên tiếp dùng cây đàn guitar, cố tình làm Frank bực bội. Nhưng Frank hoàn toàn không để tâm, chàng như ngơ, như điếc. Mãi rồi Mauricio cũng chán, để Frank yên thân.

Trong những ngày kế tiếp, Frank và Alma vẫn gặp gỡ thường xuyên, khi thì Alma đến phòng Frank, khi thì nàng

đón chàng về vương phủ. Cuộc tình giữa người và ma này không ai hay biết trừ Nguyên. Hai xác bướm chị em Alma để lại đêm gặp gỡ, Frank đem tặng Giáo Sư Miller. Ông mừng lắm và cho lộng kính ngay, treo trước bàn học, coi như báu vật.

Được hơn hai tháng thì một đêm kia Alma đến gặp Frank với một bộ mặt rầu rĩ và một dáng điệu cực kỳ thiếu ngủ. Frank hết sức lo lắng, ôm nàng vào lòng, âu yếm hỏi:

- Có chuyện gì mà trông em buồn quá vậy?

Alma òa lên khóc:

- Anh có nhớ em đã nói với anh khi trước là em và Raul đang chờ đi đầu thai không? Thời hạn ấy sắp đến rồi đó thưa anh. Mẹ nuôi em nói là chỉ còn chừng nửa tháng nữa là hai đứa em sẽ tái sinh vào hai gia đình khác nhau, một ở Medellín và một ở Cartagena. Như vậy là em sắp mất anh và cũng sắp phải xa Raul, anh à!

Frank lặng người. Chàng như nghe tim mình rạn vỡ. Không biết nói gì hơn, chàng chỉ ôm Alma mà thở dài não nuột. Ai có ngờ đâu sự tái sinh của một người đáng lẽ là một niềm vui lớn lao lại hoá ra một nỗi sầu thảm tột cùng cho hai tâm hồn đang chìm đắm trong bể yêu đương như vậy.

Sáng sớm hôm đó, sau khi Alma hôn chàng từ biệt, Frank gọi điện thoại cho Nguyên, thở than cùng bạn. Nguyên bùi ngùi thương cảm nhưng cũng chẳng biết làm gì hơn.

Một tuần trôi qua Frank tiêu tụy trông thấy. Chàng như người mất hồn, không còn thiết tha gì đến công cuộc khảo cứu của mình, bỏ cả ăn uống. Nguyên

cố tìm cách an ủi bạn, nhưng vô ích. Frank hầu như mất hết sinh khí. Mọi người ở Trung Tâm Nghiên Cứu đều kinh hãi và quan tâm trước tình trạng sức khỏe của Frank. Giáo Sư D'Alessandro bắt Frank phải đến gặp Giáo Sư Serra là vị Trưởng Khoa Nội Thương ở Đại Học Y Khoa del Valle khám bệnh, nhưng tất cả những thử nghiệm cũng như chẩn đoán lâm sàng đều không cho một kết quả nào khác hơn là bệnh ưu sầu, phiền muộn. Không ai hiểu lý do tại sao và Frank thì nhất định không hé môi một tiếng về cuộc tình của chàng và Alma.

Một buổi sáng Nguyên đang cầm cúi làm việc trong phòng thí nghiệm thì có tiếng gõ cửa. Rồi Gabriel, ông lão da đen phụ trách dọn dẹp hàng ngày ngập ngừng bước vào:

- Bác Sĩ Nguyên, tôi có chuyện muốn nói với ông.

Nguyên ra dấu cho Gabriel ngồi, hỏi ông muốn nói chuyện gì. Gabriel cho biết ông là người gốc Haiti, rất rành pháp thuật Voodoo, nhưng đã lâu không sử dụng, vì một lần làm phép, vô tình để lộ cho một người bạn gái mà ông vô cùng yêu dấu, đến nỗi bà này bị liệt nửa người dưới nhưng ông không làm sao cứu được. Bà ấy oán hận ông, thề không bao giờ nhìn lại mặt. Ông rất đau khổ, bỏ xứ ra đi tìm quên lãng, rồi lưu lạc đến Colombia. Hối hận vì việc mình làm, ông tự hứa sẽ không sử dụng pháp thuật của mình nữa. Nhưng gần đây, nhìn thấy tình cảnh của Frank, ông biết chàng có liên hệ đến ma quỷ, và nếu cứ tiếp tục cái đà này, chàng sẽ không còn sống bao lâu nữa. Không nỡ nhìn tâm nhìn Frank từ từ đi vào chỗ

tự hủy diệt, ông muốn dùng tài phép phù thủy của mình giúp chàng như một cách chuộc lại lỗi lầm ngày xưa, nhưng Frank đã không chịu nói chuyện với ai ngoài Nguyên. Ông tìm đến Nguyên, hy vọng chàng sẽ thuyết phục Frank cho ông được gặp.

Nguyên bán tín, bán nghi, nhưng với tình thế cấp bách, chàng không cần suy nghĩ thêm, lấy xe đưa Gabriel đến Frank ngay lập tức. Frank đã vắng mặt ở Trung Tâm hai ngày, đóng cửa nằm nhà với nỗi đau khổ của mình. Khi biết có Nguyên đến, Frank gắng gượng đứng lên mở cửa. Người chàng đã xop hảnh đi, mặt mày tái mét, đứng không muốn vững. Nguyên thương cảm, đỡ bạn lại giường nằm, cho Frank hay mục đích của Gabriel. Lúc đó Frank mới nhìn Gabriel, yếu ớt gật đầu chào, trong đôi mắt thoáng loé lên một tia hy vọng. Gabriel ngồi xuống cạnh giường, hỏi đầu đuôi câu chuyện. Nguyên thay Frank kể hết nguồn cơn. Gabriel móc túi lấy ra một bộ bài có những hình vẽ kỳ dị, cầm tay Frank úp lên trên, khấn khứa một tràng bằng một thứ tiếng quái lạ, nghe âm ì như núi lửa đang phun. Xong ông bày bộ bài lên sàn nhà, ngồi xếp bằng tròn, hai tay ôm trán, nghiền ngẫm không chớp mắt, chốc chốc lại đổi vị thế các con bài. Như vậy hơn một tiếng đồng hồ, trên đầu Gabriel như có một làn khói mờ mờ bốc lên. Toàn thân ông bỗng nhiên cứng đờ, hai mắt trợn trừng. Đột nhiên những con bài đảo lộn, bay lơ lửng trên không một hồi rồi rớt xuống sàn, xếp lại theo một thứ tự mới. Lúc ấy Gabriel chợt thở hắt ra, thân hình ông chao qua, chao lại, rồi ông ngã vật xuống. Nguyên hốt hoảng

chạy đến bên, toan đỡ ông dậy thì Gabriel đã mở bừng mắt, nở một nụ cười méo mó trên môi:

- Được rồi, được rồi, Bác Sĩ ời!

Và ông ngồi dậy đến bên giường Frank, hai ngón tay cái bấm vào hai bên thái dương chàng, hét lớn:

- Dậy mau!

Frank bỗng đứng bật lên, vẻ tiều tụy đã biến mất. Tuy trông chàng vẫn còn yếu ớt, nhưng sắc diện đã hồng hào hơn. Gabriel ra hiệu cho Frank ngồi xuống, rồi chậm rãi nói:

- Tôi sẽ giúp ông nhưng cơ trời không thể tiết lộ. Ông cứ nghe tôi, bảo trọng sức khỏe, sinh hoạt bình thường trở lại. Bất cứ chuyện gì xảy ra ông cũng đừng để tâm, nhất định giữ cho lòng mình thật thanh thản. Ba ngày nữa tôi sẽ cho ông biết phải làm gì.

Nói xong ông cúi chào Frank và Nguyên, xua tay trước lời cảm ơn của Frank, rồi mở cửa đi thẳng, không đợi Nguyên đưa về. Nguyên chạy theo, nhưng ra đến cửa thì ông lão đã mất hút, không còn thấy bóng dáng đâu nữa.

Ngày hôm sau Frank trở lại làm việc như thường, nhưng Gabriel thì vắng mặt. Cô thư ký Trung Tâm nói ông kêu điện thoại vào, cáo ốm. Nguyên lo lắng, hỏi địa chỉ, đến tận nhà kiếm ông, thì cửa đóng, then cài, hàng xóm nói ông đã xách vali đi đâu từ lúc giữa trưa. Chán nản, Nguyên trở về, lòng nôn nao vô hạn. Chàng lo Frank sẽ trở lại tình trạng như trước nếu biết Gabriel đã biệt tích, nhưng Frank dường như không mấy quan tâm. Chàng tiếp tục làm việc như lúc còn khỏe mạnh, trên gương mặt nét sầu thảm đã biến mất.

Hai ngày sau khi Nguyên ở Trung Tâm về nhà thì đã thấy Gabriel ngồi trong phòng khách chờ sẵn. Ông xin lỗi đã dùng pháp thuật vào nhà Nguyên trong lúc chàng chưa về, và cho biết ông đã lo liệu xong mọi việc và dặn Nguyên phải rủ Frank cùng đi trong chuyến du khảo Sylvia sắp tới. Nguyên chợt nhớ Giáo Sư Miller định trở lại Sylvia trong ba ngày nữa để thu thập thêm mẫu côn trùng. Nguyên đã định không đi để ở nhà lo sức khỏe cho Frank. Chàng toan hỏi thêm vài điều thì Gabriel đã xua tay đứng dậy ra về.

Nguyên đến Frank rủ bạn cùng đi, nói không khí đồng quê sẽ giúp Frank hồi phục mau hơn. Frank bằng lòng. Nguyên báo cho Giáo Sư Miller biết quyết định mới của mình và Frank. Giáo Sư Miller hết sức vui mừng thấy Frank đã khả quan trở lại.

Đoàn du khảo gồm đủ thành phần như chuyến trước trừ Jon vừa về New Orleans phúc trình với vị giáo sư đỡ đầu luận án của chàng. Hai chiếc xe hơi vẫn do Jaime và Jairo lái, rồi Cali trở lại Sylvia lúc sáu giờ sáng. Giáo Sư Miller, Frank và Nguyên ngồi một xe do Jaime lái. Amparo và Mauricio đi cùng với Jairo trên chiếc xe thứ hai. Suốt một tuần trước trời thật trong xanh mà sáng ấy tự nhiên sương mù dày đặc. Ánh dương le lói đường như không đủ sức soi sáng cảnh vật chung quanh. Hai chiếc xe di chuyển thật khó khăn, chậm chạp. Jaime và Jairo cứ phải nhướng mắt nhìn đường. Mauricio lần này không mang cây đàn guitar và cũng không chọc phá Frank như trước. Từ ngày Frank bị đau, hắn đã lễ độ với chàng hơn và nhiều lúc còn tỏ vẻ quan

tâm, lo lắng cho sức khỏe của chàng. Amparo thì lặng lẽ ôm cái cặp đựng sổ sách, giấy tờ của Giáo Sư Miller, nét mặt đầy vẻ buồn thảm, chịu đựng. Trong những ngày Frank nằm bệnh, nàng lo lắng trông thấy, nhưng nàng cũng chỉ biết ôm mỗi ưu tư một mình, tự tử cho cuộc tình vô vọng.

Đến đầu làng Sylvia, trời bắt đầu quang đãng dần. Jaime, anh tài xế chiếc xe đi đầu chở Giáo Sư Miller, Frank và Nguyên mừng rỡ, nhấn ga cho xe vọt nhanh hầu lấy lại khoảng thời gian chậm trễ vừa qua. Đằng sau Jairo cũng phóng xe theo. Nhưng mới được một quãng, xe đang bon bon chạy, trời lại đột nhiên tối xầm. Jaime vừa kịp thấy một chỗ quẹo gắt vội vàng bẻ tay lái lách qua trái. Mọi người chưa kịp hoàn hồn thì đã thấy đầu chiếc xe thứ hai nảy tung lên, rồi cả thân xe lộn hai, ba vòng xuống một vũng sâu bên vệ đường. Jaime vội vàng tấp xe vào lề. Frank và Nguyên nhảy ngay xuống, chạy lại chiếc xe lâm nạn. Vừa đến nơi thì thấy Jairo lom còm chui ra khỏi cửa xe, chỉ bị xây sát trán và cánh tay trái. Còn Amparo và Mauricio vẫn nằm bất động bên trong chiếc xe lật nghiêng. Vừa lúc Jaime chạy đến, bốn người cố sức đẩy chiếc xe ngay ngắn lại rồi mở cửa kéo Amparo và Mauricio ra để nằm trên thảm cỏ. Thân hình hai chị em vẫn nguyên vẹn, chỉ bị bầm tím chân tay. Nhưng khi Nguyên lấy mạch và nghe tim thì mạch đã mất và tim đã ngừng đập. Hơi thở cũng không còn. Frank đã từng học một lớp cấp cứu nên chàng cùng Nguyên làm hô hấp nhân tạo cho Amparo và Mauricio. Nhưng mọi cố gắng đều vô ích. Hai chị em vẫn nằm

bất động, vô hồn. Cuối cùng Frank và Nguyên đành bỏ cuộc. Cả đoàn ảo não vô hạn, kẻ đứng, người ngồi la liệt trên cỏ, mệt mỏi, đau đớn và chán chường cực độ. Nguyên lấy một tấm bạt lớn phủ lên xác hai chị em rồi bảo Jaime và Jairo đưa Giáo Sư Miller vào làng báo chính quyền địa phương. Frank thì đỡ dẫn ngồi bên xác Amparo, ôm bàn tay nàng trong hai bàn tay mình, thoa bóp nhẹ nhẹ như muốn truyền sức sống của mình cho nàng. Nét mặt chàng lộ vẻ đau đớn, dường như hối hận vì thái độ hắt hủi của mình với nàng lúc trước.

Nửa giờ đã trôi qua, Giáo Sư Miller và hai anh tài xế vẫn chưa trở lại. Không khí thật buồn thảm mặc dù sương mù đã tan và ánh dương đã bắt đầu tỏa chiếu khắp nơi. Bãi cỏ non xanh rợn với những hạt sương đêm còn đọng lại lóng lánh thật đẹp càng làm tăng thêm vẻ đau thương của cảnh huống. Frank vẫn gục đầu lặng lẽ thoa nắn bàn tay Amparo.

Nguyên nóng ruột đi qua, đi lại. Con đường làng buổi sáng vắng tanh.

Đột nhiên Frank ngồi bật dậy. Chàng vừa nghe ai gọi tên mình. Tiếng gọi thật yếu đuối, mơ hồ. Chàng đưa mắt nhìn quanh không thấy ai ngoài Nguyên. Frank một tay dụi mắt, tay kia vẫn nắm bàn tay Amparo. Tiếng gọi lại vọng lên, lần này lớn hơn làm Nguyên cũng nghe thấy, sững sốt dừng lại. Đó là tiếng một thiếu nữ, giọng run như mất hơi. Frank chột la lớn:

- Alma, em đó ư?

Tiếng nói bây giờ rõ và mạnh hơn, đúng là tiếng Alma:

- Frank, em đây, Alma của anh đây!

Rồi một giọng đàn ông cũng vang lên:

- Anh Frank, em là Raul nè!

Trong tay Frank, bàn tay Amparo bỗng nhiên động đậy. Tám bát đập lên xác hai chị em chột rung động, rồi một bàn tay thò ra ngoài lật phần phủ mặt lên. Nguyên kinh hãi nhìn hai chị em Amparo và Mauricio đang mở to mắt hướng về phía Frank. Frank cũng kinh hãi không kém. Nhưng Amparo đã ngồi dậy, vòng tay ôm lấy chàng, xiết chặt:

- Frank, em đây! Alma của anh đây! Từ nay em sẽ được sống bên anh thật sự và mãi mãi.

Cùng lúc đó, Mauricio đứng dậy, tiến đến phía Nguyên, đưa tay bắt tay chàng:

- Anh Nguyên, em, Raul đây! Em đã sống lại!

Nguyên chột nhớ đến Gabriel và hiểu rằng đây là chuyện ông đã dày công thu xếp trong những ngày vừa qua. Giây phút kinh hoàng qua đi, Amparo và Mauricio (hay đúng hơn Alma và Raul) mới kể cho Frank và Nguyên hay là nhờ có Gabriel vận động, hai chị em không phải đi đầu thai như đã định. Gabriel biết Amparo và Mauricio sắp tới số, sẽ bị tai nạn qua đời vào ngày giờ hôm nay. Ông nhân đó sắp xếp cho hồn Alma và Raul chờ sẵn để nhập vào xác Amparo và Mauricio khi tai nạn xảy ra. Hồn Amparo và Mauricio thì được thay thế hồn Alma và Raul đi đầu thai như đã định, khỏi phải làm kiếp ma lâu.

Frank mừng rỡ vô tả. Chàng cứ ôm chặt người yêu trong lòng như sợ nàng sẽ lại tan biến đi mất và những gì vừa xảy ra chỉ là một giấc mộng. Alma/Amparo cũng hân hoan không

kém. Đôi tình nhân cứ quấn quýt lấy nhau quên cả không gian và thời gian.

Khi Giáo Sư Miller trở về với Jaime, Jairo và bốn viên cảnh sát, ai ấy đều sửng sốt. Nguyên giải thích sơ qua là hai chị em chỉ bị ngất đi, và nay đã tỉnh lại. Vì không có ai bị thương tích nặng nên mấy người cảnh sát chỉ ghi chép qua loa rồi trở về làng sau khi khuyến cáo mọi người cẩn thận hơn. Giáo Sư Miller thì ngạc nhiên cùng cực nhưng ông cũng không hỏi gì thêm. Jaime và Jairo có vẻ thắc mắc về sự thân mật giữa Frank và Amparo hơn là việc hai chị em nằng sống lại. Vừa lo sửa chữa chiếc xe bị lật, họ vừa liếc nhìn đôi tình nhân mới với cặp mắt dò xét, tò mò.

Một giờ sau thì xe sửa xong. Cả đoàn quyết định hủy bỏ cuộc du khảo, trở lại Cali vì một số lớn đồ nghề, trang bị đã bị hư hại. Trên đường về, Frank qua ngồi xe với Alma/Amparo và Raul/Mauricio. Giáo Sư Miller lúc đó mới gạn hỏi Nguyên về diễn biến vừa qua. Nguyên thuật lại cho ông đầu đuôi cặn kẽ nhưng dấu vai trò của Gabriel. Giáo Sư Miller rất lấy làm lạ và mừng cho Frank.

Toàn thể Trung Tâm Nghiên Cứu đều ngạc nhiên nhưng hết sức hân hoan thấy Frank, Amparo và Mauricio sau tai nạn đã trở nên thân thiết. Đặc biệt là Mauricio không còn đánh guitar theo những tiết điệu nóng bỏng nữa mà chỉ chơi nhạc cổ điển. Ngón đàn của cậu cũng điêu luyện gấp bội khi trước. Họ cũng nhận thấy giọng nói và nhân cách hai chị em thay đổi hoàn toàn nhưng cho đó là do chấn động thần kinh theo

lời giải thích của Nguyên, và cũng không thắc mắc gì hơn. Gabriel thì vẫn cặm cụi làm việc như không có gì khác lạ. Duy chỉ có Frank, Nguyên, Alma/Amparo và Raul/Mauricio là nhìn ông với vẻ kính trọng và gần gũi ông hơn. Khi mọi người về đến Cali, ông đã gặp riêng Frank, Nguyên, Alma/Amparo và Raul/Mauricio xin bốn người đừng tiết lộ gì về chuyện ông vốn là phù thủy Voodoo vì ông hoàn toàn muốn quên cái quá khứ ấy. Cứu được Frank, đem lại cuộc sống cho Alma và Raul là ông đã mãn nguyện và tự thấy đã đền bù được phần nào cái lỗi lầm với người yêu mình khi xưa, ông tự hứa sẽ tiếp tục sống cuộc đời một nhân công nghèo hèn cho đến mãn kiếp để tự trừng phạt mình.

Hai tháng sau, Frank và Amparo/Alma chính thức kết hôn. Ngày cưới, khi xe hoa vừa chuyển bánh từ nhà cô dâu, tự nhiên trên không bỗng xuất hiện một đàn bướm hàng mấy trăm con dẫn đầu bởi một cánh bướm bà lộng lẫy bay lượn theo đoàn xe đến tận nhà thờ, và còn đảo thêm năm sáu vòng trước khi biến mất.

Đêm hợp cẩn. Frank ôm vợ trong vòng tay hồi nhỏ:

- Anh vẫn có một thắc mắc chưa có cơ hội hỏi em. Tại sao em đã là ma, có tài biến hoá, mà lần đầu tiên gặp anh

dưới dạng bướm bướm, em và Raul lại để anh bắt được dễ dàng như vậy?

Alma rúc đầu vào ngực chồng, thở thê:
- Chúng em cố tình đẩy thôi. Bởi vì mới nhìn thấy anh, em đã mê mệt ngay, nên mới nói khó với Raul để anh bắt, cho em có cơ hội làm quen. Em biết thế nào anh cũng sẽ thả chúng em, mà thật ra nếu anh không thả, chúng em cũng thoát được dễ dàng. Anh không thấy đêm mình gặp nhau, chúng em để lại hai xác bướm tặng anh đó sao?

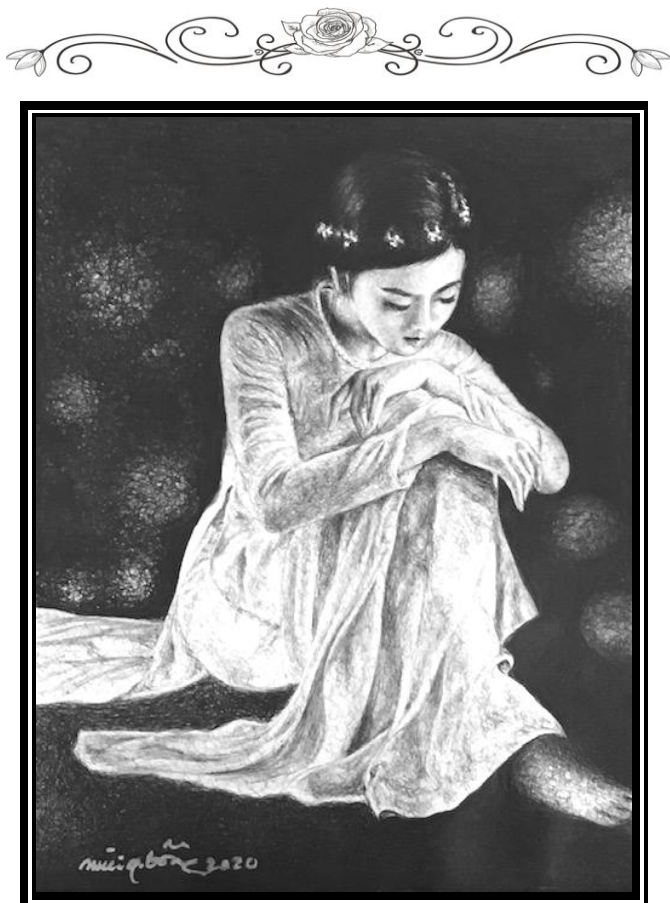
Frank cảm động, nâng cầm vợ, đặt một nụ hôn đắm đuối trên đôi môi mọng đỏ của nàng, nghe trong lòng mình trào dâng một niềm hạnh phúc bao la, vô bờ bến.

Sau khi hoàn tất phần khảo cứu cho luận án của mình, Nguyên cùng vợ con (khi ấy đã từ Việt Nam qua xum họp với chàng được một tháng rưỡi) rời Cali về lại New Orleans. Frank còn ở lại thêm một năm rồi mới trở qua Đại Học Tulane vài tháng để hoàn tất bản luận án của chàng. Sau khi trình xong luận án. Frank cùng Alma trở về New York. Bẵng đi bấy năm, sau khi Nguyên đã trở lại hành nghề Y Khoa, một buổi sáng khi Nguyên đang khám bệnh trong phòng mạch thì cô thư ký báo có bạn học cũ đến thăm. Nguyên mời vào văn phòng. Thì ra là Frank, Alma và một cô bé gái 6 tuổi, vô cùng xinh xắn. Điều làm Nguyên vô cùng ngạc nhiên là Alma bây giờ không còn khuôn mặt và dáng người của Amparo mà đã

hoàn toàn hóa thân thành chính mình. Hỏi thì Frank nói sau khi sinh cháu gái, mỗi tháng cơ thể Amparo biến đổi một chút và bốn năm sau nàng hoàn toàn lột xác thành Alma. Nhân tiện, Nguyên hỏi thăm Raul thì Alma cho hay Raul vẫn là Mauricio, cậu ta quyết định không đổi tên, không hoá thân và tiếp tục sống với gia đình cha mẹ người đã cho mình mượn xác như một hình thức đền ơn.

Nguyên bế cháu bé đặt ngồi trên bàn giấy. Khuôn mặt xinh đẹp của cháu phảng phất vẻ sắc sảo của Amparo. Chàng cầm tay cháu dịu dàng hỏi tên. Cô bé nheo mắt, nhỏ nhẹ đáp: "Amparo".

Mùi Quý Bông



U HOÀI (bút bi trên giấy, 11"x14") – Tranh: **Mùi Quý Bông** 2020

TRÂU TRONG ĐỜI SỐNG KHOA HỌC

** Tác giả: **Nguyễn Quý Đại** Germany **

Từ lễ Giáng sinh đến Tết dương lịch thời tiết ở Âu Châu thuộc mùa Đông giá lạnh, khác bên quê nhà Tết âm lịch ẩm áp phố chợ mua bán rộn ràng, tấp nập, hoa quả, đủ loại khoe sắc. Bánh tét, bánh chưng giò chả, các loại mứt, mứt dừa, mứt bí, mứt me...Hồi tưởng lại mùa xuân quê hương, kỷ niệm xa xưa vẫn còn trong ký ức của mỗi chúng ta khó có thể phai pha theo thời gian. Những lần Tết âm lịch đến, người Việt ở hải ngoại đều tổ chức Tết cổ truyền theo phong tục Á châu và thực hiện những giai phẩm xuân.

Theo quan niệm từ xưa người sinh vào năm Sửu thì gọi là tuổi Sửu. Theo Thập Nhị Chi (十二支, shíèrzhī) 12 con giáp là: **Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi** được dùng tại các nước Á Đông như: Việt Nam, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore ...tuy nhiên có vài khác biệt nhỏ, Việt Nam gọi năm Mão là mèo, ngược lại ở Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản gọi là thỏ, Nhật Bản, gọi năm Mùi là cừu, năm Hợi là heo rừng. Thập nhị can được chia thành hai cực âm - dương và ngũ hành, trong đó con trâu (Sửu) thuộc âm. Trong khi kết hợp với thiên can, những con vật mang tính âm cũng được kết hợp với yếu tố âm

và những con vật mang tính dương cũng được kết hợp với yếu tố dương của thiên can. Những yếu tố âm của thiên can (còn gọi là thập can 十干; pinyin: shí gān) năm âm là: **(Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý)**; Năm thuộc dương (**Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm**). Như vậy, Sửu trong địa chi chỉ được kết hợp với: **Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý**. Do đó, chỉ có những năm Sửu là: **Ất Sửu, Đinh Sửu, Kỷ Sửu, Tân Sửu và Quý Sửu** chứ không thể có những năm Sửu khác. Năm Sửu chỉ thời gian từ 1 giờ tới 3 giờ sáng.

Năm 2021 theo Can - Chi là năm Tân Sửu, bắt đầu từ ngày 12/2/2021 đến 31/01/2022 dương lịch. Tôi sưu tập tài liệu về năm Sửu/ trâu, để độc giả tham khảo, vì con trâu gần với đời sống nông nghiệp Việt Nam từ nhiều thiên niên kỷ, hình trâu được khắc trên trống đồng thời Đông Sơn.

Họ hàng nhà trâu trong khoa học

*Trâu thuộc bộ nhai lại (Ruminantia)
Giới (Kingdom, regnum) động vật (Animalia)
Lớp (class) động vật có vú (Mammalia)
Bộ (order) bộ guốc chẵn (Artiodactyla)
Họ (Family) trâu, bò có sừng Bovidae*

Phân bộ họ bò (Boviae)
Chi (genus) trâu (Bubalus)

Theo tài liệu trâu rừng sống trên Châu lục là tổ tiên của các loại trâu nhà. Trâu rừng ở Á châu được chia làm 2 loại: Wild Asiatic Buffalo, Wild Water Buffalo (*Bubalus arnee*) các loại trâu được thuần hoá thành trâu nhà: House water buffalo (*Bubalus bubalis*) Water Buffalo, Asian Buffalo, Asiatic Buffalo, Indian Buffalo.

Trâu rừng sống từ bán đảo Ấn Độ đến Trung Hoa, đầu tròn dài từ 240-300 cm, đuôi lông cứng dài 60-90 cm, vai cao từ 150-190cm, sừng dài nhọn và cong. Trọng lượng từ 800-1200 kilo, lông màu đen, xám hay nâu, có thể sống đến 25 năm, thường sống chung với nhau một bầy và có những con trâu đực "đầu đàn" to con mạnh sừng dài nhọn chống lại các loại thú dữ khác (đòi sống, tập tính các loại trâu rừng đều giống nhau). Trâu cái hàng năm sinh một con nghé, thời gian chữa đẻ hơn 310 ngày. Hiện nay chỉ còn một số ít sống ở trên rừng Đông Nam Á: Thái Lan, Việt Nam, Lào, Malaysia, Sri Lanka, Borneo, Birma và Cambodsch.

Trâu lùn Anoa nhỏ con ở Đông Nam Á gồm các loại: trâu lùn đồng bằng Anoa (*Bubalus depressicornis*) trâu lùn miền núi Anoa (*Bubalus quarlesi*); còn các loại trâu lùn Tamaraw, Tamaraw,

Tamaraw, Mindorol (*Bubalus mindorensis*), những khảo cứu về các loại trâu ở: Trung Hoa, Ấn Độ, Ba Tây, Đông Nam Á và Úc Châu cho thấy quá trình thuần hoá, phối giống khác nhau. Hình dạng trâu nhà lớn nhỏ theo từng địa phương, sừng, màu da cũng khác nhau, trâu nước (Water buffalo/ *Bubalus arnee*) hơn 150 triệu con được thuần hóa trên thế giới. Ở Việt Nam có giống trâu nhà tên khoa học gọi là *Buffalus indicus*. Người Việt chọn và lai giống nhiều loại, trâu nhỏ con để kéo cày, loại to con để kéo gỗ, trâu da xanh đen, xám sẫm, nâu, vàng nhạt, có loại da sáng hồng, lông màu trắng, nên người ta gọi "trâu trắng, trâu đen". Sừng dài, ngắn cong khác nhau để sống phù hợp với thiên nhiên, da trâu mướt láng bóng dày, tuyến mồ hôi không phát triển và không thoát ra ngoài được nhiều để hạ nhiệt cơ thể, để giải nhiệt chúng có thói quen thích nằm nơi nào có nước hay sinh lầy, cho nên những lúc không khí mùa hè nóng sau khi cày ruộng, thân nhiệt tăng cao, oi bức khó chịu, miệng trâu thở ra bọt trắng, phải dầm mình trong nước. Răng trâu chỉ có một hàm dưới, lưỡi dài quơ lá, cỏ, cả thân cây đưa vào miệng rồi nghiền bằng hàm, dạ dày trâu có bốn ngăn để chứa thức ăn và nhai lại, chân có hai móng. Trâu rừng nhìn chung giống trâu nhà nhưng có vóc sừng rộng và dài hơn, chúng di động nhanh và nhẹ nhàng hơn trâu nhà. Khí hậu ẩm

thấp của rừng nhiệt đới không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của trâu, nhưng những năm mùa đông ở miền Bắc Việt Nam quá lạnh đã làm cho hàng ngàn con trâu chết rét.

Trên thế giới, quốc gia nuôi trâu nhiều nhất là Vùng Tây Bắc Ấn Độ có nhiều loại. Hơn 77 triệu con gồm hàng chục giống trâu khác nhau như: Murrah, Nilli Ravi kundi, Surji, Mehsana, Jafarabadi, Kelabandi, Sambaipur... Loại trâu Murrah sừng xoắn, có nhiều nơi trên thế giới nhưng không chịu được nóng, Người Ấn thờ bò nên phát triển nuôi trâu để kéo cày, ăn thịt lấy sữa vì sữa trâu có ít Cholesterolin trong lúc sữa bò có đến 3,14mg và nhiều chất: Kalzium, Eisen, Phosphor và Vitamin A. Hầu hết 90% trâu sinh sống ở Đông Nam Á Châu. Thông thường trâu cái đẻ 3 năm 2 lứa. Trâu mẹ cũng nuôi con bằng sữa của mình. Sức sản xuất sữa của trâu cái thấp, chỉ đủ cho con bú.



Ở Trung Hoa cũng như Tibet (Tây Tạng) có loại trâu Yak (có người gọi là

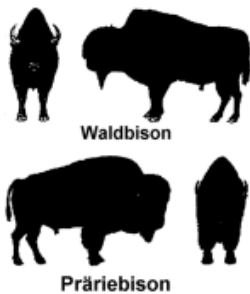
bò) thân dài 3,25m cao 2m, nặng hơn 1000 kilo, sức khỏe dẻo dai lông màu: đen, đỏ nâu trắng, nhờ nhiều lông nên chịu đựng được thời tiết giá lạnh, trên dãy Hy Mã Lạp sơn, núi Alpen hay Canada. Đức Đạt La Lạt Ma thứ 14 (Dalai Lama) ngày 17.4.1959 ngài bỏ trốn khỏi cung điện ở Lhasa, vượt đèo núi sang tị nạn đến Dharamsala Ấn Độ, trên đường bị bệnh tiêu chảy ngài phải cưỡi loại trâu Yak (*Bos mutus*).

Các Quốc gia Luỡng Hà, Caucasus (Nga) cho tới vùng Balkan nuôi nhiều loại trâu để lấy sữa và ăn thịt. Những loại trâu này lông da xám đen, rất ít màu hung đỏ có đốm trắng ở đầu, chân và đuôi, đôi khi loang trắng ở mình, sừng dài xoắn uốn cong thành hình lưỡi liềm. Ở Ai Cập loại trâu thường thấy là: Beheri và Saidi sừng ngắn hơi cong về phía sau.



Tại Mỹ có loại trâu rừng American bison hay trâu của dân da Đỏ Indian buffalo (Bison) chủng loại Wisent

(Bison bonasus) và Waldbison (Bison bison athabasca) sống ở Canada đến miền Đông nước Mỹ. Loại Präriebison ở Mexiko, Rocky Mountain đến vùng Mississippi loại trâu rừng Bisons 350.000 con, ngày nay tìm thấy còn ở National parks. Các loại trâu rừng ở Mỹ lông màu nâu sẫm có chấm trắng, mùa đông lông màu đen và mọc dày hơn, mùa hè thay lông đen nhạt thưa hơn, đầu con đực dài 380 cm con cái 240 cm, thân dài 3,8 m cao 1,95 đuôi dài 90 cm, sừng ngắn, nặng hơn 900 kilo, bơi giỏi và chạy nhanh tốc độ 50 Km/h. Có râu dài, phần trên lưng xuống cổ, trên đầu và hai chân trước nhiều lông dài hơn 50cm và sống thọ 25 năm.



Phi Châu có nhiều loại trâu:

Afrikanische Büffel/ African buffalos (*Syncerus caffer*)

Schwarzbüffel/ Black buffalo (*Syncerus caffer caffer*)

Rotbüffel/ Red buffalo (*Syncerus caffer nana*)

Waldbüffel/ Forest buffalo (*Syncerus caffer nanus*)

Steppenbüffel/ Steppe buffalo (*Syncerus caffer caffer*)

Grasbüffel/ Grass buffalo (*Syncerus caffer brachyceros*)

Trâu rừng Phi châu sống rừng nhiệt đới, rừng thưa nhiều cỏ. Đầu tròn dài 210-340 cm, đuôi dài 70-110 cm, cao từ 100 -170 cm sừng dài nhọn và cong, trọng lượng 320-1000 Kilo lông màu nâu đen hay nâu đỏ, sống 16 năm nhưng nếu nuôi ở sở thú sống tới 26 năm. Trâu đỏ red buffalo có thể sống trên núi cao 4000 m.

Trâu qua thi ca

Từ thời thượng cổ người Việt sống về nông nghiệp, biết lấy nước sông để canh tác, những cánh đồng lúa bùn lầy, không thể dùng bò hay ngựa để cày ruộng, chỉ trâu giúp cho nông dân kéo cày bừa ở ruộng nước. Vào đầu năm theo lệ vua làm lễ tế thần nông và cày ruộng tịch điền, làm lễ xong vua cầm cày, đường cày tượng trưng mở đầu cho một năm cày cấy được mùa. Hình luật đời Lý, đời Trần rất nghiêm minh, ai ăn trộm hay giết trâu bò bị phạt nặng. Trâu không thể thiếu trong việc canh tác của nhà nông, trâu là đầu cơ nghiệp nên, tình cảm qua thi ca con trâu thường được nhắc đến:

*Lao xao gà gáy rạng ngày
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu
Bước chân xuống cánh đồng sâu
Mắt nhắm mắt mở, đuổi trâu ra cày*

Cuộc sống thay đổi, chúng ta ở hải ngoại làm việc trong các công ty, khó thấy cảnh con trâu ung dung gặm cỏ bên bờ ao, nhưng nếu đọc những câu ca dao nói về cảnh đồng quê gió mát, liên tưởng đến lỗ chân trâu trên con đường làng bé nhỏ, tiếng gà gáy ban mai gọi nhớ một chút kỷ niệm khó quên.

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày nối nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công*

Vốn sẵn có tình thương đối với gia súc, người nông phu đã nói với con trâu khi dắt trâu ra đồng:

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ăn cho béo trâu cày cho sâu
Ở đời khôn khéo chi đâu
Chẳng qua cũng chỉ hơn nhau chữ cần*

Người nông dân đã đặt địa vị con trâu ngang với sinh hoạt trên cánh đồng, xưa và nay con trâu là một tài sản trong gia đình nông dân nghèo:

*Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa*



Con trâu còn gắn liền với tuổi thơ của trẻ em nông thôn tắm trâu, cưỡi trâu, ra đến miền quê chúng ta thấy hình ảnh quen thuộc của những chú bé mục đồng chăn trâu “Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ”. Qua ca dao còn có chuyện thằng Bờm và thằng Cuội chăn trâu:

*Thằng Cuội ngồi gốc cây đa
Bỏ trâu ăn lúa, gọi cha ời ời
Cha còn cắt cỏ bên trời
Mẹ còn cưỡi ngựa đi chơi cầu vồng*

*Thằng Bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu...*

Huyền thoại *Ngưu Lang Chức Nữ*, với chiếc cầu Ô Thước (Ô là con quạ, Thước là con chim Khách). Ngưu Lang là vị thần chăn trâu của Thượng đế vì say mê một tiên nữ dệt vải tên là Chức Nữ, nên bỏ bê việc chăn trâu. Chức Nữ cũng vì mê tiếng sáo của Ngưu Lang nên trễ nãi việc dệt vải. Ngọc Hoàng giận, bắt cả hai phải ở cách xa nhau,

người đầu sông Ngân kẻ cuối sông.
Sau đó, Ngọc Hoàng thương tình nên
cho hai người mỗi năm được gặp nhau
một lần trên cầu Ô Thước vào đêm
mùng 7 tháng Bảy. Lúc chia tay nhau
cả hai đều khóc, nước mắt của họ rơi
xuống trần gian thành cơn mưa nhẹ gọi
là mưa Ngâu

*Mồng bảy tháng bảy mưa Ngâu
Con trời lấy chú chần trâu cũng buồn*

Người nông thân mật giúp đỡ lẫn nhau,
bà con hàng xóm trở thành gần bó, liên
kết chặt chẽ với nhau, họ cảm thấy
cuộc sống thoải mái, thân thương với
môi trường sinh hoạt đầy ắp tình
người, tình xóm giềng, nghĩa đồng
hương. Đời sống nông nghiệp quanh
năm vất vả, nên nhà nông thường ăn
Tết lâu hơn thành thị, họ chọn tháng tư
để đi mua bò trâu lo cho việc cày cấy:

*Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai trồng đậu,
trồng khoai, trồng cà
Tháng ba thì đậu đã già
Ta đi ta hái về nhà phơi khô
Tháng tư đi tậu trâu bò
Để ta sắm sửa làm mùa tháng năm....*

Dân tộc thiểu số có những lễ hội đâm
trâu tể Thần, người ta cột con trâu lại
rồi dùng vũ khí đâm vào chỗ hiểm cho
đến khi nó gục ngã thì reo hò, uống
rượu ăn mừng. Việc làm này là dã man
vì đã hành hình con vật nuôi trung
thành, đã gánh vác công việc đồng áng

nặng nhọc giúp mình, trong khi nó vô
tội và bị tước hết mọi khả năng tự vệ!

Đồ Sơn bãi biển đẹp nổi tiếng về cò
bạc, cũng có ngày hội truyền thống
chọi trâu :

*Dù ai buôn đâu bán đâu
Mồng mười tháng tám chọi trâu thì về
Dù ai buôn bán trăm nghề
Mồng mười tháng tám trở về chọi trâu.*

Trong lễ hội chọi trâu, người ta kích
động những con trâu to lớn có đánh số
lao vào cuộc tương tàn lẫn nhau với
tiếng reo hò của những người tham dự
trò chơi của lễ hội này. Những con trâu
chọi tội nghiệp dù thua hay thắng sau
đó bị cắt tiết, xẻ thịt!

Tục ngữ cũng thường ví von về trâu,
với những lợi ích thực tế như: *muốn
giàu nuôi trâu cái, muốn lụn bại nuôi bò
câu*. Hàng năm trâu nai đẻ một con
nghé có thể bán hay nuôi lớn để cày
bừa, loại chim bồ câu chỉ ăn hại (*luá
thóc đi đâu bồ câu theo đó*), ngày nay
người ta dùng biểu tượng con bồ câu
cho hoà bình vì nơi nào giàu có no ấm
dư thừa lúa gạo thì có bồ câu. Những
con trâu đáng đẹp như: Trâu hoa tai,
bò gai sừng, hoặc trâu chóp tóc, bò mũi
mấu... ám chỉ những con trâu khỏe thì
giá bán càng cao. Thời nay những
người lớn tuổi thích về quê lấy vợ trẻ,
người ta gọi *trâu già thích cỏ non*, hay
trong những liên quan xã hội như: *trâu*

bò húc nhau ruồi muỗi chết, hay sự ganh ghét lẫn nhau, trâu buộc ghét trâu ăn; trâu chậm uống nước đục, trâu trắng đi đâu mắt mùa đến đấy; trâu đi tìm cọc, cọc chẳng tìm trâu; trâu chết để da, người chết để tiếng...



Theo truyền thuyết thì trâu biểu hiệu sự sống lâu. Lão Tử (Lao Tsu) soạn Đạo Đức Kinh sinh vào thế kỷ thứ 6 trước CN (thời Chiến Quốc), Lão

Tử khi về già nhận thấy chính sự của vương quốc đang tan rã đã cỡi trâu xanh đi về hướng Tây qua đồi núi đến nước Tần và từ đó mất dạng. Tôn Tản là cháu của Tôn Tử (Sun Tzu) đời Xuân Thu (722-481 trước CN) Tôn Tản và Bàng Quyên là bạn đồng môn cùng học binh pháp, Bàng Quyên xuống núi trước được Huệ Vương nước Ngụy trọng dụng, Tôn Tản đến sau Bàng Quyên sợ Tôn Tản hơn mình tìm cách hãm hại... sau đó Tôn Tản trốn qua nước Tề được trọng dụng làm quân sư cho Điền Ky. Trả được thù xưa, trong trận thư hùng ở Mã Lăng. Quân Bàng Quyên bị tên bắn trong đêm tối thua bỏ chạy Bàng Quyên phải tự tử, quân sư Tôn Tản thường ngồi xe, còn có giai thoại ông cưỡi trâu ra trận (sử ký Tư Mã Thiên trang 229 viết Tôn Tản bị Bàng Quyên ghét bỏ vì sợ Tôn Tản

hơn mình mượn pháp luật trị tội chặt chân và chạm vào mặt, nhưng truyện Xuân Thu Oanh liệt thì viết khác?)

Gia Cát Lượng Khổng Minh (181-234 trước CN) trong binh pháp dùng “mộc ngư lưu mã” chế ra những con trâu gỗ, ngựa máy (?). Khi gắn cái lưỡi vào thì trâu gỗ cử động để vận chuyển lương thực trong thời gian đánh với Tư Mã Ý. Điền Đan danh tướng nước Tề, bị quân Yên vây thành, nhờ thu trong thành được hơn một nghìn con trâu, lấy vải quấn lên mình trâu, vẽ vằn rồng ngũ sắc, buộc mũi nhọn ở đầu sừng, buộc lau vào đuôi dễ mồi, ban đêm dắt trâu đến trước trại quân Yên, rồi đốt những bó lau. Đuôi trâu cháy nóng, trâu nổi điên xông vào quân Yên phá trại giặc.

Trong lịch sử chuyện Đinh Bộ Lĩnh (924-979) lúc nhỏ chăn trâu, dùng cò lau tập trận lớn lên có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước năm 968 lên ngôi Hoàng Đế.

Đào Duy Từ (1572-1834) bị cấm thi nên bỏ Chúa Trịnh vào Nam giai đoạn đầu nghèo khó, phải chăn trâu cho phú hộ Trịnh Long ở Hoài Nhơn, Bình Định. Sau được Trần Hoài Đức biết ông giỏi chữ mời dạy cho các con, và gả cho con gái. Đào Duy Từ, trong thời kỳ chăn trâu đã viết “Ngoại Long Cương vấn”. Sau đó được chúa Nguyễn trọng dụng.

Huyền thoại Trạng Quỳnh cho đấu trâu với Tàu, thắng về mưu trí, trâu Tàu to hung dữ nhưng phải chạy thua trước một con trâu nghé.

Ông đồ Nguyễn Văn Lạc (1842-1915): thời Pháp chiếm Việt Nam, nhìn thấy giới Sĩ phu thiếu tinh thần yêu nước, cúi đầu làm nô lệ cho bọn thực dân, nên ông đã vịnh bài con trâu năm 1862. Ngược lại ngày nay những người lãnh đạo quốc gia hưởng lộc nước, nhưng để mất lãnh hải, lãnh thổ mà tiền nhân đã hy sinh xương máu để bảo vệ!

*Mài sừng cho lằm cũng là trâu
Ngẫm lại mà xem thật lớn đầu
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cắm lém dếm một hàm râu
Mắc mưu đốt đít toi bởi chạy
Làm lễ bôi chuông nhón nhác sầu (1)
Nghé ngo già đời quen nghé ngo
Năm dầy đàn gầy biết chi đâu!*

(1) Đời xưa lấy máu trâu bôi vào chuông mới đúc cho khỏi nứt.

Trâu trong những tác phẩm văn học: tranh vẽ Đông Hồ, tranh Chăn Trâu Đại Thừa (Munual of Zen buddhism) của tác giả Daisetz Teitaro Suzuki minh họa, nói lên Đại thừa lấy việc chăn trâu cho sự điều tâm. Trên đồng tiền Đông Dương thời thuộc địa Pháp in hình con trâu. Đạo diễn Nguyễn-Võ Nghiêm-Minh sản xuất phim *Mùa len trâu* (Buffalo Boy) dựng phim theo truyện

Hương rừng Cà Mau của cố nhà văn Sơn Nam. Phim diễn tả lại đời sống của những người nông dân miền Nam đầu thế kỷ 20 vào mùa nước lũ phải vất vả dắt trâu sang vùng khác tìm cỏ cho trâu ăn. Ở Việt Nam sau 1975 có dịch tác phẩm “Ruồi trâu/ The Gadfly” của nhà văn nữ người Anh nổi tiếng E.L. Voynich, tác phẩm từng làm say mê bao thế hệ thanh niên dưới chế độ cộng sản Nga. Có vài ba địa danh mang tên trâu như Bến Nghé (Sài Gòn xưa) Hà Nội có sông Kim Ngưu, núi Cấm (Bảy núi) thuộc xã An Hào có miếu thờ “trâu dũng nghĩa”, ngày nay ở Việt Nam cũng có khá nhiều tiến sĩ trâu!

Lợi ích của trâu

Bác sĩ người Anh Edward Jener thí nghiệm đầu tiên năm 1796 cấy vaccine trên trâu thành công để chống bệnh đậu mùa. Năm 1840 nhà bác học Đức Justus Liebig áp dụng hoá hữu cơ vào nông nghiệp và sinh lý học là một cuộc cách mạng cho nông nghiệp, ông là người khai sinh ra phân hóa học cho nông nghiệp ở Âu châu, nhưng nông dân Việt Nam nuôi trâu lấy lá cây bỏ vào chuồng làm phân bón ruộng rất tốt.

Những quốc gia Âu Châu không ăn thịt hay uống sữa trâu, nhưng các quốc gia khác dùng trâu trong nghề nông, kéo xe kéo gỗ, uống sữa và nuôi trâu để ăn

thịt. Sừng trâu làm thủ công nghệ như: lược, tù và, cán dao, cúc áo... da trâu để bịt trống, làm giày, da trâu nấu thành a-dao “ngư dao ẩm” ngâm trong dung dịch vôi để quét tường hay pha với bột màu vẽ tranh không bị lem màu. Nghề Đông-y dùng răng trâu “ngư xỉ”, nước dãi trâu “ngư khấu tần”, sỏi mật, sạn mật của trâu “ngư hoàng” sao chế làm những vị thuốc để trị bệnh.

Cây cỏ mang tên Ngưu, là một số vị thuốc nam, xin trích dẫn như sau:

Ngưu hoàng = Vật vàng vàng mà cứng ở trong cái mật con Bò, người ta dùng để làm thuốc trị phong đàm.

Hắc Sứ = là loại cây bìm bìm lông, hột nó đen, dùng để làm thuốc trị hạ nhiệt. Ngưu bàng tử = Hột cây muồng hoè để làm thuốc trị ghẻ.

Ngưu tất = Rễ cỏ xước dùng để làm thuốc trị chứng bệnh đau gân cốt.

Khiên Ngưu = Loại dây hắc sứ, dùng để làm thuốc trị hạ nhiệt.v.v.

Những quốc gia văn minh phát triển về khoa học kỹ thuật, người ta sản xuất máy cày, máy xới, máy bơm nước giúp cho ngành nông nghiệp đỡ vất vả và sản xuất lúa gạo nhiều hơn, ngược lại các quốc gia chưa phát triển trong đó có Việt Nam, vẫn còn sử dụng trâu trong việc canh tác. Việt Nam hơn 4 thập niên thống nhất đất nước nhờ “đỉnh cao trí tuệ” mà nợ công chồng

chất phải trả cho đến các đời con cháu chưa xong!

Năm Canh Tý con chuột láu lỉnh, gian lận, đổi trắng thay đen (than có màu trắng), coi thường công lý, độc tài khắp nơi, không có tự do, nhân quyền, dân chủ giả cày... chuột không những gặm nhấm thực phẩm của con người, mà còn ăn đến cả tiền bạc, đất đai còn mang đại dịch cúm lây lan khắp nơi trên thế giới. Tổng kết đầu năm 2021 dân số thế giới nhiễm hơn 100 triệu, và trên 2 triệu người chết (số thống kê này tăng lên từng ngày). Những lần Tết âm lịch đến, người Việt ở hải ngoại đều đón chào Tết cổ truyền theo phong tục Á châu. Tổ chức văn nghệ hợp mặt vui xuân, có bán bánh chưng, bánh tét những món ăn đặc sản như bên quê nhà. Số tiền thu được trừ chi phí còn lại gởi về giúp cho người nghèo khó ở quê nhà. Nhưng năm nay thật buồn vì bị đại dịch cúm làm chết nhiều người ở Âu châu: Anh (103.324); Pháp (74.601); Ý (87.381); Đức (55.883) thống kê ngày 29/1. Bệnh nhân lớn tuổi chết tăng không giảm! vaccine cung cấp chưa đủ!

Chính phủ Đức cũng như các quốc gia ở Âu châu ra lệnh lockdown cho đến 15/2/2021 không được phép tập trung đông người, thăm viếng cũng bị giới hạn, không được đi xa nhà 15 km! bị giới nghiêm từ 21 giờ đến 5 giờ sáng, người ở gần cũng thành xa không đến với nhau được, người bệnh ở bệnh

viện thân nhân không được thăm viếng, qua đời không có người nhà bên cạnh, Thánh lễ đưa tiễn ở nhà thờ giới hạn chỉ 25 người tham dự! Tết năm ngày thứ sáu 12/2, cuối tuần các con cháu không thể về nhà ba mẹ chúc mừng năm mới hướng về quê hương Việt Nam tưởng nhớ Ông Bà, Tổ Tiên!

Nhìn lại năm Canh Tý (2020) các tỉnh miền Trung bị thiên tai (nhân tai) mưa bão núi bị sạt lở, lũ lụt hư hại hoa màu, nhà cửa, gia súc bị cuốn trôi, cướp đi sinh mạng của nhiều người. Phải mất nhiều thời gian mới có thể khôi phục. Bởi vì môi trường sinh thái không được bảo vệ, phá rừng lấy gỗ cầu thả, xây đập thủy điện lợi bất cập hại... Nhiều tổ chức thiện nguyện từ Chùa, nhà Thờ, hội đoàn tư nhân, được người dân tin tưởng hưởng ứng quyên góp ủng hộ.

Dịch bệnh làm thế giới thay đổi để lại nhiều hệ lụy trong đời sống đời sống như chính trị, kinh tế, văn hoá và đạo đức. Kinh tế suy thoái dân nghèo thêm gian nan, khốn khổ, các quốc gia Phi châu cũng như Tàu bị ảnh hưởng có thể xảy ra thiếu lương thực.

Các hãng dược như: Moderna, Pfizer, Johnson & Johnson (Mỹ) BioNtech (Đức), AstraZeneca (Anh) chế thành công vaccine. Hy vọng sau khi chủng ngừa, có thể chống lại đại dịch để nhân loại có đời sống khoẻ mạnh, không còn lo sợ chết vì bệnh dịch ám ảnh như đám mây đen bao phủ bầu trời, mọi người có thể đi du lịch thăm bà con xa, hơn một năm qua phải nằm nhà buồn chán như “con gà cồ ăn quần cối

xay”... Các quốc gia khác như Tàu-Nga... cũng công bố có vaccine nhưng thế giới vẫn minh chưa dám tin dùng. Việt Nam cũng như Ấn Độ đã và đang nghiên cứu thí nghiệm sản xuất vaccine, mong các nhà khoa học hai nước thành công tốt đẹp.

Mùa xuân là mùa của hy vọng. Mong thế giới không chế được dịch bệnh, vượt qua khó khăn, phục hồi kinh tế mang lại đời sống sung túc, hòa bình, yên vui, bình đẳng, tự do nhân quyền luôn được tôn trọng.

Kính chúc gia đình quý độc giả, thân hữu và bà con bình an, khoẻ mạnh và may mắn, nhiều hy vọng thành công tốt đẹp hơn năm qua. Mong những người tù vì bất đồng chính kiến sớm được đoàn tụ với gia đình, tràn ngập hạnh phúc và dồi dào ân sung. Nguyện cầu cho hương linh những người qua đời vì đại dịch Covid 19 sớm siêu thoát. Ánh sáng sớm đẩy lùi bóng tối, để nhân loại được sống đẹp như Thiên Chúa đã tạo dựng...

Nguyễn Quý Đại

Munich, Germany

Tài liệu tham khảo

- Das Tierlexikon và Natur Lexikon
- Sử Ký Tư Mã Thiên
- Xem tướng 12 con giáp của Vũ ngọc Khánh và Trần Mạnh Thường
- Tục Ngữ Ca dao Việt Nam của Nguyễn Văn Ngọc

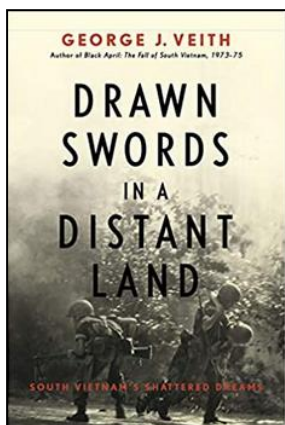
GIỚI THIỆU SÁCH:

Drawn Swords in a Distant Land: South Vietnam's Shattered Dreams

Trả lại Sự Thật cho Miền Nam Việt Nam!

Đối với George J. Veith, sau tác phẩm "Black April: The Fall of South Vietnam, 1973-75" ("Tháng Tư Đen: Những Ngày Tháng Cuối Cùng Của Miền Nam Việt Nam, 1973-1975"), con đường vẫn còn phía trước!

Ông thấy rất nhiều điều về Việt Nam Cộng Hòa cần được làm sáng tỏ. Những điều về kinh tế, chính trị, xã hội... của Miền Nam chưa từng được nhắc tới. Nỗ lực "Tay Súng-Tay Cày" hay tinh thần quốc gia của người Miền Nam cũng chưa từng được nhắc tới.



Tám năm tiếp nối, Jay lại miệt mài tìm hiểu. Có một thời gian, ông phải bỏ việc làm chính để toàn tâm nghiên cứu. Kết quả, năm 2020, ông hoàn tất một tác phẩm mới, một nỗ lực "Trả lại

Sự Thật cho

Miền Nam", tác phẩm có tên:
**Drawn Swords in a Distant Land:
South Vietnam's Shattered Dreams**

(Tạm dịch: Đấu Kiếm Nơi Vùng Đất Xa: Những Ước Mơ Tan Vỡ Của Miền Nam Việt Nam)

Một quan điểm thâm căn cố đế: "Hà Nội được ban cho chủ nghĩa dân tộc, còn Sài Gòn được định là phải thua." Và sự sụp đổ thảm hại của Miền Nam tháng Tư 1975 dường như chứng minh quan điểm trên là đúng và, do đó, chẳng có gì cần bàn cãi thêm.

Thế nhưng, Miền Nam Việt Nam có riêng câu chuyện của họ nhưng lại bị bỏ qua. Đó là câu chuyện của **Những Ước Mơ**, như tâm sự của một người Miền Nam: "Chúng tôi có rất nhiều ước mơ: ước mơ tự do, ước mơ độc lập, và ước mơ ấm no cho toàn dân. Còn Cộng Sản thì chỉ có độc nhất một mong muốn, đó là dành lấy chiến thắng bằng mọi giá."

Kết quả, mặc dù chiến đấu kiên cường bất khuất, Việt Nam Cộng Hòa đã thua trận trước khi quốc gia non trẻ này hoàn thành việc phát triển nền tự do dân chủ mà họ mong muốn.

Giờ đây, lịch sử phải xem xét lại những con người ấy với một cách nhìn công chính hơn.

Sách tiếng Anh, bìa cứng, 660 trang. Được bán trên trang Amazon.com:

[Xin bấm vào đây.](#)

Mời xem 4 tác phẩm biên khảo của **George J. Veith** về Chiến Tranh Việt Nam trên trang điện tử: <http://www.thangtuden.info>



**Cỏ Thơm Foundation xin trân trọng báo tin buồn
nhà biên khảo văn học sử Việt Nam:**

Ông TRẦN GIA THÁI

Bút danh: Trần Bích San

Cựu Chủ bút và Cố vấn danh dự Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm

**Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1940 tại Nam Định, Việt Nam
Qua đời ngày 9 tháng 1 năm 2021 tại tiểu bang Louisiana USA
Hưởng thọ 81 tuổi**

**Nguyện cầu hương linh Ông Trần Gia Thái
sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.**

Xin thành kính chia buồn cùng toàn thể tang quyến.



Cỏ Thơm Foundation và một số thân hữu:

Phan Anh Dũng & Tâm Hào, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn,
Phạm Trọng Lệ, Tuệ Nga, Vũ Hối, Uyên Thao, Đỗ Phú, Hoàng Song Liêm,
Huy Lâm, Diễm Châu, Trần Quốc Bảo, Nguyễn Phú Long, Hoa Vãn,
Cao Nguyên, Nguyễn Văn Thành, Hồng Thủy & Bùi Cửu Viên, Nguyễn Lân,
Diễm Hoa, Ý Nguyên, Phạm Bá, Phạm Xuân Thái, Dương Ngọc Hoán,
Đình Hùng Cường, Lý Hiểu, TT-Thái An, Hoàng Dung, Phong Thu,
Phạm Gia Hưng, Mùi Quý Bông, Nguyễn Đức Thụy, Tiểu Thu, Việt Hải,
Phạm Thị Nhung, Đỗ Bình, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Nguyễn Mây Thu,
Trần Văn Tích, Trường Đình, Vưu Văn Tâm ...



Ban điều hành Cỏ Thơm 2018: Phan Anh Dũng, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Phan Khâm, Nguyễn Thị Ngọc Dung, **Trần Bích San**



Từ trái: **Trần Bích San**, Nguyễn Đức Thụy, Phạm Trọng Lệ, Phạm Hữu Bình - 2016



HỌP MẶT THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ CỎ THƠM 2008

Harvest Moon Restaurant - Falls Church, Virginia USA

Hàng ngồi từ trái: Hoàng Dung, Mỹ Hạnh, Hà Bình Trung, Vũ Hồi, Trương Anh Thụy, Vi Khuê, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Văn Thành²³, Hồng Thủy

Hàng đứng: Phạm Xuân Thái, Đặng Nguyên, Uyên Thao, Nguyễn Lân, **Trần Bích San**, Phan Khâm, Nguyễn Phú Long, Bùi Thanh Tiên, Đỗ Phú, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn



Ngồi từ phải: Hoàng Hải Thủy, **Trần Bích San**, Uyên Thao, Bà Hoàng Song Liêm
Đứng từ phải: Đỗ Hùng, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hoàng Song Liêm - 2008



HỌP MẶT SINH NHẬT CỎ THƠM NĂM THỨ 18 – 5/5/2013, Falls Church, Virginia USA

Từ trái: Nguyễn Văn Bá, Ngô Tăng Giao, **Trần Bích San**, Phan Khâm, Đ.T. Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn – phía sau là NV Hồng Thủy



Trần Bích San (thứ 3 từ bên phải) và thân hữu: Bảo Lộc, Đỗ Hùng, Nguyễn Đức Thụy ...

VÀI KỶ NIỆM ĐÁNG NHỚ VỚI NHÀ BIÊN KHẢO TRẦN BÍCH SAN

**** Tác giả: Phan Anh Dũng ****

Tôi thật bàng hoàng khi nhận được tin từ cô Châu (cháu của Trần Bích San) là anh đã qua đời vào trưa ngày 9 tháng 1, 2021 sau cơn bạo bệnh. Anh đã được đưa về nhà sau khi ở trung tâm phục hồi cuối năm 2020 và vẫn miệt mài cố gắng hoàn tất quyển "Việt Nam Văn Học Sử", tuy sức khỏe không được tốt! Ban điều hành Cỏ Thơm rất đau buồn và thương tiếc anh Trần Bích San (TBS), một học giả yêu quê hương Việt Nam, trân quý tiếng Việt và văn học nghệ thuật. Anh luôn tin tưởng và song hành với Cỏ Thơm từ nhiều năm qua!



Tuy anh TBS cư ngụ tại thành phố New Orleans, tiểu bang Louisiana xa xôi, nhưng chúng tôi vẫn nghĩ anh ở

cạnh bên vì khi cần gì là anh sẵn sàng có mặt để chung vui hay cố vấn những vấn đề quan trọng liên quan đến thành viên hay chủ trương của Cỏ Thơm. Anh luôn thu xếp để về Virginia khi Cỏ Thơm họp mặt thường niên. Đây cũng là dịp để anh gặp các bạn thân như Đỗ Hùng, Nguyễn Đức Thụy ... và các văn thi hữu Cỏ Thơm mà anh quý mến.

Tâm Hảo và tôi còn nhớ năm 2011 được hàn duyên với anh nhiều hơn khi anh nhận lời giới thiệu sách "Trên Ngọn Tình Sầu" của nhà thơ Du Tử Lê trong không khí se lạnh dễ thương tháng 10 vùng Đông Bắc Hoa Kỳ.

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=997&Itemid=46

Năm 2016, anh TBS về Virginia họp mặt thường niên. Trước đó một ngày, anh nhắn ghé đón anh ở thương xá Eden Center đến nhà chị Ngọc Dung ăn trưa. Trên đường đi, chúng tôi lại có dịp nói chuyện về nhiều đề tài và cảm thấy gần gũi với anh hơn. Sau khi ăn trưa, anh nói vì người bạn thân Đỗ Hùng đã qua đời, không còn đi cà phê chuyện trò, nên sẵn sàng tháp tùng chúng tôi đến nhà nhạc sĩ Đinh Minh Tiến để xem anh chị em nghệ sĩ tập dượt ca nhạc. Anh hứng khởi khi bỗng nhiên được hòa mình vào không khí vui nhộn này. Anh thân tình mời ca nhạc sĩ đi ăn tối sau khi tập dượt. Thật là vui!

Năm 2018, chị Nguyễn Thị Ngọc Dung quyết định "về hưu" và bàn giao chức Chủ nhiệm cho Phan Anh Dũng. Anh Trần Bích San cũng về tham dự và đã phát biểu ngắn nhưng súc tích, đầy chân tình như sau:

"Kinh Dịch là pho kinh siêu hình của Nho giáo dùng để giải thích sự biến hoá của trời đất, động tĩnh của muôn loài dựa theo lẽ âm dương và bát quái. Theo học thuyết này của đạo Nho thì mọi sự trong trời đất đều luôn luôn biến đổi, lưu hành như nước chảy, không lúc nào ngưng nghỉ, liên tiếp, vĩnh viễn, vô cùng tận. Cái vừa mới có, mới được tạo thành, chỉ tích tắc sau đã trở nên cái cũ, cái ở trong hiện tại chỉ một sát na sau đó đã trở thành quá khứ rồi. Trong vũ trụ này không có cái gì đã thành mà không biến đổi đi sau đó, thiên lý Thái Cực là nguồn gốc mọi sinh hóa trong vũ trụ, là gốc của dịch. Sự biến hóa tức là dịch 易. Sự vật có biến, có thay đổi mới tiến, không biến tức là định 定, là ở nguyên một chỗ, tức là lùi, không những thế, chắc chắn sẽ bị hủy diệt.

Cỏ Thơm của chúng ta cũng không ra ngoài định luật đó. Như các bạn đã thấy, để tồn tại Cỏ Thơm phải thay đổi theo trào lưu tiến hóa. Máy tháng vừa qua đã có Cỏ Thơm Online hàng tháng. Thật may mắn chúng ta có được vị chủ bút tài năng và nhiệt tâm như anh Phan Anh Dũng, và hôm nay có thêm một Phan Anh Dũng Chủ Nhiệm. Xin quý bạn tiếp tục hỗ trợ và cùng tân Chủ Nhiệm bồi đắp cho Cỏ Thơm ngày một vững mạnh.

*Thưa các bạn,
Những năm trước lên đây tham dự tiệc mừng sinh nhật Cỏ Thơm đối với tôi là một niềm vui. Lần này không chỉ một mà tôi đã có tới 3 niềm vui:*

** Vui thứ nhất là thấy Cỏ Thơm có được một người trẻ tuổi, nhiệt huyết, có lòng yêu văn, quý chữ như anh Phan Anh Dũng thay chị Ngọc Dung leo lên đài thờ báo.*

** Vui thứ hai là được thấy chị Ngọc Dung, sau những năm tháng dài phục vụ cho văn học nghệ thuật, có cơ hội nghỉ ngơi an hưởng những năm tháng vàng còn lại.*

** Vui thứ ba là được gặp lại các bạn, các văn hữu thân mến của tôi. Cái tình của những người làm văn nghệ chúng ta tuy không sôi nổi, mãnh liệt như tình yêu nam nữ, nhưng lại rất nhẹ nhàng, bền bỉ theo năm tháng. Cái tình của chúng ta cũng ví như hương thơm của loài hoa nhài... thoang thoảng hoa nhài mà lại thơm lâu...*

Mối tình hoa nhài sẽ theo tôi về lại New Orleans, xa Hoa Thịnh Đốn hàng ngàn dặm. Ngôn bất tận ý, có nói mấy cũng không đủ, xin mượn hai câu thơ của một thi sĩ đang có mặt trong bữa tiệc gửi đến các bạn:

*Phương xa, xa títt mù xa
Có cây nhài đổ bóng hoa trước thềm."*

Anh Trần Bích San vẫn thường khuyến khích phát triển website Cỏ Thơm, ngoài việc ấn hành báo giấy, vì anh nghĩ đây là "tương lai" để Cỏ Thơm có thể tiếp tục lâu dài. Anh hào sảng gởi tiền ngay sau đó ủng hộ quỹ Cỏ Thơm và việc trả tiền website dài hạn.

Anh ra đi là một mất mát lớn cho Cothom Foundation và văn học hải ngoại. Xin chân thành ghi nhận và cảm ơn những đóng góp, những chia sẻ cố vấn quý báu của anh. Chúng tôi không bao giờ quên anh!

Phan Anh Dũng

Học giả TRẦN BÍCH SAN đã làm tròn sứ mạng của người cầm bút

**** Tác giả: Trương Anh Thụy ****

Theo người thân trong gia đình thì nhà biên khảo Trần Bích San mất đi do ông quá say mê, miệt mài sửa bản thảo cuốn Văn Học Việt Nam để kịp tái bản vào đầu năm nay, 2021 - lần in đầu ra mắt độc giả vào cuối năm 2018 đã tuyệt bản trong vòng một năm.



Trong dự định tái bản lần này, không những ông đã sửa hết lỗi đánh máy trong bản thảo cũ, ông còn hoàn tất thêm hơn 1000 trang nữa, gồm những đề tài mà ông cho là còn thiếu trong lần xuất bản trước. Việc làm này đã nâng cuốn biên khảo của ông lên thành hơn 2000 trang! Ông đổi tên cuốn sách là Việt Nam Văn Học Sử và tôi cũng được biết người nhà ông sẽ gửi đi in một ngày không xa. Ông lâm trọng bệnh mà không chịu dành thời giờ đi xét nghiệm. Đến lúc ông quyết định tạm dừng bút để lo cho sức khỏe thì cũng là lúc ông đã kiệt sức!

Lúc sinh thời nhà biên khảo Trần Bích San từng tranh luận với tôi nhiều lần quanh đề tài “Viết để làm gì? Tại sao viết?” Ông quan niệm rằng “người cầm bút phải mang một sứ mạng.” Trong LỜI TỰA cuốn biên khảo Việt Nam Văn Học, ông trang trọng trích dẫn một đoạn nói về “sứ mạng nhà văn” của nhà văn Nga, Konstantin Georgiyevich Paustovsky -- người được đề cử Nobel Prize về bộ môn văn chương vào năm 1965. Tôi xin lược trích lại như sau:

“Nếu đi sâu vào tận cùng âm hưởng của từ ngữ chúng ta sẽ tìm thấy ý nghĩa ban đầu của hai chữ sứ mệnh. Sứ mệnh hàm ngụ ý kêu gọi thiêng liêng

(...)

Cái gì đã thúc đẩy nhà văn tự nhận lãnh lấy công việc tuyệt vời nhưng đầy gian nan và cay đắng đó? Trước hết là tiếng gọi của chính trái tim nhà văn. Tiếng gọi tha thiết của lương tâm, của niềm tin mãnh liệt vào tương lai không cho phép một người cầm bút chân chính giữ những tư tưởng phong phú, những tình cảm tràn trề làm của riêng

cho tâm hồn mình, không chịu chuyển giao cho người khác một cách trọn vẹn.

(...)

Theo mệnh lệnh của sứ mạng, nhà văn có thể làm được những điều kỳ diệu và chịu đựng được những thử thách cam go. Nhà văn không thể chùn bước hay đầu hàng, dù chỉ trong giây phút, trước những chướng ngại hay thất bại.”

Nhà biên khảo Trần Bích San kết luận: “Quan niệm nhiệm vụ nhà văn có thể thay đổi theo thời gian, không gian, theo hoàn cảnh xã hội, chính trị, nhưng dù bất cứ ở đâu, thời nào thì sứ mạng

người cầm bút chân chính là tiếp tục công việc chính đáng của tiền nhân, thực hiện những ủy thác của dân tộc, thời đại và nhân loại.”

Xem như vậy thì chúng ta cũng dễ hiểu tại sao ông lại chọn “công việc tuyệt vời nhưng đầy gian nan và cay đắng...” (Konstantin G. Paustovsky) đó. Chúng ta dù có thương tiếc ông thì cũng vẫn nên mừng cho ông đã làm tròn “sứ mệnh” của một người cầm bút. Ông tự mang lấy nghiệp con tầm nhả tơ. Nhả hết tơ rồi thì nay ông thành... bướm./.

TRƯƠNG ANH THỤY



Ra mắt sách "Trên Ngọn Tình Sầu" của nhà thơ Du Tử Lê - Virginia 2011

Từ trái: Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Nguyễn Ngọc Bích, Trương Anh Thụy, Du Tử Lê, Trần Bích San, Nguyễn Đức Thụy

CHÂN DUNG TIỀN SĨ TRẦN BÍCH SAN, NHÀ VĂN HỌC SỬ VIỆT NAM THẾ KỶ 21

**** Tác giả: Nguyễn Thị Ngọc Dung ****

Trần Bích San tên thật là Trần Gia Thái sinh vào giờ Thìn ngày 28 tháng 07 năm 1940 tại Mỹ Lộc, Nam Định cùng sinh quán với Tam Nguyên Vị Xuyên. Gia đình theo đạo Nho, ông thân sinh là thi sĩ Vị Giang Trần Gia Phúc, quận trưởng Bình Lý, Hà Nam (thời Bảo Đại 2 quận Bình Lục và Lý Nhân hợp lại), thân mẫu là bà Lê Thị Soan con gái út của nghị viên Lê Kính. Năm 1946 tản cư về quê ngoại làng Vỹ Hạ, quận Bình Lục, tỉnh Hà Nam, thụ giáo chữ Nho cụ Tú Nguyễn Danh Đạo làng Vỹ Thượng. Chính nhờ thời gian 5 năm thuở nhỏ và sau này tự trau dồi thêm đã giúp Trần Bích San rất nhiều trong lãnh vực khảo cứu về cổ học. Năm 1950 hồi cư về Nam Định theo học trường Bến Ngự. Năm 1952 lên Hà Nội học trường Nguyễn Du (Hàng Vôi), Nguyễn Huệ.

Năm 1954 gia đình di cư vào Sài Gòn, Trần Bích San theo học các trường Trần Lục, Hàn Thuyên, Chu Văn An, đại học Luật Khoa. Năm 1965, tốt nghiệp khóa I Phóng Viên Báo Chí của Việt Tấn Xã. Năm 1968 tốt nghiệp khóa I Tùy Viên Báo Chí, được cử làm Tùy Viên Báo Chí cho Tổng Trưởng Giáo Dục Tăng Kim Đồng. Năm 1969 động viên nhập ngũ khóa 4/69 sỹ quan trừ bị Thủ Đức như các thanh niên thời

loạn khác. Ra trường phục vụ tại tiểu đoàn 2, trung đoàn 8, sư đoàn 5BB. Sau khi tốt nghiệp Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt được cử làm Trưởng Ban Báo Chí Sư Đoàn. Năm 1973 biệt phái ngoại ngạch về Tổng Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi giữ chức vụ Trưởng Phòng An Ninh Hành Chánh đến khi Miền Nam sụp đổ. Trong khoảng thời gian từ 1973 giữ mục Phiếm Luận cho nhật báo Tin Sáng, Sài Gòn.

Tháng tư 1975 di tản ra đảo Guam rồi chuyển về trại tị nạn Fort Chaffee, Arkansas. Được nhà thờ Lutheran bảo lãnh về Hoa Thịnh Đốn, theo học George Washington University, tốt nghiệp Cử Nhân Khoa Học (BSBE). Năm 1979, được nhận vào làm kỹ sư cho Biomedical Engineering Department của Touro Hospital, New Orleans và định cư tại đây cho đến ngày nay. Năm 1990 làm Giám Đốc ngành này. Vì nhu cầu điều hành và quản trị, thi lấy Certified Clinical Engineer (CCE) của Association for the Advancement of Medical Instrumentation (AAMI), tiếp tục học văn tốt nghiệp Cao Học về Quản Trị Y Tế (MHA) năm 1995, và Tiến Sĩ (Ph.D.) hạng tối ưu (Summa Cum Laude).

Năm 1987 Chủ Bút nguyệt san Lên Đường và bắt đầu viết nhiều. Từ 1994

đến 2016 chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo Sài Gòn Nhỏ New Orleans. Năm 1996 cộng tác với tạp chí văn học Cỏ Thơm ngay từ những số đầu, đảm nhiệm chức vụ Chủ Bút tạp chí này từ năm 2008 cho tới nay. Trần Bích San còn là người đồng sáng lập diễn đàn Việt Thức www.vietthuc.org vào năm 2010. Năm 2000 cho ra đời tác phẩm **Văn Khảo**, cuối năm 2018 cho xuất bản pho **Văn Học Việt Nam**, lịch sử văn học Việt Nam lần đầu tiên được biên soạn theo phương pháp thể loại văn học.

Tôi quen Trần Bích San từ khi làm Chủ Nhiệm tạp chí văn học Cỏ Thơm, nhưng tôi biết anh từ những năm đầu thập niên 1960 ở Sài Gòn. Ngày đó tôi đã lập gia đình với nhà văn Văn Quang và sống trong cư xá Chu Mạnh Trinh, đường Chi Lăng, Phú Nhuận. Tôi có một người bạn tên Duyên ở gần nhà cùng trong cư xá. Trần Bích San bạn với em trai của Duyên là Đỗ Hùng (năm 1965 làm Bí Thư cho Đại Tá Bác Sĩ Văn Văn Của, Đô Trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn). Trần Bích San đang học Luật, thường qua chơi với Đỗ Hùng. Tôi đã gặp anh vào một buổi chiều cuối Thu khi đang có tâm sự, qua thăm Duyên cho khuây khỏa. Đó là một thanh niên đáng đáp thư sinh với mái tóc nghệ sĩ bồng bênh, ngồi chơi guitar trước hiên nhà cùng Đỗ Hùng. Anh đang đàn một bản nhạc classic, bài Serenata (Chiều Tà) của Enrico Toselli. Tôi nhận ra người thanh niên đó thỉnh thoảng có mặt trong tiệm sách Văn Chương Thư Quán trên đường Võ Di Ngụy, Phú Nhuận, nơi tôi thường tới

mua sách báo. Thì ra tiệm sách đó là của thân mẫu Trần Bích San. Trước năm 1945 ông thân sinh ra anh có tiệm sách ở phố Gia Long, gần Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ôi, nói tới Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội là nói tới một thời nữ sinh 13, 14, đệ thất, đệ lục, mắt sáng với môi tươi, tóc thề vừa chấm ngang vai của Nguyễn Thị Ngọc Dung phóng xe đạp vi vút như chim bay bướm lượn cùng với các cô bạn học quanh hồ đến trường Trưng Vương. Một cuốn phim huyền thoại, thần tiên lại hiện ra trong tôi. Có thể thuở đó Trần Bích San và Ngọc Dung đã ở trong đám học sinh chen chúc nhau trong rạp chiếu bóng Lửa Hồng đồng hạng bên Hồ Gươm, chưa có duyên văn chương văn học.

Nói tới đường Võ Di Ngụy, Phú Nhuận, một thời thiếu nữ, thiếu phụ của Nguyễn Thị Ngọc Dung lại trở về như một cuốn phim tiểu thuyết tình cảm buồn vui nhạt nhòa. Trong đó, thấp thoáng hình ảnh người nghệ sĩ trẻ tuổi Trần Bích San say mê thả hồn vào tiếng đàn không đáy, ngậm ngùi trong tiếng mưa rơi một buổi chiều tàn Thu lạnh buồn, đã để lại trong tâm hồn tôi một hình ảnh thơ mộng khó quên.

Từ khi hợp tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, Trần Bích San mỗi năm trở về vùng Hoa Thịnh Đốn ít nhất một lần. Anh thường rủ Đỗ Hùng và mời một số bạn khác tham dự ngày họp

mặt kỷ niệm sinh nhật Tạp Chí Cỏ Thơm. Trước tháng 04, 1975 ngày tôi và Robert rời trụ sở ngoại giao của anh ở Âu Châu về định cư ở Hoa Thịnh Đốn, tôi gặp lại Đỗ Hùng. Tôi tặng anh chàng một chai nước mắm nhĩ lúc đó quý hơn vàng, về sau mỗi lần có dịp gặp nhau món quà quê hương này lại được nhắc đến. Đỗ Hùng thường vui vẻ kể cho tôi nghe những kỷ niệm thời trai trẻ trong cư xá Chu Mạnh Trinh. Có lần Đỗ Hùng cho tôi biết "hồi đó Trần Bích San nổi tiếng hào hoa. Chàng mà đổ tình với ai thì đều được người đẹp đó đáp lại. Nếu Ngọc Dung không có Văn Quang thuở ấy thì chắc đã không qua khỏi lưới tình của Trần Bích San..." Nghe vậy, hỏi sao lòng tôi không xao xuyến? Nếu định mệnh đã an bài thì phải có duyên nợ với nhau, Trần Bích San và Ngọc Dung chỉ có duyên nên cái tình văn chương có giới hạn, nhẹ nhàng mà bền lâu.

Thật không thể ngờ người thanh niên có máu văn nghệ tôi gặp mấy chục năm về trước nay lại trở thành một nhà biên khảo nghiêm túc, một nhà nghiên cứu văn học cẩn trọng. Thực ra, nếu Trần Bích San là "một sách" cũng không có gì lạ. Trong khi còn đang học Tú Tài anh đã đọc hết tất cả những sách bán trong tiệm của thân mẫu. Anh còn vào Thư Viện Quốc Gia trên đường Gia Long Sài Gòn tiếp tục đọc những sách không có bán ở ngoài. Ra hải

ngoại, anh sưu tầm được gần 1500 nhan sách về văn học, lịch sử trong số hơn 3000 quyển đủ loại.

Trần Bích San cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm với chủ trương văn học nghệ thuật từ bước đầu của tạp chí vào năm 1996. Anh viết về những đề tài văn học, tư tưởng, quan niệm, phê bình rất công phu. Viết về một địa linh nhân kiệt nào là anh biên soạn, ghi chú đầy đủ tiểu sử, giai thoại văn chương về nhân vật, địa danh đó, kèm theo hình ảnh, tài liệu giá trị chứng minh. Những bài biên khảo của Trần Bích San là những cảo thơm văn chương nghệ thuật hữu ích cho độc giả muốn tìm hiểu hay ôn lại chi tiết đã đi vào quên lãng.

Người ta thường cho rằng biên khảo khô khan khó đọc, điều đó không đúng hoàn toàn. Trần Bích San viết khác với lối văn thông thường của loại khảo cứu. Với văn phong trong sáng, gọn gàng không rườm rà lan man, anh dùng những danh từ văn học súc tích, thông thái nhưng dễ hiểu, lôi cuốn người đọc. Anh sử dụng phương cách mới để bài viết không những bớt khô khan mà còn trở nên hấp dẫn và lý thú.

Hấp dẫn nhờ những hình ảnh, chứng liệu quý hiếm kèm theo bài viết. Người đọc có thể nhìn thấy các tranh dân gian Đông Hồ, hình những mảnh

đá có khắc chữ Việt thời thượng cổ, Truyện Kiều bằng chữ Nôm của nhà Liễu Văn Đường, khung cảnh trường thi Nho học, lều chống của thí sinh, Lễ Xướng Danh thi đỗ ngày xưa, v.v.

Lý thú nhờ lời giải thích các câu ca dao, câu đối nổi tiếng, giai thoại về những nhân vật lịch sử, v.v. Phần này cho ta được biết sự tích của “rét nàng Bân”, tại sao câu “đầu cha lấy làm chân con, mười bốn năm tròn hết số thì thôi” lại chỉ vào việc nhà Tây Sơn ngắn ngủi có 14 năm. Hai vị Tiến Sĩ theo Tây Sơn bị Đặng Trần Thường theo lệnh Gia Long đem ra Văn Miếu nọc đánh mỗi người 100 trượng là ai, vị nào về đến quê thì mất? Sau khi nhà Tây Sơn bị diệt thân phận Ngọc Hân Công Chúa, vợ vua Quang Trung ra sao? Có phải bà bị Gia Long nạp làm phi, hay bà giả làm dân đi buôn trốn về quê ở Quảng Ngãi sau bị bắt đem về Thuận Hóa gia hình “tam ban triều điển”?, hình ảnh cái chết lãng mạn của Nguyễn Văn Vĩnh trong khi đi tìm vàng bên Lào, Phan Khôi lúc chết bị thương ra sao? chi tiết cuộc thảm sát Phạm Quỳnh ven sông Bồ đêm trăng non 06/09/1945, ai đã ra lệnh giết Chủ Bút Nam Phong? Tự Lực Văn Đoàn có 7 người (thất tinh), 6 người có chữ “Trong TLVĐ” đề dưới tác phẩm là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, còn người thứ 7 là ai?, v.v.

Các bài nghiên cứu văn học của Trần Bích San đăng trên Cỏ Thơm, Tân Văn là những thiên khảo cứu rộng mênh mông với đầy đủ dữ kiện văn học, dẫn chứng tài liệu, tham khảo thư tịch Đông Tây kim cổ. Những đề tài phong phú văn học này cho thấy Trần Bích San đam mê đọc sách và miệt mài nghiên cứu về văn học sử. Anh phải có tình yêu văn chương chữ nghĩa, tình dân tộc mãnh liệt, viết về văn học để phục vụ và bảo tồn văn hóa Việt, bảo tồn tiếng Việt, chữ Việt. Đó là những "cảo thơm" để độc giả yêu văn học lần giờ trước đèn.

Tôi rất thích thú và tâm đắc khi đọc ba dòng phê bình văn tùy bút rất ngắn ngủi của Trần Bích San: "Võ Phiến tỉ mỉ, hơi khô. Vũ Bằng lãng mạn chưa đủ. Mai Thảo chải chuốt quá. Tôi thích Nguyễn Tuân và Vũ Khắc Khoan hơn".

Trần Bích San hiện đang thai nghén từ hơn 10 năm nay bộ "Nhà Văn Hiện Đại Việt Nam Hải Ngoại", một bộ phê bình văn học được viết theo các phương pháp phân tích hiện đại Tây phương.

Trần Bích San cho biết lý do thúc đẩy anh viết biên khảo văn học trước nhất vì những sai lầm của một số tài liệu ở hải ngoại cũng như các sách ở trong nước viết theo quan điểm Marxist, sau

nữa để cung cấp các tài liệu khả tín cho việc giảng huấn những ai cần đến.

Ban Quản Trị Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm rất quý trọng Trần Bích San. Nơi anh người ta thấy những đức tính của một trưởng phu, một kẻ sĩ. Anh đã giữ lời hứa đứng chung làm việc, ủng hộ chúng tôi đến cùng. Luôn luôn anh có ý kiến xác đáng, giữ lập trường và tinh thần điều hành Cỏ Thơm vững vàng. Anh nói "Chừng nào còn độc giả, người cầm bút còn phải viết. Đó là kỳ vọng, không phải chỉ của riêng tôi, mà là của chung những người làm văn chúng ta".

Trần Bích San đã viết bài tựa thâm thúy cho tập truyện ngắn Một Thoáng Mây Bay và có bài phê bình sắc bén tập bút ký Non Nước Đá Vàng của Ngọc Dung. Từ hơn 20 năm nay, tôi rất thoải mái làm việc với Trần Bích San và học hỏi được rất nhiều nơi anh.

Với những người chưa quen biết thì Trần Bích San có vẻ thận trọng, xa cách. Khi trò chuyện thân mật cùng văn hữu anh có phong thái cởi mở, giọng cười sảng khoái. Mỗi lần nói chuyện văn chương mà anh là diễn giả trong các lần họp mặt Cỏ Thơm giọng anh rõ ràng, sang sảng. Dáng vẻ bề ngoài Trần Bích San là một nhà tân học, nhưng khi cao hứng ngâm một vài câu thơ bằng lối ả đào anh lại có dáng dấp của một nhà nho thời xưa.

Trần Bích San hào sảng, rộng rãi với ngân quỹ Cỏ Thơm và với nhiều cơ sở văn học khác, anh bỏ tiền in thơ, văn cho một số thân hữu không được dư giả. Mỗi năm anh về Thủ Đức Hoa Thịnh Đốn tham dự sinh nhật Cỏ Thơm, không phiền ai đưa đón lo chỗ ăn ở. Không những anh ủng hộ mua một hai bản ăn mời thân hữu, đa số là bạn học cũ và văn thi hữu đứng tuổi, lại còn mời ban quản trị Cỏ Thơm một bữa ăn trưa trước ngày họp mặt.

Là người hào phóng, nổi tiếng hào hoa thời trai trẻ, nhưng anh không muốn bạn hữu gọi anh là công tử. Anh giải thích, công tử là con nhà giàu, chỉ biết ăn chơi, hưởng thụ cho bản thân, ích kỷ, không nghĩ, không làm gì lợi ích cho nhân quần xã hội. Anh cho biết sở dĩ anh lấy bút hiệu Trần Bích San là vì ngưỡng mộ tinh thần kẻ sĩ "không sợ, không ham, không hèn" của Tam Nguyên Vị Xuyên Trần Bích San, thế kỷ 19.

Ban Quản Trị Cỏ Thơm và độc giả yêu văn học chịu ơn Trần Bích San, dù anh chẳng bao giờ nhận ơn của ai. Hơn thế nữa, văn học hải ngoại và quốc nội phải ghi công Trần Bích San, nhà văn học sử Việt Nam của thế kỷ 21, đã gìn giữ văn học cho quê hương dân tộc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



VĨNH BIỆT TRẦN BÍCH SAN

*Vòng hoa tiễn một nhân tài
 Trời đông u ám hình hài thành thoi
 Từ đây vĩnh biệt nhau rồi
 Cổ Thơm gấn bó thể thôi cũng đầy
 Ba ngàn nhan sách chia tay*
 Muôn trang văn khảo còn đây để đời**
 Chúc người thoát tục yên vui
 Trời cao vỗ cánh về nơi Niết Bàn.*

Nguyễn Thị Ngọc Dung

01/12/2021

* BKG TBS bỏ 3000 nhan sách cổ và cũ
 đã sưu tập được trong cuộc đời.

** Gần 3000 trang sách biên khảo.

HỌP MẶT TẠI TÒA SOẠN CỎ THƠM - Reston, Virginia USA 27/8/2016



Ngồi từ trái: Tâm Hảo, NT Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Ý Anh / Đứng từ trái: Bạn Vũ Nam, Vũ Nam, Phan Anh Dũng, Ngô Tăng Giao, **Trần Bích San**, Phạm Văn Tuấn



Trương Anh Thụy, Ý Anh, Tâm Hảo, Anh Dũng, NT Ngọc Dung, Vũ Nam & bạn, **Trần Bích San**, Ngô Tăng Giao

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail

PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nă Đại (In Canada): US \$100.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

105 WINDY KNOLL DR

ROCKVILLE, MD 20850

USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**



Bìa trước: "CHÀO XUÂN"
Bìa sau: "HOA THẠCH DƯỢC"
Tranh sơn dầu của: TRƯƠNG VŨ

